

VĂN KIẾN ĐẢNG TOÀN TẬP
XUẤT BẢN LẦN THỨ NHẤT
THEO QUYẾT ĐỊNH CỦA BAN
BÍ THƯ TRUNG ƯƠNG ĐẢNG
CỘNG SẢN VIỆT NAM, SỐ
208-QĐ/TW, NGÀY 1 THÁNG 11
NĂM 2013

HỘI ĐỒNG XUẤT BẢN

LÊ HỒNG ANH	Chủ tịch Hội đồng
ĐINH THẾ HUYNH	Phó Chủ tịch Hội đồng
TRẦN QUỐC VƯỢNG	Phó Chủ tịch Hội đồng
TẠ NGỌC TẤN	Ủy viên
NGUYỄN HOÀNG VIỆT	"
BÙI VĂN NAM	"
MAI QUANG PHẤN	"
PHÙNG HỮU PHÚ	"
LÊ QUANG VĨNH	"
PHẠM VĂN LINH	"
NGUYỄN QUANG THUẤN	"
HOÀNG PHONG HÀ	"

BAN CHỈ ĐẠO XÂY DỰNG BẢN THẢO

TRẦN QUỐC VƯỢNG	Trưởng ban
HOÀNG PHONG HÀ	Thường trực
LÊ QUANG VĨNH	Ủy viên
HOÀNG QUỐC TUẤN	"
NGUYỄN MẠNH HÀ	"

NHÓM XÂY DỰNG BẢN THẢO TẬP 59

PHẠM THỊ NHÀN (Chủ biên)
HOÀNG THỊ BẠCH YẾN
NGUYỄN ĐỨC THẮNG
HUỲNH THỊ MAI HOA

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

**VĂN KIẾN ĐẢNG
TOÀN TẬP**

**TẬP 59
2000**

**NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA - SỰ THẬT
HÀ NỘI - 2015**

LỜI GIỚI THIỆU TẬP 59

Năm 2000 là năm toàn Đảng chuẩn bị và tiến hành đại hội đảng các cấp, chuẩn bị cho Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX của Đảng.

Sau 5 năm thực hiện Nghị quyết Đại hội lần thứ VIII của Đảng (1996 - 2000), 10 năm thực hiện *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội* và *Chiến lược ổn định và phát triển kinh tế - xã hội đến năm 2000* do Đại hội Đảng lần thứ VII đề ra (1991 - 2000), 15 năm thực hiện công cuộc đổi mới do Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI của Đảng khởi xướng (1986 - 2000), mặc dù tình hình trên thế giới và khu vực có những diễn biến phức tạp, cuộc khủng hoảng kinh tế - tài chính ở các nước châu Á đang diễn ra, nhưng Đảng ta đã lãnh đạo đất nước đạt được nhiều thành tựu quan trọng. Nước ta đã chặn được đà giảm sút mức tăng trưởng kinh tế, các chỉ tiêu chủ yếu đều đạt được hoặc vượt kế hoạch đề ra; đời sống nhân dân được cải thiện; quốc phòng và an ninh được tăng cường. Đường lối đối ngoại mở rộng, hội nhập kinh tế khu vực và thế giới của Đảng được triển khai hiệu quả. Sau nhiều năm đàm phán, nước ta và Mỹ đã ký kết Hiệp định Thương mại Việt - Mỹ vào tháng 7-2000. Song song với việc lãnh đạo công cuộc xây dựng và phát triển đất nước, công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng được chú trọng. Năm 2000, Đảng ta tiếp tục đẩy mạnh triển khai cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn

Đảng, thực hiện phê bình và tự phê bình theo tinh thần Nghị quyết Hội nghị Trung ương 6 (lần 2) khóa VIII (tháng 2-1999).

Năm 2000 cũng là năm toàn Đảng, toàn dân ta kỷ niệm 70 năm Ngày thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam, 110 năm Ngày sinh của Chủ tịch Hồ Chí Minh, 55 năm Ngày thành lập nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Đây cũng là dịp để giáo dục truyền thống cách mạng, tinh thần yêu nước cho cán bộ, đảng viên, nhân dân và cho thế hệ trẻ.

Để chuẩn bị cho Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX diễn ra vào đầu năm 2001, hai Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng là Hội nghị lần thứ chín (họp tháng 4-2000) và Hội nghị lần thứ mười (họp tháng 7-2000) tập trung thảo luận và hoàn thiện các dự thảo văn kiện trình Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX của Đảng.

Văn kiện Đảng Toàn tập, tập 59 có 59 tài liệu, gồm các nghị quyết, chỉ thị, quyết định, báo cáo, thông báo... của Ban Chấp hành Trung ương Đảng và của Bộ Chính trị, Thường vụ Bộ Chính trị; các bài phát biểu, diễn văn của đồng chí Tổng Bí thư Lê Khả Phiêu, Chủ tịch nước Trần Đức Lương tại các sự kiện lớn. Các tài liệu trong tập văn kiện phản ánh khá đầy đủ sự lãnh đạo, chỉ đạo toàn diện của Ban Chấp hành Trung ương Đảng và Bộ Chính trị về những vấn đề quan trọng của đất nước và của Đảng trong năm 2000.

Mặc dù chúng tôi đã có nhiều cố gắng trong công tác biên tập, song khó tránh khỏi những thiếu sót. Mong nhận được sự góp ý của bạn đọc để lần xuất bản sau được tốt hơn.

Xin trân trọng giới thiệu cuốn sách cùng bạn đọc.

Tháng 4 năm 2015

NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA - SỰ THẬT

CÔNG VĂN
CỦA THƯỜNG VỤ BỘ CHÍNH TRỊ

Số 373-CV/TW, ngày 6 tháng 1 năm 2000

**Hướng dẫn cấp ủy, tổ chức đảng
trực thuộc Trung ương triển khai tiếp xuống
các cấp ủy trực thuộc kiểm điểm tự phê bình và
phê bình theo Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2)***

Đến nay nhiều cấp ủy, tổ chức đảng trực thuộc Trung ương đã tiến hành xong việc kiểm điểm tự phê bình và phê bình theo Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2), Thường vụ Bộ Chính trị hướng dẫn các cấp ủy, tổ chức đảng trực thuộc Trung ương triển khai tiếp xuống cấp ủy và tổ chức đảng trực thuộc một số việc sau đây:

1. Tiếp tục quán triệt và thực hiện các Văn bản 194, 243 và 334 về hướng dẫn tự phê bình và phê bình của Thường vụ Bộ Chính trị trong suốt quá trình của cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng.
2. Việc tiến hành kiểm điểm tập thể và cá nhân ban thường vụ huyện ủy và tương đương, tập thể ban cán sự đảng, đảng đoàn các cơ quan cấp tỉnh; đối với đảng ủy trực

* Đầu đề do chúng tôi đặt (B.T).

thuộc Trung ương là các đảng ủy, chi ủy trực thuộc; đối với các ban, ban cán sự đảng, đảng đoàn là lãnh đạo các bộ phận trực thuộc được tiến hành như Thường vụ Bộ Chính trị đã hướng dẫn đối với việc kiểm điểm của ban thường vụ cấp ủy, tổ chức đảng trực thuộc Trung ương.

Các cấp ủy và tổ chức đảng trực thuộc Trung ương cần tập trung chỉ đạo tổ chức làm điểm để rút kinh nghiệm, phân công cụ thể cho từng đồng chí cấp ủy chịu trách nhiệm về kết quả kiểm điểm tự phê bình và phê bình ở đơn vị được phân công phụ trách.

Báo cáo Bộ Chính trị và Tiểu ban 6 (2)¹⁾ kế hoạch triển khai cụ thể, kết quả kiểm điểm ở các đơn vị làm điểm, đánh giá việc tổ chức thực hiện cuộc vận động xây dựng và chỉnh đốn Đảng đến ngày 3-2-2000.

Việc tập trung chỉ đạo, triển khai rộng kiểm điểm tự phê bình và phê bình phải chú ý kết hợp chặt chẽ, hài hoà với các mặt công tác của địa phương, đơn vị.

T/M THƯỜNG VỤ BỘ CHÍNH TRỊ
PHẠM THẾ DUYỆT

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

1) Thực hiện Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2) khóa VIII (tháng 2-1999), Bộ Chính trị đã ra quyết định thành lập Ban Chỉ đạo Trung ương 6 (2) và bộ phận Thường trực giúp việc Ban Chỉ đạo để thường xuyên theo dõi và tham mưu giúp việc Bộ Chính trị, Ban Bí thư lãnh đạo, chỉ đạo đẩy mạnh cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng, đấu tranh chống tham nhũng, lãng phí (B.T).

CHỈ THỊ
CỦA BỘ CHÍNH TRỊ
Số 51-CT/TW, ngày 21 tháng 1 năm 2000
Về kết nạp đảng viên
nhân dịp kỷ niệm 70 năm Ngày thành lập Đảng

Kết nạp đảng viên là một nhiệm vụ thường xuyên, có ý nghĩa quan trọng trong công tác xây dựng Đảng, nhằm tăng thêm sức chiến đấu và bảo đảm sự kế thừa, phát triển của Đảng. Bộ Chính trị đã có Kế hoạch 04-KH/TW, ngày 13-5-1999 về xây dựng và chỉnh đốn Đảng theo tinh thần Nghị quyết Hội nghị Trung ương 6 (lần 2) và chủ trương "tổ chức kết nạp lớp đảng viên mới nhân kỷ niệm 70 năm Ngày thành lập Đảng".

Để thực hiện chủ trương nêu trên, yêu cầu các cấp ủy và tổ chức đảng quán triệt, tổ chức thực hiện nghiêm túc các yêu cầu, nội dung sau:

I- YÊU CẦU

1. Nhân dịp kỷ niệm 70 năm Ngày thành lập Đảng, các cấp ủy và tổ chức đảng cần làm tốt công tác tuyên truyền, giáo dục sâu rộng trong cán bộ, đảng viên và nhân dân về lịch sử và truyền thống vẻ vang của Đảng, về lý tưởng cách

mạng và đường lối đổi mới của Đảng, tuyên truyền vận động quần chúng phấn đấu vào Đảng.

2. Việc kết nạp đảng viên phải coi trọng chất lượng, không chạy theo số lượng. Người vào Đảng phải là quần chúng ưu tú trong công cuộc đổi mới của Đảng, có đủ tiêu chuẩn và điều kiện vào Đảng theo quy định của Điều lệ Đảng, thừa nhận và tự nguyện thực hiện Cương lĩnh chính trị, Điều lệ Đảng, đường lối đổi mới theo định hướng xã hội chủ nghĩa; có giác ngộ về mục tiêu, lý tưởng cách mạng của Đảng; có đạo đức, lối sống lành mạnh; có ý thức tổ chức và kỷ luật; có kiến thức và năng lực đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ được giao; có quan hệ tốt với quần chúng, được quần chúng tín nhiệm.

Chú ý bồi dưỡng kết nạp vào Đảng những người ưu tú là đoàn viên thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh trong công nhân, nông dân, trí thức, lực lượng vũ trang, phụ nữ; dân tộc ít người; ở những cơ sở trọng điểm, những nơi còn ít đảng viên hoặc chưa có đảng viên...

II- NỘI DUNG VÀ PHƯƠNG PHÁP TIẾN HÀNH

1. Các cấp ủy và tổ chức đảng tiến hành kiểm điểm, rút kinh nghiệm việc chỉ đạo thực hiện công tác kết nạp đảng viên trong thời gian qua, chủ yếu là từ khi triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng lần thứ VIII đến nay. Từng chi bộ phải xây dựng kế hoạch thực hiện việc "kết nạp lớp đảng viên mới nhân dịp kỷ niệm 70 năm Ngày thành lập Đảng" bảo đảm yêu cầu về chất lượng.

2. Tổ chức tốt việc giáo dục cán bộ, đảng viên và nhân dân, nhất là đoàn viên thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh và những

quần chúng ưu tú, cảm tình với Đảng, có nhận thức sâu sắc về Đảng, có động cơ đúng đắn và tự nguyện phấn đấu vào Đảng.

Củng cố các trung tâm bồi dưỡng chính trị ở các huyện, quận, thị để nâng cao chất lượng bồi dưỡng lớp đảng viên mới và quần chúng ưu tú, cảm tình Đảng.

3. Lãnh đạo các tổ chức quần chúng, nhất là Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh làm tốt công tác tuyên truyền, giáo dục quần chúng và lựa chọn những quần chúng ưu tú giới thiệu với Đảng để tổ chức xem xét kết nạp vào Đảng.

III- TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Thời gian tiến hành "kết nạp lớp đảng viên mới nhân kỷ niệm 70 năm Ngày thành lập Đảng" (gọi tắt là đợt kết nạp đảng viên 3-2-2000) từ ngày 3-2-2000 đến ngày 3-2-2001. Sau khi kết thúc, các cấp ủy và tổ chức đảng tiến hành tổng kết, rút kinh nghiệm, đánh giá kết quả và những mặt hạn chế cần khắc phục để đưa công tác kết nạp đảng viên vào nền nếp.

2. Ban Tổ chức Trung ương chủ trì phối hợp với các ban Đảng có liên quan, có trách nhiệm hướng dẫn, theo dõi và kiểm tra việc thực hiện Chỉ thị này ở các cấp, các ngành, tổng hợp tình hình báo cáo Bộ Chính trị.

Chỉ thị này phổ biến đến các chi bộ để thực hiện.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ

PHẠM THẾ DUYỆT

Lưu tại Kho Lưu trữ

Trung ương Đảng.

**QUYẾT ĐỊNH
CỦA BỘ CHÍNH TRỊ**

Số 74-QĐ/TW, ngày 11 tháng 2 năm 2000

**Về việc thành lập Ban Chỉ đạo Trung ương
kiểm tra thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở**

Căn cứ yêu cầu công tác,
Xét đề nghị của Ban Dân vận Trung ương,

BỘ CHÍNH TRỊ QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Lập Ban Chỉ đạo Trung ương về kiểm tra thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở gồm các đồng chí:

- 1- Đồng chí Trương Quang Được, Ủy viên Trung ương Đảng, Trưởng Ban Dân vận Trung ương, Trưởng Ban Chỉ đạo.
- 2- Đồng chí Trương Mỹ Hoa, Ủy viên Trung ương Đảng, Phó Chủ tịch Quốc hội, Phó trưởng Ban Chỉ đạo.
- 3- Đồng chí Đỗ Quang Tuấn, Phó trưởng Ban Dân vận Trung ương, Thường trực Ban Chỉ đạo.
- 4- Đồng chí Đỗ Duy Thường, Ủy viên Đoàn Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Ủy viên.
- 5- Đồng chí Đặng Quốc Tiến, Phó trưởng Ban Tổ chức - Cán bộ Chính phủ, Ủy viên.

Điều 2. Các cơ quan có thành viên tham gia và các đồng chí có tên trên thi hành Quyết định này.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ

PHẠM THẾ DUYỆT

Lưu tại Kho Lưu trữ

Trung ương Đảng.

CHỈ THỊ CỦA BỘ CHÍNH TRỊ

Số 53-CT/TW, ngày 21 tháng 3 năm 2000

Về một số công việc cấp bách của các cơ quan tư pháp cần thực hiện trong năm 2000

Trong những năm gần đây, hoạt động của các cơ quan tư pháp đã có những chuyển biến tích cực trong điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án, góp phần giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, bảo vệ pháp luật và các quyền, lợi ích hợp pháp của công dân, phục vụ tích cực cho công cuộc đổi mới toàn diện của đất nước.

Tuy nhiên, tổ chức và hoạt động của các cơ quan tư pháp vẫn chưa chuyển kịp để đáp ứng những yêu cầu đấu tranh phòng, chống tội phạm. Tình hình tội phạm vẫn diễn biến phức tạp ở hầu hết các lĩnh vực. Công tác bắt, giam, giữ, điều tra, truy tố, xét xử còn yếu kém, vẫn còn tình trạng sai phạm trong hoạt động tư pháp dẫn đến những trường hợp oan, sai; khi đã xác định oan, sai lại chưa có cơ chế bồi thường thiệt hại dẫn đến oan ức và gây khó khăn đối với cuộc sống của người bị xử lý oan, sai. Đáng chú ý là nhiều trại giam, nhà tạm giữ xuống cấp nghiêm trọng, số người bị giam, giữ quá đông, nhất là ở Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh. Đội ngũ

điều tra viên, thẩm phán, kiểm sát viên, luật sư, thư ký toà án, v.v. vừa thiếu lại vừa yếu, nhất là ở cấp huyện.

Để khắc phục những tồn tại nêu trên, cùng với việc thực hiện những công việc thường xuyên và triển khai chủ trương cải cách tư pháp, Bộ Chính trị yêu cầu các cấp ủy đảng, ban cán sự đảng, đảng uỷ cơ quan tư pháp cần kiên quyết thực hiện ngay một số công việc cấp bách dưới đây:

1. Tăng cường chỉ đạo các cơ quan tư pháp trong hoạt động điều tra, bắt, giam, giữ, truy tố, xét xử các vụ án hình sự, kiên quyết khắc phục tình trạng oan, sai.

Các cơ quan tư pháp, trước hết là thủ trưởng cơ quan, đơn vị đề cao trách nhiệm trong việc tổ chức thực hiện chức năng, nhiệm vụ; thường xuyên kiểm tra và chỉ đạo tốt việc giải quyết khiếu nại, tố cáo thuộc lĩnh vực tư pháp. Trong năm 2000, mỗi địa phương chọn một vài vụ việc có khiếu nại oan, sai mà dư luận quan tâm nhiều để giải quyết dứt điểm, qua đó rút kinh nghiệm để giải quyết tốt những trường hợp khiếu nại còn tồn đọng. Kiên quyết xử lý nghiêm đối với những vi phạm hoạt động tư pháp.

Tăng cường trách nhiệm pháp lý của Viện Kiểm sát nhân dân đối với công tác bắt, giam, giữ. Việc bắt, giam phải được xem xét, phê chuẩn đối với từng trường hợp, từng đối tượng cụ thể; đối với trường hợp bắt, giam cũng được hoặc không bắt, giam cũng được thì không bắt, giam. Sai sót trong việc bắt, giam, giữ ở địa phương nào thì trước hết Viện Kiểm sát nhân dân ở địa phương đó chịu trách nhiệm.

Viện Kiểm sát nhân dân tối cao cần có kế hoạch ngay từ quý II để hướng dẫn, chỉ đạo Viện Kiểm sát nhân dân các cấp thực hiện đúng trách nhiệm pháp lý nói trên.

2. Cùng với việc thực hiện chủ trương đặc xá tha tù trong năm 2000, cần chỉ đạo thực hiện tổng kiểm tra liên ngành về công tác bắt, giam, giữ ở các trại tạm giam, tạm giữ trong phạm vi cả nước, trọng tâm là thành phố Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh; trả tự do ngay cho những người bị bắt, giữ, giam oan, sai, những người được hưởng chính sách nhân đạo theo quy định của Bộ luật hình sự mới.

Đồng chí Bí thư Ban Cán sự Đảng Viện Kiểm sát nhân dân tối cao chủ trì phối hợp cùng Đảng ủy Công an Trung ương, Ban Cán sự Đảng Tòa án nhân dân tối cao, các tỉnh, thành ủy có kế hoạch cụ thể triển khai công tác này từ đầu quý II và thành lập ngay các đoàn kiểm tra liên ngành có thẩm quyền và trách nhiệm giải quyết tại chỗ các trường hợp đã nói trên đây.

3. Chỉ đạo việc cải tạo và nâng cấp các trại tạm giam, nhà tạm giữ, cải thiện điều kiện ăn, ở của các phạm nhân. Có phương án cụ thể đề xuất với Chính phủ và các địa phương dành khoản ngân sách bổ sung trong năm 2000 để nâng cấp các nhà tạm giữ, trại tạm giam, trước hết ở các thành phố và các tỉnh lớn. Ưu tiên làm ngay những trại tạm giam quá xuống cấp.

Ban Cán sự Đảng Chính phủ, Đảng ủy Công an Trung ương chịu trách nhiệm lãnh đạo thực hiện có hiệu quả công tác này, tránh lãng phí, thất thoát; hoàn thành trong năm 2000.

4. Cùng với việc phát hiện và chú trọng giải quyết kịp thời các vụ án có dấu hiệu oan, sai, cần khẩn trương nghiên cứu xây dựng cơ chế, chính sách để bồi thường thiệt hại đối với các trường hợp bị oan, sai do các cơ quan tiến hành tố tụng gây ra.

Việc bồi thường thiệt hại cần được thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với từng trường hợp cụ thể; những tài sản đã bị tịch thu, kê biên sai thì cần hoàn trả ngay; cần làm rõ cơ sở pháp lý, trách nhiệm giữa tập thể và cá nhân; phân định trách nhiệm từng cơ quan và cá nhân tiến hành tố tụng và mức độ thiệt hại về dân sự do việc làm oan, sai gây ra. Chuẩn bị ngay các loại văn bản để ban hành làm cơ sở pháp lý chặt chẽ cho việc thực hiện chủ trương này.

Đồng chí Bí thư Ban Cán sự Đảng, Bộ trưởng Bộ Tư pháp chủ trì cùng Ban Cán sự Đảng Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, Ban Cán sự Đảng Tòa án nhân dân tối cao, Đảng ủy Công an Trung ương có kế hoạch cụ thể thực hiện những công việc nêu trên, lập dự án cụ thể trình Chính phủ phê duyệt nguồn tài chính để thực hiện việc bồi thường thiệt hại và quy chế quản lý, sử dụng nguồn tài chính đó, đồng thời trình cơ quan có thẩm quyền ban hành các loại văn bản để tổ chức thực hiện. Những công việc trên cần hoàn thành xong trong tháng 6-2000.

5. Xây dựng, kiện toàn đội ngũ cán bộ tư pháp trong sạch, vững vàng, có phẩm chất chính trị, trình độ chuyên môn đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ tư pháp trong thời kỳ mới.

Đồng chí bí thư ban cán sự đảng, thủ trưởng các cơ quan tư pháp cần chủ động xây dựng, kiện toàn đội ngũ cán bộ và các chức danh tư pháp của mình, chú trọng trước hết đội ngũ cán bộ ở cấp huyện để chuẩn bị thực hiện chủ trương tăng thẩm quyền xét xử cho cấp huyện. Cần xây dựng, ban hành các quy chế công tác chặt chẽ cho từng loại chức danh; có chế độ kiểm tra, thanh tra, giám sát chặt chẽ việc thực hiện nhiệm vụ của các nhân viên dưới quyền; thực hiện việc rà soát lại đội ngũ

cán bộ tư pháp và xử lý nghiêm minh đối với số có sai phạm, sa sút về phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống...

Sớm nghiên cứu chế độ bồi dưỡng cho thẩm phán, kiểm sát viên, điều tra viên, thư ký phiên toà với mức phụ cấp thoả đáng, phù hợp với chất lượng và khối lượng công việc. Đồng chí Bí thư Ban Cán sự Đảng, Bộ trưởng Bộ Tư pháp chủ trì cùng Ban Cán sự Đảng Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, Ban Cán sự Đảng Toà án nhân dân tối cao, Đảng ủy Công an Trung ương xây dựng đề án để trình Chính phủ phê duyệt vào quý III năm 2000.

6. Cùng với việc chấn chỉnh và thực hiện tốt công tác thi hành án, cần thực hiện có hiệu quả các biện pháp quản lý, giúp đỡ những phạm nhân được tha tù, đặc biệt trong hai đợt thực hiện đặc xá nhằm tiếp tục giáo dục họ trở thành những người lương thiện, hoà nhập với cuộc sống cộng đồng, có ích cho gia đình và xã hội, hạn chế tối đa tình trạng tái phạm.

Cần kết hợp và phát huy vai trò, trách nhiệm của gia đình phạm nhân, của các cấp chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể quần chúng, các tổ chức đảng và cộng đồng dân cư trong việc nhận giúp đỡ, quản lý, giáo dục, tạo điều kiện tìm việc làm cho những người mãn hạn tù hoặc được hưởng đặc xá tha tù trở về. Giao trách nhiệm cho mỗi tổ chức đoàn thể xã hội (Thanh niên, Phụ nữ, Hội Cựu chiến binh, Hội Nông dân, Công đoàn, Mặt trận) ở mỗi cấp nhận giúp đỡ một số đối tượng được tha tù, coi đây là một chỉ tiêu đánh giá kết quả hoạt động hằng năm, đồng thời gắn việc thực hiện chủ trương này với các phong trào xây dựng làng văn hoá mới, cụm dân cư đoàn kết, vững mạnh, v.v..

Ban Nội chính Trung ương phối hợp cùng với Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Đảng ủy Công an Trung ương, Ban Cán sự Đảng Bộ Tư pháp và các ngành có liên quan có kế hoạch cụ thể tổ chức thực hiện chủ trương này.

7. Các ngành được phân công chủ trì thực hiện những công việc nêu trên cần định kỳ ba tháng một lần báo cáo kết quả việc thực hiện với Thường vụ Bộ Chính trị.

Ban Nội chính Trung ương có trách nhiệm giúp Thường vụ Bộ Chính trị hướng dẫn, đôn đốc, theo dõi việc tổ chức thực hiện những công việc nêu trên.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ

PHẠM THẾ DUYỆT

Lưu tại Kho Lưu trữ

Trung ương Đảng.

THÔNG BÁO
CỦA THƯỜNG VỤ BỘ CHÍNH TRỊ
Số 281-TB/TW, ngày 23 tháng 3 năm 2000
Về việc thực hiện một số chế độ, chính sách
đối với cán bộ chủ chốt chính quyền cấp tỉnh
sau bầu cử hội đồng nhân dân nhiệm kỳ 1999 - 2004

Thực hiện sự chỉ đạo của Bộ Chính trị về công tác nhân sự cán bộ chủ chốt chính quyền địa phương nhiệm kỳ 1999 - 2004 gắn với công tác chuẩn bị nhân sự cấp ủy địa phương trong nhiệm kỳ tới, tại phiên họp ngày 21-1-2000 về công tác cán bộ, Thường vụ Bộ Chính trị đã nghe báo cáo của Ban Tổ chức Trung ương và có chủ trương về thực hiện một số chế độ, chính sách đối với cán bộ chủ chốt cấp tỉnh mới được bầu hoặc thôi giữ chức vụ trong hội đồng nhân dân và ủy ban nhân dân nhiệm kỳ 1999 - 2004 như sau:

1. Đối với các đồng chí mới được bầu

- Ban thường vụ tỉnh ủy, thành ủy chỉ đạo, kiểm tra việc phân công công tác, thực hiện quy chế làm việc, giúp đỡ và tạo điều kiện cho các đồng chí đó hoàn thành tốt nhiệm vụ; tiếp tục làm rõ những vấn đề về ưu điểm, khuyết điểm và trách nhiệm có liên quan đến một số đồng chí đã được bầu.

- Các cơ quan có liên quan (Ban Tổ chức Trung ương, Ban Tổ chức - Cán bộ Chính phủ có kế hoạch phối hợp với Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Học viện Hành chính quốc gia và các tỉnh) sớm triển khai việc bồi dưỡng, nâng cao kiến thức và kinh nghiệm quản lý nhà nước đối với các đồng chí mới được bầu.

2. Đối với các đồng chí mới thôi giữ chức vụ chính quyền

a) Thực hiện chế độ nghỉ hưu hoặc bố trí công tác mới

- Một số đồng chí do điều kiện hoặc yêu cầu cụ thể cần bố trí người thay thế thì ban thường vụ tỉnh ủy, thành ủy đề nghị, Bộ Chính trị sẽ ra quyết định để các đồng chí này thôi giữ chức vụ bí thư và bố trí người thay thế, từ nay đến trước đại hội đảng bộ cấp tỉnh.

- Các đồng chí là phó bí thư, ủy viên thường vụ tỉnh, thành ủy thôi giữ chức vụ chủ tịch hội đồng nhân dân hoặc chủ tịch ủy ban nhân dân tỉnh, thành nhiệm kỳ 1999 - 2004, tuổi 60 trở lên đối với nam, 55 tuổi trở lên đối với nữ thì thực hiện chế độ nghỉ hưu, nếu có yêu cầu khách quan cần bố trí tiếp tục giữ chức vụ thì thảo luận trong tập thể thường vụ, có biểu quyết và báo cáo Thường vụ Bộ Chính trị xem xét quyết định trước khi thực hiện.

- Đối với những đồng chí ở độ tuổi dưới 60 đối với nam, dưới 55 tuổi đối với nữ, có đủ điều kiện, tự nguyện nghỉ thì thực hiện chế độ nghỉ hưu theo quy định hiện hành của Chính phủ, không phải trừ % tiền trợ cấp bảo hiểm xã hội.

b) Thực hiện chính sách tiền lương và một số chế độ, chính sách

- Cấp uỷ, chính quyền địa phương căn cứ tình hình và yêu cầu cụ thể của từng cán bộ, cần chăm lo giải quyết một số chế độ, chính sách đối với các đồng chí đã thôi giữ chức vụ lãnh đạo chính quyền để nghỉ hưu (như thực hiện chế độ tiền lương theo quy định hiện hành; có bệnh thì được khám, chữa bệnh; một số đồng chí chưa đủ điều kiện nghỉ hưu, thiếu một vài tuổi đời, hoặc năm công tác) thì vẫn được hưởng nguyên chế độ tiền lương cho đến khi đủ tuổi đời và năm công tác sẽ thực hiện chế độ nghỉ hưu. Những đồng chí chưa đến tuổi nghỉ hưu, do thôi giữ chức vụ lãnh đạo nhưng vẫn được phân công công tác mới thì tuỳ theo từng trường hợp cụ thể mà vận dụng thực hiện chế độ, chính sách như được bảo lưu có thời hạn, chế độ tiền lương hiện hưởng (đối với những đồng chí chỉ còn vài ba năm sẽ đến tuổi nghỉ hưu) hoặc xếp lại ngạch, bậc lương mới theo công tác mới được giao (đối với những đồng chí còn nhiều năm công tác).

- Những đồng chí bị cách chức thì phải hạ bậc lương, xếp lại bậc lương mới theo công việc mới được giao hoặc tính lại tiền lương làm bảo hiểm xã hội để thực hiện chế độ nghỉ hưu nếu đến tuổi nghỉ hưu.

3. Về cách tiến hành

a) Đối với những đồng chí thuộc diện Trung ương trực tiếp quản lý: căn cứ vào các chủ trương nêu trên, từ nay đến trước ngày 15-4-2000, các ban thường vụ tỉnh uỷ, thành uỷ xem xét thực hiện chế độ nghỉ hưu hoặc bố trí công tác mới

đối với từng đồng chí cán bộ thôi giữ chức vụ chủ tịch hội đồng nhân dân, chủ tịch ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố, báo cáo Thường vụ Bộ Chính trị xem xét quyết định.

b) Đối với những đồng chí thuộc diện tỉnh ủy, thành ủy trực tiếp quản lý: các đồng chí mới thôi giữ chức vụ chính quyền thuộc diện tỉnh ủy, thành ủy trực tiếp quản lý thì theo phân cấp quản lý cán bộ, các ban thường vụ tỉnh, thành ủy trực tiếp xem xét quyết định.

Trên cơ sở Thông báo này, Ban Cán sự Đảng Chính phủ chỉ đạo ban hành văn bản và hướng dẫn thực hiện.

T/M THƯỜNG VỤ BỘ CHÍNH TRỊ

PHẠM THẾ DUYỆT

Lưu tại Kho Lưu trữ

Trung ương Đảng.

THÔNG BÁO KẾT LUẬN
CỦA ĐỒNG CHÍ TỔNG BÍ THƯ LÊ KHẢ PHIÊU
Số 286-TB/TW, ngày 5 tháng 4 năm 2000
Trong chuyến thăm và làm việc với
Thành ủy Hải Phòng

Ngày 10 và 11-3-2000, đồng chí Tổng Bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam Lê Khả Phiêu, đồng chí Nguyễn Tấn Dũng, Ủy viên Bộ Chính trị, Phó Thủ tướng Thường trực Chính phủ đã làm việc với các đồng chí lãnh đạo thành phố Hải Phòng về một số vấn đề chủ yếu trong phát triển kinh tế - xã hội của thành phố. Cùng dự có lãnh đạo một số ban, bộ và Tổng Công ty 91. Sau khi nghe báo cáo của đồng chí Bí thư Thành ủy và các đồng chí lãnh đạo thành phố; ý kiến của đồng chí Nguyễn Tấn Dũng và của các ban, bộ, Tổng Công ty 91, đồng chí Tổng Bí thư Lê Khả Phiêu đã nhất trí với báo cáo của Thành ủy Hải Phòng và có ý kiến như sau:

- Thực hiện đường lối đổi mới của Đảng, Đảng bộ và quân, dân thành phố Hải Phòng đã phát huy truyền thống cách mạng vẻ vang, đoàn kết, nỗ lực phấn đấu khắc phục khó khăn, giành được những thành tựu quan trọng và tương đối toàn diện. Mười năm từ năm 1991 đến năm 2000, kinh tế

tăng trưởng liên tục (cao hơn bình quân cả nước). Một số ngành kinh tế chủ yếu đã đạt được kết quả nổi bật như: sản xuất công nghiệp, sản lượng hàng bốc xếp qua cảng Hải Phòng, năng suất lúa. Các lĩnh vực văn hoá - xã hội như: giáo dục - đào tạo, dân số và kế hoạch hoá gia đình, y tế, xoá đói giảm nghèo... có nhiều chuyển biến, tiến bộ. Đời sống của nhân dân được cải thiện. Quốc phòng - an ninh, trật tự an toàn xã hội được bảo đảm.

Tuy nhiên, Hải Phòng vẫn còn nhiều tồn tại, yếu kém, chưa phát huy tốt các tiềm năng, lợi thế của thành phố cảng, chưa phát huy được vai trò động lực và cực tăng trưởng của vùng kinh tế trọng điểm phía Bắc. Tốc độ và chất lượng tăng trưởng có xu hướng giảm, chưa vững chắc.

Nguyên nhân chủ yếu của những tồn tại, yếu kém trên, ngoài những yếu tố khách quan còn có phần trách nhiệm của thành phố, chậm cụ thể hoá các cơ chế, chính sách để phát huy tối đa nội lực tại địa phương; chưa chủ động đề xuất, kiến nghị với Trung ương, thủ tục hành chính còn phiền hà, làm cho môi trường đầu tư - kinh doanh tại thành phố còn nhiều trở ngại; công tác cán bộ còn bất cập. Nhiều cơ sở sản xuất của Trung ương và địa phương thuộc ngành công nghiệp nặng như đóng và sửa chữa tàu biển, cơ khí chế tạo... chiếm tỷ trọng lớn trong cơ cấu kinh tế của thành phố, song khi chuyển sang cơ chế quản lý mới còn lúng túng, chưa có bước đi phù hợp. Một số bộ, ngành Trung ương chưa đề cao trách nhiệm, chủ động cùng địa phương thực hiện các nhiệm vụ chung, còn thiếu quan tâm đầu tư chiều sâu hoặc xây dựng mới các cơ sở sản xuất kinh doanh trên địa bàn.

- Thời gian tới, trong quá trình chuẩn bị đại hội đảng các cấp, tiến đến Đại hội Đảng bộ thành phố lần thứ XII, Hải Phòng cần tổng kết một cách sâu sắc những bài học kinh nghiệm của nhiệm kỳ vừa qua, trên cơ sở các nghị quyết của Trung ương, Đảng bộ, quân dân thành phố cần phát huy tối đa nội lực, tranh thủ mọi nguồn lực đẩy nhanh hơn nữa quá trình xây dựng Hải Phòng trở thành một thành phố cảng hiện đại - cửa chính ra biển của phía Bắc, là một trung tâm công nghiệp, thương mại, du lịch, dịch vụ, có kinh tế, văn hoá, khoa học - công nghệ phát triển, bảo đảm vững chắc quốc phòng - an ninh, không ngừng nâng cao đời sống nhân dân. Các chương trình phát triển kinh tế cần gắn với phát triển xã hội và chuẩn bị đội ngũ cán bộ đáp ứng yêu cầu của thời kỳ mới. Bản thân thành phố phải có cách nhìn toàn diện, không phải chỉ bó hẹp trong địa phương mình. Phải biết phối hợp với các ngành có liên quan ở Trung ương khẩn trương xây dựng quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm tới và 10 năm tiếp theo, gắn chặt với quy hoạch, chiến lược chung của vùng kinh tế trọng điểm phía Bắc và cả nước. Các bộ, ngành Trung ương cần thấy hết vị trí quan trọng của thành phố Hải Phòng để thường xuyên phối hợp, giúp thành phố làm quy hoạch sát hợp, tạo điều kiện cho thành phố thực hiện tốt nhiệm vụ Trung ương giao.

- Tiếp tục tổ chức thực hiện những ý kiến kết luận của Thủ tướng Chính phủ Phan Văn Khải về Hải Phòng (tại Thông báo số 141/TB-VPCP, ngày 21-7-1999). Cùng với việc khẩn trương triển khai dự án mở luồng mới cho tàu trọng tải 1 vạn tấn, hoàn thành vào năm 2003, cần xúc tiến đưa khu chuyển tải Trà Báu cho các tàu có trọng tải

trên 1 vạn tấn vào khai thác. Khẩn trương thực hiện dự án cải tạo, nâng cấp cảng Hải Phòng bảo đảm đúng tiến độ. Tiếp tục nghiên cứu các điều kiện xây dựng cảng nước sâu, tạo điều kiện để Hải Phòng phát huy đầy đủ tiềm năng về cảng biển, làm tốt vai trò động lực của cực tăng trưởng kinh tế quan trọng và có sức lan toả thúc đẩy sự phát triển kinh tế của các tỉnh phía Bắc.

- Khai thác và phát huy các điều kiện lợi thế về các ngành công nghiệp truyền thông, nguồn nhân lực và cơ sở hạ tầng như cảng, hệ thống giao thông, điện, nước... để xây dựng Hải Phòng thành trung tâm đóng tàu chủ yếu, đóng tàu trọng tải lớn, đáp ứng được nhu cầu chiến lược kinh tế và quốc phòng của đất nước. Phát triển mạnh mẽ các cơ sở công nghiệp về xi măng và vật liệu xây dựng, cơ khí, chế biến nông, thủy sản, giấy dếp, dệt may, điện tử tin học... Khẩn trương khởi công xây dựng Nhà máy xi măng Hải Phòng mới tại Tràng Kênh vào giữa năm 2000; hoàn thành tàu 6.500 tấn vào đúng thời gian (tháng 6-2000) và tiếp tục triển khai đóng tàu 11 nghìn tấn. Trên cơ sở tính toán hiệu quả kinh tế - xã hội, cần xem xét một cách tổng thể quy hoạch Hải Phòng trong mối quan hệ với khu vực và cả nước. Riêng dự án xây dựng nhà máy phân bón, thuốc lá, phối thép cần phối hợp với Bộ Công nghiệp để cân nhắc một cách thận trọng, toàn diện và hiệu quả kinh tế - xã hội để trình Chính phủ xem xét.

Phát triển mạnh ngành thủy sản, dịch vụ, du lịch, khai thác tốt tuyến du lịch sinh thái biển Đồ Sơn, Cát Bà, Hạ Long. Đồng ý về nguyên tắc với đề nghị của thành phố cho một số huyện đảo được hưởng cơ chế đặc biệt của khẩu về

xuất nhập cảnh, xuất nhập khẩu, đầu tư... Hải Phòng cần làm việc với các cơ quan liên quan sớm xây dựng các cơ chế, quy định cụ thể, khả thi cho huyện đảo và các đề nghị khác về mức vốn cấp giấy phép đầu tư, thẩm quyền giao đất, cho thuê đất... trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, phê duyệt.

- Thành phố cần khẩn trương điều chỉnh quy hoạch không gian đến năm 2010 - 2020. Đẩy nhanh quá trình xây dựng Hải Phòng thành đô thị theo hướng văn minh, hiện đại. Từ năm 2000, Chính phủ và các ngành cần quan tâm hỗ trợ vốn cho phát triển đô thị Hải Phòng từ nhiều nguồn như: từ vốn dư các dự án quốc lộ 5, quốc lộ 10, cầu Bính... nghiên cứu cơ chế "đổi đất lấy công trình hạ tầng" để trình Thủ tướng Chính phủ cho làm thí điểm, nhưng phải có cơ chế quản lý và trách nhiệm chặt chẽ, tránh tiêu cực.

Đi đôi với phát huy thế mạnh của các thành phần kinh tế, chú trọng loại hình doanh nghiệp vừa và nhỏ. Thành phố cần có biện pháp kiên quyết cải cách hành chính, không sách nhiễu, phiền hà để cải thiện môi trường đầu tư - kinh doanh. Phải coi đây là nhiệm vụ rất quan trọng để tháo gỡ khó khăn, tạo điều kiện thuận lợi cho các hoạt động đầu tư, sản xuất, thương mại phát triển. Về các khu công nghiệp Nômura, khu công nghiệp Đình Vũ, khu chế xuất, cần nghiên cứu, phân tích kỹ để tìm ra những vấn đề cốt lõi, nguyên nhân chủ quan đích thực dẫn đến những khó khăn hiện nay, từ đó đề xuất các giải pháp tích cực tháo gỡ. Những vấn đề vượt quá thẩm quyền cần làm việc với các cơ quan Trung ương hoặc trình Thủ tướng Chính phủ xem xét quyết định.

Ban Cán sự Đảng Chính phủ cần có biện pháp chỉ đạo và giao trách nhiệm cho các bộ, ngành liên quan cùng với thành phố Hải Phòng triển khai thực hiện các nội dung trên và báo cáo Thường vụ Bộ Chính trị.

Văn phòng Trung ương xin thông báo để các cấp, các ngành và thành phố Hải Phòng biết thực hiện.

T/L THƯỜNG VỤ BỘ CHÍNH TRỊ

CHÁNH VĂN PHÒNG

TRẦN ĐÌNH HOAN

Lưu tại Kho Lưu trữ

Trung ương Đảng.

THÔNG BÁO
Ý KIẾN CỦA BỘ CHÍNH TRỊ
Số 288-TB/TW, ngày 6 tháng 4 năm 2000
Về việc nghiên cứu sửa đổi, bổ sung
một số điều của Hiến pháp năm 1992

Tại phiên họp ngày 31-3-2000, sau khi nghe Đảng đoàn Quốc hội báo cáo về việc nghiên cứu sửa đổi, bổ sung một số điều của Hiến pháp năm 1992, Bộ Chính trị có ý kiến như sau:

1. Đồng ý với đề nghị của Đảng đoàn Quốc hội về việc mở rộng phạm vi nghiên cứu sửa đổi, bổ sung một số điều của Hiến pháp 1992 (Tờ trình số 200/ĐĐQH10, ngày 21-3-2000).

Trong quá trình nghiên cứu sửa đổi, bổ sung một số điều của Hiến pháp năm 1992 về tổ chức bộ máy nhà nước theo tinh thần Nghị quyết Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương (khoá VIII), nếu xét thấy còn có những vấn đề khác vướng mắc trong Hiến pháp, cần phải nghiên cứu sửa đổi, bổ sung thì xem xét kỹ nội dung, yêu cầu của từng vấn đề để báo cáo Bộ Chính trị xem xét trước khi trình Trung ương và Quốc hội.

2. Việc thành lập Ủy ban sửa đổi Hiến pháp sẽ trình Quốc hội quyết định sau Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ IX. Trên cơ sở các quyết định của Đại hội IX của Đảng, Quốc hội

sẽ xem xét quyết định phạm vi sửa đổi, bổ sung và thành lập Ủy ban sửa đổi Hiến pháp. Từ nay đến Đại hội IX của Đảng, Tiểu ban nghiên cứu sửa đổi, bổ sung một số điều của Hiến pháp 1992 tiếp tục nghiên cứu những vấn đề về tổ chức bộ máy nhà nước và mở rộng phạm vi nghiên cứu thêm một số vấn đề theo đề nghị của Đảng đoàn Quốc hội. Thành phần của Tiểu ban nghiên cứu cần mở rộng thêm một số thành viên cho phù hợp với phạm vi nghiên cứu.

3. Việc trình Quốc hội thông qua nghị quyết sửa đổi, bổ sung một số điều của Hiến pháp năm 1992, sẽ thực hiện vào cuối năm 2001 như đề nghị của Đảng đoàn Quốc hội.

4. Thời điểm bầu cử đại biểu Quốc hội khoá XI thực hiện theo tinh thần chỉ đạo của Trung ương. Cần tích cực tiến hành các công việc chuẩn bị để tiến tới thực hiện việc bầu cử đại biểu Quốc hội và bầu cử đại biểu hội đồng nhân dân các cấp vào cùng một thời điểm và gần sát với thời điểm Đại hội Đảng toàn quốc. Việc bầu cử đại biểu Quốc hội khoá XI và bầu cử đại biểu hội đồng nhân dân các cấp khoá tới có thể tiến hành vào khoảng tháng 4-2002 như đề nghị của Đảng đoàn Quốc hội.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ

PHẠM THẾ DUYỆT

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

**PHÁT BIỂU
CỦA TỔNG BÍ THƯ LÊ KHẢ PHIÊU
KHAI MẠC HỘI NGHỊ LẦN THỨ CHÍN
BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG ĐẢNG
KHÓA VIII**

Ngày 10 tháng 4 năm 2000*

*Thưa các đồng chí Cố vấn,
Các đồng chí Ủy viên Trung ương,
Các đồng chí dự Hội nghị,*

Hội nghị lần thứ chín Ban Chấp hành Trung ương khóa VIII có nhiệm vụ: thảo luận và quyết định về các dự thảo văn kiện trình Đại hội IX của Đảng gồm:

- 1- Dự thảo Báo cáo chính trị.
- 2- Dự thảo Báo cáo chiến lược kinh tế - xã hội thời kỳ 2001 - 2010, phương hướng, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2001 - 2005.
- 3- Dự thảo Báo cáo một số điểm sửa đổi Điều lệ Đảng.
- 4- Một số vấn đề định hướng về nhân sự Đại hội IX.

* Hội nghị lần thứ chín Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa VIII họp từ ngày 10 đến ngày 19-4-2000 (B.T).

Các tiểu ban của Trung ương chuẩn bị văn kiện Đại hội Đảng đã làm việc tích cực, dựa vào những định hướng về 10 vấn đề lớn Báo cáo chính trị, định hướng chiến lược kinh tế - xã hội 10 năm 2001 - 2010 mà Hội nghị Trung ương lần thứ tám đã cho ý kiến. Những dự thảo các văn kiện trên đã được Bộ Chính trị và các đồng chí Cố vấn đã thảo luận nhiều lần. Riêng dự thảo Báo cáo chính trị, Thường vụ Bộ Chính trị đã tổ chức thu thập ý kiến đóng góp của các đồng chí nguyên Ủy viên Bộ Chính trị, nguyên Bí thư Trung ương Đảng, nhiều đồng chí lãnh đạo ban, ngành, đoàn thể ở Trung ương, cấp ủy tỉnh, thành và một số nhà khoa học. Trên cơ sở quán triệt Cương lĩnh chính trị, đường lối của Đảng, các Nghị quyết Đại hội VII, Đại hội VIII và các nghị quyết của Ban Chấp hành Trung ương khóa VIII, sau khi có ý kiến của Bộ Chính trị, các tiểu ban đã chỉnh lại thành các bản dự thảo để trình Hội nghị Trung ương lần này.

Đại hội IX của Đảng họp vào đầu thế kỷ XXI, có ý nghĩa lịch sử trọng đại. Các văn kiện của Đại hội phải đáp ứng được những yêu cầu của cách mạng nước ta trong giai đoạn mới, phù hợp với hoàn cảnh của đất nước và bối cảnh quốc tế đang diễn ra sôi động. Đại hội phải đáp ứng được nguyện vọng của toàn dân, làm cho nền kinh tế nước ta được phát triển lên một bước mới, đời sống nhân dân ta được nâng cao, Đảng ta ngày càng vững mạnh.

Chủ đề bao trùm các dự thảo văn kiện là nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng; phát huy sức mạnh toàn dân tộc, tiếp tục đổi mới, mà nhiệm vụ trung tâm là đẩy

mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Với yêu cầu và chủ đề như vậy, Trung ương sẽ bàn kỹ, xây dựng nâng cao chất lượng các dự thảo văn kiện, xác định những vấn đề lớn về đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng trong giai đoạn cách mạng tới vào lúc tình hình thế giới diễn biến nhanh chóng, phức tạp, cơ hội và thách thức, thời cơ - nguy cơ, bất trắc khó lường đối với nước ta đều lớn.

Các tiểu ban đã có tờ trình, kiến nghị các giải pháp và cách xử lý một số vấn đề quan trọng mà thực tiễn đặt ra. Các đồng chí phụ trách từng tiểu ban sẽ thay mặt Bộ Chính trị, thay mặt tiểu ban thuyết trình trước Trung ương những vấn đề lớn đó.

Đề nghị các đồng chí Ủy viên Trung ương, các đồng chí dự Hội nghị phát huy tinh thần trách nhiệm, thực sự dân chủ, thảo luận, tranh luận thẳng thắn, cởi mở ở tổ và hội trường. Mỗi đồng chí chúng ta đều trực tiếp đảm nhận trên những lĩnh vực công tác quan trọng của Đảng - Nhà nước, đều cọ xát với tình hình và tổ chức thực hiện các nghị quyết của Đảng và qua đó thấy rõ hơn cuộc sống đang đặt ra những gì? Cuộc đấu tranh cách mạng của nhân dân đang diễn ra trong bối cảnh như thế nào? Tuy nhiên hiểu đúng, làm đúng không đơn giản, có cái trước đúng, trước phù hợp nhưng nay không đúng và không phù hợp. Cho nên đòi hỏi chúng ta phải xuất phát từ thực tiễn, đối chiếu các nghị quyết, nhất là các nghị quyết từ Đại hội VII - Đại hội VIII... hệ thống lại những tư duy của Đảng về con đường đi lên chủ nghĩa xã hội và tư duy về đường lối kinh tế, từ đó mà bổ sung nhận thức mới và cách làm mới. Có vậy mới biến đổi được hiện thực cuộc sống theo

quy luật của chính cuộc sống. Vận dụng sáng tạo, không máy móc dập khuôn, không chủ quan duy ý chí, cái gì các đồng chí đồng tình, cái gì không đồng tình và ý kiến mình bổ sung, kể cả bổ sung đường lối, chính sách. Có như vậy mới đi đến kết luận đúng nhất. Trên cơ sở đó dự thảo văn kiện sẽ được sửa lại để sau Hội nghị này (khoảng tháng 6-2000) Trung ương sẽ họp lần nữa để hoàn chỉnh các văn kiện dự thảo chính thức gửi đến Đại hội Đảng bộ các cấp tham gia (vào đầu quý III-2000).

Thay mặt Bộ Chính trị, tôi tuyên bố khai mạc Hội nghị lần thứ chín Ban Chấp hành Trung ương khóa VIII.

Xin chúc sức khỏe các đồng chí.

Lưu tại Kho Lưu trữ

Trung ương Đảng.

**BÁO CÁO
CỦA BỘ CHÍNH TRỊ
TẠI HỘI NGHỊ LẦN THỨ CHÍN
BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG
KHÓA VIII**

Số 42-BC/TW, ngày 18 tháng 4 năm 2000

**Kết quả bước đầu việc kiểm điểm tự phê bình
và phê bình theo Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2)
của các cấp ủy, tổ chức đảng trực thuộc Trung ương**

Cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng theo Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2) đã triển khai được hơn 9 tháng, việc kiểm điểm tự phê bình và phê bình đã được tiến hành ở số lớn thường vụ các cấp ủy, tổ chức đảng trực thuộc Trung ương.

Qua thực tiễn chỉ đạo và triển khai thực hiện, Bộ Chính trị thông báo với các cấp ủy, tổ chức đảng trực thuộc Trung ương tình hình, kết quả bước đầu của cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2).

I- TÌNH HÌNH VÀ KẾT QUẢ BƯỚC ĐẦU

1. Tình hình triển khai cuộc vận động

Bước vào cuộc vận động, cán bộ, đảng viên và nhân dân

hết sức đồng tình, ủng hộ nhưng cũng có nhiều băn khoăn, trăn trở. Có ý kiến lo rằng chắc là lại làm lướt, làm qua loa, sau một thời gian rồi đầu lại vào đấy. Ngược lại, có tâm trạng lo ở những nơi nội bộ mất đoàn kết sẽ có sự "đấu đá", "lật đổ" lẫn nhau, dễ mất ổn định. Một số câu hỏi được đặt ra là liệu trong tình hình hiện nay, Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2) có đi vào cuộc sống được không, có diễn ra "đầu voi đuôi chuột", "đánh trống bỏ dùi" không? Liệu thực hiện kiểm điểm tự phê bình và phê bình có phải là liều thuốc có hiệu quả không? Vì sao việc chống tiêu cực, tham nhũng ít kết quả? Đảng có những chủ trương, biện pháp gì mới để bảo đảm cuộc vận động thành công?... và hàng loạt những câu hỏi khác, thể hiện niềm tin xen lẫn với sự hoài nghi, chờ đợi.

Việc triển khai, chỉ đạo cuộc vận động lúc đầu cũng có những lúng túng. Từ sau văn bản hướng dẫn 194-CV/TW, bài phát biểu của đồng chí Tổng Bí thư trên báo *Nhân dân* và nhiều văn bản tiếp theo của Bộ Chính trị, các cấp ủy và tổ chức đảng trực thuộc Trung ương mới rõ dần cách làm và bắt tay vào xây dựng báo cáo tự phê bình và phê bình một cách tích cực, công phu, theo đúng quy trình. Tính đến ngày 28-2-2000, đã có 157/166 đơn vị nộp kiểm điểm, trong đó 98 đơn vị đã họp kiểm điểm và 45 đơn vị đã gửi báo cáo kết quả kiểm điểm về Trung ương.

2. Một số kết quả bước đầu

Tại Hội nghị Trung ương 7, tháng 8-1999 và Hội nghị Trung ương 8, tháng 11-1999, Bộ Chính trị đã có báo cáo trình Trung ương về tình hình triển khai thực hiện Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2) và việc tiến hành kiểm điểm tự phê bình và phê bình.

Sau đây là tổng hợp kết quả đến ngày 28-2-2000, qua bước chuẩn bị kiểm điểm, tiến hành kiểm điểm và sau kiểm điểm của các thường vụ cấp ủy và tổ chức đảng trực thuộc Trung ương.

a) Phần chuẩn bị kiểm điểm

- Phần lớn thường vụ cấp ủy, tổ chức đảng, trước hết là người đứng đầu đã thể hiện ý thức trách nhiệm cao trong chuẩn bị kiểm điểm tự phê bình và phê bình.

Nhiều thường vụ cấp ủy xây dựng bản kiểm điểm khá công phu, có nơi viết đi viết lại nhiều lần và mỗi lần bổ sung, hoàn chỉnh đều tiến hành thảo luận tập thể trong ban thường vụ, trong lãnh đạo để có sự thống nhất và nâng chất lượng báo cáo. Nhiều đồng chí đứng đầu thường vụ cấp ủy, tổ chức đảng đã trực tiếp chỉ đạo xây dựng báo cáo, suy nghĩ, trăn trở với những vấn đề được nêu trong kiểm điểm, đặc biệt là tìm phương hướng, giải pháp khắc phục những tồn tại, yếu kém. Các thường vụ cấp ủy đã có sự suy ngẫm, tập trung trí tuệ cho bản báo cáo kiểm điểm tự phê bình và phê bình của mình.

- Các thường vụ cấp ủy thực hiện nghiêm túc, đúng quy trình theo hướng dẫn của Bộ Chính trị.

Bản kiểm điểm đã lấy ý kiến đóng góp của cấp ủy cấp dưới, của các tổ chức đảng, ban, ngành, đoàn thể, của các đồng chí lão thành, các đồng chí cấp ủy đã nghỉ hưu, có nơi đã tổ chức lấy ý kiến của nhân dân ở khu dân cư nơi đồng chí thường vụ cấp ủy đang ở.

Nội dung của nhiều bản kiểm điểm đã phân tích, nêu rõ những sự việc tiêu cực, nổi cộm ở địa phương mà nhân dân, dư luận báo chí nêu lên.

Những ý kiến đóng góp thẳng thắn, đúng đắn được trình bày, phân tích trong bản kiểm điểm chung của cấp ủy và những góp ý liên quan đến cá nhân đã được gọi ý cho từng thành viên kiểm điểm.

- Các bản kiểm điểm đã được bổ sung, hoàn chỉnh theo nội dung gọi ý kiểm điểm của Thường vụ Bộ Chính trị.

Bản gọi ý kiểm điểm của Thường vụ Bộ Chính trị cho từng cấp ủy dựa trên cơ sở tổng hợp từ thực tiễn tình hình địa phương, đơn vị, từ bản kiểm điểm chung của tập thể và cá nhân thường vụ cấp ủy, từ ý kiến đóng góp của các ban đảng Trung ương, của Tiểu ban chỉ đạo 6 (2) và những thông tin khác liên quan.

Các thường vụ cấp ủy, tổ chức đảng sau khi nhận được bản gọi ý kiểm điểm của Thường vụ Bộ Chính trị đã tiếp thu và sửa chữa, bổ sung bản kiểm điểm nghiêm túc, trên cơ sở đó tiến hành kiểm điểm thẳng thắn, có kết quả. Nhiều nơi đã rà soát từng điểm trong bản gọi ý để bổ sung hoàn chỉnh bản báo cáo kiểm điểm tập thể và cá nhân trước khi tiến hành tự phê bình và phê bình. Có nơi đã viết bản giải trình những gọi ý kiểm điểm của Thường vụ Bộ Chính trị rất kỹ, rất công phu với những số liệu, tư liệu khá đầy đủ bổ sung cho bản báo cáo kiểm điểm.

b) Phân kiểm điểm tự phê bình và phê bình của các thường vụ cấp ủy, tổ chức đảng trực thuộc Trung ương

Phần lớn thường vụ cấp ủy trong quá trình tiến hành kiểm điểm tập thể đã thảo luận, bám sát những gọi ý kiểm điểm của Thường vụ Bộ Chính trị, phân tích, tranh luận đi đến thống nhất theo nguyên tắc tập trung dân chủ, có việc có

nơi đã dùng hình thức biểu quyết bằng phiếu kín đối với các vấn đề quan trọng, nổi cộm của cấp ủy, của địa phương trên ba nội dung chủ yếu của kiểm điểm. Kiểm điểm nhằm làm rõ ưu, khuyết điểm để rút kinh nghiệm, khắc phục thiếu sót, tồn tại, đồng thời xem xét cả những vi phạm cần phải xử lý kỷ luật. Trong quá trình kiểm điểm, một số tập thể và cá nhân đã tự giác nhận hình thức kỷ luật.

Các đồng chí Ủy viên Bộ Chính trị, các đồng chí Ủy viên Trung ương được phân công phụ trách đã nêu cao trách nhiệm, trực tiếp về dự và chỉ đạo kiểm điểm ở các đơn vị, chỉ có vài ba đơn vị, do những điều kiện khách quan, vắng mặt đồng chí Trung ương phụ trách.

Để nắm vững tình hình, có được đầy đủ thông tin của đơn vị, trước lúc về dự và chỉ đạo kiểm điểm, các Ủy viên Bộ Chính trị, Ủy viên Trung ương phụ trách đã tổ chức họp với Thường trực Tiểu ban 6 (2), với các ban đảng Trung ương liên quan và trong quá trình dự kiểm điểm, các đồng chí đã cho hội ý, tập hợp ý kiến của lãnh đạo và chuyên viên các ban đảng cùng dự họp thống nhất cách đánh giá và phát biểu chỉ đạo.

Những đơn vị có đồng chí Ủy viên Bộ Chính trị, Ủy viên Trung ương về dự họp suốt quá trình kiểm điểm tập thể và kiểm điểm cá nhân chủ chốt đã góp phần nâng cao chất lượng kiểm điểm.

Do kiểm điểm tự phê bình và phê bình nghiêm túc, đúng quy trình, có sự chỉ đạo chặt chẽ của cấp trên, có thông tin đầy đủ... nên các cấp ủy thảo luận, phân tích kỹ, thẳng thắn, tự giác nhận rõ trách nhiệm về ưu khuyết điểm cụ thể của tập thể và cá nhân.

Qua kiểm điểm tập thể và cá nhân, không khí chung trong phần đông các tập thể thường vụ cấp ủy lành mạnh hơn, thông cảm, cởi mở và hiểu biết nhau hơn, đoàn kết hơn. Đây cũng là dịp để Trung ương nắm tương đối kỹ và toàn diện tình hình của các ngành, địa phương.

c) Xử lý những vấn đề nổi cộm trong và sau kiểm điểm

Sau kiểm điểm tự phê bình và phê bình, nhiều thường vụ cấp ủy đã có chuyển biến về nhận thức trách nhiệm, đoàn kết nội bộ và chỉ đạo điều hành theo nguyên tắc tập trung dân chủ.

Những vụ việc nổi cộm đã được nhiều thường vụ cấp ủy xem xét, xử lý. Nhiều nơi đã cho thẩm tra kết luận tiếp những vụ việc phát hiện có tiêu cực, tham nhũng, cho khởi tố các vụ án có đủ chứng cứ vi phạm pháp luật, đã xử lý một số vụ việc về tổ chức, về cán bộ kém phẩm chất. Việc Trung ương xử lý kỷ luật đối với cán bộ diện Trung ương quản lý và chỉ đạo xử lý kỷ luật các vụ việc ở Hà Nội, Hà Nam, Hải quan, Ngân hàng, Hoà Bình, Cà Mau, Sóc Trăng và đang kiểm tra 6 tỉnh để kết luận đã có tác động tích cực, thúc đẩy cấp ủy làm tốt công tác tổ chức cán bộ trong và sau kiểm điểm.

Một số địa phương như Tuyên Quang, Sơn La, Hà Tĩnh, Hà Giang... sau kiểm điểm đã có thông báo cho đảng bộ và nhân dân thực hiện kế hoạch hành động cụ thể để kịp thời sửa chữa những thiếu sót, tồn tại của cấp ủy mà trong kiểm điểm đã thảo luận và nhất trí. Những việc nêu trong kế hoạch được làm ngay với sự phân công cụ thể người chịu trách nhiệm, bước đi, thời hạn hoàn thành và tổ chức theo dõi, kiểm tra kết quả đó nhân dân trực tiếp thấy được, cảm

nhận được, làm tăng thêm niềm tin của họ đối với cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng.

Qua ba bước chuẩn bị, tiến hành kiểm điểm và sau kiểm điểm ở một số đơn vị, sự chuyển biến bước đầu được thể hiện rõ ở các điểm sau đây:

1- Qua kiểm điểm, các quan điểm, tư tưởng chính trị của tập thể và cá nhân thường vụ cấp ủy đã được làm rõ và khẳng định, những nơi có quan điểm tư tưởng đúng đắn sẽ có tác động trong việc soi rọi tình hình thực hiện nhiệm vụ của các ban, ngành, địa phương; làm rõ đúng sai trong việc vận dụng thực hiện chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước tại địa phương, đơn vị; tạo sự thống nhất trong việc làm rõ, kết luận, xử lý những vấn đề nổi cộm, bức xúc đang tồn đọng; làm cơ sở cho việc xây dựng phương hướng phát triển, kế hoạch, chương trình hành động của cấp ủy...

2- Những tiêu cực trong đạo đức, lối sống của phân đội ngũ cán bộ đã được làm rõ để đấu tranh, phê phán, ngăn chặn, chế độ trách nhiệm nhận thức rõ hơn, những cám dỗ của đồng tiền được cảnh tỉnh hơn, quà biếu dạm lễ, tết có giảm, tình trạng ăn nhậu, chơi bời được hạn chế, quan liêu, tham nhũng, lãng phí được răn đe, ngăn chặn bước đầu...

3- Công tác tổ chức bước đầu được củng cố, nhận thức về nguyên tắc tập trung dân chủ được tôn trọng và đề cao; đoàn kết nội bộ nhiều nơi được củng cố thêm; mối quan hệ giữa đảng, chính quyền, hội đồng nhân dân, các đoàn thể quần chúng được cải thiện; quy chế, phương thức hoạt động, lề lối làm việc dần đi vào nền nếp...

4- Những chuyển biến nêu trên đang có những tác động tích cực. Công việc ở nhiều cơ quan bước đầu được chấn

chỉnh, kỷ luật lao động chặt chẽ hơn, không khí làm việc khá hơn; thực hiện tiết kiệm về xe ô tô, điện thoại, điện nước, chi phí hành chính, tiếp khách... đã có ý thức hơn.

Thử thách qua lũ lụt ở miền Trung cũng thể hiện tác động của xây dựng, chỉnh đốn Đảng. Chưa bao giờ chủ trương, hành động của các cấp uỷ đảng nhanh nhạy, kịp thời, có hiệu quả như việc cứu giúp lũ lụt vừa qua đối với các tỉnh miền Trung. Đội ngũ cán bộ, đảng viên ở những vùng lũ lụt đã nêu cao tinh thần trách nhiệm, sự tận tụy đối với công việc, lòng yêu dân, gắn bó với cộng đồng rõ hơn.

Cuộc bầu cử hội đồng nhân dân và ủy ban nhân dân ba cấp vừa qua đạt kết quả khá tốt có phần đóng góp quan trọng do kết quả tích cực của kiểm điểm tự phê bình và phê bình trong thường vụ cấp uỷ và tổ chức đảng.

5- Một số chuyển biến bước đầu nêu trên đã tạo được niềm tin của cán bộ, đảng viên và nhân dân đối với cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng. Một số tâm trạng hoài nghi ban đầu chuyển dần sang "có lòng tin". Niềm tin và quyết tâm của Trung ương, của toàn Đảng đã dần được khẳng định. Qua bước đầu triển khai cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng vừa qua, cán bộ, đảng viên và nhân dân càng tin Đảng, tin Trung ương, tin ở bản chất tốt đẹp của chế độ xã hội ta, càng gắn bó với cộng đồng, với đất nước dưới dự lãnh đạo của Đảng.

3. Nguyên nhân

Những chuyển biến bước đầu có ý nghĩa quan trọng của cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng do những nguyên nhân sau đây:

a) Đổi mới phương thức chỉ đạo triển khai thực hiện nghị quyết là yếu tố quan trọng góp phần chuyển biến tình hình

Trước hết là việc đặt đúng công tác xây dựng và chỉnh đốn Đảng gắn với chế độ trách nhiệm của mỗi cán bộ, đảng viên, của người lãnh đạo và gắn với đấu tranh chống tiêu cực, tham nhũng, thực hiện cải cách hành chính.

- Thực hiện phương châm "nói đi đôi với làm", bí thư cấp ủy và tổ chức đảng các cấp trực tiếp chỉ đạo và chịu trách nhiệm triển khai thực hiện nghị quyết.

- Thành lập Tiểu ban chỉ đạo thực hiện Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2) gồm 20 Ủy viên Bộ Chính trị và Ủy viên Trung ương Đảng. Các đồng chí trong Tiểu ban được phân công đã trực tiếp phụ trách theo dõi tất cả các đơn vị trực thuộc Trung ương. Giúp việc Tiểu ban có bộ phận chuyên trách gồm lãnh đạo và chuyên viên của các ban đảng Trung ương trực tiếp theo dõi tình hình, tiến độ thực hiện cuộc vận động, tham mưu, đề xuất với Tiểu ban và Thường vụ Bộ Chính trị những vấn đề nảy sinh để kịp thời xử lý, giải quyết trong suốt quá trình chỉ đạo cuộc vận động.

- Huy động lực lượng cán bộ của các ban đảng Trung ương liên quan, của các Đảng ủy khối trực thuộc Trung ương, của Tiểu ban 6 (2), của các cơ quan chức năng khác liên quan... phục vụ cho công tác chỉ đạo của Trung ương và Bộ Chính trị.

- Thường vụ Bộ Chính trị đã trực tiếp gợi ý, xét duyệt nội dung báo cáo kiểm điểm của từng thường vụ cấp ủy và tổ chức đảng theo ba nội dung cơ bản được xác định là tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống và tổ chức chỉ đạo điều hành. Không chấp nhận làm lướt, làm đối, bảo đảm yêu cầu chất

lượng của báo cáo kiểm điểm dù buộc đơn vị phải làm đi làm lại nhiều lần.

- Kiểm điểm nêu cả ưu điểm, khuyết điểm nhưng chú ý làm rõ khuyết điểm để tìm hướng sửa chữa, khắc phục; coi trọng cả xây và chống nhưng chủ yếu là xây; kêu gọi tính tự giác kiểm điểm kết hợp xử lý những trường hợp vi phạm pháp luật, vi phạm nguyên tắc tổ chức, Điều lệ Đảng trong quá trình kiểm điểm và sau kiểm điểm; kết hợp với việc chỉ đạo giải quyết nhân sự trong bầu cử hội đồng nhân dân các cấp và phân công bố trí hợp lý lãnh đạo đảng ở một số tỉnh, thành phố theo yêu cầu công tác.

b) Chọn phương pháp tiến hành tự phê bình và phê bình phù hợp có hiệu quả, có tác dụng hướng dẫn chỉ đạo

- Thực hiện kiểm điểm tự phê bình và phê bình được bắt đầu một cách nghiêm túc từ Bộ Chính trị, Ban Cán sự Đảng Chính phủ, để tạo được khí thế chung trong việc triển khai cuộc vận động xuống cấp dưới. Từ khâu chuẩn bị, lấy ý kiến tham gia và tiến hành tự phê bình và phê bình được thực hiện một cách nghiêm túc và nhìn chung đa số thường vụ cấp ủy, tổ chức đảng đã khắc phục được cả hai khuynh hướng: làm qua loa, làm lướt hoặc lợi dụng đợt sinh hoạt này để đả kích lẫn nhau.

- Chuẩn bị kỹ báo cáo kiểm điểm theo đúng quy trình, hướng dẫn của Trung ương, làm không đúng quy trình phải làm lại, làm bổ sung để bảo đảm báo cáo kiểm điểm đạt yêu cầu.

- Bản kiểm điểm lấy ý kiến trong cấp ủy, tổ chức đảng cấp dưới, cán bộ lão thành, các đồng chí cấp ủy đã nghỉ hưu,

một số nơi tổ chức lấy ý kiến của nhân dân xã, phường. Trên cơ sở đó sửa chữa, bổ sung nâng chất lượng bản kiểm điểm sát đúng hơn.

- Sau khi có gợi ý kiểm điểm của Thường vụ Bộ Chính trị, cấp ủy tiếp thu, phân tích, giải trình để bổ sung và hoàn chỉnh trước khi tiến hành kiểm điểm.

- Tổ chức kiểm điểm bảo đảm đầy đủ thành viên tham dự với sự tham dự và chỉ đạo trực tiếp của đồng chí Ủy viên Bộ Chính trị hoặc Ủy viên Trung ương phụ trách cùng với lãnh đạo và chuyên viên các ban xây dựng Đảng, Văn phòng Trung ương.

- Kết quả thực hiện kiểm điểm tự phê bình và phê bình ở một số nơi vừa qua đã làm là kết quả của cả quá trình chuẩn bị kiểm điểm, tổ chức kiểm điểm và kế hoạch hành động cụ thể sau kiểm điểm cho đến lúc kết thúc cuộc vận động, bảo đảm không diễn ra "đầu voi đuôi chuột", "đánh trống bỏ dùi", sẽ có kinh nghiệm để chỉ đạo những nơi chưa làm và các cấp ủy bên dưới.

Việc đổi mới phương thức chỉ đạo triển khai thực hiện nghị quyết và xây dựng mô hình mới phù hợp bảo đảm cho kiểm điểm tự phê bình và phê bình của các thường vụ cấp ủy và tổ chức đảng thực hiện đúng yêu cầu; khó có thể làm lướt, làm đối, khó né tránh trách nhiệm trước cấp trên, trước đảng bộ và nhân dân đối với tình hình, thực trạng của cấp ủy, của địa phương.

c) Yếu tố quyết định là sự chỉ đạo kiên quyết của Trung ương, của Bộ Chính trị và sự đóng góp của các ban đảng, các cấp ủy cùng với sự hưởng ứng của toàn Đảng, sự phối hợp

đồng bộ của các cơ quan nhà nước, nhất là các cơ quan tư pháp, sự tham gia của nhân dân đối với cuộc vận động càng làm cho cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng lần này bước đầu đáp ứng được sự mong mỏi, chờ đợi của toàn Đảng và của nhân dân. Do đó khi triển khai bước đầu đã đạt được kết quả đáng mừng.

4. Những khuyết điểm, tồn tại

Kết quả nêu trên mới chỉ là bước đầu, có ý nghĩa quan trọng song có mức độ và còn nhiều tồn tại thử thách, đòi hỏi phải quyết tâm thực hiện để tiếp tục đạt được hiệu quả cao hơn.

- Một số thường vụ cấp ủy, cán bộ chủ chốt chưa nhận thức sâu xa ý nghĩa tầm quan trọng của cuộc vận động, vẫn có hiện tượng chưa thật sự vào cuộc, thiếu chủ động, chờ cấp trên, ngại kiểm điểm; chưa xác định rõ phải tự xây dựng, phải dày công suy nghĩ để thấy bản chất của tình hình, tìm tòi, sáng tạo phương hướng, biện pháp phát triển, đi lên của đơn vị, địa phương. Chưa tập trung làm rõ những vấn đề còn có những nhận thức khác nhau ảnh hưởng đến sự chỉ đạo điều hành, đến vận dụng các quan điểm, đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng trong thực hiện.

- Một số nơi bản báo cáo kiểm điểm vẫn chưa dám nhìn thẳng vào sự thật, chưa đánh giá được thực chất tình hình ở địa phương, đơn vị. Nội dung kiểm điểm dàn trải, thiếu tập trung vào ba vấn đề trọng tâm, nhất là những yếu kém, khuyết điểm; chưa đưa được các vấn đề nổi cộm của địa phương, đơn vị vào báo cáo kiểm điểm, những sự việc được gợi ý, dư luận đòi hỏi phải làm rõ còn tránh né, nêu chung

chung, thiếu cụ thể, không làm rõ mức độ, nguyên nhân, chưa rõ trách nhiệm và địa chỉ.

Phần kiểm điểm đạo đức, lối sống còn né tránh các vấn đề cụ thể về việc báo cáo cụ thể nhà, đất; về tiêu cực trong xây dựng cơ bản, về các dự án..., chưa làm rõ đúng sai và trách nhiệm cá nhân đối với các vụ tiêu cực, tham nhũng mà báo chí và dư luận đang rất quan tâm.

Phần thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ, tổ chức, điều hành của cấp ủy nhiều nơi ít nêu rõ trách nhiệm và địa chỉ trong ban thường vụ, trong lãnh đạo.

Nhiều bản kiểm điểm tập thể và kiểm điểm cá nhân thường chưa ăn khớp, có nơi có độ vênh khá lớn. Khuyết điểm, thiếu sót của tập thể chưa gắn với trách nhiệm của từng thành viên trong ban thường vụ, khuyết điểm của cá nhân chưa phản ánh đúng như khuyết điểm chung của tập thể đã nêu trong báo cáo.

- Vẫn còn một số thường vụ cấp ủy muốn làm lướt, làm nhanh, mang tính đối phó, giao khoán việc chuẩn bị cho văn phòng cấp ủy và cá nhân thường vụ phụ trách.

Nội dung của một số bản kiểm điểm cá nhân sơ sài, giản đơn, nêu nhiều ưu điểm, thành tích, khuyết điểm chỉ là về phong cách, lề lối làm việc, tính nóng nảy, e dè, nể nang trong đấu tranh phê bình,... không nêu được trách nhiệm cá nhân đối với những sự việc nổi cộm mà nhân dân và dư luận đòi hỏi phải làm rõ, né tránh các căn bệnh mất dân chủ, quan liêu, tham nhũng, né tránh nói đến việc nội bộ đã thực sự mất đoàn kết; chỉ khi có gợi ý của Thường vụ Bộ Chính trị mới kiểm điểm làm rõ.

Những khuyết điểm, tồn tại nêu trên đã hạn chế kết quả của kiểm điểm trên cả ba nội dung chủ yếu của tự phê bình và phê bình.

1- Chưa đi sâu phân tích tư tưởng chính trị trong việc xác định phương hướng phát triển lâu dài của địa phương, đơn vị, trong công tác chỉ đạo, trong việc vận dụng các quan điểm, đường lối cơ bản của Đảng ở mỗi lĩnh vực, mỗi cương vị phụ trách.

2- Tính tự giác trong kiểm điểm về đạo đức, lối sống còn hạn chế "cái biết thì báo cáo, cái chưa biết thì không tự giác báo cáo".

3- Ở một số đơn vị, sau kiểm điểm vẫn chưa phát huy được dân chủ nội bộ, vẫn còn hiện tượng chạy vạy chức quyền, chạy xin "dự án", chưa thể hiện sự chuyển biến ở việc làm, trách nhiệm, đoàn kết và nguyên tắc làm việc.

Những hạn chế, tồn tại trên đây cần phải tiếp tục chỉ đạo uốn nắn, khắc phục trong quá trình tiếp tục cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng.

II- MỘT SỐ PHƯƠNG HƯỚNG CHỈ ĐẠO

1. Tiếp tục chỉ đạo kiểm điểm tự phê bình và phê bình của các cấp ủy, tổ chức đảng trực thuộc Trung ương

Báo cáo của Bộ Chính trị trình Hội nghị Trung ương 8 đề ra thời hạn cho việc hoàn thành kiểm điểm tự phê bình và phê bình của các cấp ủy, tổ chức đảng trực thuộc Trung ương là quý I năm 2000.

Từ sau ngày 3-2-2000, cần tiếp tục theo dõi, chỉ đạo tốt các đơn vị còn lại hoàn thành kiểm điểm tự phê bình và phê bình, đặc biệt là các đơn vị điểm ở các bộ, ngành Trung ương.

Kinh nghiệm chỉ đạo cho thấy, cần chú ý kiểm điểm làm rõ chế độ trách nhiệm cá nhân, tập thể cấp ủy, tổ chức đảng, chính quyền trong các vụ việc xảy ra thuộc phạm vi phụ trách.

Nội dung kiểm điểm cần gắn liền với thực hiện chức năng, nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị, ngành, địa phương; xác định được nội dung, nhiệm vụ, giải pháp thiết thực để thực hiện có kết quả nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội. Mỗi cấp, mỗi ngành, mỗi cán bộ, đảng viên, nhất là cán bộ chủ chốt phải rất tự giác với chính mình để qua đó động viên toàn đảng bộ, tự giác tự phê bình và phê bình nghiêm túc, gắn liền với việc xây dựng các quy định, bảo đảm nội bộ đảng thực sự đoàn kết, chống bệnh quan liêu, tham nhũng, thực hiện có hiệu quả dân chủ trong Đảng. Điều đó sẽ làm cho bộ máy đảng, bộ máy nhà nước trong sạch, vững mạnh, được lòng dân và hoàn thành được nhiệm vụ.

Đề phòng một số phần tử cơ hội lợi dụng cuộc đấu tranh tự phê bình và phê bình để đả kích, khai thác một số tồn tại, khuyết điểm của người tích cực làm việc nhằm "đục nước béo cò"; trong đó có đơn thư nặc danh gửi đến nhiều nơi, có dụng ý xuyên tạc, vu khống nhằm làm mất uy tín của một số cán bộ lãnh đạo, gây mâu thuẫn nội bộ, đặc biệt là giữa cán bộ đương chức với các đồng chí về hưu, tạo ra dư luận bất bình, không có lợi cho quá trình xây dựng, chỉnh đốn Đảng và Đại hội Đảng các cấp sắp tới.

Phê phán khuynh hướng của một số cán bộ sợ trách nhiệm, chờ thời, chờ Đại hội xong mới dám làm hoặc làm cầm chừng, gây nên sự trì trệ, không thúc đẩy được nhiệm vụ chính trị.

Các đồng chí Ủy viên Bộ Chính trị, Ủy viên Trung ương Đảng được phân công phụ trách các đơn vị về trực tiếp tham dự và chỉ đạo phần kiểm điểm tập thể và cá nhân các đồng chí lãnh đạo chủ chốt của thường vụ cấp ủy, tổ chức đảng trực thuộc Trung ương và tiếp tục theo dõi, kiểm tra việc thực hiện của đơn vị đó cho đến ngày 19-5-2001, khi tổng kết cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng.

2. Tiếp tục chỉ đạo tự phê bình và phê bình đối với các cấp ủy, tổ chức đảng cấp dưới trực thuộc là rất quan trọng

Bộ Chính trị đã có văn bản hướng dẫn các cấp ủy và tổ chức đảng trực thuộc Trung ương triển khai kiểm điểm tự phê bình và phê bình cho cấp dưới trực thuộc, sau khi hoàn thành kiểm điểm của cấp ủy. Việc chỉ đạo kiểm điểm đối với cấp dưới cũng làm theo đúng tinh thần, nội dung như Trung ương chỉ đạo thường vụ cấp ủy và tổ chức đảng trực thuộc. Phải thông qua kiểm điểm tự phê bình và phê bình để xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh, nâng cao sức chiến đấu của các tổ chức cơ sở đảng, củng cố đoàn kết, tình đồng chí, chống khuynh hướng lợi dụng phê bình và động cơ cá nhân để gây chia rẽ, phá rối nội bộ. Đây là đối tượng quan trọng, đông đảo, giữ vai trò tham mưu và chỉ đạo trực tiếp những công việc của Trung ương, của tỉnh đến với cơ sở, với dân nên phải hết sức quan tâm làm tốt.

3. Đưa kiểm điểm tự phê bình và phê bình vào sinh hoạt thường xuyên của cấp ủy, tổ chức đảng, gắn cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng với tổ chức tốt các ngày kỷ niệm lớn và Đại hội Thi đua toàn quốc năm 2000

Tự phê bình và phê bình là quy luật phát triển của Đảng. Nó không phải là liều thuốc vạn năng, nhưng có vị trí, vai trò quan trọng trong công tác xây dựng Đảng. Vai trò của tự phê bình và phê bình thời gian qua có sự mờ nhạt là do nhiều cấp ủy buông lỏng, không thực hiện, nếu có chỉ là hình thức, thậm chí cho là điều kiện thực tiễn đã thay đổi nên không còn phù hợp.

Phát huy kết quả của kiểm điểm tự phê bình và phê bình lần này để đưa vào sinh hoạt thường xuyên của cấp ủy, tổ chức đảng, sẽ làm cho công tác xây dựng Đảng có sức sống và chất lượng mới.

Kết quả của cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng không thể tách rời sự tham gia đóng góp của nhân dân. Các ngày kỷ niệm lớn năm 2000 là cơ hội thuận lợi để tạo nên phong trào quần chúng thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ của Đảng, gắn bó Đảng với dân, dân với Đảng mà sự thể hiện sâu rộng là Đại hội Thi đua toàn quốc cuối năm 2000.

4. Tiếp tục cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng tiến tới Đại hội Đảng các cấp và Đại hội toàn quốc lần thứ IX của Đảng

Cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2) gắn với quá trình chuẩn bị Đại hội Đảng các cấp về chính trị tư tưởng, tổ chức và nhân sự. Kết quả của cuộc vận động sẽ được thể hiện ở kết quả của

Đại hội. Không thể có Đại hội thành công tốt đẹp ở nơi cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng không đạt yêu cầu và ngược lại. Đại hội sẽ là cái mốc lớn của công tác xây dựng Đảng, của quá trình trưởng thành, phát triển của Đảng.

Kết quả của cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng sẽ là cơ sở bảo đảm cho các cấp uỷ tiến tới Đại hội Đảng thành công.

5. Tổng kết cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng nhân dịp kỷ niệm sinh nhật Bác Hồ, ngày 19-5-2001

Đó là yếu tố tạo nên thành công của Đại hội IX của Đảng, đồng thời là kết quả để chào mừng Đại hội.

Toàn Đảng, các cấp uỷ, các ban đảng Trung ương có trách nhiệm tham gia góp phần tổng kết sâu sắc cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng.

Tiểu ban 6 (2) sẽ giúp Bộ Chính trị tổng hợp tình hình, xây dựng báo cáo tổng kết, góp phần vào báo cáo của Trung ương trình Đại hội IX vào quý I năm 2001.

Thành công của cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng sẽ góp phần quan trọng vào thành công của Đại hội IX của Đảng.

Thực hiện kế hoạch chỉ đạo các bước cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng, Bộ Chính trị thông báo kết quả bước đầu cuộc vận động (19-5-1999 - 3-2-2000) để các đồng chí Trung ương và các cấp uỷ đảng biết, kịp thời rút kinh nghiệm chỉ đạo việc tự phê bình và phê bình ở các tỉnh, ngành còn lại; và tiếp tục chỉ đạo chặt chẽ các cấp uỷ trực thuộc và các cơ sở đảng.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ

PHẠM THẾ DUYỆT

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

**BẢN TRÌNH BÀY
CỦA BỘ CHÍNH TRỊ
TẠI HỘI NGHỊ LẦN THỨ CHÍN
BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG
KHÓA VIII**

Ngày 19 tháng 4 năm 2000

**Về báo cáo bổ sung, sửa đổi Điều lệ Đảng
và định hướng chuẩn bị nhân sự
Ban Chấp hành Trung ương khóa IX**

Hội nghị Trung ương lần thứ chín thảo luận ở tổ và ở hội trường về vấn đề hệ trọng này còn ít, còn một số vấn đề quan trọng chưa đủ liều lượng để kết luận, Bộ Chính trị xin trình Trung ương về hai vấn đề trên như sau:

I- VỀ BÁO CÁO BỔ SUNG, SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ ĐẢNG

1. Đa số ý kiến tán thành các điểm đã được đề cập trong báo cáo bổ sung, sửa đổi Điều lệ Đảng và cho rằng: Báo cáo bổ sung, sửa đổi Điều lệ lần này được chuẩn bị tốt, khá kỹ, rõ quan điểm, nêu được nhiều phương án và các ý kiến khác nhau để Trung ương dễ thảo luận và cho ý kiến.

2. Mười hai vấn đề mà Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương (khóa VIII) cho định hướng nghiên cứu bổ sung, sửa đổi Điều lệ Đảng, Tiểu ban Điều lệ đã có báo cáo giải trình từng vấn đề, trong đó có một số vấn đề Tiểu ban đề nghị cần bổ sung, sửa đổi và một số vấn đề Tiểu ban đề nghị cần giữ lại như Điều lệ Đảng hiện hành. Nhiều đồng chí Trung ương đã thảo luận từng vấn đề, mỗi vấn đề đã thể hiện quan điểm theo từng phương án mà Tiểu ban Điều lệ nêu ra hoặc nêu thêm phương án, nhiều ý kiến lập luận khá sâu sắc, Bộ Chính trị đề nghị Ban Chấp hành Trung ương giao cho Tiểu ban Điều lệ tiếp tục nghiên cứu tiếp thu các ý kiến đó để hoàn chỉnh báo cáo theo 12 vấn đề mà Hội nghị Trung ương lần thứ tám đã cho ý kiến, tập trung vào một số vấn đề bức xúc, chín muồi mà thực tiễn cuộc sống đã đặt ra để trình Đại hội cho bổ sung, sửa đổi Điều lệ Đảng, còn những vấn đề cụ thể sẽ được thể hiện trong các văn bản dưới Điều lệ (như quy chế, quy định... của Trung ương, của Bộ Chính trị).

3. Qua các ý kiến đã phát biểu, Bộ Chính trị thấy ở Hội nghị Trung ương lần này đã có sự nhất trí trên một số vấn đề lớn như: cách đặt vấn đề, yêu cầu, quan điểm chỉ đạo nghiên cứu bổ sung, sửa đổi Điều lệ Đảng, phân mở đầu của Điều lệ Đảng, nhất là phải kiên trì các vấn đề nguyên tắc về Đảng và công tác xây dựng Đảng. Bộ Chính trị đề nghị Trung ương giao cho Tiểu ban trình Hội nghị Trung ương lần sau các vấn đề đã thống nhất nêu trên.

4. Một số vấn đề ý kiến còn khác nhau, Hội nghị lần này chưa kết luận, cần được đưa ra thảo luận tiếp ở Hội nghị Trung ương cuối tháng 6-2000 như: vấn đề đảng viên “không

bóc lột”; đại hội đại biểu bất thường hoặc hội nghị đại biểu giữa nhiệm kỳ; việc bổ sung Ủy viên Trung ương giữa nhiệm kỳ; có bầu Ủy viên Trung ương dự khuyết hay không; các cơ quan lãnh đạo cấp cao của Đảng và nhiệm vụ, quyền hạn của các cơ quan đó (Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Thường vụ Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Tổng Bí thư); thẩm quyền thi hành kỷ luật trong Đảng... Riêng quy định đảng viên “không bóc lột” và đảng viên “không được làm kinh tế tư bản tư nhân”, Bộ Chính trị đề nghị Trung ương thảo luận theo hướng làm rõ tiêu chí thế nào là bóc lột, thế nào là tư bản tư nhân...

Có một số vấn đề tuy không nêu trong quy định của Điều lệ nhưng một số đồng chí Trung ương có nêu ý kiến, như vấn đề lập các ban tham mưu của Đảng nên giao cho Ban Chấp hành Trung ương quyết, vấn đề bí thư cấp ủy nên kiêm bí thư đảng ủy quân sự tỉnh hay kiêm bí thư đảng ủy công an tỉnh? Vấn đề cố vấn Ban Chấp hành Trung ương có ghi vào Điều lệ không? v.v.. Đề nghị Trung ương giao cho Tiểu ban giải trình tại Hội nghị Trung ương kỳ tới.

5. Tóm lại, Bộ Chính trị đề nghị Trung ương giao cho Tiểu ban Điều lệ tập trung nghiên cứu các vấn đề còn ý kiến khác nhau qua thảo luận của Trung ương, qua ý kiến các hội nghị chuyên đề chuẩn bị nội dung báo cáo bổ sung, sửa đổi Điều lệ và dự thảo Điều lệ Đảng (sửa đổi) trình Hội nghị Trung ương thông qua trong kỳ họp cuối tháng 6-2000, sau đó mới đưa xuống thảo luận ở đại hội đại biểu đảng bộ các cấp.

II- VỀ ĐỊNH HƯỚNG CHUẨN BỊ NHÂN SỰ BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG KHÓA IX

1. Về tiêu chuẩn Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa IX

Hầu hết ý kiến tán thành những tiêu chuẩn do Tiểu ban Nhân sự đã trình Trung ương; trong đó nhấn mạnh các tiêu chuẩn về phẩm chất chính trị, trí tuệ, năng lực hoạt động thực tiễn, đạo đức lối sống và điều kiện về sức khỏe. Một số ý kiến cũng đề nghị làm rõ một số từ ngữ để tránh hiểu lầm, hiểu sai trong quá trình lựa chọn nhân sự. Bộ Chính trị có ý kiến như sau: Điều lệ Đảng đã quy định tiêu chuẩn đảng viên, Ủy viên Trung ương Đảng ngoài việc đáp ứng tiêu chuẩn của người đảng viên cộng sản như Điều lệ đã quy định, còn phải đạt một số yêu cầu ở mức cao hơn, vì vậy Bộ Chính trị đề nghị Trung ương giao cho Tiểu ban Nhân sự tiếp thu ý kiến, lược bớt câu chữ dễ gây hiểu nhầm, hiểu sai, hoàn chỉnh văn bản để trình Bộ Chính trị và tiếp tục báo cáo để Ban Chấp hành Trung ương xem xét tại Hội nghị Trung ương cuối tháng 6-2000.

2. Về cơ cấu Ban Chấp hành Trung ương

Một số đồng chí cho rằng các tỉnh, thành phố, các bộ nên có Ủy viên Trung ương Đảng. Qua thực tế phân công, bố trí cán bộ của các Đại hội Đảng gần đây, Bộ Chính trị đề nghị với Trung ương trên cơ sở tiêu chuẩn có xem xét yêu cầu chung của các ngành, các cấp... để lựa chọn nhân sự Ủy viên

Ban Chấp hành Trung ương khóa IX. Không vì cơ cấu mà chọn Ủy viên Trung ương một cách gượng ép. Sau khi Đại hội bầu Ban Chấp hành Trung ương khóa IX, Bộ Chính trị xem xét, bố trí, điều động công tác đối với Ủy viên Trung ương một cách phù hợp, kiên quyết thực hiện việc luân chuyển, điều chuyển cán bộ theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 3 (khóa VIII) về chiến lược cán bộ, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ và phát huy được khả năng của từng Ủy viên Trung ương và đội ngũ cán bộ của Đảng.

3. Về số lượng Ủy viên Trung ương

Nhiều đồng chí đồng ý như Tờ trình, một số đồng chí đề nghị số lượng Ban Chấp hành Trung ương khóa IX nên 150 - 160 đồng chí, một số đồng chí khác đề nghị 170 đồng chí.

Trên cơ sở giới thiệu, lựa chọn nguồn nhân sự, căn cứ vào tiêu chuẩn Ủy viên Trung ương và cơ cấu hợp lý trên cơ sở bảo đảm tiêu chuẩn, Bộ Chính trị trình Trung ương xem xét vào phiên họp cuối năm 2000 về dự kiến số lượng Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương khóa IX để Đại hội xem xét, quyết định (có thể dao động trong khoảng 150 - 170 đồng chí).

4. Về độ tuổi

Nhiều ý kiến đồng ý cơ cấu độ tuổi nêu trong Tờ trình, có ý kiến vẫn nên quy định giới hạn tuổi đối với các đồng chí Ủy viên Trung ương khóa VIII tái cử và các đồng chí tham gia Trung ương lần đầu, qua ý kiến của Trung ương và thực tế nhân sự Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa VIII,

Bộ Chính trị đề nghị việc quy định ba độ tuổi và ngưỡng tuổi như trong báo cáo trình Trung ương là cần thiết, song không nên cứng nhắc, tuyệt đối hóa về tuổi như một số trường hợp của Đại hội VIII vừa qua. Đề nghị độ tuổi của Ủy viên Trung ương khóa IX từ 50 - 60 tuổi chiếm khoảng 50 - 60%; còn lại là dưới 50 tuổi và một số đồng chí trên 60 tuổi. Các đồng chí Ủy viên Trung ương tái cử nhìn chung không quá 64 tuổi là phù hợp. Đối với những đồng chí từ 65 tuổi trở lên, do yêu cầu công tác và có đủ độ tin nhiệm thì có thể tái cử để giữ trọng trách lớn của Đảng và Nhà nước. Đối với các cấp ủy cấp dưới, Bộ Chính trị sẽ có hướng dẫn cụ thể vấn đề này trong chỉ thị về đại hội các cấp.

5. Về công tác chuẩn bị nhân sự

Hầu hết ý kiến tán thành năm nội dung do Tiểu ban Nhân sự trình Trung ương. Trên cơ sở này, Bộ Chính trị sẽ chỉ đạo tiến hành các bước chuẩn bị nhân sự một cách chặt chẽ ngay từ cơ sở, bảo đảm đại hội các cấp góp phần giúp chuẩn bị bước đầu nguồn nhân sự Ban Chấp hành Trung ương khóa IX. Quá trình giới thiệu, lựa chọn nhân sự Ban Chấp hành Trung ương phải được tiến hành thận trọng, chặt chẽ, sử dụng có hiệu quả các cơ quan tham mưu, tránh tình trạng “chạy chức, chạy quyền”.

*

* *

Quá trình lựa chọn nhân sự để chuẩn bị cho Đại hội IX bầu Ban Chấp hành Trung ương khóa mới, đáp ứng

yêu cầu lãnh đạo mọi mặt và toàn diện của Đảng, đưa đất nước vững bước vào thế kỷ đầu tiên của thiên niên kỷ thứ ba là vấn đề hết sức quan trọng. Bộ Chính trị sẽ xem xét thận trọng, chuẩn bị đề án trình Ban Chấp hành Trung ương vào các phiên họp trước khi bước vào Đại hội toàn quốc của Đảng.

BỘ CHÍNH TRỊ

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

THÔNG BÁO
Ý KIẾN CỦA BỘ CHÍNH TRỊ

Số 290-TB/TW, ngày 13 tháng 4 năm 2000

**Về dự án Pháp lệnh người cao tuổi và
dự án Pháp lệnh nhập, xuất cảnh, quá cảnh,
cư trú, đi lại của người nước ngoài tại Việt Nam
(sửa đổi)**

Tại phiên họp ngày 7-4-2000, sau khi nghe Đảng đoàn Quốc hội báo cáo và ý kiến của các ngành về dự án Pháp lệnh người cao tuổi và dự án Pháp lệnh nhập, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú, đi lại của người nước ngoài tại Việt Nam (sửa đổi), Bộ Chính trị có ý kiến như sau:

1. Về dự án Pháp lệnh người cao tuổi

Đồng ý với đề nghị của Đảng đoàn Quốc hội về việc ban hành Pháp lệnh người cao tuổi (Tờ trình số 207/ĐĐQH10, ngày 3-4-2000).

- Độ tuổi của người cao tuổi, Đảng đoàn Quốc hội cần bàn bạc kỹ với Hội Người cao tuổi, nên để Đại hội Người cao tuổi thảo luận, quyết định và được quy định trong điều lệ của Hội.
- Việc xác định Hội Người cao tuổi là tổ chức xã hội tự nguyện có ở hai cấp là hợp lý.

- Ngày người cao tuổi Việt Nam không nên quy định trong Pháp lệnh.

2. Về dự án Pháp lệnh nhập, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú, đi lại của người nước ngoài tại Việt Nam (sửa đổi)

Đồng ý để Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành Pháp lệnh nhập, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú, đi lại của người nước ngoài tại Việt Nam (sửa đổi) theo đề nghị của Đảng đoàn Quốc hội (Tờ trình 208/ĐĐQH10, ngày 3-4-2000).

Vấn đề quản lý nhà nước về nhập, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú, đi lại của người nước ngoài tại Việt Nam giao cho Chính phủ thống nhất quản lý. Đảng đoàn Quốc hội trao đổi kỹ với Ban Cán sự Đảng Chính phủ xử lý những vấn đề còn vướng mắc để sớm ban hành Pháp lệnh này.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ

PHẠM THẾ DUYỆT

Lưu tại Kho Lưu trữ

Trung ương Đảng.

THÔNG BÁO
Ý KIẾN CỦA BỘ CHÍNH TRỊ
Số 291-TB/TW, ngày 13 tháng 4 năm 2000
Về dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều
của *Bộ luật tố tụng hình sự*

Tại phiên họp ngày 6-4-2000, sau khi nghe Đảng đoàn Quốc hội báo cáo và ý kiến của các ngành về dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của *Bộ luật tố tụng hình sự*, Bộ Chính trị có ý kiến như sau:

1. Đồng ý với đề nghị của Đảng đoàn Quốc hội về việc trình Quốc hội xem xét, sửa đổi, bổ sung một số điều của *Bộ luật tố tụng hình sự* nhằm cụ thể hoá những điểm mới trong chính sách hình sự của Đảng và Nhà nước ta vừa được thể hiện trong *Bộ luật hình sự* năm 1999 và nâng cao một bước chất lượng hoạt động của các cơ quan, những người tiến hành tố tụng, góp phần hạn chế việc bắt, giam giữ, truy tố, xét xử oan, sai trong hoạt động tố tụng hình sự.

2. Về một số nội dung sửa đổi, bổ sung của dự án luật, cơ bản đồng ý với dự án Luật sửa đổi, bổ sung và ý kiến của Đảng đoàn Quốc hội nêu tại Tờ trình số 204/ĐĐQH10, ngày 31-3-2000.

Về căn cứ bắt người trong trường hợp khẩn cấp, điều kiện tạm giam và thời gian tạm giam liên quan đến các trình tự tố tụng, Đảng đoàn Quốc hội có trách nhiệm tiếp thu ý kiến của Bộ Chính trị trao đổi kỹ với các cơ quan tiến hành tố tụng ở Trung ương (Bộ Công an, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân tối cao) thống nhất cách xử lý trước khi trình Quốc hội.

Lưu ý: Phải cố gắng xác định rõ nội hàm của khái niệm "Phạm tội trong trường hợp nghiêm trọng" và trường hợp nào được coi là "Trường hợp cần thiết, đối với tội xâm phạm an ninh quốc gia thì Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân tối cao có quyền gia hạn thêm" thời hạn tạm giam. Nếu không quy định rõ được trong luật thì phải có văn bản giải thích, hướng dẫn cụ thể.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ

PHẠM THẾ DUYỆT

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

THÔNG BÁO
Ý KIẾN CỦA BỘ CHÍNH TRỊ
Số 292-TB/TW, ngày 13 tháng 4 năm 2000
Về một số vấn đề trong dự án
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều
của *Luật dầu khí*

Tại phiên họp ngày 6-4-2000, sau khi nghe Đảng đoàn Quốc hội báo cáo và ý kiến của các ngành về dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của *Luật dầu khí*, Bộ Chính trị có ý kiến như sau:

1. Đồng ý với đề nghị của Đảng đoàn Quốc hội về việc trình Quốc hội xem xét, sửa đổi, bổ sung một số điều của *Luật dầu khí* tại kỳ họp thứ bảy Quốc hội khoá X.

2. Về một số nội dung sửa đổi, bổ sung của dự án luật.

- Đồng ý bổ sung quy định về việc các bên ký kết hợp đồng dầu khí có thể thoả thuận áp dụng luật nước ngoài hoặc tập quán quốc tế nếu pháp luật Việt Nam chưa có quy định và không trái với nguyên tắc cơ bản của pháp luật Việt Nam.

- Cần quy định việc ký kết hợp đồng dầu khí phải thông qua đấu thầu theo quy định riêng của Chính phủ. Trường hợp đặc biệt Thủ tướng Chính phủ có thể cho phép chỉ định

thầu nhưng phải định rõ từng trường hợp cụ thể, chủ yếu là vì lý do bảo vệ an ninh chính trị.

- Cần cân nhắc kỹ để quy định trong luật thời hạn nhà thầu được giữ lại diện tích phát hiện khí có khả năng thương mại và thời hạn kéo dài hợp đồng dầu khí trong trường hợp bất khả kháng.

- Nội dung sửa đổi, bổ sung về miễn giảm thuế cơ bản thực hiện theo các quy định về thuế của *Luật đầu tư nước ngoài tại Việt Nam* nhưng cũng phải lưu ý đến tính đặc thù của hoạt động dầu khí để có những quy định phù hợp.

- Việc tổ chức cơ quan quản lý nhà nước về dầu khí, Ban Cán sự Đảng Chính phủ có trách nhiệm xây dựng phương án cụ thể để triển khai thi hành luật.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ

PHẠM THẾ DUYỆT

Lưu tại Kho Lưu trữ

Trung ương Đảng.

THÔNG BÁO
Ý KIẾN CỦA BỘ CHÍNH TRỊ
 Số 293-TB/TW, ngày 13 tháng 4 năm 2000
Về dự án *Luật khoa học và công nghệ*

Tại phiên họp ngày 7-4-2000, sau khi nghe Đảng đoàn Quốc hội báo cáo và ý kiến của các ngành về dự án *Luật khoa học và công nghệ*, Bộ Chính trị có ý kiến như sau:

1. Nội dung của dự án luật đã được chuẩn bị khá công phu, nhưng vẫn còn nhiều điểm chưa rõ, chưa có tính thuyết phục, do vậy Đảng đoàn Quốc hội cần giao cho Ban soạn thảo và Ủy ban Thường vụ Quốc hội tiếp thu ý kiến của Bộ Chính trị tiếp tục nghiên cứu, chỉnh lý lại dự án luật báo cáo Bộ Chính trị xem xét tại phiên họp sau.

2. *Luật khoa học và công nghệ* phải thể chế hoá đúng đắn các quan điểm, đường lối của Đảng về khoa học và công nghệ, nhằm tạo ra cơ chế pháp lý thông thoáng cho hoạt động nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ; phát huy tài trí của người Việt Nam; khuyến khích sự tìm tòi, sáng tạo của mọi tổ chức và cá nhân; bảo đảm sự quản lý thống nhất của Nhà nước về khoa học và công nghệ.

Lưu ý: Cần nhắc, tính toán kỹ về phạm vi điều chỉnh của luật bao gồm cả hai lĩnh vực: khoa học tự nhiên, khoa học kỹ

thuật, công nghệ và khoa học xã hội nhân văn hay chỉ điều chỉnh trong lĩnh vực khoa học tự nhiên và công nghệ nếu bao gồm cả khoa học xã hội và nhân văn thì xử lý trong luật này như thế nào? Cần xác định rõ nội dung các quy định về trách nhiệm của Nhà nước trong việc phát triển khoa học và công nghệ; quyền, nghĩa vụ của tổ chức và cá nhân trong hoạt động khoa học và phát triển công nghệ; vấn đề cá nhân thành lập viện nghiên cứu khoa học; việc thực hiện nguyên tắc dân chủ, tự do sáng tạo, tự chủ, trung thực khách quan, đề cao đạo đức nghề nghiệp trong hoạt động khoa học và công nghệ; các biện pháp bảo đảm phát triển khoa học và công nghệ...

Không nên quy định trong luật về ngày khoa học.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ

PHẠM THẾ DUYỆT

Lưu tại Kho Lưu trữ

Trung ương Đảng.

THÔNG BÁO
Ý KIẾN CỦA BỘ CHÍNH TRỊ

Số 294-TB/TW, ngày 13 tháng 4 năm 2000

**Về dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều
của *Luật đầu tư nước ngoài tại Việt Nam***

Tại phiên họp ngày 6-4-2000, sau khi nghe Đảng đoàn Quốc hội báo cáo và ý kiến của các ngành về dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của *Luật đầu tư nước ngoài tại Việt Nam*, Bộ Chính trị có ý kiến như sau:

1. Phạm vi sửa đổi, bổ sung *Luật đầu tư nước ngoài tại Việt Nam* lần này cần tập trung lựa chọn những vấn đề thực sự vướng mắc mà thực tế đang đặt ra cần phải tháo gỡ ngay nhằm cải thiện môi trường đầu tư, cải cách thủ tục hành chính đối với đầu tư, khuyến khích việc huy động và sử dụng các nguồn vốn đầu tư nước ngoài, góp phần thúc đẩy kinh tế phát triển, tạo điều kiện để nước ta tham gia vào tiến trình hội nhập kinh tế khu vực và thế giới. Đồng thời bảo đảm sự quản lý của Nhà nước đối với đầu tư nước ngoài tại Việt Nam.

2. Về hình thức đầu tư, cần xem xét kỹ ba hình thức đầu tư nước ngoài theo luật hiện hành có gì cản trở, vướng mắc không? Việc bổ sung thêm hai hình thức đầu tư mới là doanh nghiệp cổ phần có vốn đầu tư nước ngoài và doanh nghiệp

hợp doanh có vốn đầu tư nước ngoài đã thực sự cần phải bổ sung ngay đợt này chưa? Nếu chưa phải là nhu cầu bức xúc thì chưa nên bổ sung. Trước mắt có thể cho phép Chính phủ tiến hành làm thí điểm; làm thí điểm hình thức đầu tư nào thì Chính phủ phải có phương án cụ thể báo cáo Ủy ban Thường vụ Quốc hội cho ý kiến và trình Bộ Chính trị xem xét quyết định.

3. Về các cơ chế, chính sách; tán thành cơ bản với ý kiến của Đảng đoàn Quốc hội nêu tại Tờ trình số 206/ĐĐQH, ngày 31-3-2000, cụ thể là:

- Việc thoả thuận áp dụng pháp luật nước ngoài, các bên có thể thoả thuận nếu pháp luật Việt Nam chưa quy định và hậu quả pháp lý của việc áp dụng pháp luật nước ngoài không trái với những nguyên tắc cơ bản của pháp luật Việt Nam.

- Nguyên tắc nhất trí trong liên doanh cần giữ lại nhưng có thể thu hẹp phạm vi áp dụng.

- Vấn đề hoàn thuế thu nhập doanh nghiệp đối với lợi nhuận tái đầu tư và thuế chuyển lợi nhuận ra nước ngoài cần giữ nguyên quy định hiện hành. Riêng thuế chuyển lợi nhuận ra nước ngoài có thể nghiên cứu giảm bớt thuế suất so với hiện nay và có thể giảm thuế thu nhập doanh nghiệp nếu nhà đầu tư nước ngoài dùng lợi nhuận để tái đầu tư.

Phương án thuế do Bộ Tài chính đề nghị phải tiếp tục nghiên cứu thêm.

- Về quyền thế chấp tài sản có liên quan đến đất đai, có thể cho phép các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài thế chấp tài sản gắn liền với đất và giá trị quyền sử dụng đất tại các tổ chức tín dụng hoạt động tại Việt Nam để vay vốn.

4. Cùng với việc sửa đổi luật, Chính phủ phải có biện pháp: đẩy mạnh cải cách nền hành chính, giảm bớt các thủ tục phiền hà, ngăn chặn tệ của quyền, sách nhiễu, tham nhũng; tăng cường chế độ trách nhiệm, chế độ kỷ luật của các cơ quan nhà nước và cán bộ, công chức trong việc tiếp nhận, giải quyết các thủ tục hành chính cho các nhà đầu tư nước ngoài.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ

PHẠM THẾ DUYỆT

Lưu tại Kho Lưu trữ

Trung ương Đảng.

THÔNG BÁO
KẾT LUẬN CỦA BỘ CHÍNH TRỊ
Số 295-TB/TW, ngày 13 tháng 4 năm 2000
Về xây dựng Quảng trường Hồ Chí Minh
và tượng đài Bác Hồ tại tỉnh Nghệ An

Tại phiên họp ngày 7-4-2000, sau khi nghe đại diện Thường trực Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An và Ban chỉ đạo xây dựng tượng đài Chủ tịch Hồ Chí Minh báo cáo việc thực hiện Thông báo 220-TB/TW, ngày 31-5-1999 của Bộ Chính trị, Bộ Chính trị đã thảo luận và kết luận như sau:

1. Đồng ý đặt tên quảng trường là “Quảng trường Hồ Chí Minh”.
2. Đồng ý với phương án 1 nêu trong báo cáo nói trên, địa điểm xây dựng Quảng trường Hồ Chí Minh và tượng đài Bác Hồ là Công viên trung tâm thành phố Vinh, Nghệ An.
3. Bộ Chính trị giao cho đồng chí Lê Xuân Tùng, Ủy viên Bộ Chính trị và đồng chí Phạm Gia Khiêm, Ủy viên Trung ương Đảng, Phó Thủ tướng Chính phủ thay mặt Bộ Chính trị theo dõi chỉ đạo tỉnh xây dựng công trình đến khi hoàn thành; tỉnh tiếp tục tổ chức lấy ý kiến đóng góp để hoàn chỉnh mẫu tượng Bác Hồ trình Bộ Chính trị xem xét quyết định.

4. Bộ Chính trị giao cho các đồng chí Phạm Thế Duyệt, Ủy viên Thường vụ, Thường trực Bộ Chính trị, Nguyễn Đức Bình, Ủy viên Bộ Chính trị, Nguyễn Mạnh Cầm, Ủy viên Bộ Chính trị, Lê Xuân Tùng, Ủy viên Bộ Chính trị và đồng chí Phạm Gia Khiêm, Ủy viên Trung ương Đảng, Phó Thủ tướng Chính phủ trực tiếp duyệt mẫu tượng Bác và quyết định việc khởi công xây dựng công trình.

Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An phối hợp với Ban Tư tưởng - Văn hoá Trung ương, Bộ Văn hoá - Thông tin và các cơ quan có liên quan thực hiện nhiệm vụ xây dựng công trình theo đúng các quy định của Nhà nước, tiết kiệm, tránh phô trương hình thức, bảo đảm chất lượng cao về mỹ thuật và kỹ thuật, xứng đáng là công trình văn hoá có tầm cỡ quốc gia; kiên quyết xử lý kịp thời, nghiêm khắc mọi biểu hiện tiêu cực trong quá trình xây dựng công trình này.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ

PHẠM THẾ DUYỆT

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

THÔNG BÁO
Ý KIẾN CỦA BỘ CHÍNH TRỊ
Số 296-TB/TW, ngày 5 tháng 5 năm 2000
Về dự án *Luật khoa học và công nghệ*,
dự án *Luật hôn nhân và gia đình* (sửa đổi)

Tại phiên họp ngày 4-5-2000, sau khi nghe Đảng đoàn Quốc hội báo cáo về dự án *Luật khoa học và công nghệ*, dự án *Luật hôn nhân và gia đình* (sửa đổi), Bộ Chính trị có ý kiến như sau:

Đồng ý với đề nghị của Đảng đoàn Quốc hội về việc trình Quốc hội xem xét thông qua dự án *Luật khoa học và công nghệ*, dự án *Luật hôn nhân và gia đình* (sửa đổi) tại kỳ họp thứ bảy sắp tới.

- Về dự án *Luật khoa học và công nghệ*, Đảng đoàn Quốc hội chỉ đạo Ban soạn thảo và các cơ quan hữu quan hoàn chỉnh dự án luật theo phương án 1 (Tờ trình số 209/ĐĐQH10, ngày 24-4-2000).

- Về một số vấn đề thuộc nội dung của dự án *Luật hôn nhân và gia đình* (sửa đổi), cơ bản tán thành với đề nghị của Đảng đoàn Quốc hội (Tờ trình số 211/ĐĐQH10, ngày 28-4-2000).

Quá trình Quốc hội thảo luận nếu có vấn đề gì vướng mắc, Đảng đoàn Quốc hội báo cáo để Bộ Chính trị xem xét trước khi Quốc hội biểu quyết thông qua.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ

PHẠM THẾ DUYỆT

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

THÔNG BÁO
Ý KIẾN CỦA BỘ CHÍNH TRỊ
Số 300-TB/TW, ngày 5 tháng 5 năm 2000
Về báo cáo công tác hội nhập kinh tế quốc tế

Trong hai ngày 3 và 4-5-2000, Bộ Chính trị đã nghe Ban Cán sự Đảng Chính phủ và một số bộ, ngành báo cáo công tác hội nhập kinh tế quốc tế trong thời gian qua và chương trình hành động trong giai đoạn tới. Bộ Chính trị đã thảo luận và có ý kiến như sau:

- Ban Cán sự Đảng Chính phủ tiếp tục hoàn chỉnh báo cáo công tác hội nhập kinh tế quốc tế trong thời gian qua và chương trình hành động cho giai đoạn tới. Sau Hội nghị Trung ương 10 (khóa VIII) sẽ tiếp thu ý kiến thảo luận của Trung ương để bổ sung và ra nghị quyết của Bộ Chính trị về vấn đề này.

Báo cáo cần chú ý đánh giá kỹ hơn thế và lực của ta về kinh tế và chính trị trong bối cảnh mới trong nước và quốc tế hiện nay, nêu rõ những khuyết điểm, thiếu sót cần khắc phục và những giải pháp thiết thực để công tác hội nhập kinh tế quốc tế đóng góp tích cực hơn vào việc thực hiện đường lối phát triển nền kinh tế độc lập, tự chủ, theo định hướng xã hội chủ nghĩa của nước ta.

- Ban Cán sự Đảng Chính phủ tiếp tục chuẩn bị để tham gia vòng đàm phán mới về thương mại với WTO và xử lý một số vấn đề trong Hiệp định Thương mại Việt - Mỹ, trình Bộ Chính trị cho ý kiến.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ

PHẠM THẾ DUYỆT

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

CHỈ THỊ CỦA BỘ CHÍNH TRỊ

Số 54-CT/TW, ngày 22 tháng 5 năm 2000

Về đại hội đảng bộ các cấp, tiến tới Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX của Đảng

Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khoa VIII) đã quyết định triệu tập Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX của Đảng vào cuối quý I năm 2001.

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX của Đảng được tiến hành vào thời điểm có ý nghĩa lịch sử trọng đại, là Đại hội đầu tiên của Đảng ta khi bước vào thế kỷ mới. Đất nước ta có những thuận lợi, thời cơ mới, đồng thời đứng trước những khó khăn, thách thức lớn. Đại hội IX tiến hành tổng kết 5 năm thực hiện Nghị quyết Đại hội VIII, 10 năm thực hiện *Chiến lược ổn định và phát triển kinh tế - xã hội 1991 - 2000* và 15 năm đổi mới; tiếp tục cụ thể hoá, bổ sung, hoàn thiện đường lối, chính sách; xác định phương hướng, nhiệm vụ trong những năm đầu của thế kỷ XXI và bầu Ban Chấp hành Trung ương nhiệm kỳ 2001 - 2005.

Đại hội IX của Đảng là Đại hội phát huy sức mạnh toàn dân tộc, tiếp tục đổi mới, đẩy mạnh công nghiệp hoá,

hiện đại hoá, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

Việc tiến hành đại hội đảng bộ các cấp tiến tới Đại hội IX của Đảng là đợt sinh hoạt chính trị rộng lớn trong toàn Đảng, toàn dân, toàn quân. Đại hội đảng bộ các cấp đạt kết quả tốt là tiền đề rất quan trọng bảo đảm cho sự thành công của Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX của Đảng.

Bộ Chính trị yêu cầu các cấp ủy Đảng lãnh đạo việc chuẩn bị và tiến hành đại hội đảng bộ các cấp theo đúng yêu cầu, nội dung sau đây:

I- YÊU CẦU

1. Phát huy dân chủ, tập trung trí tuệ của cán bộ, đảng viên và nhân dân, nâng cao trách nhiệm, giữ vững kỷ cương, tăng cường đoàn kết. Thực sự đổi mới công tác chuẩn bị văn kiện và chuẩn bị nhân sự đại hội; chú trọng cả về nội dung nhiệm vụ và công tác nhân sự.

2. Làm tốt việc thảo luận các dự thảo văn kiện Đại hội IX, dự thảo văn kiện đại hội đại biểu đảng bộ cấp trên và kiểm điểm nghiêm túc việc thực hiện nghị quyết của đại hội cấp mình nhiệm kỳ qua, làm rõ ưu điểm, khuyết điểm, nguyên nhân, rút ra những bài học, đề ra các chủ trương, mục tiêu, giải pháp cụ thể, thiết thực để lãnh đạo thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ chính trị của từng đảng bộ trong nhiệm kỳ tới.

3. Bầu cấp ủy nhiệm kỳ mới phải coi trọng chất lượng, gồm những đồng chí tiêu biểu cho đảng bộ về phẩm chất, năng lực, có uy tín, đoàn kết, có số lượng và cơ cấu hợp lý, có

khả năng lãnh đạo thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội IX và nghị quyết đại hội đảng bộ cấp mình.

Bầu đoàn đại biểu dự đại hội đại biểu đảng bộ cấp trên gồm những đồng chí có năng lực, uy tín và có khả năng đóng góp vào sự thành công của đại hội.

4. Việc chuẩn bị và tiến hành đại hội đảng bộ các cấp phải kết hợp chặt chẽ với cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng, tự phê bình và phê bình nghiêm túc theo Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2); kiện toàn tổ chức bộ máy theo Nghị quyết Trung ương 7; nâng cao sức chiến đấu của đội ngũ cán bộ, đảng viên; tập trung giải quyết các vấn đề bức xúc mà đảng bộ và nhân dân quan tâm, tăng thêm sự phấn khởi, tin tưởng trong toàn Đảng, toàn dân, toàn quân, phấn đấu hoàn thành tốt các nhiệm vụ kinh tế - xã hội năm 2000 và 2001.

II- NỘI DUNG

Đại hội đảng bộ các cấp phải làm tốt các công việc sau:

- Thảo luận các dự thảo văn kiện Đại hội IX của Đảng và các dự thảo văn kiện của cấp trên theo hướng dẫn của Trung ương và cấp ủy cấp trên.

- Tổng kết kết quả thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ nhiệm kỳ qua, xác định nhiệm vụ chính trị nhiệm kỳ tới của đảng bộ.

- Bầu ban chấp hành mới của đảng bộ.

- Bầu đoàn đại biểu dự đại hội đại biểu đảng bộ cấp trên.

Ở các tổ chức cơ sở đảng đã đến nhiệm kỳ Đại hội hoặc chỉ còn một năm (đối với cấp xã, phường), 6 tháng (đối với các loại cơ sở khác) mới hết nhiệm kỳ Đại hội (theo quy định của

Điều lệ Đảng) thì tiến hành đại hội với các nội dung trên. Nơi cấp uỷ chưa hết nhiệm kỳ, nơi chưa tổ chức tốt việc kiểm điểm theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 6 (2), hoặc tình hình phức tạp, nội bộ mất đoàn kết nghiêm trọng, chỉ tiến hành đại hội thảo luận dự thảo văn kiện đại hội cấp trên; bầu đoàn đại biểu dự đại hội đảng bộ cấp trên; bổ sung nhiệm vụ của đảng bộ mình theo phương hướng, nhiệm vụ của toàn Đảng và của đại hội đảng bộ cấp trên.

1. Về chuẩn bị các dự thảo văn kiện của cấp uỷ trình đại hội đảng bộ cấp mình

Các cấp uỷ phải nắm vững ý nghĩa, yêu cầu Đại hội IX của Đảng và tư tưởng chỉ đạo của Ban Chấp hành Trung ương Đảng đối với đại hội đảng bộ các cấp, bám sát thực tế địa phương, đơn vị, huy động và sử dụng tốt trí tuệ của tập thể lãnh đạo, cơ quan tham mưu, của cả đảng bộ và nhân dân tham gia xây dựng dự thảo Báo cáo chính trị. Đặc biệt chú ý tổ chức lấy ý kiến của đại biểu nhân dân, các nhà khoa học, của các đồng chí lão thành cách mạng, các cán bộ chủ chốt đã về hưu một cách thực chất, không hình thức, đóng góp thiết thực cho Đại hội Đảng.

Quá trình chuẩn bị Báo cáo chính trị của đảng bộ cần nhìn thẳng vào sự thật, tổng kết sâu sắc kết quả thực hiện Nghị quyết của Đại hội Đảng bộ nhiệm kỳ qua, làm rõ ưu điểm, khuyết điểm và nguyên nhân yếu kém; tránh tư tưởng thành tích; tập trung vào những vấn đề lớn, cơ bản, bức xúc như: phát triển kinh tế - xã hội; xoá đói, giảm nghèo và cải thiện đời sống nhân dân; lãnh đạo công cuộc công nghiệp hoá, hiện đại hoá, chuyển đổi cơ cấu kinh tế, xây dựng quan

hệ sản xuất mới; công tác quốc phòng, an ninh; công tác lãnh đạo chính quyền, mặt trận và các đoàn thể; củng cố đoàn kết nội bộ; chống quan liêu, tham nhũng, mất đoàn kết, mất dân chủ và tệ lãng phí.

Về nhiệm vụ của đảng bộ nhiệm kỳ tới, báo cáo cần tập trung nêu rõ mục tiêu, giải pháp, đẩy mạnh công cuộc đổi mới và phát triển công nghiệp hoá, hiện đại hoá, xây dựng Đảng bộ trong sạch, vững mạnh.

Cấp ủy phải có bản báo cáo kiểm điểm nhiệm kỳ qua và bản báo cáo về kết quả sau hơn một năm thực hiện cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng, tự phê bình và phê bình, kế hoạch và kết quả bước đầu sửa chữa khuyết điểm theo Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2) để báo cáo Đại hội.

2. Về thảo luận các dự thảo văn kiện

Căn cứ hướng dẫn của Trung ương, các ban thường vụ tỉnh ủy, thành ủy, đảng ủy trực thuộc Trung ương tổ chức các hội nghị cán bộ để thảo luận, đóng góp ý kiến vào dự thảo các văn kiện, đồng thời hướng dẫn các cấp ủy huyện, quận, thị, thành phố trực thuộc tỉnh và tương đương tổ chức hội nghị cán bộ, các hội nghị chi bộ trong toàn đảng bộ thảo luận, đóng góp ý kiến vào dự thảo văn kiện Đại hội IX của Đảng và dự thảo văn kiện của cấp ủy cấp trên. Chú trọng lấy ý kiến mặt trận, các đoàn thể, công nhân, nông dân, trí thức, thanh niên, phụ nữ, cán bộ lão thành cách mạng, cán bộ hưu trí.

Ban thường vụ cấp ủy mỗi cấp có trách nhiệm tổng hợp ý kiến của cán bộ, đảng viên và nhân dân, ý kiến thảo luận của đại hội đảng bộ cấp dưới, để đoàn chủ tịch đại hội trình đại hội đảng bộ cấp mình thông qua những vấn đề đã được nhất

trí và tập trung thảo luận những vấn đề lớn, còn có ý kiến khác nhau.

Phát huy dân chủ, coi trọng quyền phát biểu ý kiến của đại biểu, khuyến khích tranh luận thẳng thắn, tự phê bình và phê bình nghiêm túc. Đoàn Chủ tịch đại hội có quy định về thời gian để mỗi đại biểu phát biểu ý kiến, đi thẳng vào những vấn đề mấu chốt, ngắn gọn, có chất lượng, khắc phục cách đọc tham luận dài dòng, chung chung, kể lể thành tích hoặc đi vào những vấn đề học thuật đơn thuần.

3. Về công tác chuẩn bị nhân sự và tiến hành bầu cử cấp ủy

Các cấp ủy và tổ chức đảng phải nắm vững tiêu chuẩn, thực hiện đúng Điều lệ Đảng, các Quy chế và quy trình về công tác cán bộ, tổ chức lấy ý kiến trong Đảng và tham khảo ý kiến của đại biểu nhân dân về việc giới thiệu người đủ tiêu chuẩn tham gia cấp ủy khoá mới.

a) Tiêu chuẩn

Việc lựa chọn người để bầu vào cấp ủy các cấp phải căn cứ vào tiêu chuẩn cán bộ được quy định trong Nghị quyết Trung ương 3 và Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2) khoá VIII. Đặc biệt nhấn mạnh một số điểm sau:

- Có bản lĩnh chính trị vững vàng, kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, trung thành với chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh cả trong nhận thức và trong hành động; chấp hành nghiêm túc Cương lĩnh, Điều lệ và nghị quyết của Đảng.

- Có đạo đức cách mạng và lối sống lành mạnh, trung thực, gương mẫu; có tinh thần tiết kiệm, chống lãng phí; không tham nhũng, quan liêu, không cơ hội, vụ lợi, tham vọng quyền lực; được đảng viên và nhân dân tín nhiệm.

- Có năng lực, kiến thức, sức khỏe, hoàn thành chức trách, nhiệm vụ được giao. Có khả năng nắm bắt thực tiễn, đề xuất chủ trương, giải pháp đóng góp vào sự lãnh đạo tập thể của ban chấp hành và vận dụng sáng tạo, có kết quả đường lối, nghị quyết của Đảng vào thực tiễn cuộc sống trong lĩnh vực được phân công phụ trách. Chấp hành nghiêm nguyên tắc tập trung dân chủ trong tổ chức và sinh hoạt đảng, có tinh thần tự phê bình và phê bình, giữ gìn sự đoàn kết thống nhất, phát huy dân chủ và giữ vững kỷ cương trong Đảng. Có phong cách, phương pháp công tác tốt.

Căn cứ vào tiêu chuẩn trên, ở mỗi cấp cần cụ thể hoá cho sát hợp với yêu cầu ở mỗi đảng bộ.

b) Cơ cấu

Trên cơ sở tiêu chuẩn, các cấp ủy cần có cơ cấu hợp lý để đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ lãnh đạo của mỗi cấp; nhưng nhất thiết không vì cơ cấu mà làm giảm chất lượng cấp ủy.

Những địa phương và ngành cần có người tham gia cấp ủy nhưng chưa chuẩn bị được người tại chỗ thì ban thường vụ cấp ủy cấp trên chỉ đạo lựa chọn người ở nơi khác, để sau bầu cử sẽ điều động cấp ủy viên từ nơi khác đến; không nhất thiết địa phương nào, ban, ngành nào cũng phải có người tham gia cấp ủy; khắc phục tư tưởng cục bộ, khép kín.

Bảo đảm tỉ lệ cán bộ nữ không dưới 15% tổng số cấp uỷ viên; cán bộ dân tộc ít người, cán bộ xuất thân từ công nhân không thấp hơn khoa hiện nay.

Cấp uỷ các cấp cần có 3 độ tuổi; chú ý tăng thêm những đồng chí trẻ có đủ tiêu chuẩn, bảo đảm tính kế thừa và phát triển; các đồng chí được bầu lần đầu vào cấp uỷ nên có độ tuổi tham gia được hai khoá trở lên, ít nhất phải tham gia được trọn khoá; trường hợp đặc biệt phải căn cứ vào tình hình nhân sự và yêu cầu cụ thể để lựa chọn, không máy móc về độ tuổi.

Đối với các đồng chí bí thư cấp uỷ tỉnh, huyện thì thực hiện theo đúng Nghị quyết Trung ương 3 (khoá VIII) không giữ một chức vụ ở một đơn vị quá hai nhiệm kỳ; đối với một số bí thư huyện uỷ miền núi, do điều kiện đặc thù, có thể được vận dụng linh hoạt khi được cấp uỷ cấp trên trực tiếp đồng ý.

c) Số lượng

Cấp uỷ viên cấp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương từ 39 - 47 đồng chí (riêng Đảng bộ Hà Nội, Đảng bộ Thành phố Hồ Chí Minh, Thanh Hoá, Nghệ An không quá 49 đồng chí); uỷ viên ban thường vụ từ 11 - 13 đồng chí, phó bí thư 2 đồng chí. Trường hợp đặc biệt Bộ Chính trị sẽ xem xét quyết định cụ thể.

Cấp uỷ viên cấp huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh và cấp uỷ tương đương từ 25 - 33 đồng chí; uỷ viên ban thường vụ từ 9 - 11 đồng chí; phó bí thư 2 đồng chí.

Cấp uỷ viên ở khối cơ quan Trung ương từ 15 - 21 đồng chí; uỷ viên ban thường vụ từ 5 - 7 đồng chí; phó bí thư từ

1 - 2 đồng chí; cấp ủy viên ở khối các cơ quan cấp tỉnh, thành từ 13 - 19 đồng chí.

Cấp ủy viên ở các tổ chức cơ sở đảng: thực hiện theo quy định của Điều lệ Đảng; đối với những cơ sở có đông đảng viên thì không quá 15 đồng chí; những nơi cấp ủy được bầu 9 đồng chí trở lên thì bầu ban thường vụ. Số lượng phó bí thư đảng ủy từ 1 - 2 đồng chí.

Căn cứ vào tiêu chuẩn và thực trạng đội ngũ cán bộ, các đại hội có thể quyết định bầu số lượng cấp ủy viên và các cấp ủy mới được bầu có thể quyết định bầu số lượng ủy viên ban thường vụ cấp ủy cấp mình ít hơn số lượng nêu trên.

Trong Đại hội, sau khi đề cử và ứng cử, số lượng cụ thể trong danh sách bầu cử cấp ủy ở mỗi cấp do đại hội đại biểu cấp đó quyết định; nhưng phải nhiều hơn số lượng cần bầu ít nhất là 10%. Số lượng trong danh sách bầu ban thường vụ do cấp ủy mới quyết định; nhưng cũng phải nhiều hơn số lượng cần bầu ít nhất là 10%. Danh sách những người được ban chấp hành cũ chuẩn bị đề cử để bầu ban chấp hành, ban thường vụ mới nên nhiều hơn số lượng được bầu khoảng 10%.

4. Về bầu đoàn đại biểu dự đại hội đảng bộ cấp trên

a) Việc bầu đoàn đại biểu dự đại hội đảng bộ cấp trên phải theo quy định của Điều lệ Đảng, hướng dẫn của cấp ủy và tổ chức đảng có thẩm quyền cấp trên. Đại biểu được bầu phải bảo đảm tiêu chuẩn: trung thành với lý tưởng của Đảng, có phẩm chất chính trị vững vàng; có lối sống trong sạch, lành mạnh, trung thực; có tinh thần tự phê bình và phê bình; có khả năng đóng góp ý kiến vào các quyết định của đại hội.

b) Số lượng đại biểu đại hội đảng bộ các cấp như sau:

Số lượng đại biểu đại hội đảng bộ tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, quân đội, công an: từ 250 - 300; nhiều nhất không quá 400.

Số lượng đại biểu đại hội đảng bộ khối cơ quan Trung ương và các đảng bộ trực thuộc Trung ương khác: từ 150 - 200.

Số lượng đại biểu đại hội đảng bộ huyện, quận, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh và cấp tương đương: từ 100 - 150, nhiều nhất không quá 180.

Ở cấp cơ sở: nơi có 200 đảng viên trở lên thì tiến hành đại hội đại biểu. Nơi có dưới 200 đảng viên thì tổ chức đại hội đảng viên; nơi có khó khăn về điều kiện tổ chức đại hội đảng viên, được cấp ủy cấp trên trực tiếp chấp thuận thì tiến hành đại hội đại biểu.

Ở mỗi đại hội đảng bộ được bầu một số đại biểu dự khuyết để thay thế đại biểu chính thức khi có đại biểu chính thức vắng mặt suốt thời gian đại hội đại biểu đảng bộ cấp trên. Số lượng đại biểu dự khuyết do đại hội mỗi cấp quyết định.

c) Cấp ủy triệu tập đại hội căn cứ vào số lượng đảng bộ trực thuộc, số lượng đảng viên và đặc điểm của từng đảng bộ trực thuộc để phân bổ đại biểu.

5. Về thời gian tiến hành đại hội

- Đại hội đảng viên hoặc đại hội đại biểu đảng cấp cơ sở từ 1 - 2 ngày; bắt đầu từ tháng 7-2000, hoàn thành vào cuối tháng 9-2000.

- Đại hội đại biểu đảng bộ cấp huyện, quận và tương đương không quá 3 ngày; tiến hành sau khi làm xong đại hội cấp cơ sở và hoàn thành vào cuối tháng 11-2000.

- Đại hội đại biểu đảng bộ tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, quân đội, công an không quá 4 ngày; đảng bộ khối cơ quan Trung ương không quá 3 ngày; từ cuối tháng 11-2000, hoàn thành vào cuối tháng 1-2001.

- Thời gian tiến hành họp trừ bị đại hội đại biểu đảng bộ cấp trên cơ sở không quá một ngày.

III- CHỈ ĐẠO THỰC HIỆN

1. Đại hội đại biểu đảng bộ các cấp tiến hành một vòng từ dưới lên; coi trọng chất lượng, thiết thực, tiết kiệm, an toàn, tránh phô trương, hình thức, lãng phí; không mời khách là đại biểu các địa phương bạn.

2. Các cấp ủy tổ chức quán triệt Chỉ thị này và có kế hoạch chỉ đạo thực hiện nghiêm túc; phát động thi đua lập thành tích chào mừng Đại hội, gắn liền với kỷ niệm các ngày lễ lớn trong năm 2000; phấn đấu thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ chính trị; nắm vững công tác tư tưởng, bảo đảm phát huy dân chủ và giữ vững kỷ cương, ngăn ngừa những biểu hiện tiêu cực.

3. Các cấp ủy lập các Tiểu ban về Báo cáo chính trị và công tác nhân sự... giúp cấp ủy chuẩn bị đại hội cấp mình; phân công ủy viên thường vụ và cấp ủy viên phụ trách chỉ đạo việc chuẩn bị các dự thảo văn kiện và nhân sự cấp dưới; chỉ đạo làm điểm để rút kinh nghiệm trước khi mở rộng ra diện.

Những nơi có vấn đề mất đoàn kết nội bộ hoặc có đơn thư tố cáo cụ thể đối với cán bộ chủ chốt thì cấp ủy cấp trên trực tiếp chỉ đạo kiểm điểm, kết luận; trường hợp có cán bộ sai

phạm nghiêm trọng thì phải xử lý nghiêm minh và cử người thay trước đại hội.

Các trường hợp đảng viên có vấn đề cần xem xét về lịch sử chính trị thì cấp ủy có thẩm quyền sớm thẩm tra, kết luận và báo cáo, xin ý kiến cấp ủy cấp trên trước khi giới thiệu làm đại biểu đại hội và vào cấp ủy.

Các ban thường vụ cấp ủy cấp dưới phải báo cáo về việc chuẩn bị văn kiện và phương án nhân sự của đại hội đảng bộ mình và khi được ban thường vụ cấp ủy cấp trên đồng ý thì mới tiến hành đại hội.

Sau đại hội, cấp ủy cần kịp thời có kế hoạch và chỉ đạo triển khai thực hiện nghị quyết đại hội; phân công công tác cho các cấp ủy viên; báo cáo cấp ủy cấp trên xem xét, chuẩn y; sớm xây dựng, bổ sung quy chế làm việc; báo cáo, rút kinh nghiệm việc chuẩn bị và tiến hành đại hội trong đảng bộ mình.

4. Thường vụ Bộ Chính trị tập trung chỉ đạo các ban của Trung ương Đảng theo chức năng của mình hướng dẫn, theo dõi, kiểm tra, việc chuẩn bị và tiến hành đại hội đảng bộ các cấp; tổng hợp, báo cáo định kỳ với Thường vụ Bộ Chính trị.

*

* *

Chỉ thị này được phổ biến đến các chi bộ, các tổ chức cơ sở đảng, và lưu hành trong đại hội đảng bộ các cấp.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ

PHẠM THẾ DUYỆT

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

THÔNG BÁO
Ý KIẾN CỦA THƯỜNG VỤ BỘ CHÍNH TRỊ
Số 302-TB/TW, ngày 12 tháng 6 năm 2000
Về chủ trương đối với
các ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam

Ngày 2-6-2000, sau khi nghe đại diện Ban Cán sự Đảng Chính phủ trình bày Đề án củng cố, chấn chỉnh và sắp xếp lại các ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam, phương án xử lý Ngân hàng thương mại cổ phần xuất nhập khẩu Việt Nam và Ngân hàng thương mại cổ phần châu Á - Thái Bình Dương, Thường vụ Bộ Chính trị có ý kiến như sau:

1. Tiếp tục củng cố, chấn chỉnh và sắp xếp lại các ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam nhằm hình thành những ngân hàng thương mại cổ phần hoạt động lành mạnh, an toàn, đúng pháp luật, có đủ năng lực tài chính, hoạt động kinh doanh có uy tín và hiệu quả, có khả năng cạnh tranh đáp ứng được đòi hỏi ngày càng cao của nền kinh tế trong quá trình hội nhập kinh tế thế giới và khu vực.

2. Ban Cán sự Đảng Chính phủ chỉ đạo sớm ban hành Nghị định về tổ chức và hoạt động của Ngân hàng thương mại; đồng thời chỉ đạo Thống đốc Ngân hàng Nhà nước xây dựng, ban hành và chỉnh sửa các thông tư, quy chế để tạo ra

cơ chế quản lý chặt chẽ phù hợp đối với tổ chức và hoạt động của các ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam.

3. Giao cho Ban Cán sự Đảng Chính phủ chỉ đạo Thống đốc Ngân hàng Nhà nước và các ngành, các cấp có liên quan phối hợp cùng các cơ quan pháp luật triển khai Đề án củng cố, chấn chỉnh và sắp xếp lại các ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam. Trong quá trình xử lý cần quán triệt các tư tưởng chỉ đạo sau đây:

- Tích cực, chặt chẽ, xử lý triệt để, đúng luật pháp công tác củng cố, chấn chỉnh và sắp xếp lại các ngân hàng thương mại cổ phần để nâng cao chất lượng quản trị, kiểm soát điều hành của các cán bộ lãnh đạo ngân hàng cổ phần, phù hợp với khả năng quản lý nhà nước của Ngân hàng Nhà nước. Không để ngân hàng thương mại cổ phần đổ vỡ ngoài vòng kiểm soát; không gây tác động xấu làm mất ổn định chính trị - xã hội; hạn chế đến mức thấp nhất những tổn thất khó tránh khỏi cho công quỹ; ưu tiên trước hết cho việc thu hồi các tài sản; làm rõ sai phạm, xử lý nghiêm minh, đúng pháp luật các cá nhân và tổ chức gây hậu quả nghiêm trọng trong hoạt động của các ngân hàng.

- Căn cứ vào thực trạng và khả năng phát triển của từng ngân hàng, phân loại các ngân hàng thương mại cổ phần thành từng nhóm, để có giải pháp xử lý phù hợp; giảm bớt số lượng các ngân hàng hoạt động yếu kém. Việc xử lý đối với các ngân hàng thương mại cổ phần yếu kém theo hướng "sáp nhập, hợp nhất, mua lại, thu hồi giấy phép hoạt động, thanh lý hoặc phá sản" phải làm từng bước, thận trọng, có kế hoạch, bước đi cụ thể, chắc chắn, căn cứ vào khả năng, điều kiện để

quyết định mức độ xử lý phù hợp, đồng thời phải tranh thủ ý kiến của các cấp ủy đảng trên địa bàn.

- Tăng cường củng cố các ngân hàng thương mại quốc doanh để các ngân hàng này giữ vai trò chủ đạo và chủ lực trên thị trường tiền tệ, tham gia tích cực vào việc củng cố, chấn chỉnh và sắp xếp lại các ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam.

- Cần phải công tâm trong việc đánh giá tài sản của các ngân hàng, bảo đảm đúng với giá trị thực của các tài sản này. Thành lập ngay Công ty mua bán nợ tồn đọng của các ngân hàng thương mại, trước hết là những khoản nợ gắn với tài sản xiết nợ, đồng thời xem xét, bổ sung và sử dụng có hiệu quả quỹ hỗ trợ sắp xếp lại các ngân hàng thương mại cổ phần.

- Về phương án xử lý Ngân hàng thương mại cổ phần xuất nhập khẩu và Ngân hàng thương mại cổ phần châu Á - Thái Bình Dương, Ban Cán sự Đảng Chính phủ chỉ đạo các cơ quan xử lý theo tư tưởng chỉ đạo nêu trên, bảo đảm ổn định chính trị - xã hội và đúng pháp luật hiện hành.

4. Tăng cường công tác đào tạo cán bộ trong ngành ngân hàng, chú trọng đào tạo cán bộ cho các ngân hàng thương mại cổ phần giỏi về nghiệp vụ chuyên môn, gương mẫu trong chấp hành pháp luật để từng bước nâng cao chất lượng hoạt động của các ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam.

5. Ban Cán sự Đảng Ngân hàng Nhà nước tiến hành kiểm điểm sâu sắc việc chấp hành tư tưởng chỉ đạo của Ban Bí thư (khoá VII) về Ngân hàng thương mại cổ phần, việc thí điểm thành lập hệ thống quỹ tín dụng nhân dân và việc cho phép

thành lập các chi nhánh ngân hàng nước ngoài và báo cáo Thường vụ Bộ Chính trị về tình hình hoạt động và những chủ trương giải pháp chấn chỉnh quỹ tín dụng nhân dân trong thời gian tới.

T/M THƯỜNG VỤ BỘ CHÍNH TRỊ
PHẠM THẾ DUYỆT

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

**QUY ĐỊNH
CỦA BỘ CHÍNH TRỊ**

Số 76-QĐ/TW, ngày 15 tháng 6 năm 2000

**Về việc đảng viên đang công tác ở các cơ quan¹,
doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp thường xuyên giữ
mối liên hệ với chi ủy, đảng ủy cơ sở và
gương mẫu thực hiện nghĩa vụ công dân
nơi cư trú**

- Căn cứ Điều 1, Điều 2 Chương I, Điều lệ Đảng;
- Căn cứ Nghị quyết Hội nghị lần thứ sáu (lần 2) Ban
Chấp hành Trung ương Đảng khoá VIII,

BỘ CHÍNH TRỊ QUY ĐỊNH:

Điều 1. Trách nhiệm của đảng viên và của tổ chức cơ sở đảng.

1. Đảng viên đang công tác ở các cơ quan, doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp vừa thực hiện đúng quy định của Điều lệ Đảng về sinh hoạt Đảng tại nơi làm việc; vừa có trách nhiệm "thường

1. Đảng viên đang công tác ở các cơ quan: bao gồm các cơ quan đảng, nhà nước, đoàn thể; các cơ quan trong quân đội, công an... ở các cấp.

xuyên giữ mối liên hệ với chi ủy, đảng ủy cơ sở nơi cư trú" nhằm gần gũi nhân dân, góp phần củng cố mối quan hệ mật thiết giữa Đảng và nhân dân; khắc phục những biểu hiện sống xa dân, thiếu trách nhiệm trong các công việc của dân nơi cư trú.

2. Tổ chức cơ sở đảng ở nơi đảng viên đang công tác và nơi đảng viên đang cư trú tăng cường trách nhiệm trong việc quản lý, kiểm tra đảng viên thực hiện nhiệm vụ đảng viên và nghĩa vụ công dân ở nơi cư trú.

Điều 2. Nhiệm vụ của đảng viên ở nơi cư trú.

1. gương mẫu thực hiện nghĩa vụ công dân; tuyên truyền, vận động gia đình và nhân dân thực hiện đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, các công tác xã hội ở nơi cư trú, các quy định của xóm, tổ dân cư.

2. Tích cực tham gia các cuộc họp (nếu có) do đại diện cấp ủy phường, xã hoặc chi ủy nơi cư trú triệu tập, góp ý kiến với chi ủy, đảng ủy ở nơi cư trú về các công việc chung của địa phương.

3. Hằng năm hoặc khi cần thì báo cáo với chi ủy, chi bộ nơi công tác về việc giữ mối liên hệ với tổ chức đảng ở nơi cư trú và thực hiện nghĩa vụ công dân của mình ở nơi cư trú.

Điều 3. Nhiệm vụ của cấp ủy, chi bộ nơi đảng viên công tác.

1. Chủ động liên hệ (bằng giấy giới thiệu của chi ủy hoặc đảng ủy cơ sở nơi làm việc, bằng gặp gỡ trực tiếp) với chi ủy hoặc đảng ủy cơ sở nơi đảng viên cư trú.

Những đảng viên thường xuyên đi công tác xa nhà, lưu động hoặc có công tác đặc biệt thì cấp ủy, chi bộ nơi đảng viên công tác quy định cụ thể một cách sát hợp việc giới thiệu với tổ chức đảng nơi đảng viên cư trú.

2. Kiểm tra đảng viên thực hiện các nghĩa vụ công dân ở nơi cư trú. Biểu dương những đảng viên thực hiện tốt và nhắc nhở những đảng viên chưa thực hiện tốt các nhiệm vụ ở nơi cư trú.

3. Đại diện cấp ủy, chi bộ nơi đảng viên đang công tác định kỳ và khi cần thiết tiến hành việc trao đổi ý kiến với đại diện cấp ủy, chi bộ nơi đảng viên cư trú để nắm tình hình đảng viên thực hiện việc giữ mối liên hệ với chi ủy, đảng ủy nơi cư trú và nghĩa vụ công dân nơi cư trú.

Điều 4. Nhiệm vụ của cấp ủy, chi bộ nơi đảng viên cư trú.

1. Chủ động nắm số lượng đảng viên, họ tên, địa chỉ công tác... của từng đảng viên đang cư trú ở phường, xã, khu dân cư của mình.

2. Định kỳ và khi cần thông báo cho đảng viên biết tình hình, nhiệm vụ của địa phương có liên quan để đảng viên nắm được thông tin, gương mẫu thực hiện, vận động gia đình và nhân dân thực hiện.

3. Định kỳ hằng năm hoặc khi cần thông báo với cấp ủy, chi bộ nơi đảng viên đang công tác về tình hình đảng viên thực hiện nhiệm vụ ở nơi cư trú; đề nghị biểu dương những đảng viên thực hiện tốt và góp ý kiến với những đảng viên chưa thực hiện tốt hoặc có thiếu sót, khuyết điểm ở nơi cư trú.

Điều 5. Tổ chức thực hiện.

1. Các tỉnh, thành ủy và đảng ủy trực thuộc Trung ương căn cứ Quy định này chỉ đạo các quận, huyện ủy và cấp ủy xã, phường triển khai thực hiện tốt Quy định này và hằng năm báo cáo với cấp ủy cấp trên.

2. Ban Tổ chức Trung ương chủ trì cùng với các ban Đảng có liên quan giúp Bộ Chính trị theo dõi, kiểm tra việc thực hiện và tổng hợp kết quả báo cáo Thường vụ Bộ Chính trị.

3. Quy định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và được phổ biến đến các chi bộ để thực hiện.

T/M THƯỜNG VỤ BỘ CHÍNH TRỊ

PHẠM THẾ DUYỆT

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

**QUYẾT ĐỊNH
CỦA BỘ CHÍNH TRỊ**

Số 77-QĐ/TW, ngày 22 tháng 6 năm 2000

Về việc ban hành Quy chế bầu cử trong Đảng

Căn cứ Điều lệ Đảng, Nghị quyết Hội nghị lần thứ ba Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khoá VIII) về Chiến lược cán bộ thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước, Quy chế làm việc Ban Chấp hành Trung ương và Bộ Chính trị (khoá VIII),

Xét đề nghị của Ban Tổ chức Trung ương và các cơ quan có liên quan,

BỘ CHÍNH TRỊ QUYẾT ĐỊNH:

1. Ban hành Quy chế bầu cử trong Đảng kèm theo Quyết định này.

2. Các cấp ủy và tổ chức đảng có trách nhiệm chỉ đạo thực hiện Quy chế.

Ban Tổ chức Trung ương chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan hướng dẫn thực hiện, theo dõi và kiểm tra việc thực hiện Quy chế.

3. Quy chế có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Các quy định trước đây trái với Quy chế này đều bãi bỏ.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ

PHẠM THẾ DUYỆT

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

QUY CHẾ BẦU CỬ TRONG ĐẢNG
(Ban hành theo Quyết định số 77-QĐ/TW,
ngày 22 tháng 6 năm 2000 của Bộ Chính trị)

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1.

Quy chế này được áp dụng đối với việc bầu cử trong Đảng từ cấp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đến cấp cơ sở và chi bộ. Đối với việc bầu cử các cơ quan lãnh đạo ở cấp Trung ương có quy chế riêng.

Điều 2.

2.1. Việc bầu cử trong Đảng bằng phiếu kín ở các cấp bao gồm:

- Ban Chấp hành đảng bộ, chi bộ (gọi tắt là cấp ủy).
- Ban Thường vụ cấp ủy, bí thư, phó bí thư cấp ủy.
- Ủy ban kiểm tra, chủ nhiệm, phó chủ nhiệm ủy ban kiểm tra của cấp ủy.
- Đại biểu dự đại hội đảng bộ cấp trên.

2.2. Việc lập ra các cơ quan điều hành, giúp việc Đại hội, Hội nghị đảng (Đoàn chủ tịch Đại hội, Đoàn thư ký, Chủ tịch Hội nghị, Ban thẩm tra tư cách đại biểu, Ban kiểm phiếu...)

bằng hình thức biểu quyết giơ tay, không phải qua bầu cử bằng phiếu kín.

Điều 3. Thực hiện các quyền của đảng viên và đại biểu đảng viên về ứng cử, đề cử, bầu cử

3.1. Ứng cử:

- Tất cả đảng viên chính thức đều có quyền ứng cử vào các cơ quan lãnh đạo của Đảng ở các cấp, dù đảng viên đó là đại biểu hay không là đại biểu của đại hội đảng.

- Đảng viên không phải là đại biểu của đại hội ứng cử vào cấp ủy từ cấp huyện, quận và tương đương trở lên phải có các điều kiện: chậm nhất là 15 ngày trước khi họp đại hội phải gửi đến cấp ủy triệu tập đại hội đơn xin ứng cử; bản khai lý lịch được xác nhận và bản nhận xét của cấp ủy cơ sở.

- Cấp ủy viên mỗi cấp có quyền ứng cử để được bầu vào ban thường vụ, vào ủy ban kiểm tra của cấp đó; ủy viên thường vụ mỗi cấp có quyền ứng cử để được bầu bí thư, phó bí thư cấp ủy cấp đó. Trường hợp cấp ủy chỉ bầu bí thư, phó bí thư, không bầu ban thường vụ thì cấp ủy viên có quyền ứng cử để bầu bí thư, phó bí thư.

- Chỉ có đại biểu chính thức (ở đại hội đại biểu) và đảng viên chính thức (ở đại hội đảng viên) mới có quyền ứng cử làm đại biểu đi dự đại hội đảng bộ cấp trên trực tiếp.

3.2. Đề cử:

- Đại biểu chính thức của đại hội đại biểu đảng bộ mỗi cấp có quyền đề cử những đảng viên là đại biểu và những đảng viên không phải là đại biểu của đại hội đảng bộ cấp mình tham gia cấp ủy cấp đó.

Khi đề cử đảng viên không phải là đại biểu của đại hội đại biểu vào cấp ủy, người đề cử phải báo cáo bằng văn bản về sơ yếu lý lịch, tư cách của người được đề cử với cơ quan chuẩn bị nhân sự của đại hội và được sự đồng ý của người đó.

- Đại biểu chính thức của đại hội đại biểu đảng bộ mỗi cấp có quyền đề cử những đảng viên là đại biểu chính thức của đại hội đại biểu cấp đó đi dự đại hội đảng bộ cấp trên.

Ở đại hội đảng viên cấp cơ sở, đảng viên chính thức, đảng viên sinh hoạt tạm thời và đảng viên dự bị đều có quyền đề cử đảng viên chính thức làm đại biểu dự đại hội đảng bộ cấp trên hoặc để bầu vào cấp ủy cấp mình.

- Cấp ủy cấp triệu tập đại hội có trách nhiệm chuẩn bị nhân sự cấp ủy khoá mới, khi cần thiết, hoặc theo yêu cầu của đa số đại biểu đại hội thì đoàn chủ tịch đại hội trình danh sách nhân sự do cấp ủy khoá trước chuẩn bị để đại hội tham khảo trước khi tiến hành bầu cấp ủy khoá mới.

3.3. Bầu cử:

Chỉ có đại biểu chính thức của đại hội đại biểu các cấp và đảng viên chính thức của đại hội đảng viên ở cấp cơ sở mới có quyền bầu cấp ủy cấp mình và bầu đại biểu dự đại hội đảng bộ cấp trên.

Ở đại hội đảng viên cấp cơ sở, đảng viên sinh hoạt tạm thời và đảng viên dự bị không có quyền bầu cử.

Điều 4. Thủ tục bầu cử

4.1. Lập danh sách bầu cử:

Danh sách bầu cử là danh sách những người ứng cử và được đề cử để tiến hành bầu cử các cơ quan và cán bộ lãnh đạo của Đảng đã nêu ở điểm 2.1, Điều 2.

Đoàn chủ tịch đại hội lập danh sách bầu cử để đại hội biểu quyết thông qua.

Số lượng các thành viên trong danh sách bầu cử cấp ủy và ban thường vụ phải nhiều hơn số lượng cần bầu. Người được đề cử xin rút khỏi danh sách bầu cử, kể cả người có mặt hay không có mặt tại cuộc bầu cử đều được đưa ra đại hội thảo luận (tại đoàn hoặc tại hội trường), đoàn chủ tịch xem xét đề nghị đại hội quyết định; ở chi bộ do chủ tịch đại hội đề nghị đại hội chi bộ trực tiếp quyết định.

Danh sách bầu cử xếp thứ tự tên người theo vần A, B, C...

4.2. Phiếu bầu cử:

- Phiếu bầu cử in sẵn họ, tên những người trong danh sách bầu cử, có đóng dấu của cấp ủy ở góc trái phía trên của phiếu bầu.

- Nơi không có điều kiện in phiếu, người bầu tự viết họ, tên người mình tín nhiệm trên một tờ giấy thống nhất do ban kiểm phiếu đại hội phát hành.

- Người bầu cử nếu không bầu cho ai trong danh sách bầu cử thì gạch giữa cả chữ họ và tên của người mà mình không bầu.

- Phiếu bầu chia làm hai loại:

- + Phiếu hợp lệ là phiếu do ban kiểm phiếu phát ra, phiếu bầu đủ hoặc thiếu số lượng phải bầu, trường hợp phiếu bầu mà danh sách bầu cử chỉ có một người bị gạch tên thì vẫn hợp lệ.

- + Phiếu không hợp lệ là phiếu không do ban kiểm phiếu phát ra; phiếu bầu nhiều hơn số lượng quy định; phiếu không bầu cho ai trong danh sách bầu cử nhiều người; phiếu bầu người ngoài danh sách bầu cử; phiếu có đánh dấu hoặc dùng nhiều loại mực, phiếu ký tên hoặc viết thêm.

*Chương II***CÁC TỔ CHỨC PHỤ TRÁCH VIỆC CHUẨN BỊ
VÀ TIẾN HÀNH BẦU CỬ****Điều 5. Cấp ủy cấp triệu tập đại hội**

Cấp ủy triệu tập đại hội có trách nhiệm chuẩn bị một số công việc sau:

- Chuẩn bị danh sách những đồng chí có đủ tiêu chuẩn để giới thiệu với đại hội bầu cấp ủy và ủy ban kiểm tra khóa mới của cấp mình.
- Chuẩn bị báo cáo với đoàn chủ tịch đại hội về tình hình và kết quả bầu cử đại biểu dự đại hội đảng bộ cấp mình và các vấn đề có liên quan đến tư cách đại biểu.
- Cung cấp tài liệu để đoàn chủ tịch đại hội trả lời các vấn đề về tư cách đại biểu, tư cách người được giới thiệu để được bầu vào cấp ủy khi đại biểu đại hội yêu cầu.

Điều 6. Đoàn chủ tịch đại hội

6.1. Đoàn chủ tịch đại hội từ cấp cơ sở trở lên là cơ quan điều hành công việc của đại hội, làm việc theo nguyên tắc tập trung dân chủ, quyết định theo đa số. Đoàn chủ tịch do cấp ủy cấp triệu tập đại hội giới thiệu, đại hội biểu quyết về số lượng và nhân sự cụ thể. Ở đại hội các chi bộ chỉ bầu chủ tịch đại hội.

6.2. Số lượng đoàn chủ tịch đại hội ở các cấp:

- Cấp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương từ 11 - 13 đồng chí, nhiều nhất không quá 15 đồng chí.
- Cấp huyện, quận và tương đương từ 7 - 9 đồng chí.

- Đảng bộ khối cơ quan Trung ương từ 7 - 9 đồng chí.
- Cấp cơ sở từ 3 - 5 đồng chí.

6.3. Đoàn chủ tịch đại hội có nhiệm vụ:

- Báo cáo quy chế bầu cử để đại hội quán triệt thực hiện.
- Hướng dẫn để đại hội thảo luận, quán triệt tiêu chuẩn cấp ủy viên, số lượng, cơ cấu cấp ủy; tiêu chuẩn, số lượng, cơ cấu đại biểu dự đại hội đảng bộ cấp trên.
- Hướng dẫn việc ứng cử, đề cử cấp ủy viên và đại biểu đi dự đại hội đảng bộ cấp trên ở các đoàn đại biểu hoặc ở hội trường.
- Tổng hợp danh sách ứng cử, đề cử; tiếp thu ý kiến của người đề cử hoặc người được đề cử xin rút và quyết định cho người được đề cử được rút hoặc không được rút khỏi danh sách bầu cử; lập danh sách bầu cử, lấy biểu quyết của đại hội thông qua danh sách bầu cử.
- Giới thiệu số lượng, danh sách ban kiểm phiếu, trưởng ban kiểm phiếu để đại hội biểu quyết. Điều hành hoạt động của ban kiểm phiếu, phổ biến nguyên tắc, thủ tục bầu cử trong đại hội.
- Giải đáp những thắc mắc của đại biểu về nhân sự trong quá trình chuẩn bị bầu cử.

Điều 7. Ban kiểm phiếu

7.1. Ban kiểm phiếu do đoàn chủ tịch giới thiệu, đại hội biểu quyết thông qua, gồm một số đại biểu chính thức trong đại hội đại biểu hoặc một số đảng viên chính thức trong đại hội đảng viên không có tên trong danh sách bầu cử.

Số lượng ban kiểm phiếu ở đại hội đại biểu từ cấp huyện trở lên từ 5 - 11 đồng chí, ở đại hội cấp cơ sở từ 3 - 5 đồng chí, ở đại hội chi bộ từ 1 - 3 đồng chí, do đại hội biểu quyết thông qua.

7.2. Ban kiểm phiếu có nhiệm vụ:

- Hướng dẫn cách thức bỏ phiếu, phát phiếu, thu phiếu, kiểm phiếu bầu.

- Xem xét và kết luận các phiếu không hợp lệ và những ý kiến khiếu nại về việc bầu cử.

- Lập biên bản kiểm phiếu, công bố kết quả bầu cử, kết quả trúng cử, niêm phong phiếu bầu và chuyển cho đoàn chủ tịch đại hội, đoàn chủ tịch đại hội bàn giao cho cấp ủy khóa mới lưu trữ theo quy định.

Sau khi có kết quả kiểm phiếu, báo cáo với đoàn chủ tịch, công bố kết quả bầu cử và ký vào biên bản bầu cử.

Nếu kiểm phiếu bằng máy vi tính, ban kiểm phiếu được sử dụng một số nhân viên kỹ thuật không phải là đại biểu đại hội.

Ngoài ban kiểm phiếu và những kỹ thuật viên đánh máy được đại hội sử dụng làm nhiệm vụ kiểm phiếu, không ai được đến nơi ban kiểm phiếu đang làm việc.

Chương III

BẦU ĐẠI BIỂU DỰ

ĐẠI HỘI ĐẠI BIỂU ĐẢNG BỘ CẤP TRÊN

Điều 8. Đại biểu

Đại biểu dự đại hội đảng bộ các cấp gồm các cấp ủy viên cấp triệu tập đại hội, các đại biểu do đại hội cấp dưới bầu, đại biểu được chỉ định (theo quy định điểm 4, Điều 11, Điều lệ Đảng).

Điều 9. Số lượng đại biểu

Số lượng đại biểu được triệu tập dự đại hội đảng bộ các cấp

theo quy định của Bộ Chính trị và hướng dẫn của cấp ủy cấp trên, cấp ủy cấp triệu tập đại hội ra quyết định việc phân bổ đại biểu và thông báo trong toàn đảng bộ để tiến hành bầu cử.

Đại hội đại biểu hoặc đại hội đảng viên phải bầu đủ số lượng đại biểu dự đại hội đảng bộ cấp trên; không được bầu quá số lượng quy định. Trường hợp bầu thiếu phải được đa số đại biểu biểu quyết tán thành và báo cáo với cấp ủy cấp trên.

Điều 10. Triệu tập đại biểu dự đại hội đại biểu

10.1. Đại biểu là cấp ủy viên đương nhiệm, đại biểu được đại hội đảng viên hoặc đại hội đại biểu cấp dưới bầu và đại biểu được chỉ định phải là những đảng viên đủ tư cách, được thẩm tra tư cách và được đại hội biểu quyết công nhận. Cấp ủy không triệu tập đến đại hội những cấp ủy viên, những đại biểu sau khi được bầu bị đình chỉ sinh hoạt đảng, đình chỉ sinh hoạt cấp ủy, bị khởi tố, bị truy tố, tạm giam; những đại biểu được bầu nhưng không đúng nguyên tắc, thủ tục bầu cử (theo điểm 5, Điều 11, Điều lệ Đảng).

10.2. Ở đại hội đảng viên không triệu tập đến đại hội những đảng viên đang bị đình chỉ sinh hoạt đảng, bị khởi tố, truy tố, tạm giam.

10.3. Cấp ủy viên cấp triệu tập đại hội đã có quyết định của cơ quan có thẩm quyền về việc nghỉ hoặc chuyển công tác ra ngoài đảng bộ đó thì không triệu tập dự đại hội cấp đó.

10.4. Cấp ủy triệu tập đại hội phải kiểm tra, xác minh các đơn, thư tố cáo về tư cách đại biểu, xem xét tư cách các đại biểu bị thi hành kỷ luật, bị bác tư cách ở đại hội cấp dưới, báo cáo với ban thẩm tra tư cách đại biểu để ban thẩm tra trình đại hội xem xét, quyết định.

Thư tố cáo về tư cách đại biểu gửi đến cấp ủy trước ngày đại hội khai mạc: đối với cấp cơ sở là 10 ngày trở lên, đối với cấp trên cơ sở là 15 ngày trở lên, cấp ủy cấp triệu tập đại hội xem xét, kết luận; nếu thư tố cáo gửi đến sau ngày đó, cấp ủy không có điều kiện xem xét thì chuyển cho cấp ủy khoá mới xem xét, giải quyết.

Trước khi đại hội biểu quyết về tư cách đại biểu, đại biểu bị xem xét tư cách được phát biểu ý kiến với ban thẩm tra tư cách đại biểu, với đoàn chủ tịch và với đại hội.

Đại biểu nào bị bác tư cách thì tổ chức đảng nơi bầu đại biểu đó không được cử đại biểu dự khuyết thay thế.

10.5. Cấp ủy viên của cấp triệu tập đại hội vắng mặt suốt thời gian đại hội thì tổ chức đảng nơi đảng viên đó sinh hoạt không được cử đại biểu dự khuyết thay thế.

Điều 11. Thay thế đại biểu

11.1. Việc cử đại biểu dự khuyết thay thế đại biểu chính thức do ban thường vụ cấp ủy cấp triệu tập đại hội quyết định. Đại biểu chính thức vắng mặt suốt thời gian đại hội thì cấp ủy cử đại biểu dự khuyết thay thế. Đại biểu chính thức vắng mặt những ngày đầu đại hội, đã có đại biểu dự khuyết thay thế, nhưng thời gian cuối đại hội có điều kiện tham dự đại hội, nếu được đoàn chủ tịch đại hội đồng ý mời dự thì được dự đại hội với tư cách đại biểu mời.

11.2. Đại biểu dự khuyết được cử thay thế đại biểu chính thức ở mỗi đảng bộ theo thứ tự số phiếu bầu ở đại hội đảng bộ đó. Trường hợp phiếu được bầu cho một số đại biểu dự khuyết bằng nhau thì lấy người có tuổi đảng cao hơn.

Đại biểu dự khuyết được cử thay thế phải được ban thẩm tra tư cách đại biểu của đại hội xem xét, đại hội thông qua và sẽ thay thế suốt thời gian đại hội.

11.3. Đại biểu chính thức sau khi được bầu nếu chuyển công tác ra ngoài đảng bộ (cấp triệu tập đại hội) thì cấp ủy nơi đại biểu đó được bầu cử đại biểu dự khuyết thay thế. Nếu không có đại biểu dự khuyết thay thế, nơi có điều kiện thì bầu bổ sung đại biểu.

Điều 12. Chỉ định đại biểu

Các đảng bộ đang hoạt động ở ngoài nước, đảng bộ mà đa số đảng viên hoạt động phân tán hoặc đang làm nhiệm vụ chiến đấu và sẵn sàng chiến đấu, không mở đại hội được thì cấp ủy triệu tập; đại hội được chỉ định đại biểu của đảng bộ cấp dưới, sau khi được cấp ủy cấp trên trực tiếp đồng ý.

Số lượng đại biểu của đảng bộ cấp dưới được chỉ định nằm trong tổng số đại biểu của đại hội đảng bộ cấp triệu tập đại hội.

Điều 13. Trình tự bầu đại biểu

13.1. Bầu đại biểu chính thức trước, bầu đại biểu dự khuyết sau. Bầu lần 1 chưa đủ số lượng đại biểu thì bầu tiếp. Nếu bầu nhiều lần vẫn không đủ số lượng, có bầu tiếp hay không do đại hội quyết định.

13.2. Trường hợp bầu đại biểu chính thức đã đủ số lượng mà vẫn còn một số đại biểu có số phiếu được bầu bằng trên một nửa số đảng viên hoặc trên một nửa số đại biểu được triệu tập, thì đại biểu dự khuyết lấy trong số các

đồng chí đó theo thứ tự số phiếu được bầu từ cao xuống thấp, nếu còn thiếu đại biểu dự khuyết theo quy định, có bầu tiếp cho đủ số lượng hoặc không bầu nữa là do đại hội quyết định.

13.3. Danh sách bầu cử lần sau có thể bổ sung đại biểu ngoài danh sách bầu cử lần 1 do đại hội quyết định.

Chương IV

BẦU CÁC CƠ QUAN VÀ CÁC CHỨC VỤ LÃNH ĐẠO CỦA ĐẢNG Ở CÁC CẤP TỪ CẤP CƠ SỞ VÀ CHI BỘ ĐẾN CẤP TỈNH

A- BẦU CÁC CẤP ỦY

Điều 14. Trình tự tiến hành bầu cử các cấp ủy

14.1. Cấp ủy cấp triệu tập đại hội chuẩn bị để đoàn chủ tịch đại hội báo cáo với đại hội về yêu cầu, tiêu chuẩn, cơ cấu và số lượng các thành viên của cấp ủy khoá mới; sau đó đại hội thảo luận biểu quyết về số lượng cấp ủy viên (theo sự chỉ đạo và hướng dẫn của cấp ủy cấp trên về khung số lượng cấp ủy viên ở mỗi đảng bộ).

14.2. Phân tổ hoặc đoàn đại biểu thảo luận về yêu cầu, tiêu chuẩn, cơ cấu cấp ủy và tiến hành ứng cử, đề cử cấp ủy khoá mới.

14.3. Khi cần thiết hoặc theo yêu cầu của đa số đại biểu đại hội, đoàn chủ tịch đại hội trình ra đại hội danh sách những người được cấp ủy cấp triệu tập đại hội lựa chọn để

giới thiệu với đại hội trước khi đại hội biểu quyết thông qua danh sách bầu cử.

14.4. Đoàn chủ tịch chỉ đạo việc tổng hợp danh sách ứng cử, đề cử; xem xét việc cho rút khỏi danh sách; lập danh sách bầu cử để đại hội biểu quyết thông qua. Danh sách bầu cử cần nhiều hơn so với số lượng cần bầu.

14.5. Đoàn chủ tịch giới thiệu danh sách ban kiểm phiếu gồm một trưởng ban và một số ủy viên là những đại biểu không có trong danh sách bầu cử cấp ủy khoá mới. Đại hội biểu quyết thông qua danh sách ban kiểm phiếu.

14.6. Ban kiểm phiếu hướng dẫn cách thức bỏ phiếu; kiểm tra và niêm phong hòm phiếu trước khi bỏ phiếu. Đại hội tiến hành bầu cử; ban kiểm phiếu tiến hành kiểm phiếu và công bố kết quả bầu cử cấp ủy khóa mới.

14.7. Bầu lần thứ nhất chưa đủ số lượng cấp ủy khoá mới, có bầu tiếp cho đủ số lượng hoặc không bầu nữa, do đại hội xem xét, quyết định.

B- BẦU BAN THƯỜNG VỤ, BÍ THƯ, PHÓ BÍ THƯ VÀ ỦY BAN KIỂM TRA CỦA CẤP ỦY

Điều 15. Tổ chức phiên họp đầu tiên của cấp ủy khoá mới để chuẩn bị và tiến hành bầu cử ban thường vụ và các chức vụ lãnh đạo của cấp ủy

- Đồng chí bí thư hoặc phó bí thư khoá trước được tái cử hoặc đồng chí được cấp ủy cấp trên ủy nhiệm (nếu bí thư và phó bí thư khoá trước không được tái cử) triệu tập

hội nghị lần thứ nhất cấp ủy khoá mới, khai mạc và chủ trì cho đến khi bầu xong đoàn chủ tịch hoặc chủ tịch hội nghị.

- Bầu chủ tịch hoặc đoàn chủ tịch hội nghị từ 1 - 3 đồng chí.
- Chủ tịch hoặc đoàn chủ tịch báo cáo để hội nghị thông qua chương trình làm việc và tiến hành thủ tục bầu cử.

Điều 16. Bầu ban thường vụ

Số lượng ban thường vụ cấp ủy được bầu theo quy định của Bộ Chính trị và hướng dẫn của cấp ủy cấp trên, nhiều nhất không quá 1/3 số lượng cấp ủy viên do đại hội đã bầu.

- Chủ tịch hội nghị báo cáo tiêu chuẩn, cơ cấu và đề nghị số lượng ủy viên ban thường vụ cần bầu.

- Hội nghị cấp ủy biểu quyết số lượng ủy viên ban thường vụ.

- Tiến hành ứng cử, đề cử.
- Khi cần thiết hoặc do hội nghị yêu cầu, chủ tịch hội nghị báo cáo danh sách những đồng chí do cấp ủy khoá trước dự kiến giới thiệu vào ban thường vụ khoá mới.

- Họp tổ để thảo luận (nếu cần).

- Tổng hợp danh sách ứng cử, đề cử, biểu quyết danh sách bầu cử ban thường vụ. Số lượng trong danh sách bầu cử ban thường vụ phải nhiều hơn số lượng cần bầu. Những đồng chí được rút khỏi danh sách bầu cử phải được đa số cấp ủy viên đồng ý.

- Cử ban kiểm phiếu gồm một số đồng chí cấp ủy viên không có trong danh sách bầu cử.

- Tiến hành bầu cử, kiểm phiếu và công bố kết quả bầu cử ban thường vụ. Nếu bầu ban thường vụ một lần chưa đủ

số lượng quy định, có bầu tiếp hay không là do hội nghị cấp ủy quyết định.

Điều 17. Bầu bí thư, phó bí thư cấp ủy

- Những đồng chí ứng cử hoặc đề cử để được bầu giữ chức vụ bí thư, phó bí thư phải là những đồng chí đã trúng cử ủy viên ban thường vụ.

- Số lượng phó bí thư ở mỗi cấp ủy theo quy định của Bộ Chính trị và hướng dẫn của cấp ủy cấp trên.

- Chủ tịch hội nghị báo cáo với cấp ủy khoá mới về yêu cầu bầu bí thư, phó bí thư.

- Hội nghị tiến hành ứng cử, đề cử bí thư, phó bí thư.

Khi cần thiết hoặc đa số cấp ủy viên yêu cầu, chủ tịch hội nghị báo cáo dự kiến những đồng chí được cấp ủy khoá trước và cấp ủy cấp trên trực tiếp giới thiệu để được bầu các chức vụ bí thư, phó bí thư.

Đối với cấp ủy tỉnh, thành phố và đảng ủy trực thuộc Trung ương, trong quá trình chuẩn bị nhân sự bầu chức danh bí thư, phó bí thư, cấp ủy tổ chức lấy phiếu tín nhiệm, tổng hợp phiếu tín nhiệm, báo cáo với Thường vụ Bộ Chính trị và Bộ Chính trị trước khi tiến hành bầu cử. Sau khi Thường vụ Bộ Chính trị có ý kiến chỉ đạo mới tiến hành bầu cử.

- Bầu bí thư trước, bầu phó bí thư sau.

- Bầu cử, kiểm phiếu, công bố kết quả bầu cử bí thư, phó bí thư.

Các chức danh bí thư, phó bí thư điều hành ngay công việc của cấp ủy khoá mới sau khi được bầu và báo cáo với cấp ủy cấp trên xem xét, chuẩn y kết quả bầu cử.

Điều 18. Bầu ủy ban kiểm tra

- Chủ tịch hội nghị báo cáo tiêu chuẩn, cơ cấu và số lượng ủy viên ủy ban kiểm tra theo hướng dẫn của Trung ương và cấp ủy cấp trên trực tiếp.

- Số lượng ủy viên ủy ban kiểm tra cấp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương từ 7 - 9 ủy viên; Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh, Thanh Hoá, Nghệ An từ 7 - 11 ủy viên; cấp huyện, quận từ 5 - 7 ủy viên; các đảng uỷ khối cơ quan Trung ương từ 5 - 9 ủy viên; cấp cơ sở từ 3 - 5 ủy viên.

- Hội nghị biểu quyết số lượng ủy viên ủy ban kiểm tra.

- Chủ tịch hội nghị báo cáo danh sách những đồng chí được ban thường vụ cấp ủy giới thiệu để được bầu vào ủy ban kiểm tra và chủ nhiệm ủy ban kiểm tra. Các thành viên ủy ban kiểm tra gồm một số đồng chí trong cấp uỷ và một số đồng chí ngoài cấp uỷ.

- Hội nghị cấp uỷ khoá mới thảo luận, ứng cử, đề cử, thông qua danh sách bầu cử.

- Tiến hành bầu cử ủy viên ủy ban kiểm tra trước, sau đó bầu chủ nhiệm ủy ban kiểm tra trong số ủy viên ủy ban kiểm tra đã được bầu.

- Ban kiểm phiếu thu phiếu, kiểm phiếu và công bố kết quả bầu cử ủy viên ủy ban kiểm tra và chủ nhiệm ủy ban kiểm tra.

- Ủy ban kiểm tra bầu phó chủ nhiệm ủy ban kiểm tra trong số ủy viên ủy ban kiểm tra đã được bầu.

Điều 19. Bầu Ban chấp hành chi bộ (chi uỷ)

- Đại hội chi bộ (kể cả chi bộ cơ sở và chi bộ trực thuộc

đảng bộ cơ sở) trực tiếp bầu ban chỉ ủy, sau đó bầu bí thư, phó bí thư trong số chỉ ủy viên; nơi không có ban chỉ ủy thì chi bộ trực tiếp bầu bí thư, nếu cần thì bầu phó bí thư chi bộ. Chi bộ không bầu ủy ban kiểm tra, không bầu ban thường vụ. Chi bộ phân công chỉ ủy viên hoặc đảng viên làm công tác kiểm tra.

Chương V

CÁCH TÍNH KẾT QUẢ VÀ VIỆC CHUẨN Y KẾT QUẢ BẦU CỬ

Điều 20. Cách tính kết quả bầu cử

20.1. *Ở đại hội đại biểu đảng bộ các cấp*: Người trúng cử phải đạt số phiếu bầu quá một nửa so với tổng số đại biểu được triệu tập dự đại hội đại biểu, trừ số đại biểu bị bác tư cách và số cấp ủy viên cấp triệu tập đại hội vắng mặt suốt thời gian đại hội.

- *Ở đại hội đảng viên (cấp cơ sở và chi bộ)*: Người trúng cử phải đạt số phiếu bầu quá một nửa so với tổng số đảng viên chính thức của đảng bộ, chi bộ, trừ số đảng viên đã được giới thiệu sinh hoạt đảng tạm thời ở đảng bộ khác, đảng viên đã được miễn công tác và sinh hoạt không có mặt ở đại hội (nếu đảng viên đó có mặt ở đại hội và tham gia bầu cử thì vẫn được tính), số đảng viên bị đình chỉ sinh hoạt đảng, bị khởi tố, truy tố, tạm giam.

- *Ở hội nghị cấp ủy để bầu ban thường vụ, bí thư, phó bí thư, ủy ban kiểm tra, chủ nhiệm ủy ban kiểm tra*: số người

trúng cử phải đạt số phiếu bầu quá một nửa so với tổng số cấp ủy viên đã được bầu của cấp đó.

20.2. Trường hợp số người đạt số phiếu bầu quá một nửa nhiều hơn số lượng cần bầu thì những người trúng cử là những người có số phiếu cao hơn.

Nếu cuối danh sách trúng cử có một số người ngang phiếu nhau và nhiều hơn số lượng cần bầu thì đoàn chủ tịch đại hội lập danh sách những người ngang phiếu nhau đó để đại hội bỏ phiếu, chọn người có số phiếu cao hơn, không cần phải quá một nửa so với tổng số phiếu. Trường hợp bỏ phiếu lại mà số phiếu vẫn ngang nhau, có bỏ phiếu lần nữa hay không do đại hội quyết định.

Điều 21. Cách lập biên bản và nội dung các chỉ tiêu cần báo cáo về kết quả bầu cử

21.1. Cách lập biên bản:

Biên bản bầu cử lập thành ba bản có chữ ký của đoàn chủ tịch và trưởng ban kiểm phiếu. Ban kiểm phiếu niêm phong phiếu bầu để đoàn chủ tịch giao cho cấp ủy khoá mới lưu giữ.

Đoàn chủ tịch giao lại biên bản bầu cử và phiếu bầu cho cấp ủy khoá mới để báo cáo cấp ủy cấp trên trực tiếp xem xét chuẩn y.

21.2. Nội dung các chỉ tiêu báo cáo:

- Tổng số đại biểu dự đại hội đại biểu hoặc tổng số đảng viên dự đại hội đảng viên ở cấp cơ sở được triệu tập.
- Số đại biểu bị bác tư cách.
- Số cấp ủy viên triệu tập đại hội vắng mặt suốt đại hội.

- Tổng số đại biểu dự đại hội đại biểu hoặc đảng viên dự đại hội đảng viên ở cấp cơ sở có mặt khi bầu.

- Số phiếu phát ra.

- Số phiếu thu về.

- Số phiếu hợp lệ.

- Số phiếu không hợp lệ.

- Số phiếu bầu đủ số lượng.

- Số phiếu bầu thiếu so với số lượng cần bầu (trong đó thiếu 1, thiếu 2...).

- Số phiếu được bầu từ cao xuống thấp của từng người trong danh sách bầu cử (tính theo tỷ lệ số đại biểu trong đại hội đại biểu hoặc đảng viên trong đại hội đảng viên ở cấp cơ sở được triệu tập).

- Số người trúng cử.

Điều 22. Việc chuẩn y kết quả bầu cử cấp ủy, ban thường vụ cấp ủy, bí thư, phó bí thư, chủ nhiệm và ủy viên ủy ban kiểm tra các cấp

Sau đại hội, cấp ủy khoá mới phải báo cáo lên cấp ủy cấp trên trực tiếp biên bản bầu cử cấp ủy, ban thường vụ, bí thư, phó bí thư, ủy viên ủy ban kiểm tra, chủ nhiệm, phó chủ nhiệm ủy ban kiểm tra, danh sách trích ngang, sơ yếu lý lịch của từng thành viên.

Chậm nhất không quá 15 ngày sau khi nhận được báo cáo của cấp ủy cấp dưới về kết quả bầu cử, ban thường vụ cấp ủy cấp trên trực tiếp chuẩn y danh sách cấp ủy và các chức danh đã được bầu của cấp dưới.

Chương VI
XỬ LÝ VI PHẠM

Điều 23.

23.1. Nếu có thư khiếu nại về bầu cử, ủy ban kiểm tra của cấp ủy cấp trên trực tiếp kiểm tra lại và báo cáo cấp ủy cùng cấp xem xét, quyết định.

23.2. Trường hợp cá biệt, sau đại hội nếu phát hiện thấy sự vi phạm nguyên tắc, thủ tục bầu cử thì cấp ủy cấp trên có quyền bãi bỏ kết quả bầu cử của cấp dưới, chỉ đạo đại hội tiến hành bầu lại; hoặc nếu cá nhân trong cấp ủy cấp dưới đã bầu nhưng không đảm bảo tiêu chuẩn thì cấp ủy cấp trên có quyền không công nhận tư cách của cấp ủy viên đó.

Điều 24.

Những người cố tình gây cản trở cho việc bầu cử, vi phạm quy chế bầu cử, thì cấp ủy có thẩm quyền xem xét, tùy theo mức độ vi phạm, xử lý nghiêm minh theo quy định về kỷ luật trong Đảng.

Điều 25.

Phiếu bầu cử được ban kiểm phiếu niêm phong và chuyển cho ban tổ chức của cấp ủy cùng cấp lưu trữ đến hết kỳ hạn (6 tháng). Trong thời gian đó, nếu không có quyết định của ban thường vụ cấp ủy, không ai được tự ý mở số phiếu đó. Khi hết kỳ hạn (6 tháng), nếu không có khiếu nại, tố cáo về kết quả bầu cử, ban thường vụ cấp ủy quyết định cho hủy số phiếu đó.

Chương VII
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 26.

Quy chế này được phổ biến đến chi bộ và được thực hiện thống nhất trong Đảng.

Sau mỗi kỳ bầu cử, cấp ủy các cấp báo cáo lên cấp ủy cấp trên việc thực hiện Quy chế này ở chi bộ, đảng bộ mình.

BỘ CHÍNH TRỊ

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

THÔNG BÁO
KẾT LUẬN CỦA BỘ CHÍNH TRỊ
Số 304-TB/TW, ngày 22 tháng 6 năm 2000
Tiếp tục đẩy mạnh việc thực hiện
Chỉ thị 30-CT/TW về xây dựng và thực hiện
Quy chế dân chủ ở cơ sở

Ngày 15-6-2000, sau khi nghe báo cáo của Ban chỉ đạo Trung ương về kết quả kiểm tra việc thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở, Bộ Chính trị đã thảo luận và kết luận:

1. Chủ trương xây dựng và thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở được thực tế khẳng định là đúng đắn, được nhân dân đồng tình hưởng ứng. Ở những nơi chỉ đạo chặt chẽ, việc thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở đã nâng cao nhận thức của các cấp ủy đảng, chính quyền, Mặt trận, đoàn thể, của cán bộ, đảng viên và nhân dân về phát huy dân chủ, làm chuyển biến một bước phương thức lãnh đạo của các cấp ủy đảng, phương thức điều hành và lề lối làm việc của các cấp chính quyền theo hướng sát dân và tôn trọng dân; tạo thêm động lực mới thúc đẩy việc thực hiện các nhiệm vụ kinh tế - xã hội, an ninh - quốc phòng ở địa phương, tác động tích cực tới việc xây dựng Đảng, củng cố chính quyền, xây dựng Mặt trận và các đoàn thể nhân dân.

Tuy vậy việc chỉ đạo xây dựng và thực hiện Quy chế dân chủ ở xã, phường chưa được nhân rộng, ở khu vực cơ quan, doanh nghiệp nhà nước mới chỉ triển khai bước đầu; nhận thức của không ít cán bộ, đảng viên về việc phát huy dân chủ ở cơ sở chưa sâu sắc, tổ chức thực hiện chưa tích cực, hiện tượng dân chủ hình thức còn nhiều.

2. Dân chủ vừa là mục tiêu, vừa là động lực của cách mạng. Phát huy dân chủ ở cơ sở là một khâu trọng yếu hiện nay nhằm động viên sức mạnh các tầng lớp nhân dân vượt qua khó khăn, thử thách, thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ cách mạng, đẩy lùi tiêu cực, suy thoái, xây dựng Đảng, chính quyền, Mặt trận và các đoàn thể ở cơ sở vững mạnh. Việc xây dựng và thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở phải gắn với việc thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế, văn hoá, xã hội, bảo đảm an ninh, quốc phòng; và phải thành một nền nếp thường xuyên trong mọi hoạt động. Dựa vào quy chế mẫu, mỗi cơ sở phải tự xây dựng quy chế dân chủ của mình. Phát huy dân chủ phải đi liền với bảo đảm kỷ cương, kỷ luật, tăng cường pháp luật. Các tổ chức đảng phải trực tiếp lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện; Mặt trận và các đoàn thể phải làm tốt vai trò kiểm tra, giám sát việc thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở.

3. Tiếp tục thúc đẩy, mở rộng việc xây dựng và thực hiện Quy chế dân chủ ở tất cả các loại hình cơ sở (kể cả cơ quan Đảng, Mặt trận và đoàn thể). Từng tỉnh, thành uỷ có kế hoạch chỉ đạo cụ thể, gắn chặt việc thực hiện các nhiệm vụ của địa phương và đại hội đảng các cấp. Ở những cơ sở có vấn đề "nổi cộm", cấp uỷ cấp trên phải giúp đỡ vừa phát huy dân chủ, thực hiện quy chế, vừa đấu tranh tự phê bình và phê bình để sớm ổn định và phát triển. Các ban, ban cán sự đảng,

đảng đoàn, đảng ủy trực thuộc Trung ương có trách nhiệm hướng dẫn các đơn vị của mình xây dựng quy chế dân chủ, đơn đốc, chỉ đạo và tự kiểm tra việc thực hiện quy chế, bảo đảm tới cuối năm 2000 tất cả các cơ quan, doanh nghiệp nhà nước cùng với các xã, phường, thị trấn đều xây dựng xong và thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở, coi đây là một trong những tiêu chí hàng đầu để đánh giá các đơn vị.

- Các phương tiện thông tin đại chúng cần thường xuyên tuyên truyền về việc thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở, biểu dương những nơi làm tốt, phê phán những biểu hiện lệch lạc, nâng cao nhận thức dân chủ, ý thức chấp hành pháp luật của cán bộ, đảng viên và nhân dân.

- Gắn chặt việc xây dựng và thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở với cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng, cải cách hành chính, tiếp tục đổi mới tổ chức và hoạt động của Mặt trận và các đoàn thể nhân dân. Hướng dẫn nhân dân tham gia xây dựng Đảng một cách thiết thực và có hiệu quả. Đảng viên đều phải có mối quan hệ chặt chẽ với nhân dân, kể cả ở nơi cư trú, tham gia sinh hoạt đoàn thể và phụ trách một số quần chúng nhất định.

- Ban Tổ chức - Cán bộ Chính phủ chủ trì phối hợp với một số ban của Đảng sớm tiến hành nghiên cứu một cách toàn diện về cơ sở (chủ yếu là xã, phường) để từ đó giúp Chính phủ bổ sung chính sách đối với cán bộ cơ sở một cách hợp lý, đồng bộ; sơ kết việc dân bầu trực tiếp trưởng thôn, trưởng ấp để có thể thí điểm dân bầu trực tiếp một số chức danh cao hơn.

- Giao Ban Dân vận Trung ương chủ trì, làm thường trực và là đầu mối phối hợp với Đảng đoàn Quốc hội, Mặt trận,

các đoàn thể, Ban Tổ chức - Cán bộ Chính phủ, v.v. (gọi chung là Ban chỉ đạo thực hiện Quy chế dân chủ của Trung ương) lập kế hoạch theo dõi, đôn đốc, kiểm tra thường xuyên và đột xuất việc thi hành Chỉ thị 30-CT/TW của Bộ Chính trị, các Nghị định 29, 71, 07 của Chính phủ và định kỳ báo cáo Bộ Chính trị.

Bộ Chính trị phân công đồng chí Phạm Thế Duyệt, Ủy viên Thường vụ, Thường trực Bộ Chính trị trực tiếp chỉ đạo công tác này.

Thông báo này được phổ biến tới chi bộ đảng.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ

PHẠM THẾ DUYỆT

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

THÔNG BÁO
KẾT LUẬN CỦA BỘ CHÍNH TRỊ
Số 305-TB/TW, ngày 26 tháng 6 năm 2000
Về tình hình thực hiện kế hoạch kinh tế - xã hội
sáu tháng đầu năm 2000 và những giải pháp lớn

Tại phiên họp ngày 22-6-2000, sau khi nghe báo cáo về tình hình thực hiện kinh tế - xã hội sáu tháng đầu năm 2000 và những giải pháp lớn (Báo cáo số 35/BCSD, ngày 21-6-2000 của Ban Cán sự Đảng Chính phủ), Bộ Chính trị đã thảo luận và kết luận:

1. Nhất trí cơ bản với đánh giá và nhận định của Ban Cán sự Đảng Chính phủ về tình hình kinh tế - xã hội sáu tháng đầu năm 2000; tốc độ tăng trưởng kinh tế đang có chiều hướng khắc phục được đà giảm sút, năng lực phát triển và đầu ra của sản xuất được cải thiện, các chính sách và biện pháp điều hành đã có bước chuyển biến.

2. Để tiếp tục thúc đẩy sản xuất phát triển vững chắc trong những tháng cuối năm, ngoài các giải pháp mà Ban Cán sự Đảng Chính phủ kiến nghị, Bộ Chính trị lưu ý một số vấn đề sau:

- Cần có giải pháp tiếp tục đầu tư cho một số doanh nghiệp hoạt động tốt, phát huy được năng lực sản xuất và

tiêu thụ sản phẩm. Đặc biệt là các doanh nghiệp có khả năng tiêu thụ sản phẩm ở thị trường trong nước và nước ngoài; khuyến khích đầu tư cho các ngành dịch vụ làm ăn có hiệu quả; tiếp tục nghiên cứu và khai thác tìm thị trường, nghiên cứu chính sách tín dụng ưu đãi đối với một số lĩnh vực đầu tư phát triển sản xuất, Nhà nước thực hiện bù chênh lệch lãi suất để đảm bảo hoạt động của các ngân hàng.

- Chính phủ, Ban Kinh tế Trung ương cần nghiên cứu, đánh giá tình hình giảm giá liên tục ở nước ta hiện nay, để có chính sách cho hợp lý ngăn chặn xu hướng này. Tập trung thúc đẩy thực hiện chủ trương kích cầu trong nền kinh tế, trong đó coi trọng cả kích cầu trong sản xuất và kích cầu tiêu dùng.

- Đồng ý về chủ trương điều chỉnh giá xăng dầu do giá dầu thế giới tăng, song cần nghiên cứu điều chỉnh thận trọng, có phương án và biện pháp cho hợp lý để tránh những tác động đột biến ảnh hưởng đến sản xuất và đời sống nhân dân.

- Trong điều kiện giá cả và thị trường ổn định, nghiên cứu đề án về khả năng đẩy nhanh tiến độ bù trượt giá tiền lương của các đối tượng hưởng lương từ ngân sách theo tinh thần Nghị quyết Hội nghị Trung ương 7 (khoá VIII), chuẩn bị điều kiện cho việc cải cách cơ bản tiền lương sau Đại hội IX.

- Việc miễn thuế sử dụng đất nông nghiệp cần có nghiên cứu, chuẩn bị kỹ đề án trình Bộ Chính trị.

- Thành lập các đoàn liên ngành kiểm tra, xử lý dứt điểm những vụ khiếu kiện kéo dài hiện nay.

Căn cứ vào những kết luận trên đây, Ban Cán sự Đảng Chính phủ chỉ đạo hoàn thiện bản báo cáo trình Hội nghị Trung ương lần thứ mười.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ

PHẠM THẾ DUYỆT

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

**CHỈ THỊ
CỦA BỘ CHÍNH TRỊ**

Số 55-CT/TW, ngày 28 tháng 6 năm 2000

**Về tăng cường sự lãnh đạo
của các cấp ủy đảng ở cơ sở đối với công tác
bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em**

Những năm gần đây, nhất là từ khi có Chỉ thị 38-CT/TW, ngày 30-5-1994, của Ban Bí thư Trung ương Đảng (khoá VII), việc thực hiện *Luật bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em*, Công ước quốc tế về quyền trẻ em và Chương trình hành động quốc gia vì trẻ em 1991 - 2000 đã đạt được nhiều kết quả tốt. Tình hình sức khỏe, học tập, đời sống văn hoá tinh thần của trẻ em đã có nhiều cải thiện.

Tuy vậy, số trẻ em suy dinh dưỡng, trẻ em bị thất học, bỏ học vẫn còn nhiều, nhất là ở nông thôn, miền núi, vùng sâu, vùng xa. Trẻ em lang thang kiếm sống, trẻ em làm trái pháp luật, trẻ em nghiện hút ma túy không giảm, đặc biệt nghiêm trọng là tình trạng buôn bán trẻ em, hiếp dâm trẻ em, lừa gạt, dụ dỗ trẻ em tham gia buôn bán ma túy, mại dâm ngày một tăng. Tình hình trên đang có tác động xấu đến sự phát triển lành mạnh của trẻ em, đến thuần phong mỹ tục của

nhân dân. Trong khi đó, nhiều cấp ủy đảng, chính quyền, nhất là ở cơ sở, chưa thấy hết tính cấp bách của tình hình trẻ em; chưa nhận thức đầy đủ vị trí và tầm quan trọng của công tác bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em trong việc chuẩn bị nguồn nhân lực để thực hiện công nghiệp hoá, hiện đại hoá vì tương lai lâu dài của đất nước; còn lúng túng trong lãnh đạo, chỉ đạo xây dựng phong trào toàn xã hội, đặc biệt là tạo điều kiện và phát huy vai trò của các gia đình, cộng đồng để giải quyết tốt những vấn đề về trẻ em.

Để đảm bảo cho thế hệ trẻ Việt Nam được phát triển toàn diện, giữ vững và phát huy truyền thống tốt đẹp của dân tộc, đồng thời tiếp thu được những tinh hoa của thế giới, đáp ứng được yêu cầu của sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước; chủ động phòng ngừa, khắc phục những tác động tiêu cực mới đối với trẻ em trong bối cảnh hiện nay, các cấp ủy đảng ở cơ sở cần lãnh đạo thực hiện tốt những việc sau đây:

1. Tạo cho được sự chuyển biến mạnh mẽ trong nhận thức của cấp ủy đảng ở cơ sở về tính cấp bách cũng như tầm quan trọng của sự nghiệp bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em trong tình hình mới. Tăng cường tuyên truyền, giáo dục trong Đảng và trong nhân dân về các chủ trương, chính sách của Đảng, luật pháp của Nhà nước về trẻ em; bồi dưỡng, hướng dẫn kiến thức, kỹ năng và kinh nghiệm bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em cho cộng đồng và gia đình.

2. Lãnh đạo, chỉ đạo việc xây dựng và thực hiện chương trình, kế hoạch hành động vì trẻ em 5 năm và hằng năm của địa phương, chăm lo phát triển toàn diện cho trẻ em về

sức khỏe, trí tuệ, đạo đức, văn hoá tinh thần, để trở thành những công dân xã hội chủ nghĩa nhỏ tuổi, đồng thời hạn chế đến mức thấp nhất sự xâm hại đối với trẻ em. Có biện pháp giải quyết tốt một số mục tiêu quan trọng như: giảm tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng, giúp đỡ để mọi trẻ em được phổ cập giáo dục theo quy định, giảm trẻ em thất học, bỏ học, lưu ban, thu hút trẻ em quá độ tuổi vào các lớp học, tích cực phòng chống tình trạng dụ dỗ trẻ em tham gia buôn bán và nghiện hút ma túy, trẻ em bị xâm hại, trẻ em làm trái pháp luật, trẻ em lang thang kiếm sống; đầu tư và huy động các nguồn lực để phát triển nhà trẻ, lớp mẫu giáo, điểm văn hoá, vui chơi cho trẻ em. Đưa các mục tiêu vì trẻ em, lồng ghép và ưu tiên giải quyết các vấn đề có liên quan đến trẻ em trong kế hoạch và các chương trình phát triển kinh tế - xã hội.

Phân công đảng viên thực hiện các nhiệm vụ bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em, đi sâu đến từng hộ gia đình nắm chắc tình hình trẻ em. Định kỳ nghe báo cáo tình hình công tác trẻ em và tổ chức kiểm điểm trong chi bộ, đảng bộ cơ sở về công tác bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em. Coi kết quả công tác này là một nội dung để đánh giá hoạt động của các tổ chức đảng, đoàn thể và của từng đảng viên, đoàn viên, hội viên.

3. Xây dựng gia đình bền vững, hạnh phúc là một mục tiêu quan trọng. Đề cao vai trò và trách nhiệm của gia đình, giúp đỡ và tạo điều kiện cần thiết để các gia đình thực hiện trách nhiệm đối với thế hệ trẻ, tạo môi trường lành mạnh cho sự phát triển của trẻ em. Tôn trọng và bảo đảm cho trẻ

em được thực hiện các quyền và bổn phận của mình trước gia đình và xã hội. Xây dựng tình làng, nghĩa xóm, khuyến khích các gia đình giúp đỡ lẫn nhau trong việc chăm sóc, nuôi dạy con cháu, đỡ đầu trẻ em mồ côi không nơi nương tựa. Giúp đỡ tạo việc làm cho các gia đình có trẻ em khó khăn. Đảng viên phải gương mẫu xây dựng gia đình hoà thuận, nuôi dạy con tốt. Tăng cường sự phối hợp giữa nhà trường với gia đình và các ngành, đoàn thể để giáo dục trẻ em, nhất là đối với những trường hợp cá biệt; chú trọng giáo dục cho trẻ em tình yêu gia đình, quê hương, đất nước, những giá trị văn hoá, đạo đức, truyền thống cách mạng của dân tộc và của mỗi địa phương.

Hàng năm, tổ chức "Ngày gia đình" trong tháng hành động vì trẻ em (từ 15-5 đến 30-6), nhằm thúc đẩy phong trào toàn xã hội xây dựng gia đình bền vững, hạnh phúc, nuôi dạy con tốt.

4. Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức thành viên, các tổ chức kinh tế, xã hội, v.v., các cấp và ở từng địa phương, cơ sở, từng khu dân cư cần tích cực tham gia bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em. Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh tăng cường chỉ đạo Đội Thiếu niên tiên phong, Sao nhi đồng tổ chức thu hút tất cả thiếu niên, nhi đồng tham gia vào các hình thức sinh hoạt tập thể, hoạt động xã hội, văn hoá, thể thao, v.v. cho trẻ em. Khuyến khích các hoạt động nhân đạo, từ thiện vì trẻ em. Đưa các nội dung về bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em vào các hương ước, quy ước, các tiêu chuẩn của "gia đình văn hoá", "làng văn hoá", gắn hoạt động bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em với nội dung xây dựng khu dân cư.

Khen thưởng, biểu dương kịp thời những tổ chức, gia đình, cá nhân có thành tích bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em. Xử lý thích đáng và tạo dư luận xã hội nghiêm khắc lên án những hành vi xâm hại trẻ em.

5. Nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của Ban Bảo vệ và chăm sóc trẻ em ở cơ sở. Bố trí cán bộ có năng lực, có tâm huyết, có điều kiện để phụ trách công tác bảo vệ, chăm sóc trẻ em ở xã, phường, có chế độ đào tạo, bồi dưỡng và phụ cấp thích hợp. Chăm lo xây dựng đội ngũ những người tình nguyện làm công tác bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em ở từng thôn, bản, cụm dân cư.

Các tỉnh ủy, thành ủy có kế hoạch lãnh đạo tăng cường công tác bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em ở địa phương theo tinh thần Chỉ thị này.

Các bộ, ngành, đảng đoàn các tổ chức chính trị, xã hội, nghề nghiệp, trước hết là Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính, Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Y tế, Bộ Văn hoá - Thông tin, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Công an, Bộ Tư pháp, Ủy ban Thể dục thể thao, Tổng cục Thống kê..., Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các thành viên phối hợp xây dựng chương trình hành động quốc gia vì trẻ em thời kỳ 2001 - 2010 và chỉ đạo thực hiện cụ thể đến tận các cơ sở. Mỗi ngành, đoàn thể có chương trình và kế hoạch chỉ đạo và giúp ít nhất một địa phương xã, huyện hoặc tỉnh ở những vùng khó khăn để đạt được các mục tiêu của chương trình quốc gia vì trẻ em. Dành sự quan tâm đặc biệt cho trẻ em ở vùng sâu, vùng xa, vùng dân tộc thiểu số, trẻ em các gia đình chính sách, gia đình nghèo và trẻ em có hoàn cảnh khó khăn.

Ban Khoa giáo Trung ương và Ban Cán sự Đảng Ủy ban Bảo vệ và chăm sóc trẻ em Việt Nam có trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra và định kỳ báo cáo Bộ Chính trị tình hình thực hiện Chỉ thị này.

Chỉ thị này được phổ biến và quán triệt đến chi bộ đảng và đảng viên để thực hiện.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ

PHẠM THẾ DUYỆT

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

BÁO CÁO
CỦA TIỂU BAN TRUNG ƯƠNG 6 (2)
TẠI HỘI NGHỊ LẦN THỨ MƯỜI
BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG KHÓA VIII

Ngày 30 tháng 6 năm 2000

**Về tiếp tục triển khai thực hiện kiểm điểm
tự phê bình và phê bình theo
Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2)
của các cấp ủy, tổ chức đảng**

Tại các Hội nghị Trung ương 7, Trung ương 8, Trung ương 9, Bộ Chính trị đã có báo cáo trình Trung ương về triển khai thực hiện kiểm điểm tự phê bình và phê bình theo Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2).

Trong hơn 3 tháng qua, kể từ Hội nghị Trung ương 9, tháng 3-2000, việc kiểm điểm tự phê bình và phê bình tiếp tục được các cấp ủy và tổ chức đảng thực hiện nghiêm túc, khẩn trương, tích cực.

**I- MỘT SỐ CHUYỂN BIẾN TRONG KIỂM ĐIỂM TỰ PHÊ BÌNH
VÀ PHÊ BÌNH CỦA CÁC CẤP ỦY, TỔ CHỨC ĐẢNG**

1. Tiến độ

Tính đến ngày 30-6-2000, tiến độ thực hiện tự phê bình và phê bình ở các cấp ủy và tổ chức đảng đạt được như sau:

a) Cấp ủy, tổ chức đảng trực thuộc Trung ương:

Đã có 61/61 (100%) ban thường vụ tỉnh, thành ủy, 99/105 (94%) số cơ quan Trung ương đã kiểm điểm xong.

6 đơn vị còn lại đã có gợi ý kiểm điểm của Thường vụ Bộ Chính trị nhưng chưa tiến hành kiểm điểm là: lãnh đạo Văn phòng Chính phủ, lãnh đạo Học viện Hành chính Quốc gia, Đảng ủy khối Đối ngoại, các đảng đoàn: Hội Nghệ sĩ Múa, Hội Nghệ sĩ Sân khấu, Hội Chữ thập đỏ Việt Nam.

b) Cấp ủy, tổ chức đảng trực thuộc tỉnh, thành ủy và cơ sở:

Theo báo cáo của 58 tỉnh, thành ủy, đã có 2.117/3.065 (69%) ban thường vụ, cấp ủy, lãnh đạo tổ chức đảng trực thuộc tỉnh, thành ủy đã kiểm điểm, trong đó có 522/565 (92%) ban thường vụ, huyện, thị, quận ủy.

20.310/30.265 (67%) đảng bộ, chi bộ cơ sở đã kiểm điểm, trong đó có 6.036/8.834 (68%) đảng bộ, chi bộ xã, phường.

c) Các đơn vị trực thuộc khối cơ quan Trung ương:

Theo báo cáo của 45 cơ quan Trung ương thì có 18 cơ quan đã kiểm điểm xong ở các đơn vị trực thuộc.

Nhìn chung, các cấp ủy địa phương thực hiện kiểm điểm tự phê bình và phê bình khẩn trương hơn các cơ quan Trung ương. Ở địa phương, cấp ủy huyện, quận và cơ sở làm tốt hơn các tổ chức đảng ở ban, ngành tỉnh và huyện, quận. Theo báo cáo của một số cấp ủy, cấp ủy tỉnh và cấp ủy cơ sở tạo được nhiều chuyển biến hơn trong kiểm điểm tự phê bình và phê bình.

2. Một số tình hình chuyển biến và tồn tại

a) Các cấp ủy, tổ chức đảng trực thuộc Trung ương:

Báo cáo của Bộ Chính trị trình Hội nghị Trung ương 9 đã nêu rõ sự chuyển biến bước đầu của các cấp ủy, tổ chức đảng trực thuộc Trung ương về nâng cao nhận thức chính trị tư tưởng, tạo sự thống nhất trong vận dụng thực hiện chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước ở địa phương, trong xử lý những vấn đề bức xúc, nổi cộm, tạo cơ sở cho việc xây dựng phương hướng phát triển, kế hoạch và chương trình hành động của cấp ủy; về sự cảnh tỉnh, răn đe, ngăn chặn bước đầu những tiêu cực trong đạo đức, lối sống; về sự tôn trọng và đề cao nguyên tắc tập trung dân chủ, nâng cao trách nhiệm của tập thể và cá nhân, củng cố đoàn kết nội bộ, làm rõ quy chế, phương thức hoạt động và lễ lối làm việc của các cấp ủy...

Đến nay, qua kiểm điểm ở hầu hết cấp ủy và tổ chức đảng trực thuộc Trung ương, những kết quả nêu trên càng thể hiện rõ và có những chuyển biến cụ thể sau đây:

- Do có tiến bộ trong chỉ đạo điều hành và việc vận dụng quan điểm, đường lối của Đảng trong việc xây dựng, phát triển kinh tế - xã hội, nhiều cấp ủy, tổ chức đảng đã điều chỉnh, sắp xếp lại các doanh nghiệp nhà nước, giải quyết tích cực những tồn đọng, tiêu cực trong xây dựng kinh tế, văn hóa xã hội... góp phần tạo nên những chuyển biến tích cực trong việc thực hiện đạt và vượt mức các chỉ tiêu kinh tế - xã hội 6 tháng đầu năm 2000 ở từng địa phương cũng như trên phạm vi cả nước.

- Việc chỉnh đốn một bước những tư tưởng lệch lạc, những hành vi không cho phép trong đạo đức, lối sống của

một số cán bộ, đảng viên. Việc kết hợp xử lý một số cán bộ, đảng viên vi phạm pháp luật, vi phạm Điều lệ Đảng, vi phạm đạo đức, lối sống, thiếu tinh thần trách nhiệm đã tạo được sự đồng tình, ủng hộ của cán bộ, đảng viên và nhân dân, củng cố, nâng cao niềm tin của họ đối với cuộc vận động. Từ ngày 19-5-1999, mở đầu cuộc vận động đến nay, Trung ương, Bộ Chính trị, Thường vụ Bộ Chính trị đã quyết định thi hành kỷ luật 39 cán bộ (khai trừ 3, cảnh cáo 15, cách chức 15, khiển trách 6). Theo báo cáo bước đầu của 33 tỉnh ủy, 2 đảng ủy trực thuộc Trung ương, số cán bộ thuộc diện cấp tỉnh, thành ủy quản lý đã có 265 người bị xử lý kỷ luật (khai trừ 50, cách chức 61, cảnh cáo 83, khiển trách 79), số cán bộ do cấp ủy huyện và tương đương quản lý đã có 2.636 người bị xử lý (khai trừ 406, cách chức 524, cảnh cáo 879, khiển trách 817).

Nhiều cấp ủy có kế hoạch cụ thể đã và đang xử lý những vấn đề nổi cộm một cách tích cực, kiên quyết hơn đáp ứng nguyện vọng, sự chờ đợi của cán bộ, đảng viên và nhân dân.

Hà Tĩnh đã khởi tố vụ án giải phóng hành lang đường 1, xét xử các bị can; xử lý vụ cháy chợ năm 1998; giải quyết dứt điểm tồn đọng của các doanh nghiệp “Dâu tằm tơ”, Auxtinh; khởi tố vụ án Công ty “Minh nhóp”; thi hành kỷ luật nhiều tổ chức và cá nhân vi phạm...

Kon Tum đã và đang giải quyết các vụ việc nổi cộm một cách quyết liệt: việc vi phạm trong giao đất để xây dựng nhà nguyện ở xã Ngọc Réo, việc làm trái quy định nhà nước ở Sở Thương mại du lịch, khởi tố vụ án chặt phá, khai thác rừng trái phép, việc sử dụng các bằng giả và chứng chỉ ngoại ngữ giả của một số cán bộ cơ quan Đảng và Nhà nước...

Cà Mau đã khởi tố hai vụ án ở Công ty dịch vụ thương mại, Công ty xuất nhập khẩu mà dư luận quan tâm chờ đợi. Đưa ra truy tố hai vụ án tham nhũng ở Phòng chính sách và đơn vị kinh doanh xăng dầu ở Tỉnh đội; xử lý kỷ luật Đảng, kỷ luật hành chính một số cán bộ sai phạm, thẩm tra, kỷ luật một số đồng chí lãnh đạo có đơn thư tố cáo...

Những nơi tập trung giải quyết tốt những việc nổi cộm, những vụ tiêu cực lớn tổn động và thông báo công khai tạo được sự ủng hộ, đồng tình của cán bộ, đảng viên và nhân dân.

Có sự chuyển biến khá đều của các cấp ủy và tổ chức đảng trong chỉ đạo thực hiện. Các quy định, quy chế, phương thức và lề lối làm việc trong mối quan hệ giữa thường trực, thường vụ và cấp ủy, giữa bí thư và chủ tịch, giữa văn phòng tỉnh, thành ủy với văn phòng ủy ban nhân dân, hội đồng nhân dân, giữa ban cán sự đảng, đảng đoàn với đảng ủy... được xác định, làm rõ được bổ sung tăng cường và nghiêm túc thực hiện. Từ đó, bảo đảm tốt hơn nguyên tắc tập trung dân chủ, đoàn kết nội bộ tăng cường hơn, người đứng đầu cấp ủy coi trọng phát huy dân chủ hơn, không khí cởi mở, thông cảm tăng lên trong cấp ủy.

- Một số nơi đã kịp thời thông báo kết quả kiểm điểm của thường vụ cấp ủy, tổ chức đảng với các cấp ủy cấp dưới, với các vị lão thành, cán bộ nghỉ hưu, với các đoàn thể quần chúng, các đối tượng được lấy ý kiến đóng góp vào bản kiểm điểm, công khai chương trình hành động, kết quả xử lý những vấn đề tiêu cực, tổn động, có tỉnh các đồng chí lãnh đạo thông qua Hội đồng nhân dân đã nhận khuyết điểm trước nhân dân, kiên quyết khắc phục sửa chữa, tạo được sự đồng tình trong Đảng và củng cố niềm tin trong nhân dân.

Báo cáo của Bộ Chính trị trước Hội nghị Trung ương 9 cũng nêu những khuyết điểm, tồn tại trong kiểm điểm tự phê bình và phê bình của các cấp ủy và tổ chức đảng trực thuộc mà chủ yếu là chưa đi sâu phân tích tư tưởng chính trị trong việc xác định phương hướng phát triển lâu dài của địa phương, đơn vị trong công tác chỉ đạo, trong việc vận dụng quan điểm, đường lối cơ bản của Đảng. Chưa thật sự tự giác trong kiểm điểm về đạo đức, lối sống. Một số đơn vị sau kiểm điểm chưa phát huy được dân chủ nội bộ, chưa thể hiện sự chuyển biến về hành động, trách nhiệm, đoàn kết và nguyên tắc làm việc.

Những diễn biến gần đây khẳng định những đánh giá nêu trên, thể hiện ở một số mặt cụ thể sau đây:

- Ở nhiều nơi, tính tự giác trong tự phê bình, tính đấu tranh trong phê bình của tập thể cấp ủy cũng như cá nhân cán bộ, đảng viên chưa cao, không ít có nơi chưa đạt yêu cầu đề ra. Đặc biệt là vấn đề mất đoàn kết nội bộ, tham nhũng, “chạy chức, chạy quyền”, hiện tượng giàu lên nhanh chóng... Có vụ việc chưa được đưa lên bàn nghị sự, có nhiều vụ việc tiêu cực chưa được phân tích, đánh giá đúng bản chất, chưa chỉ rõ người chịu trách nhiệm. Ở một số nơi, cấp ủy cấp trên gợi ý có những biểu hiện tiêu cực, khi kiểm điểm tập thể đã ghi nhận nhưng kiểm điểm cá nhân thì không quy được trách nhiệm. Có cấp ủy mất đoàn kết nhưng khi kiểm điểm thì tránh né hoặc tìm cách giảm nhẹ mức độ, che chắn trách nhiệm. Có nơi vi phạm nguyên tắc tập trung dân chủ; cục bộ, địa phương, thiếu dân chủ, công tâm trong công tác cán bộ nhưng chưa được phân tích, đánh giá đúng mức, người đứng đầu thiếu tự giác, người đồng cấp thì tránh né, cấp ủy chưa

tổ thái độ xử lý rõ ràng nên cán bộ, đảng viên còn nhiều bất khoản. Có nơi sai phạm nghiêm trọng công tác quản lý tài chính, Thường vụ Bộ Chính trị, thường vụ tỉnh, thành ủy đã có gợi ý, yêu cầu kiểm điểm nhưng không tự giác, khi kiểm điểm tập thể, cá nhân lãnh đạo chưa báo cáo đầy đủ và đúng sự thật. Ở một số nơi thậm chí đã hình thành những đường dây tiêu cực, cán bộ doanh nghiệp liên kết với cán bộ ở các địa phương và các ngành Trung ương, tìm mọi biện pháp để moi tiền nhà nước thông qua duyệt cấp các dự án, cấp vốn cho vay ưu đãi, gian lận thương mại... đã được dư luận và báo chí nêu, nhưng một số bộ, ngành, địa phương chưa xử lý, hoặc có xử lý nhưng nửa vời, dẫn đến hậu quả nghiêm trọng là: làm giảm hiệu lực quản lý nhà nước, làm tê liệt sức chiến đấu của các tổ chức đảng và làm giảm lòng tin của nhân dân đối với Đảng và Nhà nước.

- Một số bộ, ngành Trung ương chưa quan tâm chỉ đạo kiểm điểm theo Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2) ở cấp dưới và các đơn vị trực thuộc, chưa phối hợp chặt chẽ với các cấp ủy địa phương trong việc gợi ý cho các đơn vị kiểm điểm; có bộ chỉ gợi ý cho một vài đơn vị trọng điểm, có bộ không gợi ý kiểm điểm đối với các đơn vị trực thuộc. Nhìn chung nhiều đơn vị thuộc các bộ, ngành Trung ương tiến hành kiểm điểm không đạt yêu cầu. Những vụ việc tiêu cực, tình hình mất dân chủ, mất đoàn kết nội bộ không được đặt ra để xem xét, xử lý đúng mức.

- Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2) và cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng của nhiều cấp ủy chưa xác định rõ mục tiêu, thời gian, giải pháp và phân công trách nhiệm. Sau khi kiểm điểm chưa khẩn

trường giải quyết những vấn đề bức xúc, nổi cộm. Có nơi cho rằng kiểm điểm xong coi như đã hoàn thành cuộc vận động. Một số nơi phát sinh tình hình phức tạp, chưa phát huy được kết quả kiểm điểm của cấp ủy (Hòa Bình, Lai Châu, Cần Thơ, Ủy ban Dân tộc và miền núi, Tổng cục Địa chính, Tổng công ty Than, Tổng cục Du lịch, Hà Tây, Vĩnh Phúc...). Có cán bộ vẫn lấy tiền công quỹ để biếu xén; vẫn còn tình trạng đơn vị, địa phương đem theo “phong bì” khi đi làm dự án, duyệt kế hoạch. Có cán bộ còn nhận tiền của các công ty với số lượng lớn. Một số con, em cán bộ vẫn dựa vào uy tín của bố mẹ để xin làm dự án, đấu thầu hoặc làm môi giới. Ở một số nơi không chấp hành quy định của Chính phủ về sử dụng xe con, không gương mẫu thực hành tiết kiệm, vẫn còn hiện tượng tổ chức lễ tang, lễ cưới một cách phô trương, lãng phí...

- Một số nơi chưa công khai báo cáo kết quả tiếp thu ý kiến của cán bộ, đảng viên, các đoàn thể... chưa thông báo kết quả kiểm điểm của tập thể thường vụ cấp ủy, kết quả xử lý những cán bộ liên quan đến các vụ việc tiêu cực, tham nhũng, trách nhiệm để nhân dân đánh giá, giám sát.

- Những sai sót trong công tác tổ chức cán bộ ở một số đơn vị chưa được chấn chỉnh, có những biểu hiện lệch lạc, đoàn kết nội bộ trong cấp ủy còn nhiều vướng mắc. Một số cán bộ có khuyết điểm, sai phạm, thậm chí bị xử lý kỷ luật hoặc đến tuổi nghỉ hưu ở cấp huyện lại được điều lên cấp tỉnh; ở cấp tỉnh điều lên bộ, ngành Trung ương để bổ nhiệm chức vụ mới hoặc thực hiện chính sách cán bộ... gây nhiều bất bình trong dư luận.

- Sự chỉ đạo của cấp ủy, tổ chức đảng cấp trên đối với cấp dưới thiếu tập trung, chưa thường xuyên. Nhiều ban cán sự

đảng, lãnh đạo các cơ quan Trung ương chưa thực hiện đúng quy định và hướng dẫn của Trung ương, chưa coi trọng chỉ đạo kiểm điểm tự phê bình và phê bình ở các đơn vị trực thuộc. Đối với những đơn vị có quy mô lớn, phạm vi hoạt động trong cả nước (Tổng công ty 90, 91...) trực thuộc bộ, ngành, ban cán sự đảng thiếu sự tích cực và chủ động phối hợp với cấp ủy đảng địa phương, không có gợi ý kiểm điểm (bằng văn bản) đối với tập thể và cá nhân cán bộ lãnh đạo đơn vị. Ban cán sự đảng một số bộ, ngành chưa theo dõi, nắm sát tình hình và kết quả thực hiện tự phê bình và phê bình, chưa phối hợp với cấp ủy địa phương chỉ đạo sửa chữa khuyết điểm đã kết luận và xem xét những vấn đề tồn đọng ở những đơn vị trực thuộc.

b) Các cấp ủy, tổ chức đảng trực thuộc tỉnh, thành ủy:

Sự chỉ đạo của các cấp ủy và tổ chức đảng trực thuộc Trung ương trong kiểm điểm tự phê bình và phê bình đối với cấp dưới đã theo đúng yêu cầu của Trung ương, vận dụng một cách chủ động, phù hợp 4 bài học kinh nghiệm được rút ra qua kiểm điểm tự phê bình và phê bình ở những cấp ủy làm trước.

Ở số đông cấp ủy, đồng chí bí thư, thường trực và hầu hết ủy viên thường vụ được huy động vào cuộc, tập trung chỉ đạo tự phê bình và phê bình ở cấp ủy huyện, quận và tổ chức đảng trực thuộc. Việc thành lập Tổ 6 (2), việc huy động lực lượng cán bộ của các ban đảng đáp ứng kịp thời yêu cầu chỉ đạo của cấp ủy.

Sự chỉ đạo của cấp ủy và tổ chức đảng đã theo đúng quy trình hướng dẫn của Trung ương. Gợi ý của thường trực cấp

ủy đối với các đơn vị nói chung là sâu sát, cụ thể, có tác dụng nâng cao hiệu quả kiểm điểm.

Sau kiểm điểm, các đơn vị đều có chương trình hành động giải quyết những vấn đề nổi cộm với sự phân công thực hiện cụ thể.

Ở những nơi triển khai chậm tuy phải khẩn trương về thời gian nhưng vẫn đặt chất lượng, hiệu quả của kiểm điểm lên hàng đầu. Cấp huyện, quận và tương đương chỉ đạo kiểm điểm cấp cơ sở cũng thực hiện đúng như sự chỉ đạo của cấp tỉnh nên việc kiểm điểm, tự phê bình và phê bình ở cấp huyện, quận và tương đương và cấp cơ sở đã thu được những kết quả bước đầu.

- Tạo được sự nhất trí cao trong cán bộ, đảng viên, sự ủng hộ nhiệt tình của nhân dân đối với sinh hoạt kiểm điểm, tự phê bình và phê bình. Nhiều nơi thư góp ý của nhân dân thu được số lượng lớn, trong đó trên 90% là sát đúng, có tinh thần xây dựng Đảng.

- Kiểm điểm tập thể và cá nhân cấp ủy đã gắn với việc thực hiện nhiệm vụ chính trị, kinh tế - xã hội ở địa phương, đơn vị, gắn với thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở, kết hợp giải quyết xử lý những vụ việc nổi cộm (kể cả tổ chức và nhân sự). Nhiều cấp ủy đã kiên quyết thay đổi cán bộ quản lý ở những đơn vị có nhiều vụ việc tiêu cực, mất đoàn kết kéo dài. Việc ngăn chặn tệ vi phạm *Luật đất đai* ở cơ sở, việc giảm nhẹ đóng góp cho nhân dân trong huy động xây dựng kết cấu hạ tầng nông thôn, việc phát huy dân chủ công khai, thực hiện đúng đắn Quy chế dân chủ ở cơ sở đã tạo được sự phấn khởi, hồ hởi của đảng viên và nhân dân.

- Tệ quan liêu, tham nhũng, lãng phí, rượu chè của cán bộ cấp huyện và cơ sở ở nhiều nơi được giảm bớt. Số đông biết tự kiểm chế qua kiểm điểm theo Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2). Qua sự giám sát chặt chẽ hơn của đảng viên và nhân dân, của dư luận xã hội.

- Theo đánh giá của nhiều tỉnh, thành ủy, ban, ngành ở Trung ương về kết quả kiểm điểm của cấp dưới trực thuộc và cấp cơ sở thì nhiều nơi, cán bộ và đảng viên thể hiện trách nhiệm cao, với ý thức xây dựng, chân thành, thẳng thắn tự phê bình và phê bình, tạo được không khí cởi mở, dân chủ, đoàn kết, thống nhất. Đã có chuyển biến bước đầu về nhận thức và hành động. Vai trò, năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của cơ sở đảng, đảng viên được phát huy và nâng lên.

Khuyết điểm, tồn tại trong kiểm điểm tự phê bình và phê bình của cấp huyện, quận và cơ sở cũng thể hiện và chịu tác động của tình hình chung, được biểu hiện cụ thể:

- Kiểm điểm tự phê bình và phê bình của nhiều cấp ủy huyện, quận chưa thật sự đi vào chiều sâu của nhận thức chính trị, tư tưởng, chưa nhìn thẳng, nói thật về những khuyết điểm của đạo đức, lối sống, chưa làm rõ những vi phạm về nguyên tắc tập trung dân chủ, đoàn kết nội bộ. Cán bộ lãnh đạo chủ chốt chưa thấy hết trách nhiệm cá nhân về những yếu kém của địa phương, về những tiêu cực, thiếu trách nhiệm, nhũng nhiễu, tham nhũng, cố ý làm sai của đội ngũ cán bộ thuộc phạm vi phụ trách; để kéo dài tình trạng vi phạm trong quản lý ruộng đất, đô thị, môi trường, xây dựng cơ bản...

Nội dung kiểm điểm tập thể cấp ủy còn chung chung, chưa bám sát, giải trình, kiểm điểm đầy đủ theo gợi ý của

cấp trên, người chủ trì chưa làm tốt trách nhiệm gợi ý, phát động và tóm tắt kết luận khi kiểm điểm nên chưa đánh giá được thực chất của những khuyết điểm, tồn tại của tập thể cấp ủy và từng thành viên. Tình trạng còn nể nang, né tránh, thậm chí còn e sợ người đứng đầu là phổ biến và đáng lo ngại.

- Một số nơi có tư tưởng làm lười, tự cho là địa phương mình ít có những vấn đề nổi cộm, chưa thực hiện đúng yêu cầu của tự phê bình và phê bình; chỉ đạo cấp dưới thiếu chặt chẽ, không có văn bản gợi ý cho tập thể cấp ủy và cá nhân cán bộ chủ chốt hoặc gợi ý chung chung, ít có tác dụng trong kiểm điểm.

- Nhiều cấp ủy chưa thông báo kết quả cho các đối tượng được lấy ý kiến đóng góp vào bản kiểm điểm, nhất là đối với các đồng chí lão thành, cán bộ lãnh đạo chủ chốt đã nghỉ hưu... điều đó tạo nên sự hoài nghi, thắc mắc, giảm lòng tin của cán bộ, đảng viên và nhân dân.

- Kế hoạch hành động của nhiều cấp ủy còn chung chung, chưa đi sâu kiên quyết xử lý những vấn đề bức xúc, nổi cộm. Có nơi có những vụ việc diễn ra quá tầm giải quyết của cấp ủy cũng chưa kịp thời báo cáo cấp trên để có biện pháp xử lý.

II- TIẾP TỤC THÚC ĐẨY, NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG VÀ HIỆU QUẢ CUỘC VẬN ĐỘNG XÂY DỰNG, CHÍNH ĐỐN ĐẢNG TRONG THỜI GIAN TỚI

1. Ban thường vụ các tỉnh, thành ủy, đảng ủy trực thuộc Trung ương, ban cán sự đảng, đảng đoàn, lãnh đạo các cơ quan Trung ương kịp thời tổng hợp tình hình, tiến độ thực

hiện tự phê bình và phê bình của các cấp ủy, tổ chức đảng, đơn vị trực thuộc. Các cấp ủy, tổ chức đảng chỉ đạo chặt chẽ, đảm bảo tiến độ, thời gian và yêu cầu về chất lượng kiểm điểm tự phê bình và phê bình. Những nơi đã kiểm điểm cần tổng kết, rút kinh nghiệm, kịp thời sửa chữa khuyết điểm, xử lý những vấn đề “nổi cộm”. Những nơi chưa kiểm điểm cần khẩn trương kiểm điểm nghiêm túc theo hướng dẫn, không vì yêu cầu thời gian mà làm qua loa. Những nơi đã kiểm điểm nhưng chưa đạt phải yêu cầu kiểm điểm bổ sung; tránh tình trạng “dồn toa”, làm lướt.

2. Thực hiện ba công khai: công khai kết quả kiểm điểm của thường vụ cấp ủy; công khai kế hoạch khắc phục khuyết điểm, thiếu sót; công khai giải quyết những vụ việc nổi cộm.

- Công khai kết quả kiểm điểm, kế hoạch khắc phục khuyết điểm, thiếu sót của thường vụ cấp ủy, ban cán sự đảng, đảng ủy, đảng đoàn. Ở Trung ương, các ban cán sự đảng, đảng đoàn, đảng ủy trực thuộc thông báo kết quả với thường vụ đảng ủy, công đoàn, lãnh đạo các đơn vị trực thuộc. Ở các địa phương, thường vụ cấp ủy thông báo kết quả kiểm điểm, kế hoạch hành động với ban chấp hành các tỉnh ủy, thành ủy, với lãnh đạo các ban, ngành, các quận, huyện, lãnh đạo mặt trận, các tổ chức quần chúng, với đại diện lão thành cách mạng và đại diện các cơ quan đài, báo ở địa phương.

Từng thời gian, mỗi cấp ủy phải kiểm điểm việc thực hiện chương trình hành động, giải quyết những vấn đề bức xúc, xem xét kết luận, tố cáo đối với cán bộ, đảng viên, giải quyết

khieu nại của nhân dân thuộc phạm vi trách nhiệm của mình; kiểm tra, đôn đốc sát sao đối với cấp dưới, không để tình trạng “nói nhiều, làm ít” hoặc không làm, làm mất lòng tin của nhân dân.

- Kết quả xử lý đối với những cán bộ, đảng viên phạm sai lầm, khuyết điểm, vi phạm Điều lệ Đảng, pháp luật Nhà nước, tham nhũng, mất đoàn kết, thiếu tinh thần trách nhiệm... được thông báo để nhân dân giám sát, kiểm tra.

3. Tiếp tục chỉ đạo chặt chẽ, nâng cao chất lượng cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng ở cơ sở. Kết hợp cuộc vận động với thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở với giữ nghiêm kỷ cương, pháp luật, chuẩn bị đại hội đảng bộ các cấp, Đại hội anh hùng chiến sĩ thi đua toàn quốc, phát động phong trào thi đua sôi nổi đẩy mạnh thực hiện nhiệm vụ kinh tế - xã hội, xây dựng, chỉnh đốn Đảng bằng những nhiệm vụ, mục tiêu cụ thể, thiết thực như xóa đói giảm nghèo, xây dựng đường phố, làng, xã văn hóa, tự quản, làm sạch đẹp môi trường...

4. Tăng cường chỉ đạo của Bộ Chính trị và của các cấp ủy thực hiện cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng, phát huy kết quả tự phê bình và phê bình, kiên quyết khắc phục những tồn tại yếu kém.

Các cấp ủy đảng, các đồng chí được phân công chịu trách nhiệm kiểm tra, thúc đẩy từng đơn vị phụ trách đảm bảo hiệu quả cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng. Chỉ đạo chuẩn bị và làm báo cáo có chất lượng về thực hiện cuộc vận động tại đại hội đảng bộ các cấp. củng cố, đẩy mạnh hoạt động của Tiểu ban 6 (2) Trung ương và địa phương,

tăng cường sự phối hợp với các ban của Đảng giúp cấp ủy chỉ đạo thực hiện Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2), chuẩn bị tốt cho việc tổng kết cuộc vận động vào tháng 5-2001 và đưa cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng đến thắng lợi.

T/M TIỂU BAN TRUNG ƯƠNG 6 (2)

PHẠM THẾ DUYỆT

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

PHÁT BIỂU
CỦA TỔNG BÍ THƯ LÊ KHẢ PHIÊU
BẾ MẠC HỘI NGHỊ LẦN THỨ MƯỜI
BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG ĐẢNG
KHÓA VIII
Ngày 4 tháng 7 năm 2000*

Thưa toàn thể các đồng chí,

Sau hơn một tuần làm việc, với tinh thần dân chủ và trách nhiệm cao, Hội nghị lần thứ mười Ban Chấp hành Trung ương Đảng đã hoàn thành chương trình đề ra.

Tiếp theo Hội nghị Trung ương lần thứ tám, lần thứ chín, Hội nghị Trung ương lần này đã thảo luận sâu thêm một số vấn đề cơ bản, hoàn chỉnh dự thảo các văn kiện trình Đại hội lần thứ IX của Đảng để Đại hội đảng bộ các cấp thảo luận, góp ý kiến.

Đại hội toàn quốc lần thứ IX của Đảng sẽ tiến hành vào cuối quý I năm 2001, là thời điểm có ý nghĩa lịch sử trọng đại khi loài người vừa kết thúc thế kỷ thứ XX, bước sang thế kỷ thứ XXI. Toàn Đảng, toàn dân, toàn quân vừa kỷ niệm trọng thể

* Hội nghị lần thứ mười Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa VIII họp từ ngày 26-6 đến ngày 4-7-2000 (B.T).

70 năm Ngày thành lập Đảng, 110 năm Ngày sinh Chủ tịch Hồ Chí Minh và sắp tới sẽ kỷ niệm 55 năm Ngày thành lập nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, nay là nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, 55 năm Đảng lãnh đạo chính quyền xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa. Kế thừa truyền thống vẻ vang của dân tộc, truyền thống và kinh nghiệm lãnh đạo của Đảng trong bảy thập niên của thế kỷ XX, Đại hội lần thứ IX của Đảng tiến hành tổng kết 5 năm thực hiện Nghị quyết Đại hội VIII, 15 năm đổi mới, 10 năm thực hiện *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội* và *Chiến lược ổn định và phát triển kinh tế - xã hội (1991 - 2000)*, tiếp tục cụ thể hóa, bổ sung, hoàn thiện đường lối, chính sách; xác định phương hướng, nhiệm vụ của những năm đầu của thế kỷ XXI; do đó có ý nghĩa cực kỳ quan trọng. Đại hội IX của Đảng sẽ là Đại hội *phát huy sức mạnh toàn dân tộc, tiếp tục đổi mới, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa*.

Trước khi kết thúc Hội nghị quan trọng này, tôi xin phát biểu một số vấn đề về quan điểm trong dự thảo các văn kiện sẽ trình Đại hội lần thứ IX của Đảng.

Thưa các đồng chí,

Thế kỷ XX đã qua đi, để lại trong lịch sử loài người những dấu ấn cực kỳ sâu sắc. Đó là thế kỷ của kinh tế phát triển mạnh mẽ xen lẫn những cuộc khủng hoảng lớn của chủ nghĩa tư bản thế giới, thế kỷ của những tiến bộ vượt bậc về khoa học và công nghệ. Thế kỷ đã diễn ra hai cuộc chiến tranh thế giới đẫm máu do chủ nghĩa đế quốc gây ra cùng hàng trăm cuộc xung đột vũ trang và chạy đua vũ trang ở

mức cao chưa từng thấy. Thế kỷ chứng kiến một cao trào cách mạng sâu rộng trên phạm vi toàn thế giới với thắng lợi của Cách mạng Tháng Mười Nga vĩ đại, mở ra thời đại quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội; mặt khác lại xảy ra sự thoái trào của chủ nghĩa xã hội vào cuối thế kỷ.

Đối với nước ta, thế kỷ XX là thế kỷ của những biến động to lớn và sâu sắc, thế kỷ đấu tranh gian nan, oanh liệt của nhân dân ta để giành lại độc lập, tự do, thống nhất Tổ quốc và xây dựng chủ nghĩa xã hội, thế kỷ của những chiến công và thắng lợi có ý nghĩa lịch sử và thời đại. Với những thắng lợi vĩ đại đã giành được trong thế kỷ thứ XX, dưới sự lãnh đạo của Đảng, nước ta từ một nước thuộc địa đã trở thành một quốc gia độc lập, tự do và phát triển theo con đường xã hội chủ nghĩa; nhân dân ta từ thân phận nô lệ đã trở thành người làm chủ đất nước, làm chủ xã hội. Đất nước ta từ một nền kinh tế nghèo nàn, lạc hậu đang bắt đầu tiến vào thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Việt Nam từ chỗ không có tên trên bản đồ thế giới đã trở thành nước độc lập, có quan hệ rộng rãi, có tiếng nói và vị trí xứng đáng trong khu vực và thế giới.

Trong 15 năm đổi mới, thực hiện *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội* và *Chiến lược ổn định và phát triển kinh tế - xã hội 10 năm (1991 - 2000)*, dưới sự lãnh đạo của Đảng, toàn Đảng và toàn dân đã vượt qua mọi khó khăn, thách thức, đạt được những thành tựu to lớn và rất quan trọng. Kinh tế phát triển nhanh; tổng sản phẩm quốc dân trong nước tăng gấp đôi trong 10 năm; kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội và năng lực sản xuất (một số sản phẩm quan trọng) tăng hơn trước; đất nước đã ra khỏi khủng hoảng kinh tế - xã hội. Nền kinh tế từ chỗ thiếu lương

thực và hàng tiêu dùng đến chỗ có dư; từ cơ chế tập trung quan liêu, bao cấp đã chuyển sang cơ chế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa; từ chỗ chủ yếu có hai thành phần kinh tế đã chuyển sang nền kinh tế nhiều thành phần, trong đó kinh tế nhà nước là chủ đạo. Văn hóa - xã hội có những tiến bộ mới; đời sống nhân dân được cải thiện rõ rệt. Chính trị - xã hội ổn định; quốc phòng, an ninh được giữ vững. Quan hệ đối ngoại mở rộng. Trong 5 năm vừa qua, trước những diễn biến phức tạp của tình hình thế giới và thiên tai xảy ra liên tiếp, rộng khắp ở trong nước, chúng ta đã chèo lái con thuyền Việt Nam không để xô vào vòng xoáy của cơn bão khủng hoảng kinh tế khu vực và thế giới, hạn chế những biến động, khắc phục khó khăn, đạt được những thành tựu quan trọng về kinh tế - xã hội.

Nhìn tổng quát lại, thế và lực của nước ta mạnh hơn nhiều so với thập kỷ trước, làm thay đổi bộ mặt thành thị, nông thôn, miền núi, củng cố vững chắc độc lập dân tộc, nâng cao uy tín quốc tế của nước ta. Cùng với những thắng lợi đã giành được trong thế kỷ XX, những thành tựu rất quan trọng của 15 năm đổi mới, 10 năm thực hiện Chiến lược ổn định và phát triển kinh tế - xã hội, những kinh nghiệm lãnh đạo của Đảng được bổ sung... là những nhân tố chủ yếu của nội lực tạo ra *thuận lợi và thời cơ lớn* cho sự phát triển của những năm tới.

Nhưng chúng ta phải thẳng thắn chỉ ra những yếu kém, khuyết điểm. Nhịp độ tăng trưởng kinh tế mấy năm gần đây chậm dần, năm 2000 có chiều hướng tăng lên nhưng chưa đạt được mức độ tăng trưởng cao như giữa thập kỷ 90. Nền kinh tế còn ở trình độ thấp kém, lực lượng sản xuất chưa được giải phóng hết và phát triển mạnh.

Giáo dục - đào tạo chưa theo kịp yêu cầu, đặc biệt là về chất lượng; khoa học và công nghệ chưa thực sự trở thành đòn bẩy cho sự phát triển. Nhiều vấn đề xã hội bức xúc và gay gắt chưa được giải quyết tốt, như tình trạng thiếu việc làm, tệ nạn xã hội phát triển, đời sống của một bộ phận nhân dân còn nhiều khó khăn, tệ quan liêu, tham nhũng chưa được ngăn chặn, đẩy lùi. Bốn nguy cơ mà Đảng đã cảnh báo là nguy cơ tụt hậu xa hơn về kinh tế, chệch hướng xã hội chủ nghĩa, “diễn biến hòa bình” và tệ quan liêu, tham nhũng, suy thoái về phẩm chất, đạo đức của một bộ phận cán bộ, đảng viên, công chức vẫn tồn tại và diễn biến phức tạp. Đó là những *khó khăn và thách thức lớn*. Đặc biệt cần phải nhấn mạnh thách thức lớn nhất có tính chất cơ bản, lâu dài mà chúng ta phải đương đầu vẫn là tình trạng thấp kém của nền kinh tế, khoảng cách về trình độ phát triển giữa nước ta với nhiều nước trên thế giới còn rất lớn, trong khi đó đất nước ta đi lên trong điều kiện cuộc cạnh tranh quốc tế ngày càng quyết liệt; trong bộ máy của Đảng và Nhà nước đang diễn ra tệ quan liêu, tham nhũng và sự suy thoái về phẩm chất, đạo đức của một bộ phận cán bộ, đảng viên đang làm nhụt nhối xã hội, làm suy giảm niềm tin trong nhân dân.

Đứng trước thuận lợi và thời cơ lớn, khó khăn và thách thức lớn đó, phát huy có hiệu quả thuận lợi, nắm được thời cơ thì sẽ tạo điều kiện để khắc phục được khó khăn, vượt qua thách thức, cũng như có khắc phục được khó khăn, vượt qua được thách thức chúng ta mới tận dụng được thuận lợi, nắm được thời cơ, nêu cao tinh thần cách mạng tiến công, vững vàng trước mọi sóng gió, tỏ rõ khí phách của dân tộc Việt Nam, của Đảng Cộng sản Việt Nam.

Thưa các đồng chí,

Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội đã được Đại hội Đảng lần thứ VII thông qua, khẳng định: “Nắm vững ngọn cờ độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội. Đó là bài học xuyên suốt trong quá trình cách mạng nước ta”.

Báo cáo chính trị tại Đại hội lần thứ VIII của Đảng nêu lên bài học đầu tiên: “Giữ vững mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội trong quá trình đổi mới; nắm vững hai nhiệm vụ chiến lược xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, kiên trì chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh”.

Lần này, trong dự thảo văn kiện trình Đại hội lần thứ IX của Đảng, qua tổng kết thực tiễn, Ban Chấp hành Trung ương nhấn mạnh những điều sâu sắc đó và khẳng định: “Trong quá trình đổi mới, phải kiên trì mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội trên nền tảng chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh”. Đó là quan điểm cốt lõi mà Ban Chấp hành Trung ương trình với Đại hội, quán xuyên trong các dự thảo văn kiện.

Một nội dung cơ bản và nhất quán trong tư tưởng Hồ Chí Minh là giải phóng dân tộc bằng con đường cách mạng vô sản, cách mạng giải phóng dân tộc phải phát triển thành cách mạng xã hội chủ nghĩa thì mới giành được thắng lợi hoàn toàn. Bác Hồ nói rõ “ham muốn” tốt bậc của Người là làm sao cho đất nước được hoàn toàn độc lập, dân tộc được hoàn toàn tự do, đồng bào ai cũng có cơm ăn, áo mặc, ai cũng được học hành. Chỉ có chủ nghĩa xã hội mới đạt được sự “ham muốn” tốt cùng của Bác Hồ và cũng là sự mong muốn nghìn đời của toàn dân ta. Sự lựa chọn đó không chỉ

là do ý muốn chủ quan mà chính là do sự phát triển hợp quy luật của lịch sử.

Độc lập dân tộc là điều kiện tiên quyết để thực hiện chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa xã hội là cơ sở bảo đảm vững chắc cho độc lập dân tộc. Không giành được độc lập dân tộc thì không thể có điều kiện để xây dựng chủ nghĩa xã hội. Độc lập dân tộc thật sự đòi hỏi xóa bỏ áp bức, nô dịch của dân tộc này với dân tộc khác, gắn liền độc lập dân tộc với tự do, bình đẳng, hạnh phúc của nhân dân, do đó chỉ có thể gắn liền với sự phát triển xã hội xã hội chủ nghĩa.

Xây dựng chủ nghĩa xã hội bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa là sự biến đổi về chất trên tất cả các lĩnh vực, là sự nghiệp khó khăn, phức tạp, cho nên tất yếu phải qua một thời kỳ quá độ lâu dài, với nhiều chặng đường, nhiều hình thức tổ chức kinh tế, xã hội có tính chất quá độ; trong các lĩnh vực của đời sống xã hội, diễn ra sự đan xen và đấu tranh giữa cái mới và cái cũ.

Trong thời kỳ quá độ, ở nước ta còn tồn tại nhiều hình thức sở hữu về tư liệu sản xuất, nhiều thành phần kinh tế. Lợi ích giai cấp thống nhất với lợi ích dân tộc. Để thực hiện mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh theo con đường xã hội chủ nghĩa, điều quan trọng nhất là phải cải biến căn bản tình trạng kinh tế - xã hội kém phát triển, chiến thắng những lực lượng cản trở việc thực hiện mục tiêu đó.

Động lực chủ yếu để phát triển đất nước lúc này là phát huy sức mạnh tổng hợp của toàn dân, của đại đoàn kết dân tộc, phát huy khả năng của các thành phần kinh tế và toàn xã hội vì dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh.

Thưa các đồng chí,

Trong quá trình đổi mới, Đảng ta đã xác định: phát triển kinh tế là nhiệm vụ trung tâm, xây dựng Đảng là nhiệm vụ then chốt. Do đó, dự thảo văn kiện của Ban Chấp hành Trung ương trình Đại hội lần này, cùng với dự thảo Báo cáo chính trị có dự thảo *Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm (2001 - 2010)* và kế hoạch kinh tế 5 năm (2001 - 2005).

Tư tưởng trong các dự thảo văn kiện khẳng định và nhất quán thực hiện nền kinh tế nhiều thành phần với kinh tế nhà nước là chủ đạo, xây dựng kinh tế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Tuy nhiên, đó là những vấn đề rất mới mẻ trong lịch sử. Văn kiện Đại hội VI, Đại hội VII, Đại hội VIII và nhiều nghị quyết của Trung ương, của Bộ Chính trị trong nhiều khóa đã từng bước làm rõ vấn đề cơ bản đó. Lần này, qua thực tiễn 15 năm đổi mới, Ban Chấp hành Trung ương khẳng định rõ thêm những nội dung thể hiện tư duy, quan niệm của Đảng ta về sự phù hợp giữa quan hệ sản xuất với tính chất và trình độ lực lượng sản xuất, xác định mô hình kinh tế tổng quát của nước ta trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội để trình Đại hội.

Ban Chấp hành Trung ương cũng đã thảo luận về một vấn đề rất hệ trọng là xây dựng nền kinh tế độc lập, tự chủ gắn liền với hội nhập kinh tế quốc tế. Chúng ta khẳng định và nhất quán chủ trương đa phương hóa, đa dạng hóa trong hội nhập kinh tế quốc tế, nhằm bảo đảm lợi ích của nước ta và để giữ vững độc lập, tự chủ về kinh tế; tranh thủ các thời cơ để hội nhập. Xác định độc lập, tự chủ về kinh tế là nền tảng vật chất cơ bản, bảo đảm sự bền vững của độc lập, tự chủ về chính trị; do đó phải có đường lối, chính sách kinh tế độc lập tự chủ,

gắn với chủ động hội nhập kinh tế quốc tế trên nguyên tắc bao trùm là bảo đảm giữ vững độc lập, tự chủ và định hướng xã hội chủ nghĩa, bảo đảm an ninh quốc gia, giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc, bảo vệ môi trường; hợp tác bình đẳng cùng có lợi, chống lại sự áp đặt không công bằng, không bình đẳng.

Chiến lược kinh tế - xã hội trong 10 năm tới sẽ là chiến lược đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa theo định hướng xã hội chủ nghĩa, xây dựng nền tảng để đến năm 2020 nước ta cơ bản trở thành một nước công nghiệp.

Mục tiêu tổng quát của chiến lược là: đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, đưa đất nước ra khỏi tình trạng kém phát triển; chất lượng các mặt đời sống nhân dân được nâng lên một mức đáng kể. Thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa được định hình về cơ bản. Nguồn lực con người, năng lực khoa học và công nghệ, kết cấu hạ tầng, tiềm lực kinh tế, quốc phòng được tăng cường, vị thế trong quan hệ hợp tác quốc tế được củng cố và nâng cao. Đến năm 2010, tổng thu nhập quốc dân (GDP) sẽ tăng gấp đôi năm 2000, tỷ lệ tích lũy từ nội bộ nền kinh tế đạt 30% GDP; nâng cao hiệu quả và sức cạnh tranh của sản phẩm, doanh nghiệp và nền kinh tế, coi trọng công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn, đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế; giảm tỉ lệ lao động nông nghiệp xuống còn 50%; có kết cấu hạ tầng bảo đảm phát triển kinh tế - xã hội; năng lực nội sinh của khoa học và công nghệ được phát huy; kinh tế nhà nước được tăng cường, các thành phần kinh tế khác đều phát triển mạnh; nâng lên đáng kể chỉ số phát triển con người (HDI), về cơ bản không còn hộ nghèo theo tiêu chuẩn hiện nay.

Trong 5 năm 2001 - 2005 phải điều chỉnh theo hướng Chiến lược 10 năm, bảo đảm: tăng trưởng kinh tế với nhịp độ cao và bền vững, chuyển dịch nhanh cơ cấu kinh tế, cơ cấu lao động theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa, nâng rõ chất lượng về sức cạnh tranh của hàng hóa; tạo chuyển biến mạnh mẽ về phát huy nhân tố con người, phát triển khoa học và công nghệ, giáo dục - đào tạo; giải quyết vấn đề bức xúc về việc làm, cơ bản xóa đói, giảm mạnh hộ nghèo, ổn định và cải thiện vững chắc hơn đời sống nhân dân, giữ vững ổn định chính trị - xã hội, tăng cường quốc phòng, an ninh, bảo vệ vững chắc độc lập tự chủ, toàn vẹn lãnh thổ và an ninh Tổ quốc. Phấn đấu đạt tốc độ tăng GDP ít nhất khoảng 7% một năm.

Đó là phương hướng, mục tiêu kinh tế - xã hội mà chúng ta phải quyết tâm đạt tới vì sự phồn vinh của đất nước, hạnh phúc của nhân dân.

Thưa các đồng chí,

Sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng là nhân tố hàng đầu quyết định mọi thắng lợi của cách mạng, sự vươn lên mạnh mẽ của dân tộc Việt Nam.

Đảng lãnh đạo đất nước thì phải chịu trách nhiệm với nhân dân về sự phát triển đất nước. Trong thời kỳ đổi mới, Đảng ta xác định phát triển kinh tế là nhiệm vụ trung tâm, xây dựng Đảng là nhiệm vụ then chốt như trên đã trình bày. Trách nhiệm lãnh đạo của Đảng, sự tin cậy của nhân dân đặt vào Đảng trước hết đòi hỏi Đảng phải bảo đảm lãnh đạo, quản lý phát triển kinh tế - xã hội đất nước nhanh và bền vững, đúng định hướng xã hội chủ nghĩa, không ngừng nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân,

thực hiện công bằng xã hội. Muốn làm được như vậy phải xây dựng, chỉnh đốn Đảng, bảo đảm Đảng ngang tầm nhiệm vụ, đáp ứng lòng tin cậy của nhân dân; chính vì vậy, công tác xây dựng Đảng là then chốt.

Trong suốt quá trình lãnh đạo cách mạng, cũng như 15 năm đổi mới vừa qua, sự phát triển đất nước đã làm tăng thêm niềm tin của nhân dân đối với Đảng. Sự hy sinh vì độc lập dân tộc và thống nhất đất nước, ý thức gắn bó máu thịt với nhân dân, tinh thần tận tụy phục vụ nhân dân, nếp sống cần cù, giản dị của nhiều cán bộ, đảng viên là những tấm gương sáng trong xã hội. Trong sự nghiệp đổi mới, nhiều đồng chí đã phát huy truyền thống cách mạng vẻ vang của Đảng, trung thành với lý tưởng của Đảng, năng động, sáng tạo, giữ gìn kỷ luật Đảng, kỷ cương phép nước, hết lòng phục vụ nhân dân, giữ gìn nếp sống trong sạch, giản dị, đã góp phần tạo nên những thành tựu rất quan trọng của đất nước hôm nay. Tuy nhiên, có một bộ phận cán bộ, đảng viên, công chức suy giảm về lý tưởng chính trị, về đạo đức và lối sống, không giữ vững nguyên tắc tập trung dân chủ trong sinh hoạt Đảng, đã làm ảnh hưởng tới uy tín của Đảng đối với nhân dân và hiệu lực điều hành đất nước của bộ máy nhà nước. Cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2) được tiến hành đã đem lại một số kết quả tích cực: nhận thức chính trị được nâng cao hơn, nhiều vấn đề nổi cộm tồn đọng từ nhiều năm được đặt ra để làm rõ đúng, sai, tinh thần đoàn kết nội bộ được củng cố một bước, ý thức trách nhiệm trong công tác và tác phong đi sát cơ sở có chuyển biến, các hiện tượng tham nhũng bị phê phán, một số vụ việc vi phạm kỷ luật Đảng và pháp luật Nhà nước được xử

lý kỷ luật, truy tố trước pháp luật, do đó lòng tin của nhân dân được củng cố.

Tuy nhiên, cần thẳng thắn nhận rõ: kết quả cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng chưa đạt yêu cầu do Trung ương đặt ra và chưa đáp ứng lòng mong muốn của nhân dân. Sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, tình trạng quan liêu, tham nhũng ở một bộ phận cán bộ, đảng viên, công chức là nghiêm trọng, chưa được ngăn chặn và đẩy lùi một cách cơ bản, vững chắc, gây bất bình trong nhân dân. Tình trạng kèn cựa địa vị, tranh giành danh lợi, “chạy chức”, “chạy quyền”, mất đoàn kết nội bộ còn nặng nề ở nhiều nơi. Một số nơi dễ xảy ra căng thẳng giữa cán bộ với nhân dân chưa được giải quyết kịp thời; quan hệ giữa cán bộ với công nhân, nhân viên ở một số nơi chưa tốt. Sự thiếu thống nhất về tư tưởng, nhận thức, quan điểm, việc tổ chức thực hiện các Nghị quyết Đảng và pháp luật Nhà nước chưa nghiêm, dẫn tới việc chậm đưa các Nghị quyết Đảng và pháp luật Nhà nước vào cuộc sống. Công tác lý luận, tổ chức, cán bộ còn nhiều yếu kém... Nguyên nhân có nhiều, nhưng chủ yếu là do chủ nghĩa cá nhân phát triển, không ít cán bộ, đảng viên, kể cả cán bộ lãnh đạo, quản lý chưa gương mẫu rèn luyện về phẩm chất, đạo đức, lười học tập, việc tự phê bình và phê bình và sửa chữa khuyết điểm ở không ít nơi chưa nghiêm túc, đấu tranh để ngăn ngừa và khắc phục bệnh quan liêu, tham nhũng, phô trương, lãng phí chưa quyết liệt. Trong việc thi hành Nghị quyết Đảng và pháp luật Nhà nước còn mắc bệnh “nói nhiều, làm ít”, “nói nhưng không làm”, “nói một đằng làm một nẻo”...

Do đó, Ban Chấp hành Trung ương kiến nghị với Đại hội sẽ tiếp tục cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng, coi đó là

một nhiệm vụ bao trùm với quyết tâm và nỗ lực cao hơn để tạo ra sự chuyển biến cơ bản trong Đảng về cả ba mặt: chính trị, tư tưởng và tổ chức. Phát huy bản chất giai cấp và tính tiên phong của Đảng, tổ chức phong trào học tập tư tưởng, đạo đức, lối sống Hồ Chí Minh; nâng cao kiến thức các mặt, năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của các tổ chức đảng và đảng viên, bảo đảm mọi tổ chức đảng và đảng viên giữ vững bản lĩnh chính trị, tăng cường khả năng nắm thực tiễn, kiên định và sáng tạo, bắt nhịp một nền kinh tế tri thức và xã hội thông tin trong thời kỳ mới. Củng cố về tổ chức, mở rộng dân chủ, tăng cường kỷ luật, kiên quyết xử lý kỷ luật Đảng và pháp luật Nhà nước những cán bộ, đảng viên, bất kể người đó là ai, có sai phạm rõ ràng; giữ vững đoàn kết trong Đảng, trong các cơ quan nhà nước, xử lý kỷ luật, trước hết là người đứng đầu ở nơi để xảy ra mất đoàn kết.

Đảng ta là đội tiên phong của giai cấp công nhân, hết lòng phục vụ nhân dân. Mục tiêu chiến đấu của Đảng là vì độc lập dân tộc, vì hạnh phúc của đồng bào; không có mục tiêu nào khác. Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý là để bảo đảm nhân dân làm chủ theo luật pháp, do đó kiên quyết chống lại mọi hành vi của quyền, gây phiền nhiễu, áp bức, vi phạm quyền làm chủ của dân. Mối quan hệ khăng khít giữa Đảng, Nhà nước với nhân dân là sự sống còn của Đảng, sự vững mạnh của Nhà nước. Toàn Đảng phải theo tư tưởng của Bác Hồ, bảo đảm bao nhiêu lợi ích đều vì dân, bao nhiêu quyền hành đều ở nơi dân, gương cao ngọn cờ đại đoàn kết dân tộc, tôn trọng người hiền tài, chăm sóc người có công, khuyến khích mọi người làm giàu chính đáng, hết lòng giúp đỡ người nghèo khó, người có hoàn cảnh rủi ro, cơ nhỡ, tất cả

vì sự nghiệp dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh, vững bước đi lên chủ nghĩa xã hội. Trước khi tiến hành Đại hội, Ban Chấp hành Trung ương sẽ công bố dự thảo văn kiện của Đảng để xin ý kiến nhân dân, dựa vào nhân dân để giám sát cán bộ, đảng viên, công chức... Tin ở dân, dựa chắc vào dân, Đảng sẽ có thêm sức mạnh to lớn để có đủ phẩm chất và năng lực lãnh đạo đất nước mà nhân dân giao phó.

Thưa các đồng chí,

Sau Hội nghị Trung ương 10 lần này là bắt tay ngay vào việc tiến hành đại hội đảng các cấp.

Đại hội đảng các cấp tiến đến Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ IX là sinh hoạt chính trị lớn nhất của Đảng ta 5 năm một lần; và là mối quan tâm lớn nhất của toàn dân, toàn quân và bạn bè quốc tế.

Phải dựa vào các văn kiện của Trung ương, đồng thời phải căn cứ vào thực tế của địa phương, của ngành, của đơn vị mình mà cụ thể hóa, rất thực tiễn, rất sáng tạo, với tinh thần tiến công, tinh thần quyết thắng. Phải trả lời cho được câu hỏi: 5 năm tới, các bộ, các ngành và địa phương, đơn vị mình (từ xã, phường, quận, huyện, tỉnh, thành phố, xí nghiệp, công ty, cơ quan...) thực hiện chiến lược công nghiệp hóa, hiện đại hóa theo định hướng xã hội chủ nghĩa thế nào? Phải nắm vững tiêu chuẩn và phải thật sự dân chủ trong bầu cử cấp ủy mới và đại biểu đi dự đại hội cấp trên.

Đặc biệt, phải chân thành xin ý kiến của nhân dân và yêu cầu nhân dân tham gia xây dựng Đảng, xây dựng các chương trình hành động về kinh tế - xã hội và các lĩnh vực khác trong những tháng còn lại của năm 2000.

Các ngày lễ lớn là những sinh hoạt tư tưởng và văn hóa sâu sắc, bồi đắp lý tưởng, lẽ sống của nhân dân ta.

Sau đại hội cấp nào thì tổ chức thực hiện ngay nghị quyết, kiên quyết sửa chữa khuyết điểm; tất cả đảng viên, cán bộ đều có sự chuyển biến mới, phát động cao trào cách mạng, quyết giành thắng lợi to lớn và toàn diện năm 2000 và những năm đầu của thế kỷ XXI.

Trước mắt chúng ta thuận lợi có nhiều, khó khăn cũng không nhỏ, nhưng với tinh thần cách mạng tiến công, chúng ta vững niềm tin vào thắng lợi của sự nghiệp cách mạng, tiến tới Đại hội lần thứ IX của Đảng, đưa đất nước vững bước vào thế kỷ XXI.

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

**QUYẾT ĐỊNH
CỦA BỘ CHÍNH TRỊ**

Số 78-QĐ/TW, ngày 24 tháng 7 năm 2000

**Về việc thành lập Ban Chỉ đạo Trung ương
thực hiện Thông báo 304 của Bộ Chính trị
về thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở**

- Căn cứ yêu cầu công tác,
- Xét đề nghị của Ban Dân vận Trung ương,

BỘ CHÍNH TRỊ QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thành lập "Ban Chỉ đạo Trung ương thực hiện Thông báo 304 của Bộ Chính trị về thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở", gồm các cơ quan và các đồng chí có tên sau:

- 1- Đồng chí Trương Quang Được, Ủy viên Trung ương Đảng, Trưởng ban Dân vận Trung ương, làm Trưởng ban Chỉ đạo;
- 2- Đồng chí Trương Mỹ Hoa, Ủy viên Trung ương Đảng, Phó Chủ tịch Quốc hội;
- 3- Đồng chí Đỗ Quang Tuấn, Phó trưởng Ban Dân vận Trung ương, Ủy viên Thường trực Ban Chỉ đạo;

4- Đồng chí Nguyễn Thị Kim Hồng, Ủy viên Trung ương Đảng, Phó trưởng Ban Tổ chức Trung ương;

5- Đồng chí Nguyễn Ngô Hai, Ủy viên Trung ương Đảng, Phó trưởng Ban Tư tưởng - Văn hoá Trung ương;

6- Đồng chí Phạm Quốc Anh, quyền Trưởng Ban Nội chính Trung ương;

7- Đồng chí Bùi Danh Lưu, Ủy viên Trung ương Đảng, Phó trưởng Ban Kinh tế Trung ương;

8- Đồng chí Đặng Quốc Tiến, Phó trưởng Ban Tổ chức - Cán bộ Chính phủ;

9- Đồng chí Đỗ Duy Thường, Ủy viên Đoàn Chủ tịch, Ủy viên Ban Thường trực Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;

10- Đồng chí Nguyễn Thị Oanh, Ủy viên Đảng đoàn, Phó Chủ tịch Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam;

11- Đồng chí Lê Văn Nhẫn, Ủy viên Đảng đoàn, Phó Chủ tịch Trung ương Hội Nông dân Việt Nam;

12- Đồng chí Nguyễn Quốc Thuốc, Ủy viên Đảng đoàn, Phó Chủ tịch Trung ương Hội Cựu chiến binh Việt Nam;

13- Đồng chí Đặng Ngọc Chiến, Ủy viên Đảng đoàn, Phó Chủ tịch Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam;

14- Đồng chí Lê Văn Cầu, Ủy viên Ban Thường vụ, Trưởng ban Tổ chức Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh;

15- Đồng chí Nguyễn Minh Thông, Phó trưởng Ban thường trực, Ban Đổi mới quản lý doanh nghiệp Trung ương;

16- Đồng chí Nguyễn Đăng Đại, Vụ trưởng Vụ Dân nguyện, Văn phòng Quốc hội;

17- Đồng chí Nguyễn Cảnh Khuê, Vụ trưởng Vụ Quan hệ với Quốc hội và Hội đồng nhân dân, Văn phòng Chính phủ;

Điều 2. Các cơ quan có thành viên tham gia và các đồng chí có tên trên thi hành Quyết định này.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ

PHẠM THẾ DUYỆT

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

THÔNG TRI
CỦA THƯỜNG VỤ BỘ CHÍNH TRỊ
Số 07-TT/TW, ngày 11 tháng 8 năm 2000
Về việc xuất bản sách viết về hoạt động cách mạng
của các đồng chí lãnh đạo chủ chốt
của Đảng và Nhà nước

Trong những năm gần đây, sách viết về hoạt động cách mạng của các đồng chí lãnh đạo chủ chốt của Đảng và Nhà nước đã trở thành loại sách đáp ứng nhu cầu của đông đảo bạn đọc. Nhiều cuốn sách đã thể hiện chân thực và sinh động hoạt động cách mạng của các đồng chí Trần Phú, Lê Hồng Phong, Nguyễn Văn Cừ, Lê Duẩn, Trường Chinh, Trần Đăng Ninh, Châu Văn Liêm, Hải Triều, Trần Hữu Dực, Hà Huy Giáp, Đặng Việt Châu, Nguyễn Hữu Khiếu... Tác giả của các cuốn sách đã công phu sưu tập những tư liệu lịch sử quý, có giá trị tư tưởng chính trị tốt, được đông đảo bạn đọc hoan nghênh, có sức động viên giáo dục truyền thống cách mạng sâu sắc cho thế hệ trẻ.

Để việc viết sách về hoạt động cách mạng của các đồng chí lãnh đạo chủ chốt của Đảng và Nhà nước trên cơ sở những đề án, kế hoạch cụ thể; đảm bảo tính thống nhất, tính chân thực của những tư liệu; nâng cao giá trị tư tưởng chính

trị của tác phẩm và phát huy tác dụng giáo dục truyền thống yêu nước và cách mạng cho các tầng lớp nhân dân, nhất là cho thế hệ trẻ, Thường vụ Bộ Chính trị yêu cầu:

1. Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh chủ trì phối hợp với các ban, ngành hữu quan đề xuất danh sách các đồng chí lãnh đạo chủ chốt của Đảng và Nhà nước cần viết sách về thân thế và sự nghiệp cách mạng trình Thường vụ Bộ Chính trị phê duyệt.

2. Ban Tư tưởng - Văn hoá Trung ương, Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia và cơ quan do các đồng chí lãnh đạo chủ chốt công tác lâu năm chủ trì phối hợp với cấp ủy đảng và chính quyền các tỉnh, thành phố quê hương của các đồng chí lãnh đạo chủ chốt của Đảng và Nhà nước viết sách (xây dựng kế hoạch xuất bản, thành lập Hội đồng biên tập, tổ chức hội thảo khoa học nội dung tư liệu...). Các ngành, các địa phương nơi đồng chí lãnh đạo đã từng hoạt động cách mạng chịu trách nhiệm phối hợp thực hiện. Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh cùng với Văn phòng Trung ương Đảng và Ban Tổ chức Trung ương có trách nhiệm cung cấp tư liệu và thẩm định khoa học các tư liệu lịch sử.

3. Sách do Nhà xuất bản Chính trị quốc gia xuất bản. Kinh phí cho xuất bản sách nằm trong nguồn kinh phí xuất bản sách lịch sử Đảng của địa phương.

4. Bộ Giáo dục và Đào tạo, Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh có kế hoạch phối hợp chỉ đạo tổ chức việc tìm đọc, học tập, nghiên cứu nhằm phát huy tác dụng, hiệu quả tư tưởng, giáo dục của sách.

5. Bộ Văn hoá - Thông tin chịu trách nhiệm hướng dẫn hệ thống thư viện và các cơ quan báo chí tổ chức tuyên truyền, giới thiệu sách đối với các tầng lớp nhân dân; chú trọng hơn tới các ngành, các lĩnh vực, các địa phương nơi các đồng chí lãnh đạo chủ chốt của Đảng và Nhà nước đã từng hoạt động.

Ban Tư tưởng - Văn hoá Trung ương có trách nhiệm giúp Thường vụ Bộ Chính trị hướng dẫn, đôn đốc, theo dõi việc tổ chức thực hiện những công việc nêu trên.

T/M THƯỜNG VỤ BỘ CHÍNH TRỊ

PHẠM THẾ DUYỆT

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

THÔNG BÁO
Ý KIẾN CỦA THƯỜNG VỤ BỘ CHÍNH TRỊ
Số 310-TB/TW, ngày 14 tháng 8 năm 2000
Về tổ chức Đại hội Liên hiệp
các hội văn học - nghệ thuật Việt Nam lần thứ VI

Ngày 9-8-2000, sau khi nghe Đảng đoàn Liên hiệp các hội văn học - nghệ thuật báo cáo tình hình và đề án chuẩn bị Đại hội Liên hiệp các hội văn học - nghệ thuật lần thứ VI, Thường vụ Bộ Chính trị đã thảo luận và cho ý kiến như sau:

1. Cơ bản nhất trí nội dung đánh giá tình hình văn học - nghệ thuật trong 5 năm qua (1995 - 2000) và phương hướng hoạt động trong thời gian tới mà Đảng đoàn Liên hiệp các hội văn học - nghệ thuật đã trình bày. Năm năm qua, hoạt động văn học - nghệ thuật đã phát triển theo hướng tích cực, có những bước tiến mới. Nghị quyết Trung ương 5 (khoá VIII) đã thực sự đi vào cuộc sống, hoạt động sáng tác đa dạng về nội dung và hình thức, nhiều tác phẩm đi sâu vào sự thật của đời sống xã hội, vào nội tâm con người, tìm về những giá trị tinh thần và văn hoá dân tộc, đồng thời tìm kiếm những phương hướng của cuộc sống hiện đại; phê phán và đẩy lùi những quan điểm sai trái, lệch lạc. Nhìn chung văn học -

nghệ thuật tiếp tục có những đóng góp to lớn cho sự nghiệp đổi mới của đất nước dưới sự lãnh đạo của Đảng.

Tuy nhiên, lĩnh vực văn học - nghệ thuật trong thời gian qua cũng bộc lộ một số yếu kém cần sớm khắc phục: Công tác phê bình vẫn còn yếu chưa bắt kịp những phát triển mới của phần sáng tác. Chúng ta chưa có những tác phẩm ngang tầm với những thắng lợi vĩ đại của dân tộc. Lĩnh vực điện ảnh chưa đáp ứng được mong mỏi của nhân dân. Sách, báo, tạp chí được phát hành nhiều, đa dạng về chủng loại, hình thức, nội dung nhưng đến với đồng bào các dân tộc ít người và nông thôn còn rất ít, hệ thống thư viện ở cơ sở chưa được củng cố...

2. Đại hội VI Liên hiệp các hội văn học - nghệ thuật tuy là đại hội nhiệm kỳ nhưng diễn ra ở một thời điểm quan trọng. Thường vụ Bộ Chính trị nhấn mạnh một số điểm sau:

a) Đại hội cần khẳng định rõ, đúng mức những thành tựu, tiến bộ đã đạt được, đồng thời phân tích thẳng thắn những mặt chưa làm tốt, những yếu kém, nguyên nhân, trên cơ sở đó xác định phương hướng, nhiệm vụ để đưa văn học - nghệ thuật nước ta tiến nhanh hơn, có nhiều tác phẩm văn học - nghệ thuật có giá trị tư tưởng và nghệ thuật cao tương xứng với những thắng lợi vĩ đại và vẻ vang của dân tộc trong những năm đầu của thế kỷ XXI.

b) Tiếp tục khai thác để phát huy vốn văn học - nghệ thuật dân tộc phong phú làm giàu bản sắc chung của dân tộc Việt Nam.

c) Về tổ chức: Mô hình tổ chức của Liên hiệp hội hiện nay là hợp lý, tuy nhiên cần nghiên cứu để điều chỉnh chức năng, nhiệm vụ của Đảng đoàn Liên hiệp hội cho phù hợp. Vai trò

của Ban Tư tưởng - Văn hoá đối với Liên hiệp hội; mối quan hệ giữa Liên hiệp, Đảng đoàn Liên hiệp với các hội và Đảng đoàn các hội chuyên ngành và với Ban Tư tưởng - Văn hoá Trung ương cần được làm rõ hơn. Thường vụ Bộ Chính trị giao cho Ban Tổ chức Trung ương chủ trì cùng Ban Tổ chức - Cán bộ Chính phủ, Bộ Văn hoá - Thông tin, Ban Tư tưởng - Văn hoá và Đảng đoàn Liên hiệp hội khẩn trương chuẩn bị cụ thể về đề án nhân sự của Liên hiệp hội để trình Thường vụ Bộ Chính trị xem xét quyết định.

d) Về chính sách: Chính phủ sẽ thực hiện những nội dung về chế độ chính sách đã được Nghị quyết Trung ương 5 (khoá VIII) khẳng định, tiếp tục hỗ trợ để văn học - nghệ thuật tiếp tục phát triển. Bộ Văn hoá - Thông tin và Liên hiệp hội nghiên cứu để có dự án rõ ràng, những địa chỉ đầu tư cụ thể và cơ chế quản lý nguồn vốn đầu tư đạt hiệu quả cao.

Đồng ý để đại hội được tổ chức vào tháng 9-2000 (sau quốc khánh 2-9-2000).

T/M THƯỜNG VỤ BỘ CHÍNH TRỊ
PHẠM THẾ DUYỆT

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

THÔNG BÁO
KẾT LUẬN CỦA THƯỜNG VỤ BỘ CHÍNH TRỊ
Số 311-TB/TW, ngày 14 tháng 8 năm 2000
Về kế hoạch đào tạo cán bộ chuyên trách
làm công tác tư tưởng - văn hoá

Ngày 9-8-2000, sau khi nghe báo cáo của Ban Tư tưởng - Văn hoá Trung ương về kế hoạch đào tạo cán bộ chuyên trách làm công tác tư tưởng - văn hoá, Thường vụ Bộ Chính trị đã thảo luận và kết luận:

Cơ bản nhất trí nội dung đề án do Ban Tư tưởng - Văn hoá đã trình bày và khi thực hiện cần lưu ý một số vấn đề sau:

1. Đối tượng tuyển chọn: Cần chú ý tiêu chuẩn, trước hết đó là những người trung thành với mục tiêu lý tưởng và có niềm tin ở sự lãnh đạo của Đảng, có năng khiếu nói và viết để làm tốt nhiệm vụ sau này. Có thể lựa chọn số sinh viên vừa tốt nghiệp Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Sư phạm có phẩm chất đạo đức tốt và có năng khiếu hoạt động trong lĩnh vực tư tưởng - văn hoá. Ban Tư tưởng - Văn hoá Trung ương và Ban Tuyên giáo các cấp có thể lựa chọn một số cán bộ trẻ đang công tác bảo đảm tiêu chuẩn để gửi đào tạo. Không đưa ra chỉ tiêu ưu tiên trước hết tuyển chọn con em trong ngành.

2. Số lượng và phương thức đào tạo: Phần đầu đào tạo được 450 đến 600 học viên một khoá cho cả ba vùng theo hình thức đào tạo tập trung trong thời gian 2 năm rưỡi cho mỗi khoá.

3. Nội dung chương trình đào tạo: Đồng chí Lê Xuân Tùng chịu trách nhiệm chỉ đạo xây dựng nội dung chương trình đào tạo, cần có nội dung thích đáng cho hoạt động nghiên cứu thực tế, thực hành.

4. Về chế độ chính sách: Đối với cán bộ đang công tác trong các cơ quan, sĩ quan trong lực lượng vũ trang đi học sẽ được giữ nguyên lương, khi ra trường được xếp lại thang bậc lương thích hợp. Số thanh niên vừa tốt nghiệp đại học được chọn đi học sẽ hưởng mức phụ cấp bằng lương khởi điểm áp dụng cho viên chức tốt nghiệp đại học. Với những học viên chưa phải là đảng viên nhất thiết phải được kết nạp đảng khi ra trường mới được bố trí làm công tác tư tưởng - văn hoá.

Các bộ phận có liên quan khẩn trương triển khai đề án để có thể bắt đầu đào tạo khoá đầu từ năm học mới. Cùng với việc đào tạo cán bộ chuyên làm công tác tư tưởng - văn hoá cần có chương trình kế hoạch đào tạo cơ bản và bồi dưỡng cán bộ chuyên trách làm công tác Đảng như cán bộ chuyên trách làm công tác tổ chức, kiểm tra, văn phòng cấp ủy và công tác chính quyền các cấp.

T/M THƯỜNG VỤ BỘ CHÍNH TRỊ
PHẠM THẾ DUYỆT

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

QUYẾT ĐỊNH
CỦA BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG
Số 79-QĐ/TW, ngày 15 tháng 8 năm 2000
Về việc phân bổ đại biểu các đảng bộ
trực thuộc Trung ương dự
Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX của Đảng

- Căn cứ Nghị quyết Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khoá VIII) về việc triệu tập Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX của Đảng;

- Căn cứ Điều lệ Đảng,

Ban Chấp hành Trung ương quyết định việc phân bổ đại biểu các đảng bộ trực thuộc Trung ương dự Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX của Đảng như sau:

1. Căn cứ để phân bổ số lượng đại biểu

Việc phân bổ số lượng đại biểu các đảng bộ trực thuộc Trung ương dự Đại hội IX của Đảng căn cứ vào đầu mối các đảng bộ trực thuộc Trung ương; vào số lượng đảng viên của từng đảng bộ và vào vị trí quan trọng của một số đảng bộ.

2. Mức phân bổ số lượng đại biểu cụ thể ở các đảng bộ trực thuộc Trung ương

a) Phân bổ số lượng đại biểu tính theo đầu mỗi các đảng bộ trực thuộc Trung ương:

- Các đảng bộ tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Đảng bộ Quân đội nhân dân Việt Nam, Đảng bộ Công an Trung ương, các đảng bộ cơ quan Trung ương khối I, khối Tư tưởng - Văn hoá, khối Khoa giáo, khối Kinh tế, mỗi đảng bộ được cử 10 đại biểu.

- Các đảng bộ khối Đối ngoại, khối Dân vận, khối Nội chính, mỗi đảng bộ được cử 8 đại biểu.

- Đảng bộ Đường sắt Việt Nam được cử 1 đại biểu.

- Các đảng bộ ngoài nước trực thuộc Ban Cán sự Đảng Ngoài nước được chỉ định 8 đại biểu.

b) Phân bổ số lượng đại biểu tính theo số lượng đảng viên của mỗi đảng bộ:

- Ở các đảng bộ tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; các đảng bộ Quân đội, Công an, Đường sắt Việt Nam cứ có 8.200 đảng viên thì được cử 1 đại biểu, nếu có số đảng viên dư từ 4.101 đảng viên trở lên thì được cử thêm 1 đại biểu.

- Ở các đảng bộ khối cơ quan Trung ương cứ có 4.000 đảng viên thì được cử 1 đại biểu, nếu có số dư từ 2.001 đảng viên trở lên thì được cử thêm 1 đại biểu.

- Ở các đảng bộ có số lượng đảng viên ít hơn so với mức quy định trên thì cũng được phân bổ 1 đại biểu theo số lượng đảng viên.

c) Phân bố số lượng đại biểu tính theo vị trí quan trọng của một số đảng bộ:

- Các đảng bộ thành phố Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh, mỗi đảng bộ được cử thêm 3 đại biểu.
- Đảng bộ Quân đội nhân dân Việt Nam được cử thêm 2 đại biểu.
- Đảng bộ Công an Trung ương được cử thêm 1 đại biểu.

3. Về cơ cấu đại biểu

Việc bầu đại biểu dự Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX của Đảng phải bảo đảm tiêu chuẩn đã nêu trong Chỉ thị số 54-CT/TW, ngày 22-5-2000 của Bộ Chính trị khoá VIII, đồng thời trên cơ sở tiêu chuẩn, phải có cơ cấu hợp lý, hướng vào các lĩnh vực hoạt động sau đây:

- Đa số là cán bộ lãnh đạo cao cấp, trung cấp, hoạt động trong các cơ quan Đảng, Nhà nước, Mặt trận và đoàn thể ở Trung ương và ở các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.
- Một số đại biểu công tác ở cấp huyện, quận và cấp cơ sở (đoàn đại biểu các đảng bộ tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương cần có khoảng 1/3 đại biểu công tác ở cấp huyện, quận và cơ sở).
- Một số đại biểu là cán bộ khoa học, chuyên gia giỏi về các lĩnh vực lý luận chính trị, kinh tế, văn hoá, xã hội...
- Có đại biểu là công nhân, cán bộ nữ, cán bộ trẻ, dân tộc thiểu số.

4. Triển khai thực hiện

Căn cứ vào các quy định nêu trên, Bộ Chính trị ra quyết định về số lượng đại biểu các đảng bộ trực thuộc

Trung ương được triệu tập dự Đại hội IX của Đảng và giao cho Ban Tổ chức Trung ương ban hành văn bản thông báo cụ thể về số lượng đại biểu được phân bổ ở từng đảng bộ trực thuộc Trung ương.

T/M BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG ĐẢNG
TỔNG BÍ THƯ
LÊ KHẢ PHIÊU

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

QUYẾT ĐỊNH CỦA BỘ CHÍNH TRỊ

Số 80-QĐ/TW, ngày 16 tháng 8 năm 2000

**Về phân bổ số lượng đại biểu được bầu cử
và được chỉ định ở các đảng bộ trực thuộc Trung ương**

Căn cứ Quyết định số 79-QĐ/TW, ngày 15-8-2000 của Ban Chấp hành Trung ương về việc phân bổ đại biểu các đảng bộ trực thuộc Trung ương dự Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX của Đảng, Bộ Chính trị quyết định phân bổ số lượng đại biểu được bầu cử tại các đại hội đại biểu đảng bộ trực thuộc Trung ương và số lượng đại biểu được chỉ định như sau:

1. Số lượng đại biểu được phân bổ để bầu cử ở các đại hội đại biểu đảng bộ trực thuộc Trung ương

1- Hà Nội	31 đại biểu
2- Thành phố Hồ Chí Minh	25 đại biểu
3- Thành phố Hải Phòng	19 đại biểu
4- Lai Châu	12 đại biểu
5- Sơn La	14 đại biểu
6- Lạng Sơn	13 đại biểu
7- Lào Cai	12 đại biểu

8- Yên Bái	13 đại biểu
9- Cao Bằng	13 đại biểu
10- Thái Nguyên	16 đại biểu
11- Bắc Kạn	12 đại biểu
12- Hà Giang	12 đại biểu
13- Tuyên Quang	13 đại biểu
14- Vĩnh Phúc	15 đại biểu
15- Hoà Bình	14 đại biểu
16- Phú Thọ	18 đại biểu
17- Nam Định	20 đại biểu
18- Quảng Ninh	16 đại biểu
19- Bắc Giang	16 đại biểu
20- Bắc Ninh	14 đại biểu
21- Hà Tây	20 đại biểu
22- Hải Dương	19 đại biểu
23- Thái Bình	20 đại biểu
24- Ninh Bình	15 đại biểu
25- Hưng Yên	16 đại biểu
26- Hà Nam	14 đại biểu
27- Thanh Hoá	28 đại biểu
28- Nghệ An	25 đại biểu
29- Hà Tĩnh	18 đại biểu
30- Quảng Bình	15 đại biểu
31- Quảng Trị	12 đại biểu
32- Thừa Thiên Huế	12 đại biểu
33- Đà Nẵng	13 đại biểu
34- Quảng Nam	13 đại biểu
35- Quảng Ngãi	13 đại biểu
36- Bình Định	14 đại biểu

37- Phú Yên	12 đại biểu
38- Khánh Hoà	12 đại biểu
39- Gia Lai	12 đại biểu
40- Kon Tum	11 đại biểu
41- Đắk Lắk	13 đại biểu
42- Lâm Đồng	12 đại biểu
43- Ninh Thuận	11 đại biểu
44- Bình Thuận	11 đại biểu
45- Tây Ninh	12 đại biểu
46- Đồng Nai	13 đại biểu
47- Bà Rịa - Vũng Tàu	12 đại biểu
48- Long An	12 đại biểu
49- Tiền Giang	13 đại biểu
50- Bến Tre	13 đại biểu
51- Vĩnh Long	12 đại biểu
52- Bình Dương	11 đại biểu
53- Bình Phước	11 đại biểu
54- Đồng Tháp	12 đại biểu
55- An Giang	12 đại biểu
56- Kiên Giang	12 đại biểu
57- Trà Vinh	12 đại biểu
58- Sóc Trăng	12 đại biểu
59- Cần Thơ	13 đại biểu
60- Bạc Liêu	11 đại biểu
61- Cà Mau	12 đại biểu
62- Quân đội	31 đại biểu
63- Công an	13 đại biểu
64- Đường sắt	02 đại biểu
65- Khối I	11 đại biểu

66- Khối Tư tưởng - Văn hoá	11 đại biểu
67- Khối Kinh tế	15 đại biểu
68- Khối Đối ngoại	09 đại biểu
69- Khối Khoa giáo	11 đại biểu
70- Khối Dân vận	09 đại biểu
71- Khối Nội chính	09 đại biểu

2. Số lượng đại biểu được chỉ định ở các đảng bộ ngoài nước trực thuộc Ban Cán sự Đảng Ngoài nước: 08 đại biểu

Tổng cộng: 1.013 đại biểu.

3. Tổ chức thực hiện

Căn cứ vào Quyết định này, Ban Tổ chức Trung ương có trách nhiệm ban hành văn bản thông báo cụ thể về số lượng đại biểu được phân bổ ở từng đảng bộ trực thuộc Trung ương để thực hiện.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ

PHẠM THẾ DUYỆT

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

CHỈ THỊ CỦA BỘ CHÍNH TRỊ

Số 56-CT/TW, ngày 18 tháng 8 năm 2000

Về việc tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác của Hội Luật gia Việt Nam

Thực hiện Chỉ thị số 19-CT/TW, ngày 19-4-1993 của Ban Bí thư (khoá VII), Hội Luật gia Việt Nam đã có nhiều cố gắng, tham gia vào việc phát huy quyền làm chủ của nhân dân, đổi mới hệ thống pháp luật, xây dựng Nhà nước pháp quyền Việt Nam xã hội chủ nghĩa. Nhiều luật gia Việt Nam đã gương mẫu trong việc chấp hành pháp luật của Nhà nước; tích cực tham gia vào các hoạt động xây dựng pháp luật, tuyên truyền, giáo dục pháp luật, tư vấn pháp luật, hoà giải ở cơ sở, và hoạt động phòng, chống tội phạm. Hội Luật gia Việt Nam đã phát triển rộng khắp ở hầu hết các địa phương trong cả nước, không ngừng mở rộng quan hệ hợp tác với các tổ chức và các cá nhân luật gia tiến bộ trong khu vực và trên thế giới, góp phần thực hiện công tác đối ngoại của Đảng và Nhà nước.

Tuy nhiên, chất lượng tổ chức và hiệu quả hoạt động của Hội chưa cao. Nhiều cấp hội còn lúng túng về nội dung sinh hoạt và phương thức hoạt động, chưa phát huy được khả

năng và nhiệt tình của luật gia tham gia công tác Hội, chưa làm cho hội viên gắn bó với Hội. Một số tổ chức hội còn thiếu chủ động trong việc tuyên truyền, phổ biến pháp luật trong nhân dân; chưa quan tâm đến việc bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên môn và trau dồi đạo đức nghề nghiệp cho hội viên, đặc biệt là những hội viên hành nghề luật sư, tư vấn pháp luật, công tố, xét xử, điều tra, v.v.. Một số cấp ủy, chính quyền chưa thực sự quan tâm và tạo điều kiện để củng cố và phát triển tổ chức và hoạt động của Hội.

Để phát huy vai trò và khả năng của giới luật gia trong sự nghiệp đổi mới, đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh, Bộ Chính trị yêu cầu các cấp ủy đảng, ban cán sự đảng, đảng đoàn tổ chức thực hiện tốt những việc sau đây:

1. Lãnh đạo xây dựng và củng cố Hội Luật gia Việt Nam để Hội Luật gia Việt Nam thực sự là một tổ chức nghề nghiệp mang tính chính trị, xã hội sâu sắc của những người hoạt động trong lĩnh vực pháp luật. Vận động đông đảo những người đã và đang làm công tác pháp luật trong các cơ quan nhà nước, các tổ chức kinh tế - xã hội, những người hành nghề luật sư, tư vấn pháp luật tham gia tổ chức hội. Những tỉnh chưa có tổ chức hội, Đảng đoàn Trung ương Hội Luật gia Việt Nam phối hợp với cấp uỷ địa phương vận động thành lập Hội và triển khai hoạt động. Trung ương Hội Luật gia Việt Nam cần có kế hoạch cụ thể vận động luật gia là người Việt Nam định cư ở nước ngoài đóng góp xây dựng quê hương, đất nước.

2. Trên cơ sở tổng kết hoạt động của các cấp hội, Đảng đoàn Hội Luật gia Việt Nam có kế hoạch lãnh đạo việc tổng

kết hoạt động của Hội trong thời gian vừa qua, từ đó đề ra phương hướng đổi mới nội dung, phương thức sinh hoạt, cải tiến, nâng cao chất lượng và hiệu quả các hoạt động của Hội. Bảo đảm cho các cấp hội thực hiện tốt các mặt công tác chủ yếu, như: tham gia xây dựng pháp luật; tuyên truyền phổ biến chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước cho các hội viên và mọi tầng lớp nhân dân; vận động nhân dân tôn trọng, chấp hành pháp luật; hoà giải các tranh chấp nhỏ ở cơ sở; làm tư vấn pháp luật; phòng, chống tội phạm, góp phần tích cực vào việc bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Nhà nước, tập thể và công dân, v.v.. Chăm lo giáo dục, rèn luyện, nâng cao trình độ chính trị, nghiệp vụ và phẩm chất đạo đức cho hội viên; đồng thời, động viên tinh thần và quan tâm đến lợi ích của hội viên, làm cho hội viên gắn bó với Hội.

3. Để thực hiện chủ trương xã hội hoá một số hoạt động trong lĩnh vực tư pháp và phát huy vai trò của Hội Luật gia trong việc giữ vững kỷ cương pháp luật, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các thành viên trong xã hội, Hội Luật gia cần tập trung làm tốt công tác tư vấn pháp luật miễn phí cho người nghèo và các đối tượng chính sách, phấn đấu để Hội trở thành lực lượng nòng cốt trong công tác này. Đồng thời, Hội cần chủ động tham gia cùng Bộ Tư pháp thực hiện việc quản lý hoạt động của luật sư và trọng tài viên.

4. Đảng đoàn Hội Luật gia Việt Nam phối hợp với Ban Cán sự Đảng Bộ Ngoại giao, Ban Đối ngoại Trung ương tổ chức rút kinh nghiệm về công tác đối ngoại của Hội trong 10 năm đổi mới. Tiếp tục mở rộng quan hệ hợp tác với các tổ chức và cá nhân luật gia tiến bộ trong khu vực và trên thế

giới. Tích cực tham gia tuyên truyền, giới thiệu đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật Nhà nước ra nước ngoài, tạo môi trường thuận lợi phục vụ công cuộc phát triển kinh tế, xây dựng đất nước, bảo vệ chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ của quốc gia, góp phần tích cực vào cuộc đấu tranh chung của nhân dân thế giới vì hoà bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội.

5. Ban Cán sự Đảng Chính phủ chỉ đạo việc thể chế hoá các chủ trương của Bộ Chính trị trong Chỉ thị này và xem xét việc hỗ trợ về kinh phí, cơ sở vật chất để tạo điều kiện thuận lợi cho sự hoạt động và phát triển của Hội Luật gia Việt Nam.

Các tỉnh ủy, thành ủy, các đảng đoàn, các ban cán sự đảng trực thuộc Trung ương có biện pháp tăng cường sự lãnh đạo đối với những nơi có tổ chức Hội Luật gia. Trước mắt, cần giúp đỡ, tạo điều kiện thuận lợi để Hội khắc phục những khó khăn, vướng mắc trong tổ chức và hoạt động của Hội hiện nay.

6. Ban Nội chính Trung ương giúp Bộ Chính trị theo dõi, kiểm tra việc thực hiện Chỉ thị này.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ

PHẠM THẾ DUYỆT

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

THÔNG BÁO
Ý KIẾN CỦA THƯỜNG VỤ BỘ CHÍNH TRỊ

Số 314-TB/TW, ngày 25 tháng 8 năm 2000

**Về việc giải quyết các vụ khiếu tố phức tạp,
tồn đọng tại các địa phương**

Tại phiên họp ngày 24-8-2000, sau khi nghe Ban Cán sự Đảng Chính phủ báo cáo và ý kiến của các ngành về một số tình hình khiếu nại, tố cáo phức tạp, tồn đọng tại các địa phương và kế hoạch kiểm tra của Chính phủ, Thường vụ Bộ Chính trị có ý kiến như sau:

1. Đồng ý với chủ trương của Ban Cán sự Đảng Chính phủ về việc thành lập 5 đoàn công tác liên ngành để kiểm tra, đôn đốc việc giải quyết khiếu nại, tố cáo của công dân và giải quyết một số vụ khiếu nại, tố cáo tập trung đông người, gay gắt, tồn đọng kéo dài ở 15 tỉnh, thành phố. Qua đó, rút kinh nghiệm và đề ra giải pháp đồng bộ nâng cao hiệu quả công tác giải quyết các khiếu nại, tố cáo của công dân trong phạm vi cả nước, bảo đảm giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, bảo vệ đúng đắn các quyền và lợi ích hợp pháp của Nhà nước và công dân.

2. Đoàn công tác liên ngành phải bao gồm những cán bộ có năng lực, có phẩm chất đạo đức tốt, bản lĩnh chính trị

vững vàng; được giao đủ thẩm quyền để thực hiện có hiệu quả việc kiểm tra, đôn đốc các cơ quan chức năng ở địa phương giải quyết khiếu nại, tố cáo của công dân và trực tiếp quyết định giải quyết dứt điểm các vụ khiếu nại, tố cáo gay gắt, phức tạp, tồn đọng kéo dài mà các địa phương chưa giải quyết hoặc giải quyết chưa thoả đáng.

Trưởng đoàn công tác liên ngành là người có trách nhiệm được Thủ tướng Chính phủ ủy quyền quyết định những việc thuộc quyền hạn, trách nhiệm của Thủ tướng.

Nếu cán bộ lãnh đạo chính quyền địa phương thuộc diện Trung ương quản lý có vi phạm trong việc giải quyết khiếu nại, tố cáo mà phải kỷ luật cảnh cáo, khiển trách thì Thủ tướng Chính phủ quyết định ngay, sau đó báo cáo Thường vụ Bộ Chính trị.

3. Ban Cán sự Đảng Chính phủ chỉ đạo các cơ quan chức năng khẩn trương hoàn thiện "Đề án xử lý một số vấn đề tồn tại về nhà, đất do Nhà nước quản lý, sử dụng trong quá trình thực hiện các chính sách cải tạo xã hội chủ nghĩa trước đây" để sớm trình Bộ Chính trị.

4. Ban Nội chính Trung ương phối hợp với các cơ quan nội chính Trung ương tiếp tục chỉ đạo việc thực hiện có hiệu quả Chỉ thị số 53-CT/TW của Bộ Chính trị về "Một số công việc cấp bách của các cơ quan tư pháp cần thực hiện trong năm 2000".

T/L THƯỜNG VỤ BỘ CHÍNH TRỊ
CHÁNH VĂN PHÒNG
TRẦN ĐÌNH HOAN

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

THÔNG BÁO
Ý KIẾN CỦA THƯỜNG VỤ BỘ CHÍNH TRỊ
 Số 315-TB/TW, ngày 29 tháng 8 năm 2000
Về chủ trương tổ chức lại hai Đại học Quốc gia

Ngày 24-8-2000, sau khi nghe Ban Cán sự Đảng Chính phủ báo cáo về thực hiện chủ trương tổ chức lại hai Đại học Quốc gia, ý kiến phát biểu của Ban Khoa giáo Trung ương, Bộ Giáo dục và Đào tạo và ý kiến Giáo sư, Viện sĩ Nguyễn Văn Hiệu, Tổ trưởng giúp Thủ tướng tìm hiểu trực tiếp về tổ chức hoạt động của Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh, Thường vụ Bộ Chính trị kết luận:

1. Chủ trương xây dựng hai Đại học Quốc gia thành những trung tâm đào tạo, nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ đa ngành, đa lĩnh vực, chất lượng cao, ngang tầm khu vực, dần dần đạt trình độ quốc tế là hoàn toàn đúng đắn, phù hợp với yêu cầu phát triển của đất nước và xu hướng phát triển giáo dục đại học của khu vực và thế giới.

Song hơn 5 năm qua, việc triển khai tổ chức thực hiện chủ trương này không nghiêm túc; việc xây dựng kế hoạch, tính toán bước đi, chuẩn bị các điều kiện thực hiện thiếu chu đáo, chưa có sự bàn bạc thật dân chủ, nóng vội ghép nhiều trường vào một Đại học Quốc gia với quy mô quá lớn, trong

khi đội ngũ giảng viên thiếu, chất lượng yếu, cơ sở vật chất của các trường chưa đủ điều kiện bảo đảm cho giảng dạy, học tập và nghiên cứu khoa học; quy chế tổ chức và hoạt động của Đại học Quốc gia còn chưa rõ ràng, có những điểm chưa thích hợp với mục đích vừa tăng quyền tự chủ của các trường thành viên, vừa bảo đảm sự gắn kết hữu cơ trong một tổ chức thống nhất là Đại học Quốc gia. Công tác quản lý của Đại học Quốc gia còn nặng về hành chính; chất lượng đào tạo của Đại học Quốc gia chưa có chuyển biến rõ rệt...

Tình hình trên đòi hỏi phải có biện pháp kịp thời, có hiệu quả để tổ chức lại hai Đại học Quốc gia.

2. Thường vụ Bộ Chính trị nhất trí với các nguyên tắc, các tiêu chí, nội dung cơ bản của việc tổ chức lại hai Đại học Quốc gia như đã nêu trong Báo cáo số 54/BCS, ngày 22-8-2000 của Ban Cán sự Đảng Chính phủ.

Về phương án cụ thể tổ chức lại hai Đại học Quốc gia, Thường vụ Bộ Chính trị có ý kiến cụ thể như sau:

- *Đại học Quốc gia Hà Nội*: giữ nguyên các trường đại học thành viên như hiện nay (gồm các trường: Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Khoa học tự nhiên và Trường Đại học Ngoại ngữ) và các khoa, viện, trung tâm nghiên cứu trực thuộc. Trong quá trình phát triển, Đại học Quốc gia Hà Nội sẽ có thêm các trường đại học thành viên, các khoa trực thuộc, viện và trung tâm nghiên cứu khoa học mới phục vụ cho việc phát triển theo các hướng mũi nhọn về khoa học, công nghệ và một số ngành kinh tế - xã hội.

- *Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh*: Trước mắt gồm 3 trường: Đại học Kỹ thuật, Đại học Khoa học tự nhiên và Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn; và các khoa, viện,

trung tâm nghiên cứu trực thuộc. Trong quá trình phát triển, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh sẽ có thêm các trường đại học thành viên, các khoa trực thuộc, viện và trung tâm nghiên cứu khoa học mới phục vụ cho việc phát triển theo các hướng mũi nhọn về khoa học, công nghệ và một số ngành kinh tế - xã hội.

Các trường đại học thành viên khác (Kinh tế, Kiến trúc, Nông - Lâm, Luật, Sư phạm kỹ thuật) được tách ra thành các trường độc lập.

Cơ cấu, mô hình tổ chức trên bảo đảm cho hai Đại học Quốc gia có cơ cấu đa ngành, đa lĩnh vực và quy mô hợp lý (với khoảng dưới 30.000 sinh viên), bảo đảm sự gắn kết chặt chẽ giữa đào tạo, nghiên cứu khoa học và triển khai ứng dụng; giữa khoa học tự nhiên, khoa học xã hội - nhân văn và khoa học, công nghệ; có đội ngũ cán bộ khoa học mạnh và đồng bộ. Hai Đại học Quốc gia phải xem xét nghiêm túc việc mở rộng đào tạo tại chức, không để quá tải và chất lượng thấp như hiện nay.

3. Về chỉ đạo thực hiện

- Trước hết Ban Cán sự Đảng Chính phủ, Ban Tư tưởng - Văn hoá Trung ương, Ban Khoa giáo Trung ương, Bộ Giáo dục và Đào tạo cùng với Thành ủy Hà Nội, Thành ủy Thành phố Hồ Chí Minh cần có sự chỉ đạo để thống nhất về tư tưởng và nhận thức đối với các cơ quan có liên quan và đặc biệt phải làm tốt công tác tư tưởng đối với đội ngũ cán bộ, sinh viên hai Đại học Quốc gia, nhất là đối với lãnh đạo, giáo viên, sinh viên hai trường Đại học Kỹ thuật thuộc Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh và Đại học Ngoại ngữ thuộc Đại học Quốc gia Hà Nội theo nội dung đã được nêu tại Thông báo này.

- Chính phủ chỉ đạo ngay các ban, ngành có liên quan xây dựng đề án cụ thể để xây dựng và phát triển của hai Đại học Quốc gia, dự thảo quy chế sửa đổi về tổ chức và hoạt động của hai Đại học Quốc gia; trong đề án cần làm rõ quyền hạn, trách nhiệm của các trường đại học thành viên với tinh thần phát huy được quyền chủ động cao, sáng tạo của các trường thành viên, các viện và trung tâm nghiên cứu trong đào tạo và nghiên cứu khoa học; xác định rõ ràng mối quan hệ giữa Bộ Giáo dục và Đào tạo và Đại học Quốc gia, giữa Đại học Quốc gia và các trường thành viên với tinh thần Đại học Quốc gia chịu sự quản lý nhà nước của Bộ Giáo dục và Đào tạo, của các bộ, ngành khác trong lĩnh vực có liên quan phù hợp theo quy định của Chính phủ và *Luật giáo dục*, bảo đảm quyền tự chủ cao trong các hoạt động về đào tạo, nghiên cứu khoa học công nghệ, tài chính, quan hệ quốc tế và tổ chức, bộ máy của các Đại học Quốc gia; tạo cho được Đại học Quốc gia trở thành một thực thể hữu cơ phát huy cao nhất hiệu quả của việc xây dựng và sử dụng đội ngũ giáo viên, phòng thí nghiệm, cơ sở vật chất. Nghiên cứu chế độ đối với giảng viên giảng dạy ở Đại học Quốc gia.

- Chuẩn bị ngay nhân sự kiện toàn Ban Giám đốc của hai Đại học Quốc gia.

- Chính phủ dành ưu tiên đầu tư tập trung trong giai đoạn 2001 - 2005 để sớm xây dựng Đại học Quốc gia theo quy hoạch mới (Đại học Quốc gia Hà Nội tại khu vực Hoà Lạc và Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh tại Thủ Đức); kiên quyết không cho xây dựng thêm ở cơ sở cũ.

- Rút kinh nghiệm việc triển khai xây dựng Đại học Quốc gia những năm trước, lần này việc triển khai tổ chức lại

Đại học Quốc gia phải chuẩn bị kỹ, cụ thể, đặc biệt là phải rất coi trọng công tác tư tưởng và chỉ đạo triển khai trong từng bước, từng nhiệm vụ cụ thể; kịp thời kiểm tra để chấn chỉnh những khuyết điểm.

Phải quyết tâm thực hiện tốt việc sắp xếp lại hai Đại học Quốc gia, những năm tới hai Đại học Quốc gia phải có sự phát triển mới, xứng đáng là đầu đàn của ngành đại học cả nước.

T/M THƯỜNG VỤ BỘ CHÍNH TRỊ

PHẠM THẾ DUYỆT

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

THÔNG BÁO
Ý KIẾN CỦA BỘ CHÍNH TRỊ
Số 319-TB/TW, ngày 25 tháng 9 năm 2000
Về dự án *Pháp lệnh Thủ đô Hà Nội*

Tại phiên họp ngày 22-9-2000, sau khi nghe đại diện Đảng đoàn Quốc hội báo cáo và ý kiến của các cơ quan có liên quan về dự án *Pháp lệnh Thủ đô Hà Nội*, Bộ Chính trị có ý kiến như sau:

1. Dự án *Pháp lệnh Thủ đô Hà Nội* nhằm thể chế hoá các chủ trương, đường lối của Đảng, Nhà nước ta đối với việc quản lý, xây dựng, phát triển và bảo vệ Thủ đô. Hiện nay, Bộ Chính trị đang chỉ đạo tổng kết việc thực hiện Nghị quyết số 08-NQ/TW, ngày 21-1-1983 của Bộ Chính trị (khoá V) về công tác của Thủ đô Hà Nội và sẽ xem xét, ban hành một nghị quyết mới về công tác của Thủ đô trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá, vì vậy, chưa ban hành *Pháp lệnh Thủ đô Hà Nội*. Sau khi Bộ Chính trị ra nghị quyết mới về vấn đề này, sẽ cân nhắc để có văn bản pháp lý thích hợp thể chế hoá nghị quyết của Bộ Chính trị về quản lý, xây dựng, phát triển và bảo vệ Thủ đô Hà Nội trong thời gian tới.

2. Thành uỷ Hà Nội khẩn trương hoàn thành tổng kết việc thực hiện Nghị quyết 08-NQ/TW của Bộ Chính trị về

công tác của Thủ đô trên từng lĩnh vực, từng mặt công tác cụ thể; xác định rõ những mặt mạnh, yếu, nguyên nhân; đề xuất phương hướng, giải pháp trong thời gian tới; trình Bộ Chính trị vào quý IV-2000.

Xin thông báo các đồng chí biết.

T/L BỘ CHÍNH TRỊ
CHÁNH VĂN PHÒNG
TRẦN ĐÌNH HOAN

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

THÔNG BÁO
Ý KIẾN CỦA BỘ CHÍNH TRỊ
Số 320-TB/TW, ngày 25 tháng 9 năm 2000
Về dự án *Luật biên giới quốc gia*

Tại phiên họp ngày 22-9-2000, sau khi nghe đại diện Đảng đoàn Quốc hội báo cáo và ý kiến của các ngành có liên quan về dự án *Luật biên giới quốc gia*, Bộ Chính trị có ý kiến như sau:

1. Về việc thông qua dự án luật cần cân nhắc thời điểm thích hợp trình Quốc hội cho ý kiến và thông qua, nên chuyển sang năm 2001.

2. Về nội dung dự án luật:

- *Luật biên giới quốc gia* là một đạo luật quan trọng xác định chủ quyền của quốc gia, vì vậy nội dung luật phải quy định rõ phạm vi vùng đất, vùng trời, vùng biển thuộc chủ quyền của nước ta. Chú ý nghiên cứu kỹ Công ước của Liên hợp quốc về Luật biển (1982) và Bộ luật ứng xử Biển Đông để thể hiện trong luật cho phù hợp.

- Cần ghi rõ hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa vào luật, khẳng định chủ quyền của Việt Nam đối với hai quần đảo này nhằm tạo cơ sở pháp lý để đấu tranh bảo vệ chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc.

- Chính phủ thống nhất quản lý nhà nước về biên giới quốc gia; quy định rõ cơ quan chịu trách nhiệm chính giúp Chính phủ chủ trì phối hợp với các bộ, ngành, các địa phương thực hiện quản lý nhà nước về biên giới quốc gia. Cần xác định rõ hơn trách nhiệm của từng bộ, ngành, từng địa phương trong từng lĩnh vực. Những vấn đề gì có thể quy định cụ thể được thì quy định ngay vào luật, nếu không quy định được trong luật thì giao Chính phủ quy định trong các văn bản dưới luật.

3. Đảng đoàn Quốc hội, Ban Cán sự Đảng Chính phủ chỉ đạo cơ quan có trách nhiệm tiếp tục nghiên cứu và hoàn chỉnh dự án luật. Trước khi trình Quốc hội, Đảng đoàn Quốc hội báo cáo Bộ Chính trị cho ý kiến về toàn bộ nội dung dự án luật này.

Xin thông báo các đồng chí biết.

T/L BỘ CHÍNH TRỊ
CHÁNH VĂN PHÒNG
TRẦN ĐÌNH HOAN

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

THÔNG BÁO
Ý KIẾN CỦA BỘ CHÍNH TRỊ
 Số 321-TB/TW, ngày 25 tháng 9 năm 2000
Về dự án *Luật kinh doanh bảo hiểm*

Tại phiên họp ngày 22-9-2000, sau khi nghe đại diện Đảng đoàn Quốc hội báo cáo và ý kiến của các ngành có liên quan về dự án *Luật kinh doanh bảo hiểm*, Bộ Chính trị có ý kiến như sau:

- Đồng ý với đề nghị của Đảng đoàn Quốc hội về việc trình dự án *Luật kinh doanh bảo hiểm* để Quốc hội xem xét, thông qua tại kỳ họp thứ tám Quốc hội khoá X (Tờ trình số 228/ĐĐQH10, ngày 8-9-2000). Cần chú ý bàn kỹ các điều kiện và biện pháp kiểm soát nhằm ngăn chặn rủi ro, tác động xấu đến nền kinh tế và bảo vệ quyền lợi mà người tham gia bảo hiểm; cân nhắc kỹ các quy định đối với doanh nghiệp bảo hiểm có vốn đầu tư nước ngoài.

- Quá trình Quốc hội xem xét, thảo luận nếu thấy có vấn đề cần thiết, Đảng đoàn Quốc hội trình xin ý kiến Bộ Chính trị trước khi trình Quốc hội thông qua.

Xin thông báo các đồng chí biết.

T/L BỘ CHÍNH TRỊ
 CHÁNH VĂN PHÒNG
 TRẦN ĐÌNH HOAN

Lưu tại Kho Lưu trữ
 Trung ương Đảng.

THÔNG BÁO
KẾT LUẬN CỦA BỘ CHÍNH TRỊ
Số 322-TB/TW, ngày 26 tháng 9 năm 2000
Về việc kiện toàn tổ chức, bộ máy
các ban đảng ở địa phương, Trung ương
và các đảng bộ khối cơ quan Trung ương

Ngày 22-9-2000, Bộ Chính trị đã nghe ý kiến của Thường vụ Bộ Chính trị và xem xét Tờ trình số 130 và số 131 ngày 27-8-2000 của Ban Tổ chức Trung ương về việc kiện toàn tổ chức, bộ máy các ban đảng ở địa phương, Trung ương, các đảng bộ khối cơ quan Trung ương triển khai thực hiện Nghị quyết Trung ương 7 (khoá VIII) và đã kết luận như sau:

1. Đối với các cơ quan đảng ở cấp tỉnh và cấp huyện

Các cơ quan đảng ở các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các huyện ủy, thị ủy, quận ủy tiếp tục chỉ đạo thực hiện việc sắp xếp tổ chức, bộ máy và tinh giản biên chế theo Nghị quyết Trung ương 7 (khoá VIII) đã xác định. Việc kiện toàn, sắp xếp tổ chức, bộ máy các cơ quan đảng ở cấp tỉnh và cấp huyện chậm nhất phải hoàn thành trước Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ IX.

Giao Ban Tổ chức Trung ương phối hợp với các ban có liên quan hướng dẫn việc xây dựng chức năng, nhiệm vụ, mối quan hệ công tác, chức danh, tiêu chuẩn cán bộ và tình hình biên chế.

2. Về kiện toàn các ban đảng ở Trung ương

Từ nay đến Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ IX, các ban đảng ở Trung ương vẫn giữ ổn định như hiện nay. Giao Ban Tổ chức Trung ương tiếp tục nghiên cứu, rà soát chức năng, nhiệm vụ và tổ chức bộ máy các ban đảng ở Trung ương để trình Bộ Chính trị khoá IX xem xét ngay sau Đại hội.

3. Về Đảng bộ khối các cơ quan Trung ương

Từ nay đến Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ IX, các Đảng bộ khối cơ quan Trung ương vẫn ổn định như hiện nay và tiến hành thực hiện đại hội các đảng bộ khối theo Chỉ thị 54-CT/TW.

Giao Ban Tổ chức Trung ương và các cơ quan có liên quan tiếp tục nghiên cứu để trình Bộ Chính trị khoá IX xem xét.

Xin thông báo để các đồng chí thực hiện.

T/L BỘ CHÍNH TRỊ
CHÁNH VĂN PHÒNG
TRẦN ĐÌNH HOAN

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

THÔNG BÁO
KẾT LUẬN CỦA BỘ CHÍNH TRỊ
Số 323-TB/TW, ngày 2 tháng 10 năm 2000
Về đẩy mạnh ứng dụng
và phát triển công nghệ thông tin
trong thời kỳ công nghiệp hoá, hiện đại hoá

Ngày 23-9-2000, sau khi nghe báo cáo của Ban Khoa giáo Trung ương và Ban Cán sự Đảng Bộ Khoa học - Công nghệ và Môi trường về nội dung đề án "Đẩy mạnh ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin trong thời kỳ công nghiệp hoá, hiện đại hoá", Bộ Chính trị đã thảo luận và kết luận:

1. Công nghệ thông tin là động lực quan trọng thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, là thành phần quan trọng và là một bộ phận hữu cơ của chiến lược phát triển kinh tế - xã hội trong thời kỳ công nghiệp hoá, hiện đại hoá. Công nghệ thông tin là giải pháp tích cực nhằm thực hiện chiến lược đi tắt đón đầu trong phát triển nhằm tăng khả năng cạnh tranh và tránh tụt hậu về kinh tế.

Công nghệ thông tin còn là điều kiện để thu hút lao động và hạn chế một cách có hiệu quả nạn chảy máu chất xám

hiện nay. Tuy nhiên, công nghệ thông tin không phải là giải pháp có thể giải quyết được mọi vấn đề của sự phát triển.

2. Về những điều kiện cần thiết để phát triển công nghệ thông tin: ta có lợi thế về lực lượng trí thức, mặt bằng dân trí tương đối cao, khả năng tiềm tàng về phát triển công nghệ phần mềm, có điều kiện thuận lợi trong hợp tác đào tạo đội ngũ cán bộ và những bài học của các nước đi trước. Ngoài ra, điều kiện đã có về cơ sở hạ tầng viễn thông và hệ thống máy tính, hiệu quả hoạt động của nhiều doanh nghiệp phần mềm... đang là những lợi thế cần được khai thác để phát triển công nghệ thông tin trong những năm tới.

Tuy nhiên cần tính đến các khó khăn, yếu kém hiện nay, đó là: chưa nhận thức đầy đủ về vai trò của công nghệ thông tin do vậy chưa đầu tư tương xứng; chưa có chế độ, chính sách thoả đáng cho công tác đào tạo cán bộ và thu hút nhân tài hoạt động trong lĩnh vực công nghệ thông tin, chưa bảo đảm tốt yêu cầu về sự thuận tiện, tốc độ, chất lượng và giá cả trong dịch vụ viễn thông; trình độ và khả năng về ngoại ngữ (tiếng Anh) còn yếu...

3. Bộ Chính trị tán thành ra chỉ thị về lĩnh vực này. Tiểu ban chuẩn bị dự án cần bổ sung tu chỉnh để chỉ thị có định hướng rõ, có mục tiêu cụ thể. Một số nội dung quan trọng cần xác định được cả phần định lượng. Cần lựa chọn những điều kiện, những việc làm có tính chất đột phá, những hoạt động có tính chất mũi nhọn và xác định bước đi thích hợp, có hiệu quả (ví dụ cần xác định đầu tư vào đâu? Đầu tư như thế nào, ai làm? Đào tạo bao nhiêu cán bộ? Xây dựng khu công nghệ cao như thế nào? Các giải pháp để bảo đảm sự thuận lợi, tốc độ, chất lượng, giá cả

trong dịch vụ viễn thông như thế nào, v.v..). Sớm nghiên cứu hình thành mô hình tổ chức quản lý nhà nước về các lĩnh vực viễn thông và công nghệ thông tin theo hướng tập trung thống nhất.

Chỉ thị cần xác định hệ thống giải pháp rõ ràng, cụ thể. Đặc biệt quan tâm đến hệ thống cơ chế, chính sách. Trên cơ sở định hướng của Bộ Chính trị, Chính phủ cần khẩn trương thể chế hoá và ban hành chính sách toàn diện, thích hợp để chỉ thị thực sự đi nhanh vào cuộc sống. Có biện pháp chỉ đạo thực hiện tích cực, kiên quyết và quan tâm hơn nữa đến công tác quản lý, kiểm soát.

Các đồng chí Ủy viên Bộ Chính trị trực tiếp sửa vào dự thảo chỉ thị. Ban Khoa giáo Trung ương, Bộ Khoa học - Công nghệ và Môi trường và Văn phòng Trung ương có nhiệm vụ tập hợp ý kiến hoàn chỉnh văn bản trình Thường trực ký ban hành chỉ thị để từ năm 2001 thực sự tạo được bước chuyển biến mới, có một số mặt mang tính đột phá trong lĩnh vực ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin ở Việt Nam.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ

PHẠM THẾ DUYỆT

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

**QUYẾT ĐỊNH
CỦA BỘ CHÍNH TRỊ**

Số 81-QĐ/TW, ngày 2 tháng 10 năm 2000

**Về việc tặng thưởng thành phố Hà Nội
danh hiệu vinh dự Nhà nước**

Xét đề nghị của Thành ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Mặt trận Tổ quốc thành phố Hà Nội tại Tờ trình số 61/TĐKT, ngày 29-9-2000;

Xét công lao to lớn trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc;

Sau khi có ý kiến của Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Thủ tướng Chính phủ,

BỘ CHÍNH TRỊ QUYẾT ĐỊNH:

- Tặng thưởng thành phố Hà Nội danh hiệu: **“Thủ đô anh hùng”**, nhân kỷ niệm 990 năm Thăng Long - Hà Nội, 55 năm Hà Nội là Thủ đô của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa (nay là Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam) và 46 năm Ngày giải phóng Thủ đô.

- Các cơ quan có liên quan tiến hành các thủ tục tặng thưởng danh hiệu nói trên cho Thủ đô Hà Nội.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ
TỔNG BÍ THƯ

LÊ KHẢ PHIÊU

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

CHỈ THỊ CỦA BỘ CHÍNH TRỊ

Số 57-CT/TW, ngày 10 tháng 10 năm 2000

Về củng cố, hoàn thiện và phát triển hệ thống quỹ tín dụng nhân dân

Thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương (khoá VII) về tiếp tục đổi mới, phát triển kinh tế - xã hội nông thôn, từ giữa năm 1993, Ban Bí thư Trung ương Đảng đã chủ trương thí điểm thành lập mô hình quỹ tín dụng nhân dân. Sau bảy năm triển khai, đến nay đã thực hiện được mục tiêu hình thành và phát triển mô hình kinh tế hợp tác trong lĩnh vực tín dụng trên địa bàn nông thôn. Quỹ tín dụng nhân dân được thành lập và hoạt động chủ yếu ở địa bàn xã, phường đã khai thác được nguồn vốn tại chỗ góp phần đáp ứng nhu cầu vốn cho sản xuất, kinh doanh, dịch vụ và đời sống của các thành viên, thực hiện mục tiêu xoá đói, giảm nghèo và hạn chế cho vay nặng lãi ở nông thôn. Những kết quả đạt được trong quá trình thí điểm đã khẳng định chủ trương đúng đắn về phát triển mô hình quỹ tín dụng nhân dân.

Tuy nhiên, trong quá trình triển khai thí điểm, do sự lãnh đạo, chỉ đạo chưa chặt chẽ, hệ thống quỹ tín dụng nhân

dân ở một số nơi đã bộc lộ những yếu kém và khuyết điểm: việc nhận thức chưa đầy đủ về mục tiêu tương trợ, giúp đỡ lẫn nhau giữa các thành viên trong cộng đồng đã dẫn đến một số quỹ tín dụng nhân dân hoạt động chạy theo kinh doanh đơn thuần; mở rộng phạm vi hoạt động ngoài địa bàn quy định, vượt quá khả năng quản lý và kiểm soát, một số quỹ có nguy cơ mất an toàn; mô hình tổ chức quỹ tín dụng nhân dân chưa hoàn thiện, chưa có sự liên kết chặt chẽ trong hệ thống để hỗ trợ nhau ổn định và phát triển bền vững; trình độ cán bộ quản lý, điều hành còn nhiều yếu kém, một số cán bộ lợi dụng tham ô, trục lợi, làm thất thoát tài sản của quỹ. Mặt khác, việc kiểm tra, kiểm soát trong nội bộ và của các cơ quan chức năng chưa được coi trọng, chưa thường xuyên, liên tục nên chưa phát hiện và xử lý kịp thời những sai phạm trong việc chấp hành các quy định của pháp luật.

Xuất phát từ thực tiễn và yêu cầu phát triển hệ thống quỹ tín dụng nhân dân sau tổng kết thí điểm, Bộ Chính trị yêu cầu các cấp uỷ, tổ chức đảng từ Trung ương đến cơ sở triển khai tốt một số nhiệm vụ sau:

1. Quán triệt nhận thức việc xây dựng và phát triển quỹ tín dụng nhân dân là một trong những giải pháp quan trọng để góp phần đáp ứng nhu cầu vốn phục vụ phát triển kinh tế - xã hội ở khu vực nông nghiệp và nông thôn; quỹ tín dụng nhân dân là loại hình tổ chức tín dụng hợp tác, hoạt động theo *Luật các tổ chức tín dụng* và *Luật hợp tác xã*, theo nguyên tắc tự nguyện, tự chủ, tự chịu trách nhiệm về kết quả hoạt động, thực hiện mục tiêu chủ yếu là tương trợ giữa các thành viên, nhằm phát huy sức mạnh tập thể và của từng thành viên giúp nhau thực hiện có hiệu quả hơn các

hoạt động sản xuất, kinh doanh dịch vụ và cải thiện đời sống; đồng thời làm ủy thác cho vay vốn ưu đãi của các tổ chức tín dụng và các tổ chức khác. Khuyến khích những người có điều kiện tham gia góp vốn và gửi tiền vào quỹ tín dụng nhân dân để cho vay đối với những người nghèo, kể cả những người nghèo không phải là thành viên cư trú trên địa bàn hoạt động của quỹ, góp phần hạn chế tối đa tình trạng cho vay nặng lãi ở nông thôn.

2. Trên cơ sở báo cáo tổng kết của Ban Chỉ đạo Trung ương thí điểm thành lập quỹ tín dụng nhân dân, từng tỉnh, thành uỷ tiếp tục chỉ đạo việc phân tích, đánh giá sâu sắc những mặt được và chưa được của quá trình thí điểm thành lập quỹ tín dụng nhân dân trên địa bàn, làm rõ những nguyên nhân yếu kém, khuyết điểm để đề ra biện pháp khắc phục kịp thời, bảo đảm cho các quỹ tín dụng nhân dân hoạt động an toàn và đúng quy định của pháp luật.

Trước mắt tập trung chỉ đạo, củng cố và chấn chỉnh các quỹ tín dụng nhân dân theo định hướng dưới đây:

- Đối với những quỹ tín dụng nhân dân đang hoạt động bình thường cần tiếp tục nâng cao chất lượng hoạt động, nhất là chất lượng tín dụng, khắc phục khó khăn, yếu kém, bảo đảm hoạt động theo đúng quy định của pháp luật.

- Xử lý thu hồi giấy phép hoạt động của các quỹ tín dụng nhân dân không đủ điều kiện chuyển đổi hoạt động theo *Luật hợp tác xã* và những quỹ tín dụng nhân dân hoạt động yếu kém, thua lỗ kéo dài, có nguy cơ mất khả năng chi trả, khả năng thanh toán. Việc thu hồi giấy phép hoạt động các quỹ tín dụng nhân dân phải chú trọng yêu cầu ổn định chính trị, xã hội, không gây đổ vỡ ngoài sự kiểm soát của Nhà nước.

- Từng bước thu hẹp dần địa bàn hoạt động của các quỹ tín dụng nhân dân đô thị, quỹ tín dụng nhân dân liên xã, liên phường, liên xã - phường phù hợp với trình độ quản lý của quỹ tín dụng nhân dân và khả năng kiểm tra, giám sát của Ngân hàng Nhà nước.

3. Hoàn thiện mô hình tổ chức và hoạt động của các quỹ tín dụng nhân dân theo hướng chuyển dần từ mô hình bao gồm quỹ tín dụng cơ sở, quỹ tín dụng khu vực và quỹ tín dụng Trung ương sang mô hình chỉ còn quỹ tín dụng cơ sở và quỹ tín dụng Trung ương; trong đó mỗi quỹ tín dụng nhân dân là một đơn vị kinh tế độc lập, có hình thức liên kết và chỉ đạo thích hợp trong phạm vi cả nước để quản lý và kiểm tra hoạt động trong nội bộ, nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động, bảo đảm an toàn cho từng quỹ và toàn hệ thống.

4. Ban Cán sự Đảng Chính phủ chỉ đạo việc sớm ban hành Nghị định về tổ chức và hoạt động của quỹ tín dụng nhân dân; xây dựng cơ chế, chính sách, tạo môi trường pháp lý đồng bộ, nhất là các chính sách thuế và chính sách về đào tạo cán bộ phù hợp với tính chất hoạt động vì mục tiêu tương trợ giữa các thành viên, tạo điều kiện thuận lợi để củng cố, phát triển hệ thống quỹ tín dụng nhân dân.

5. Ban Cán sự Đảng Ngân hàng Nhà nước phối hợp với các tỉnh uỷ, thành uỷ chỉ đạo việc triển khai có hiệu quả Đề án củng cố hoàn thiện và phát triển hệ thống quỹ tín dụng nhân dân trên địa bàn tỉnh, thành phố và tăng cường công tác thanh tra, kiểm soát, bảo đảm hoạt động của quỹ tín dụng nhân dân thực sự an toàn, hiệu quả, đúng quy định của pháp luật.

Các cấp uỷ đảng địa phương, đặc biệt cấp uỷ đảng ở cơ sở xã, phường và thị trấn chỉ đạo uỷ ban nhân dân xã, phường

và thị trấn giám sát, giúp đỡ quỹ tín dụng nhân dân triển khai thực hiện phương án củng cố, chấn chỉnh hoạt động, đồng thời thực hiện tốt chức năng quản lý nhà nước theo quy định của pháp luật và chịu trách nhiệm về sự phát triển an toàn, hiệu quả của quỹ tín dụng nhân dân trên địa bàn.

6. Đảng đoàn Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và đoàn thể quần chúng các cấp cần chỉ đạo cơ sở làm tốt việc tuyên truyền, giáo dục và vận động hội viên là thành viên tham gia thực hiện việc củng cố, chấn chỉnh quỹ tín dụng nhân dân; đồng thời tham gia giám sát việc củng cố, chấn chỉnh quỹ tín dụng nhân dân ở từng cơ sở, giúp quỹ tín dụng nhân dân hoạt động theo đúng quy định của pháp luật.

Bộ Chính trị yêu cầu các ban đảng, các cấp ủy và tổ chức đảng, nhất là các cấp ủy và tổ chức đảng có liên quan trực tiếp đến quỹ tín dụng nhân dân quán triệt và chỉ đạo thực hiện tốt Chỉ thị này.

Ban Kinh tế Trung ương chủ trì phối hợp với các ban của Đảng theo dõi, kiểm tra, báo cáo Thường vụ Bộ Chính trị việc thực hiện Chỉ thị này.

Chỉ thị này phổ biến đến từng chi bộ Đảng.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ

PHẠM THẾ DUYỆT

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

**CHỈ THỊ
CỦA BỘ CHÍNH TRỊ**

Số 58-CT/TW, ngày 17 tháng 10 năm 2000

**Về đẩy mạnh ứng dụng
và phát triển công nghệ thông tin phục vụ
sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá**

Công nghệ thông tin là một trong các động lực quan trọng nhất của sự phát triển, cùng với một số ngành công nghệ cao khác đang làm biến đổi sâu sắc đời sống kinh tế, văn hoá, xã hội của thế giới hiện đại.

Ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin ở nước ta nhằm góp phần giải phóng sức mạnh vật chất, trí tuệ và tinh thần của toàn dân tộc, thúc đẩy công cuộc đổi mới, phát triển nhanh và hiện đại hoá các ngành kinh tế, tăng cường năng lực cạnh tranh của các doanh nghiệp, hỗ trợ có hiệu quả cho quá trình chủ động hội nhập kinh tế quốc tế, nâng cao chất lượng cuộc sống của nhân dân, đảm bảo an ninh, quốc phòng và tạo khả năng đi tắt đón đầu để thực hiện thắng lợi sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá.

I- TÌNH HÌNH PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ THÔNG TIN Ở NƯỚC TA

Ngay từ thời kỳ chống Mỹ, cứu nước, Đảng và Nhà nước đã có chủ trương vận dụng công nghệ - thông tin trong một số lĩnh vực. Bước sang thời kỳ đổi mới, chủ trương ấy đã được nhấn mạnh và cụ thể hoá trong nhiều nghị quyết của Đảng và Chính phủ.

Nghị quyết số 26-NQ/TW, ngày 30-3-1991 của Bộ Chính trị về khoa học và công nghệ trong sự nghiệp đổi mới đã nêu: *"Tập trung sức phát triển một số ngành khoa học công nghệ mũi nhọn như điện tử, tin học,..."*. Nghị quyết Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương khoá VII ngày 30-7-1994 xác định: *"Ưu tiên ứng dụng và phát triển các công nghệ tiên tiến, như công nghệ thông tin phục vụ yêu cầu điện tử hoá và tin học hoá nền kinh tế quốc dân"*. Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng toàn quốc lần thứ VIII nhấn mạnh: *"Ứng dụng công nghệ thông tin trong tất cả các lĩnh vực kinh tế quốc dân, tạo ra sự chuyển biến rõ rệt về năng suất, chất lượng và hiệu quả của nền kinh tế... Hình thành mạng thông tin quốc gia liên kết với một số mạng thông tin quốc tế..."*. Để thể chế hoá về mặt Nhà nước, Chính phủ đã ban hành Nghị quyết số 49/CP, ngày 4-8-1993 về *"Phát triển công nghệ thông tin ở Việt Nam trong những năm 90"*.

Thực hiện các chủ trương của Đảng và Nhà nước, từ những năm 70 công nghệ thông tin ở nước ta đã được ứng dụng và phát triển, góp phần quan trọng thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

Nhận thức của toàn xã hội về vai trò và ý nghĩa quan trọng của công nghệ thông tin đã được nâng lên một bước. Nguồn nhân lực về công nghệ thông tin tăng lên đáng kể. Viễn thông đang phát triển nhanh theo hướng hiện đại hoá. Nghị quyết số 07/2000/NQ-CP, ngày 5-6-2000 của Chính phủ về xây dựng và phát triển công nghiệp phần mềm giai đoạn 2000 - 2005 đang và sẽ tiếp tục tạo ra môi trường thuận lợi cho các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước đầu tư, kinh doanh, sản xuất và cung ứng dịch vụ phần mềm.

Tuy nhiên, công nghệ thông tin Việt Nam hiện nay vẫn đang ở tình trạng lạc hậu, phát triển chậm, có nguy cơ tụt hậu xa hơn so với nhiều nước trên thế giới và khu vực. Việc ứng dụng công nghệ thông tin chưa đáp ứng được yêu cầu của công cuộc công nghiệp hoá, hiện đại hoá và yêu cầu về hội nhập khu vực và quốc tế, vai trò động lực và tiềm năng to lớn của công nghệ thông tin chưa được phát huy mạnh mẽ; việc phát triển nguồn nhân lực công nghệ thông tin chưa được chuẩn bị kịp thời cả về số lượng và chất lượng, về chuyên môn cũng như về ngoại ngữ, viễn thông và internet chưa thuận lợi, chưa đáp ứng các yêu cầu về tốc độ, chất lượng và giá cước cho ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin; đầu tư cho công nghệ thông tin chưa đủ mức cần thiết; quản lý nhà nước về lĩnh vực này vẫn phân tán và chưa hiệu quả, ứng dụng công nghệ thông tin ở một số nơi còn hình thức, chưa thiết thực và còn lãng phí.

Nguyên nhân chủ yếu là do nhận thức của các cấp, các ngành và toàn xã hội về vai trò của công nghệ thông tin chưa đầy đủ; thực hiện chưa triệt để các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước; chưa kết hợp chặt chẽ ứng dụng công nghệ

thông tin với quá trình cơ cấu lại sản xuất, kinh doanh, cải cách hành chính, đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng và sự quản lý của Nhà nước; chậm ban hành các chính sách đáp ứng nhu cầu ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin; quản lý nhà nước trong các lĩnh vực máy tính, viễn thông và thông tin điện tử chưa thống nhất, thiếu đồng bộ, chưa tạo được môi trường cạnh tranh lành mạnh cho việc cung ứng dịch vụ viễn thông và internet, chưa coi đầu tư cho xây dựng hạ tầng thông tin là loại đầu tư xây dựng hạ tầng kinh tế, xã hội.

II- MỤC TIÊU, CHỦ TRƯỞNG, NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

Đến năm 2010, công nghệ thông tin Việt Nam đạt trình độ tiên tiến trong *khuvực với một số mục tiêu cơ bản* sau đây:

- Công nghệ thông tin được ứng dụng rộng rãi trong mọi lĩnh vực, trở thành một trong những yếu tố quan trọng nhất của sự phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo an ninh - quốc phòng.

- Phát triển mạng thông tin quốc gia phủ trên cả nước, với thông lượng lớn, tốc độ và chất lượng cao, giá rẻ; tỷ lệ người sử dụng internet đạt mức trung bình thế giới.

- Công nghiệp công nghệ thông tin trở thành ngành kinh tế mũi nhọn, có tốc độ phát triển hằng năm cao nhất so với các khu vực khác; có tỷ lệ đóng góp cho tăng trưởng GDP của cả nước ngày càng tăng.

Để thực hiện tốt mục tiêu nêu trên, *Bộ Chính trị chủ trương*:

1. Ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin là một nhiệm vụ ưu tiên trong chiến lược phát triển kinh tế - xã hội,

là phương tiện chủ lực để đi tắt đón đầu, rút ngắn khoảng cách phát triển so với các nước đi trước.

2. Mọi lĩnh vực hoạt động kinh tế, văn hoá, xã hội, an ninh, quốc phòng đều phải ứng dụng công nghệ thông tin để phát triển.

3. Mạng thông tin quốc gia là kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội quan trọng, phải tạo điều kiện thuận lợi cho quá trình ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin, bảo đảm được tốc độ và chất lượng cao, giá cước rẻ.

4. Phát triển nguồn nhân lực cho công nghệ thông tin là yếu tố then chốt có ý nghĩa quyết định đối với việc ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin.

5. Phát triển công nghiệp công nghệ thông tin thành một ngành kinh tế quan trọng, đặc biệt là phát triển công nghiệp phần mềm.

Bộ Chính trị yêu cầu các cấp, các ngành thực hiện tốt các *nhiệm vụ và giải pháp* sau đây:

1. Ứng dụng rộng rãi, có hiệu quả công nghệ thông tin trong toàn xã hội

Các cơ quan Đảng, Nhà nước, các tổ chức chính trị - xã hội đi đầu trong việc triển khai, ứng dụng công nghệ thông tin trong mọi hoạt động theo phương châm đảm bảo tiết kiệm, thiết thực và hiệu quả lâu dài.

Tin học hoá hoạt động của các cơ quan Đảng và Nhà nước là bộ phận hữu cơ quan trọng của cải cách nền hành chính quốc gia, là nhiệm vụ thường xuyên của các cơ quan nhằm tăng cường năng lực quản lý, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả.

Các cấp uỷ, tổ chức đảng chỉ đạo khẩn trương xây dựng các hệ thống thông tin cần thiết phục vụ lợi ích công cộng của nhân dân, phục vụ sự lãnh đạo của Đảng, quản lý của Nhà nước. Sớm hoàn thiện, thường xuyên nâng cấp và sử dụng có hiệu quả mạng thông tin diện rộng của Đảng và Chính phủ. Đảm bảo đến năm 2005, về cơ bản xây dựng và đưa vào hoạt động hệ thống thông tin điện tử của Đảng và Chính phủ.

Tập trung phát triển các dịch vụ điện tử trong các lĩnh vực tài chính (thuế, kho bạc, kiểm toán...), ngân hàng, hải quan, hàng không, thương mại, thương mại điện tử và các dịch vụ công cộng (giáo dục, đào tạo từ xa, chữa bệnh từ xa, thư viện điện tử,...); đảm bảo các điều kiện cần thiết phù hợp với tiến độ hội nhập kinh tế khu vực và quốc tế.

Các doanh nghiệp, trước hết là các tổng công ty 90 và 91 cần đầu tư cho ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin, sử dụng thương mại điện tử, coi đó là biện pháp cơ bản để đổi mới quản lý, đổi mới công nghệ, cơ cấu lại sản xuất, mở rộng thị trường và nâng cao năng lực cạnh tranh.

Khẩn trương xây dựng các chương trình ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin, kết hợp công nghệ thông tin với công nghệ sinh học để phục vụ công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông nghiệp và nông thôn, đặc biệt góp phần xoá đói giảm nghèo và thúc đẩy phát triển vùng sâu, vùng xa.

Tạo điều kiện để mọi tầng lớp xã hội ở mọi miền đất nước có thể biết khai thác, sử dụng thông tin điện tử và ứng dụng công nghệ thông tin, đặc biệt quan tâm hỗ trợ những người có hoàn cảnh khó khăn và khuyết tật.

Lực lượng an ninh - quốc phòng nhanh chóng phổ cập, ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin, tạo tiền đề quan

trọng góp phần xây dựng lực lượng chính quy, tinh nhuệ, hiện đại; từng bước xây dựng hệ thống tự động hóa chỉ huy, kiểm soát, làm chủ, cải tiến vũ khí, khí tài và phương tiện chiến đấu; đảm bảo an ninh quốc gia; sẵn sàng, chủ động đối phó với chiến tranh thông tin hiện đại.

Các cơ quan thông tin đại chúng, báo chí, xuất bản và các dịch vụ điện tử công cộng khẩn trương phát triển các loại hình thông tin điện tử, thường xuyên tuyên truyền, phổ biến, nâng cao nhận thức và kiến thức về công nghệ thông tin cho toàn xã hội.

2. Tạo môi trường thuận lợi cho ứng dụng công nghệ thông tin và phát triển công nghệ thông tin

Công nghệ thông tin là lĩnh vực được đặc biệt khuyến khích đầu tư. Rà soát và tháo bỏ mọi nhận thức và quy định không phù hợp, tạo điều kiện thuận lợi nhất, áp dụng mức ưu đãi hiện hành cao nhất và từng bước đạt mức ưu đãi bằng hoặc cao hơn so với các nước trong khu vực cho việc ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin, đi đôi với việc thực hiện các biện pháp quản lý chặt chẽ, sử dụng có hiệu quả.

Chuẩn hoá thông tin và các hệ thống thông tin trong từng lĩnh vực. Bảo đảm các điều kiện cần thiết cho việc trao đổi và sử dụng chung các cơ sở dữ liệu, các hệ thống thông tin trong nước và quốc tế.

Có các biện pháp chủ động và các quy định cụ thể về an toàn và an ninh thông tin, trước hết trong các lĩnh vực quản lý nhà nước, an ninh - quốc phòng.

Khuyến khích và hỗ trợ việc phổ cập và nâng cao trình độ ngoại ngữ trong một bộ phận nhân dân, trước hết là trong

thanh niên, thiếu niên. Có biện pháp và công cụ hỗ trợ để nhiều người Việt Nam có thể dễ dàng sử dụng và ứng dụng công nghệ thông tin bằng tiếng Việt.

Xây dựng tiêu chuẩn ngành, nghề với mức lương và chế độ đãi ngộ hợp lý đối với đội ngũ cán bộ chuyên môn về công nghệ thông tin.

Ưu tiên đầu tư cho ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin trong các chương trình, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội. Coi hạ tầng thông tin là hạ tầng kinh tế - xã hội quan trọng. Ưu tiên sử dụng nguồn vốn ODA cho ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin. Đảm bảo các điều kiện để thực hiện đầy đủ và đúng tiến độ các dự án ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin đã được phê duyệt.

Đưa vào hệ thống mục lục ngân sách nhà nước loại chi riêng về công nghệ thông tin. Hình thành quỹ hỗ trợ, quỹ đầu tư khắc phục rủi ro cho ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin.

Các doanh nghiệp ứng dụng công nghệ thông tin để đổi mới quản lý, nâng cao năng lực sản xuất và cạnh tranh được hưởng các chính sách về đầu tư đổi mới công nghệ.

Khuyến khích việc sử dụng các sản phẩm và dịch vụ công nghệ thông tin được tạo ra trong nước. Các đơn vị thụ hưởng ngân sách nhà nước phải sử dụng các sản phẩm và dịch vụ công nghệ thông tin trong nước đã được công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng phù hợp với điều kiện Việt Nam. Các dự án đầu tư về công nghệ thông tin trước hết phải giao cho các tổ chức, cá nhân trong nước đấu thầu thực hiện; chỉ giao cho các tổ chức, cá nhân nước ngoài khi trong nước chưa đủ năng lực.

Xử lý nghiêm các hành vi cố ý vi phạm hoặc gây cản trở việc ứng dụng các sản phẩm và dịch vụ công nghệ thông tin được tạo ra trong nước.

Các sản phẩm và dịch vụ công nghệ thông tin được tạo ra trong nước không chịu thuế giá trị gia tăng. Các doanh nghiệp trong lĩnh vực công nghệ thông tin được hưởng mức ưu đãi cao nhất về thuế thu nhập doanh nghiệp, được hưởng chế độ ưu đãi về tín dụng, về sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

Xây dựng chương trình hỗ trợ xuất khẩu trong lĩnh vực công nghệ thông tin, trước mắt là gia công phần mềm và xuất khẩu lao động.

Tạo điều kiện thuận lợi cho người Việt Nam làm việc trong lĩnh vực công nghệ thông tin đi làm việc ở nước ngoài và trở về nước.

Tập trung đầu tư, có các chính sách và giải pháp đặc biệt để đảm bảo cho các khu công nghệ cao Hoà Lạc và Thành phố Hồ Chí Minh được triển khai theo đúng tiến độ và sớm đi vào hoạt động, trong đó chú trọng ưu tiên các khu công nghiệp công nghệ phần mềm, ưu tiên các nguồn vốn ODA cho các khu công nghệ cao; có chính sách thu hút đầu tư nước ngoài vào các khu công nghệ cao với mức ưu đãi cao hơn so với các nước trong khu vực. Tích cực phát triển các khu công nghệ cao ở các địa phương khác khi có điều kiện thuận lợi.

Hoàn chỉnh hệ thống văn bản quy phạm pháp luật và đảm bảo việc thực hiện pháp luật về bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ, trong đó có bảo hộ quyền tác giả đối với phần mềm và các sản phẩm công nghệ thông tin khác.

3. Đẩy mạnh việc đào tạo và sử dụng nguồn nhân lực cho ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin

Phát triển quy mô và tăng cường chất lượng đào tạo nguồn nhân lực về công nghệ thông tin, chú trọng phát triển nhanh lực lượng cán bộ chuyên sâu, đặc biệt là đội ngũ chuyên gia phần mềm, đáp ứng kịp thời và thường xuyên nhu cầu trong nước và một phần thị trường nước ngoài. Đến năm 2005 ít nhất phải đào tạo thêm được 50.000 chuyên gia về công nghệ thông tin ở các trình độ khác nhau, đạt chỉ tiêu về số lượng (tính trên 10.000 dân) và chất lượng chuyên gia trong lĩnh vực công nghệ thông tin ngang với mức bình quân của các nước trong khu vực.

Trước mắt, bằng những hình thức thích hợp, tổ chức thực hiện việc đào tạo, bồi dưỡng kiến thức về công nghệ thông tin cho những người đã tốt nghiệp các trường đại học, cao đẳng và trung học chuyên nghiệp thuộc các chuyên ngành khác.

Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác giáo dục và đào tạo ở các cấp học, bậc học, ngành học. Phát triển các hình thức đào tạo từ xa phục vụ cho nhu cầu học tập của toàn xã hội. Đặc biệt tập trung phát triển mạng máy tính phục vụ cho giáo dục và đào tạo, kết nối internet tới tất cả các cơ sở giáo dục và đào tạo.

Đầu tư thoả đáng cho công tác đào tạo, nghiên cứu về công nghệ thông tin; gắn chặt giữa đào tạo, nghiên cứu và sản xuất, kinh doanh. Xã hội hoá mạnh mẽ việc đào tạo về công nghệ thông tin. Khuyến khích và thu hút các tổ chức, các cá nhân trong và ngoài nước tham gia đào tạo, sử dụng nguồn nhân lực về công nghệ thông tin của Việt Nam.

Xây dựng và thực hiện chương trình cử giáo viên đi đào tạo, bồi dưỡng ở trong và ngoài nước để nâng cao trình độ giảng dạy; tạo điều kiện cho học sinh, sinh viên, nghiên cứu sinh đi học, thực tập và nghiên cứu về công nghệ thông tin ở nước ngoài; áp dụng chính sách đặc biệt cho việc đào tạo, bồi dưỡng chuyên gia giỏi, nhân tài trong lĩnh vực công nghệ thông tin; có chế độ tạm ứng học phí đối với người nghèo hoặc có hoàn cảnh khó khăn muốn tham gia các chương trình đào tạo nghề trong lĩnh vực công nghệ thông tin để lập nghiệp.

4. Đẩy nhanh việc xây dựng mạng thông tin quốc gia, bao gồm hệ thống viễn thông và internet Việt Nam

Đẩy mạnh đầu tư xây dựng mạng thông tin quốc gia bao gồm hệ thống viễn thông và internet Việt Nam. Phát triển nhanh mạng thông tin quốc gia, đáp ứng nhu cầu trước mắt và lâu dài của toàn xã hội, đặc biệt sớm hình thành siêu xa lộ thông tin trong nước và liên kết với các nước trong khu vực và quốc tế.

Phát triển, quản lý viễn thông và internet nhất thiết phải phục vụ việc đẩy nhanh ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin trong mọi lĩnh vực và trong toàn xã hội, đồng thời phải có biện pháp toàn diện, đồng bộ để ngăn chặn những hành vi lợi dụng gây ảnh hưởng đến an ninh quốc gia và việc giữ gìn bản sắc văn hoá dân tộc.

Có chính sách bảo đảm thúc đẩy môi trường cạnh tranh, tạo điều kiện cho mọi thành phần kinh tế tham gia các hoạt động dịch vụ viễn thông và internet. Từ năm 2001, bảo đảm cung cấp đầy đủ và thuận lợi các dịch vụ viễn thông và internet cho người sử dụng với tốc độ và chất lượng cao, giá

cước thấp hơn hoặc tương đương so với các nước trong khu vực; áp dụng giá cước ưu đãi đặc biệt đối với các cơ quan Đảng, Nhà nước và các lĩnh vực giáo dục, đào tạo và nghiên cứu khoa học.

5. Tăng cường, đổi mới công tác quản lý nhà nước đối với lĩnh vực công nghệ thông tin

Chính phủ sớm kiện toàn hệ thống cơ quan quản lý về viễn thông và công nghệ thông tin để thống nhất quản lý nhà nước trong lĩnh vực này.

Trước mắt, mỗi cơ quan Đảng, Nhà nước cấp Trung ương và cấp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương cử cán bộ lãnh đạo trực tiếp phụ trách về công nghệ thông tin.

Xây dựng và ban hành hệ thống văn bản quy phạm pháp luật về quản lý, ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin theo phương châm năng lực quản lý phải theo kịp tốc độ phát triển, đầu tư phải thiết thực, hiệu quả, không được lãng phí và bảo đảm công khai, rõ ràng, minh bạch.

III- TỔ CHỨC THỰC HIỆN

- Ban Cán sự Đảng Chính phủ chỉ đạo việc thể chế hoá về mặt Nhà nước các chính sách, giải pháp được nêu trong Chỉ thị này; xây dựng kế hoạch ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin đến năm 2005 và 2010 nhằm đạt được các mục tiêu đã đề ra; chỉ đạo, kiểm tra chặt chẽ việc thực hiện, báo cáo định kỳ về tình hình ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin; sớm có phương án kiện toàn bộ máy quản lý công nghệ thông tin của Nhà nước.

Đảng đoàn Quốc hội chỉ đạo việc rà soát lại và bổ sung các văn bản quy phạm pháp luật, tạo điều kiện thuận lợi để đẩy nhanh việc ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin.

- Các cấp uỷ đảng phải coi việc lãnh đạo, chỉ đạo ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin là một nhiệm vụ quan trọng và thường xuyên; phải tổ chức quán triệt sâu sắc về vai trò, vị trí của công nghệ thông tin trong sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước; có kế hoạch triển khai thực hiện và định kỳ báo cáo cấp uỷ cấp trên về việc thực hiện Chỉ thị này.

Các đoàn thể, các tổ chức chính trị - xã hội động viên quần chúng tích cực học tập, nâng cao trình độ hiểu biết về công nghệ thông tin, chủ động tham gia có hiệu quả vào các hoạt động ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin.

- Ban Khoa giáo Trung ương, Ban Kinh tế Trung ương, Văn phòng Trung ương, Ban Chỉ đạo ứng dụng công nghệ thông tin các cơ quan Đảng làm đầu mối giúp Bộ Chính trị hướng dẫn và kiểm tra việc thực hiện Chỉ thị này.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ

PHẠM THẾ DUYỆT

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

THÔNG BÁO
Ý KIẾN CỦA BỘ CHÍNH TRỊ
Số 325-TB/TW, ngày 23 tháng 10 năm 2000
Về dự án *Luật phòng chống ma túy*

Tại phiên họp ngày 21-10-2000, sau khi nghe Đảng đoàn Quốc hội báo cáo về dự án *Luật phòng chống ma túy* (Tờ trình số 234/ĐĐQH10, ngày 16-10-2000), Bộ Chính trị có ý kiến như sau:

Đồng ý với đề nghị của Đảng đoàn Quốc hội về việc trình dự án *Luật phòng chống ma túy* để Quốc hội xem xét thông qua tại kỳ họp thứ 8 (tháng 11-2000).

Quá trình Quốc hội thảo luận, nếu có vấn đề cần xin ý kiến Bộ Chính trị thì Đảng đoàn Quốc hội tổng hợp báo cáo Bộ Chính trị cho ý kiến.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ
PHẠM THẾ DUYỆT

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

**QUYẾT ĐỊNH
CỦA BỘ CHÍNH TRỊ**

Số 82-QĐ/TW, ngày 26 tháng 10 năm 2000

**Về việc tập trung tài liệu lập Phòng lưu trữ
Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX
Đảng Cộng sản Việt Nam**

- Căn cứ Quyết định số 20-QĐ/TW, ngày 23-9-1987 của Ban Bí thư Trung ương Đảng (khoá VI) về Phòng lưu trữ Đảng Cộng sản Việt Nam;
- Theo đề nghị của Văn phòng Trung ương Đảng;

BỘ CHÍNH TRỊ QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giao Văn phòng Trung ương Đảng thu thập toàn bộ tài liệu, văn kiện (bao gồm tài liệu giấy và băng ghi âm, ghi hình, ảnh) của Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX Đảng Cộng sản Việt Nam để thành lập Phòng lưu trữ.

Điều 2. Các Tiểu ban chuẩn bị văn kiện, nhân sự, tổ chức phục vụ và các cơ quan tham gia phục vụ Đại hội IX có trách nhiệm tập trung đầy đủ tài liệu văn kiện liên quan đến Đại hội IX; lập hồ sơ thuộc phần việc được Trung ương phân

công; sau Đại hội, chậm nhất 1 tháng giao nộp hồ sơ về Văn phòng Trung ương Đảng.

Điều 3. Phòng lưu trữ Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX Đảng Cộng sản Việt Nam được bảo quản tại Kho Lưu trữ Trung ương Đảng.

Điều 4. Văn phòng Trung ương Đảng, các Tiểu ban chuẩn bị văn kiện, nhân sự, tổ chức phục vụ và các cơ quan tham gia phục vụ Đại hội IX thi hành Quyết định này.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ

PHẠM THẾ DUYỆT

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

THÔNG BÁO
KẾT LUẬN CỦA BỘ CHÍNH TRỊ

Số 328-TB/TW, ngày 2 tháng 11 năm 2000

**Về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội
và dự toán ngân sách nhà nước năm 2001**

Tại phiên họp ngày 20 và 21-10-2000, sau khi nghe đại diện Ban Cán sự Đảng Chính phủ báo cáo về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2001, Bộ Chính trị đã thảo luận và kết luận:

1. Về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2001, Bộ Chính trị cơ bản nhất trí với báo cáo do Ban Cán sự Đảng Chính phủ trình bày, đồng thời nhấn mạnh một số điểm sau đây:

a) Về đánh giá tình hình kinh tế - xã hội năm 2000

- Về ưu điểm:

Năm 2000, mặc dù gặp phải thiên tai lũ lụt lớn, song nền kinh tế nước ta đã có bước tiến bộ và phát triển theo xu hướng phát triển tích cực. Nhìn chung, các chỉ tiêu chủ yếu đều đạt và vượt kế hoạch đề ra; tốc độ phát triển kinh tế vượt kế hoạch và cao hơn nhiều so với năm 1999, quý sau cao hơn quý trước. Đã chặn được đà giảm sút về nhịp độ tăng trưởng của các năm trước.

Cơ cấu kinh tế đã có chuyển biến tốt, sản xuất công nghiệp có tốc độ tăng trưởng cao và đồng đều trong các khu vực kinh tế và trung tâm công nghiệp trong cả nước, hiệu quả và chất lượng một số sản phẩm được nâng lên, nông nghiệp và xuất khẩu đạt nhịp độ tăng cao.

Tình hình tài chính và tiền tệ có tiến bộ, đáp ứng tốt hơn nhu cầu tăng trưởng của nền kinh tế. Việc triển khai chủ trương kích cầu đã phát huy tác dụng, góp phần thúc đẩy kinh tế phát triển.

Nhiều nhân tố mới xuất hiện, thể hiện sự năng động, trước hết là phát huy được sức mạnh nội lực của các thành phần kinh tế đóng góp vào sự phát triển, một số thị trường mới đã được thâm nhập và đang từng bước được mở rộng, những dự án đầu tư trước đây đã phát huy tác dụng.

Các nguồn lực kinh tế được sử dụng tốt hơn và có sự chuyển biến đồng đều, hợp lực của các yếu tố, thành phần và các lĩnh vực trong phát triển kinh tế gắn với giải quyết những vấn đề xã hội, tạo công ăn việc làm, xoá đói, giảm nghèo, tạo ra sự phấn chấn trong xã hội, đời sống nhân dân được nâng lên, góp phần thúc đẩy nền kinh tế phát triển năng động hơn.

- Về khuyết điểm, hạn chế:

Bên cạnh những thành tích đạt được, nền kinh tế vẫn còn những yếu tố yếu kém, chưa vững chắc.

Hiệu quả và sức cạnh tranh còn thấp, mức huy động nội lực tuy có tiến bộ song còn hạn chế, đầu tư nước ngoài giảm sút, chưa có biện pháp ngăn chặn.

Quan hệ sản xuất chưa được cải thiện, doanh nghiệp nhà nước chưa làm nổi bật vai trò chủ lực trong nền kinh tế, công

tác cổ phần hoá tiến hành chậm, thiếu sự tập trung chỉ đạo; hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông nghiệp, nông thôn chưa rõ.

Tỷ lệ lao động không có việc làm còn lớn và đang là vấn đề bức xúc, chất lượng giáo dục đào tạo, chăm lo sức khoẻ nhân dân, nghiên cứu và ứng dụng khoa học công nghệ chưa có chuyển biến rõ nét.

Nền tài chính còn thụ động, dự trữ nhà nước mỏng, hệ thống ngân hàng và dịch vụ tài chính, tiền tệ còn nhiều hạn chế, chưa thực lành mạnh; công tác kiểm tra, kiểm soát tài chính vẫn còn đặc quyền, đặc lợi, chống thất thu thuế ở các doanh nghiệp ngoài quốc doanh còn yếu.

Việc thực hành tiết kiệm, chống lãng phí chưa được thúc đẩy mạnh mẽ; tình trạng lãng phí trong sử dụng ngân sách và trong tiêu dùng còn lớn, có xu hướng tăng lên, không tương xứng với mức thu nhập và điều kiện của nền kinh tế.

Tình hình an ninh, trật tự an toàn xã hội, khiếu kiện chưa được nhiều tiềm ẩn phức tạp; tình trạng mất dân chủ, quan liêu, tham ô, tham nhũng của bộ máy công quyền chưa giảm; giáo dục ý thức xã hội chưa nghiêm, kỷ cương phép nước chưa được giữ vững.

b) Về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2001

Năm 2001 có vị trí quan trọng, tạo đà cho việc thực hiện tốt chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 2001 - 2010 và kế hoạch 5 năm 2001 - 2005; có nhiều thuận lợi, kế thừa kết quả đạt được và những bài học kinh nghiệm trong Chiến lược 10 năm 1991 - 2000, nhưng cũng có thách thức lớn hơn.

- Về mục tiêu:

Kế hoạch năm 2001 tập trung vào các mục tiêu sau:

- + Tăng trưởng kinh tế với tốc độ cao và bền vững, đi đôi với phát triển mạnh các lĩnh vực văn hoá, xã hội;
- + Giải quyết tốt hơn những vấn đề xã hội bức xúc như việc làm, xoá đói, giảm nghèo, tệ nạn xã hội;
- + Đẩy mạnh nghiên cứu và ứng dụng khoa học công nghệ, đổi mới công nghệ và quản lý;
- + Giải quyết cơ bản tình trạng khiếu tố, khiếu nại, lập lại trật tự và kỷ cương xã hội.

- Về chỉ tiêu kế hoạch:

Chính phủ chuẩn bị kỹ trình Quốc hội thảo luận để quyết định theo hướng phấn đấu đạt các chỉ tiêu chủ yếu sau đây:

- + Phấn đấu đạt tốc độ tăng trưởng kinh tế (GDP) từ 7,5 - 8%.
- + Tỷ lệ đầu tư xã hội chiếm 30%/GDP.
- + Lạm phát không quá 5%.
- + Bội chi ngân sách không quá 6%/GDP.
- + Xuất khẩu tăng 15 - 16%...

- Về mục tiêu phát triển một số ngành, lĩnh vực:

Nông nghiệp: nâng sản lượng lương thực lên 40 triệu tấn/năm đồng thời chú trọng nâng cao chất lượng. Đẩy mạnh phát triển thuỷ sản nhất là thuỷ sản nuôi trồng, chú trọng công nghiệp hoá, hiện đại hoá trong ngành này. Trong lâm nghiệp cần có quy hoạch ổn định các loại cây trồng.

Công nghiệp: đẩy mạnh ứng dụng khoa học công nghệ mới vào sản xuất công nghiệp. Ưu tiên đầu tư đúng mức hơn nữa cho một số ngành công nghiệp sản xuất tư liệu sản xuất (nhất là cơ khí); cải tạo, nâng cấp các doanh nghiệp cơ khí chế tạo, luyện kim, phân bón... hiện có.

Dịch vụ: đẩy mạnh đầu tư phát triển các ngành công nghệ thông tin, du lịch, các dịch vụ công nghệ cao, nâng cao

hiệu quả hoạt động của các dịch vụ vận tải hàng hoá, hàng không, hàng hải, bảo hiểm...

Quan hệ sản xuất: cần tính toán kỹ hơn hướng đổi mới, chú ý đến củng cố hợp tác xã, các lâm trường quốc doanh, xem xét lại việc phân loại trang trại để có chính sách cho phù hợp.

- Về các giải pháp: ngoài các giải pháp Chính phủ đã đề ra, Bộ Chính trị lưu ý một số giải pháp sau:

+ Đặt ra mục tiêu và có các giải pháp tháo gỡ để chuyển biến tốt hơn tình hình thu hút vốn đầu tư nước ngoài, chặn đà giảm sút, trong đó tập trung vào hai khâu chủ yếu là cải tiến thủ tục hành chính, điều chỉnh giá dịch vụ thấp hơn các nước trong khu vực.

+ Có chính sách để đẩy mạnh hơn chuyển dịch cơ cấu kinh tế, trong đó chú trọng đến nông nghiệp, nông thôn và dịch vụ. Phải có chiến lược phát triển các vùng, các cây, con và xem xét đến quy hoạch trồng lúa, cơ cấu giống lúa... để nâng cao chất lượng và hiệu quả nông nghiệp.

+ Nâng cao hiệu quả đầu tư xã hội, có chính sách nâng tỷ lệ tiết kiệm nội địa, huy động tốt hơn nguồn lực trong nước vào đầu tư. Chú trọng đầu tư cơ sở hạ tầng vào một số vùng, trong đó có vùng Tây Bắc, miền núi, trung du phía Bắc.

+ Củng cố bộ máy hành chính, nâng cao hiệu quả, hiệu lực quản lý, tích cực chống tham ô, tham nhũng, giải quyết dứt điểm tình hình khiếu nại, khiếu kiện kéo dài và những vấn đề an ninh, xã hội còn bức xúc.

+ Thực hiện triệt để tiết kiệm, chống lãng phí để dành vốn cho đầu tư. Ngân sách nhà nước cần phải tiếp tục được cơ cấu theo hướng tăng đầu tư, giảm bớt các chi tiêu không

cần thiết. Cần tăng thu nội địa để có nguồn tăng đầu tư và tích lũy quốc gia.

2. Về các vấn đề khác

- Đề nghị Chính phủ chỉ đạo các ngành hoàn chỉnh một số đề án quan trọng trình Bộ Chính trị (đề án cải cách doanh nghiệp nhà nước, khu kinh tế mở Chu Lai, thủy điện Sơn La, Chiến lược cơ khí, Chiến lược phát triển Tây Nguyên, vùng đồng bằng sông Cửu Long...).

- Từ nay, các báo cáo của các ngành khối tư pháp trước khi trình Quốc hội phải báo cáo Bộ Chính trị cho ý kiến. Giao đồng chí Hà Mạnh Trí, Bí thư Ban cán sự, Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân tối cao chủ trì phối hợp với Tòa án nhân dân tối cao, Thanh tra Nhà nước, Bộ Công an, Bộ Tư pháp có báo cáo về tình hình hoạt động tư pháp trình Bộ Chính trị trước khi báo cáo trước Quốc hội tại kỳ họp tháng 11-2000.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ

PHẠM THẾ DUYỆT

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

THÔNG BÁO
KẾT LUẬN CỦA BỘ CHÍNH TRỊ
Số 329-TB/TW, ngày 6 tháng 11 năm 2000
Về Thủ đô Hà Nội

Ngày 26-10-2000, sau khi nghe Ban Thường vụ Thành ủy Hà Nội báo cáo tờ trình đề nghị Bộ Chính trị ra nghị quyết về phương hướng, nhiệm vụ phát triển Thủ đô Hà Nội trong thời kỳ mới và ý kiến của các ban, bộ, ngành; Bộ Chính trị đã thảo luận và kết luận như sau:

1. Tán thành báo cáo tổng kết thực hiện Nghị quyết 08-NQ/TW của Bộ Chính trị (khoá V) về công tác của Thủ đô Hà Nội và đồng ý ban hành Nghị quyết của Bộ Chính trị (khoá VIII) về phương hướng, nhiệm vụ phát triển Thủ đô giai đoạn 2001 - 2010 do Tiểu ban tổng kết Nghị quyết 08 của Bộ Chính trị (khoá V) và Thành ủy chuẩn bị.

2. Giao Thành ủy Hà Nội căn cứ những ý kiến chỉ đạo của Bộ Chính trị và tham khảo ý kiến của các ban, bộ, ngành Trung ương để bổ sung, hoàn thiện dự thảo nghị quyết trình Bộ Chính trị quyết định. Trong đó, cần lưu ý những điểm chính sau đây:

- Đánh giá tập trung và khái quát hơn những mặt được, chưa được trong thời gian qua.

- Khẳng định vị trí của Thủ đô Hà Nội: là trái tim của cả nước, đầu não chính trị - hành chính quốc gia, trung tâm lớn về văn hoá, khoa học, giáo dục, kinh tế và giao dịch quốc tế.

- Về phương hướng, nhiệm vụ trong thời gian tới, cần nhấn mạnh: phát huy truyền thống nghìn năm văn hiến và anh hùng, xây dựng Thủ đô nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam ngày càng giàu đẹp, văn minh, hiện đại, góp phần xứng đáng vào sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước. Trong 5 năm tới Hà Nội cần tiếp tục thực hiện tốt cơ cấu kinh tế công nghiệp - dịch vụ - nông nghiệp. Phát triển mạnh lực lượng sản xuất và xây dựng quan hệ sản xuất phù hợp, bảo đảm nhịp độ tăng trưởng kinh tế nhanh, bền vững, tích cực chuẩn bị tiền đề xây dựng nền kinh tế tri thức. Từ đó, chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng dịch vụ - công nghiệp - nông nghiệp trong giai đoạn tiếp theo.

- Với tinh thần "Thủ đô vì cả nước, cả nước vì Thủ đô", trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội, Hà Nội cần chú ý phát triển công nghiệp với công nghệ hiện đại, dịch vụ trình độ chất lượng cao không chỉ cho Thủ đô mà còn phải hỗ trợ cho sự phát triển của các tỉnh lân cận, của khu vực, góp phần quan trọng vào phát triển kinh tế - xã hội của cả nước. Đồng thời, Hà Nội phải đi đầu trong cả nước về công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông nghiệp, nông thôn.

- Chính phủ chỉ đạo công tác xây dựng, phát triển Thủ đô; khẩn trương chỉ đạo phân công, phân cấp rõ ràng giữa Trung ương và Hà Nội, chỉ đạo xây dựng cơ chế, chính sách đặc biệt cho Thủ đô theo hướng mở rộng quyền chủ động cho lãnh đạo thành phố, định kỳ nâng tỷ lệ phân bổ ngân sách hàng năm cho thành phố để quản lý có hiệu quả và đẩy

mạnh sự nghiệp xây dựng, phát triển Thủ đô; cấp đủ vốn cho các chương trình, dự án lớn trên địa bàn.

- Lãnh đạo thành phố cùng với các ban, bộ, ngành có liên quan xây dựng các cơ chế, chính sách cụ thể, thích hợp để huy động tốt các nguồn lực phục vụ đầu tư phát triển Thủ đô; có các biện pháp chủ động, tích cực đẩy mạnh sản xuất kinh doanh, xuất khẩu, hỗ trợ nông dân phát triển sản xuất, nâng cao thu nhập; giải quyết được nhiều việc làm cho người lao động, thực hiện tốt việc giảm nghèo, tăng giàu trên địa bàn.

- Về xây dựng và quản lý đô thị: Thủ tướng Chính phủ trực tiếp chỉ đạo và Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội trực tiếp quản lý. Tăng cường quản lý quy hoạch phát triển đã được phê duyệt. Tập trung xây dựng hệ thống hạ tầng đi trước một bước so với yêu cầu phát triển của Thủ đô. Đẩy mạnh xây dựng, cải tạo hệ thống giao thông vận tải, phát triển nhanh giao thông công cộng một cách đồng bộ, bao gồm cả xây dựng hệ thống giao thông đi ngầm và đường sắt trên cao, nhưng không làm ảnh hưởng cảnh quan của khu vực phố cổ, phố cũ. Trước mắt, trong giai đoạn 2001 - 2005 cần triển khai xây dựng các đường vành đai, các nút giao thông quan trọng, nghiên cứu di chuyển ga Hà Nội về Văn Điển; tổ chức quản lý và phân luồng giao thông nội đô, kết hợp với phát triển nhanh giao thông công cộng, có kế hoạch hạn chế và tiến tới không để các phương tiện giao thông thô sơ và xe hai bánh gắn máy đi trong nội thành.

Quan tâm xây dựng các khu đô thị mới, các đô thị vệ tinh xung quanh Thủ đô. Trước mắt khắc phục có hiệu quả tình trạng bức xúc về ách tắc giao thông, thoát nước, cấp nước sạch, xây dựng nhà ở cho người có thu nhập thấp... Quan tâm

tôn tạo, giữ gìn khu phố cổ, khu phố cũ và có biện pháp giảm mật độ dân số trong khu vực nội thành cũ.

Trong 5 năm tới, cần chú trọng đầu tư tôn tạo, xây dựng các công trình kiến trúc văn hoá, các di tích lịch sử và cách mạng trên địa bàn. Chính phủ chỉ đạo triển khai xây dựng khu Trung tâm Hội nghị quốc tế, trụ sở Quốc hội, Bảo tàng cách mạng, Trung tâm thể dục thể thao quốc gia... để phục vụ yêu cầu đẩy mạnh các hoạt động chính trị, kinh tế, văn hoá, đối ngoại của Trung ương và thành phố.

- Quan tâm phát triển sự nghiệp y tế, chăm sóc sức khoẻ cho nhân dân. Đầu tư nâng cấp và nâng cao chất lượng cơ sở vật chất, hoạt động phục vụ, các bệnh viện đáp ứng nhu cầu khám, chữa bệnh của nhân dân Thủ đô và đáp ứng khoảng 30 - 40% nhu cầu khám, chữa bệnh của nhân dân các tỉnh khác.

- Thực hiện nhiệm vụ xây dựng Đảng là then chốt, phát huy tính tiên phong, gương mẫu, trách nhiệm của đảng viên không ngừng củng cố, xây dựng, nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của tổ chức đảng các cấp, nhất là tổ chức cơ sở đảng; làm tốt công tác quy hoạch và đào tạo cán bộ, chú trọng xây dựng con người Hà Nội có phẩm chất tốt đẹp, có ý thức trách nhiệm chung trong việc xây dựng Thủ đô, đáp ứng yêu cầu của thời kỳ mới. Đảng bộ thành phố lãnh đạo nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của bộ máy chính quyền và đoàn thể thành phố; đẩy mạnh cải cách hành chính, thực hiện tiết kiệm, chống lãng phí; đấu tranh chống tham nhũng, tiêu cực, thoái hoá, biến chất trong đội ngũ cán bộ, đảng viên, thực hiện tốt Quy chế dân chủ ở cơ sở...

3. Bộ Chính trị nhất trí với Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sớm xây dựng và ban hành Pháp lệnh về Thủ đô Hà Nội trong năm 2000, nhằm nâng cao nhận thức và trách nhiệm của toàn Đảng, toàn dân, đề cao kỷ cương phép nước, tất cả để xây dựng Thủ đô xã hội chủ nghĩa giàu đẹp, văn minh, hiện đại, xứng đáng với truyền thống ngàn năm văn hiến của Thủ đô anh hùng.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ

PHẠM THẾ DUYỆT

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

THÔNG BÁO
KẾT LUẬN CỦA THƯỜNG VỤ BỘ CHÍNH TRỊ

Số 330-TB/TW, ngày 10 tháng 11 năm 2000

**Về việc ký Hiệp định hợp tác khoa học và công nghệ
giữa Chính phủ Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam
và Chính phủ Hợp chúng quốc Hoa Kỳ**

Ngày 7-11-2000, sau khi nghe báo cáo của Ban Cán sự Đảng Bộ Khoa học - Công nghệ và Môi trường về việc ký Hiệp định hợp tác khoa học và công nghệ giữa Chính phủ Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ Hợp chúng quốc Hoa Kỳ, Thường vụ Bộ Chính trị đã thảo luận và kết luận:

- Thường vụ Bộ Chính trị nhất trí nội dung cơ bản dự thảo: "Hiệp định về hợp tác khoa học và công nghệ giữa Chính phủ Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ Hợp chúng quốc Hoa Kỳ" do Ban Cán sự Đảng Bộ Khoa học - Công nghệ và Môi trường trình kèm theo Tờ trình số 41/BCS, ngày 27-10-2000 của Ban Cán sự Đảng Bộ Khoa học - Công nghệ và Môi trường.

- Thường vụ Bộ Chính trị lưu ý thêm một số điểm sau:

+ Bộ Khoa học - Công nghệ và Môi trường chủ trì trong việc phối hợp với Bộ Tư pháp, Ban Khoa giáo Trung ương tập trung tính toán, rà soát thật kỹ lưỡng nhằm đảm bảo cho nội

dung Hiệp định phù hợp với luật pháp Việt Nam và các thông lệ quốc tế, chú trọng những nội dung liên quan đến phân chia lợi nhuận, đến an ninh quốc gia.

+ Việt Nam là một nước có nền khoa học và công nghệ phát triển ở mức độ thấp, do vậy cần tiếp tục trao đổi, cố gắng thuyết phục phía Hoa Kỳ dành thêm những thuận lợi cho Việt Nam trong hợp tác khoa học và công nghệ.

+ Phấn đấu hoàn thành các văn bản trước ngày 15-11-2000 để có thể tiến hành ký kết trong thời gian tới.

T/M THƯỜNG VỤ BỘ CHÍNH TRỊ

PHẠM THẾ DUYỆT

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

CHỈ THỊ CỦA BỘ CHÍNH TRỊ

Số 59-CT/TW, ngày 15 tháng 12 năm 2000

**Về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng
đối với hoạt động của Hội Nông dân Việt Nam
trong thời kỳ công nghiệp hoá, hiện đại hoá
nông nghiệp, nông thôn**

Thực hiện Chỉ thị số 05-CT/TW, ngày 24-3-1987 của Ban Bí thư Trung ương Đảng (khoá VI), Hội Nông dân Việt Nam được xây dựng, củng cố tổ chức từ Trung ương đến cơ sở ngày càng vững mạnh. Trong những năm qua, thực hiện đường lối đổi mới của Đảng, công tác Hội và phong trào nông dân đã có những đóng góp to lớn, có ý nghĩa quan trọng đưa nền nông nghiệp và kinh tế nông thôn phát triển với tốc độ nhanh, góp phần ổn định chính trị và kinh tế - xã hội của đất nước.

Tuy nhiên, bước vào thời kỳ công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước, trước hết là công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông nghiệp, nông thôn, công tác xây dựng Hội và vận động nông dân còn những mặt hạn chế. Một số cấp ủy đảng, chính quyền chưa thật sự quan tâm lãnh đạo và tạo điều kiện củng cố tổ chức và hoạt động của Hội, nhất là ở cơ sở.

Trải qua các thời kỳ cách mạng, Đảng ta luôn khẳng định tầm quan trọng chiến lược của giai cấp nông dân, của nông nghiệp và nông thôn. Để tiếp tục phát huy truyền thống cách mạng vẻ vang của giai cấp nông dân, Hội Nông dân Việt Nam và vai trò nòng cốt của Hội trong phong trào nông dân góp phần đắc lực vào sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước và bảo vệ Tổ quốc, Bộ Chính trị yêu cầu các cấp uỷ đảng, ban cán sự đảng, đảng đoàn tổ chức thực hiện tốt những nhiệm vụ sau đây:

1. Tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo việc xây dựng, củng cố hội nông dân các cấp vững mạnh về chính trị, tư tưởng và tổ chức để Hội thật sự là lực lượng nòng cốt của phong trào nông dân xây dựng nông thôn mới, là thành viên tích cực trong khối đại đoàn kết toàn dân, là nhân tố quan trọng của khối liên minh giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và tầng lớp trí thức - nền tảng chính trị vững chắc của chế độ ta.

Căn cứ vào Nghị quyết Ban Chấp hành Trung ương Đảng lần thứ bảy (khoá VIII) và chức năng, nhiệm vụ của Hội Nông dân Việt Nam, các cấp uỷ đảng và các cấp chính quyền bố trí biên chế cán bộ Hội ở các cấp với cơ cấu hợp lý, bảo đảm chất lượng. Trong quy hoạch cán bộ của Đảng, cần chú trọng quy hoạch cán bộ Hội Nông dân. Việc bố trí cấp uỷ viên giữ các chức vụ chủ chốt của Hội Nông dân ở các cấp, ngoài các tiêu chuẩn về năng lực, phẩm chất, uy tín phải có tác phong gần gũi quần chúng, am hiểu nông dân, nông nghiệp, nông thôn. Đảng viên ở nông thôn có trách nhiệm tham gia sinh hoạt trong tổ chức Hội Nông dân, gương mẫu thực hiện tốt Quy chế dân chủ ở cơ sở. Cấp uỷ đảng, chính quyền phải dựa vào Hội Nông dân để giải quyết kịp thời những kiến nghị

của dân, không để khiếu kiện vượt cấp. Hướng dẫn hội viên, nông dân tham gia ý kiến đóng góp xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền.

2. Các cấp chính quyền, các ban, ngành cần thực hiện tốt Quyết định 17/1998/QĐ-TTg, ngày 24-1-1998, tạo điều kiện để Hội Nông dân hoạt động có hiệu quả, trở thành chỗ dựa triển khai, thực hiện các chương trình phát triển kinh tế - xã hội của Nhà nước ở nông thôn.

3. Hội Nông dân Việt Nam là tổ chức chính trị - xã hội của giai cấp nông dân Việt Nam, đại diện giai cấp nông dân tham gia xây dựng Đảng và Nhà nước, chăm lo bảo vệ các quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của nông dân. Các cấp hội phải tiếp tục đổi mới nội dung, hình thức và tổ chức hoạt động, đa dạng hoá các hình thức tập hợp mọi tầng lớp nông dân, đáp ứng yêu cầu sản xuất, đời sống hội viên, nông dân, xây dựng nông thôn mới. Hội phải nắm chắc tình hình nông nghiệp, nông thôn, tâm tư, nguyện vọng của nông dân; chủ động và có chính kiến đề xuất với cấp ủy, chính quyền những chủ trương, biện pháp đáp ứng những đòi hỏi chính đáng của nông dân. Hội Nông dân phải là thành viên tích cực của các chương trình về kinh tế - xã hội nông thôn, nhất là nông thôn vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số; tham gia vào việc hoạch định các kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội nông thôn, xây dựng tổ chức kinh tế hợp tác, hợp tác xã của nông dân; hướng dẫn hội viên, nông dân tổ chức các hoạt động ngành nghề, dịch vụ ở nông thôn, tổ chức dạy nghề tại chỗ cho nông dân thông qua công tác khuyến nông; động viên, khuyến khích, hỗ trợ hội viên nông dân khôi phục và

phát triển làng nghề; phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, dịch vụ; xây dựng hạ tầng kinh tế - xã hội; đào tạo nguồn nhân lực, áp dụng tiến bộ khoa học - công nghệ ở nông thôn nhằm chuyển đổi cơ cấu kinh tế nông nghiệp, nông thôn, giải quyết việc làm tại chỗ, tăng nhanh thu nhập, cải thiện đời sống. Đẩy mạnh phong trào nông dân thi đua sản xuất kinh doanh giỏi, đoàn kết giúp nhau xoá đói, giảm nghèo và làm giàu. Phát triển các phong trào nông dân hoạt động văn hoá, văn nghệ, thể dục thể thao; thực hiện tốt cuộc vận động "Toàn dân đoàn kết xây dựng cuộc sống mới ở khu dân cư" và phong trào "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá" ở nông thôn.

Hội phải tăng cường công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ để mọi cán bộ Hội thông hiểu chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và phương pháp vận động hội viên, nông dân.

4. Ban Cán sự Đảng Chính phủ chỉ đạo các cấp chính quyền kiểm điểm việc thực hiện Quyết định 17/1998/QĐ-TTg và cụ thể hoá các chủ trương của Bộ Chính trị để tạo điều kiện thuận lợi cho Hội Nông dân hoạt động và phong trào nông dân phát triển.

Các tỉnh ủy, thành ủy, các đảng đoàn, ban cán sự đảng, đảng ủy trực thuộc Trung ương có biện pháp tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, phối hợp, tạo điều kiện thuận lợi để Hội Nông dân Việt Nam thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ của mình. Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân phối hợp chặt chẽ với Hội Nông dân để làm tốt công tác vận động quần chúng của Đảng trong tình hình mới.

5. Ban Dân vận Trung ương, Đảng đoàn Hội Nông dân Việt Nam có trách nhiệm giúp Bộ Chính trị tổ chức triển khai và theo dõi, kiểm tra, sơ kết, tổng kết việc thực hiện Chỉ thị này, định kỳ báo cáo Bộ Chính trị.

Chỉ thị được phổ biến đến các chi bộ.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ

PHẠM THẾ DUYỆT

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

**NGHỊ QUYẾT
CỦA BỘ CHÍNH TRỊ**
Số 15-NQ/TW, ngày 15 tháng 12 năm 2000
**Về phương hướng, nhiệm vụ phát triển
Thủ đô Hà Nội trong thời kỳ 2001 - 2010**

**I- TÌNH HÌNH HÀ NỘI
VÀ CÔNG TÁC XÂY DỰNG THỦ ĐÔ**

1. Cổ Loa - Thăng Long - Hà Nội là địa danh tiêu biểu cho lịch sử ngàn năm văn hiến của dân tộc ta. Từ khi Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời, dưới sự lãnh đạo của Trung ương Đảng, Đảng bộ và nhân dân Hà Nội đã bền bỉ, kiên cường đấu tranh, lao động sáng tạo, lập nên những kỳ tích vẻ vang trong Cách mạng Tháng Tám năm 1945, trong hai cuộc kháng chiến chống thực dân, đế quốc (1945 - 1975), trong sự nghiệp xây dựng, bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa.

Thực hiện Nghị quyết 08-NQ/TW của Bộ Chính trị (khoá V) và nhất là sau 15 năm tiến hành công cuộc đổi mới, Thủ đô Hà Nội đã đạt được *những thành tựu quan trọng, tạo ra những chuyển biến sâu sắc trên tất cả các lĩnh vực*: ổn định chính trị - xã hội; bảo đảm tuyệt đối an toàn

các cơ quan đầu não của Đảng, Nhà nước, bảo vệ nhân dân; phục vụ tốt các hoạt động chính trị, hành chính, đối ngoại quốc gia. Tập trung phát triển lực lượng sản xuất, tích cực xây dựng, củng cố quan hệ sản xuất phù hợp; từng bước chuyển dịch cơ cấu kinh tế từ *công nghiệp - nông nghiệp* sang *công nghiệp - dịch vụ - nông nghiệp*. Kinh tế tăng trưởng khá liên tục. Văn hoá - xã hội phát triển, một số lĩnh vực như: giáo dục - đào tạo, y tế, dân số - kế hoạch hóa gia đình, thể dục - thể thao đạt những thành tích nổi bật; đời sống của nhân dân được cải thiện. Từng bước cải tạo, xây dựng, phát triển kết cấu hạ tầng kỹ thuật theo hướng đồng bộ, hiện đại; bộ mặt thành phố ngày càng khang trang, sạch đẹp.

Hệ thống chính trị từ thành phố đến cơ sở được củng cố, tăng cường. Hoạt động của tổ chức đảng, bộ máy chính quyền các cấp, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân có tiến bộ. Vai trò nhân dân làm chủ thông qua đại diện dân cử và các đoàn thể, làm chủ trực tiếp bằng hình thức tự quản được thể hiện rõ nét.

Quan hệ đối ngoại được mở rộng, uy tín quốc tế của Thủ đô được nâng cao, là thành phố duy nhất ở khu vực châu Á - Thái Bình Dương được nhận danh hiệu "Thành phố vì hòa bình"; kỷ niệm 990 năm Thăng Long - Hà Nội, Hà Nội được Đảng và Nhà nước tặng thưởng danh hiệu cao quý "*Thủ đô Anh hùng*".

2. Tuy nhiên, Hà Nội cũng còn có những mặt yếu kém: kinh tế tăng trưởng chưa tương xứng với tiềm năng và vị thế của Thủ đô. Vai trò trung tâm kinh tế của cả nước chưa nổi bật, hiệu quả kinh tế và sức cạnh tranh thấp.

Công tác quản lý đô thị còn bất cập. Chất lượng hạ tầng kỹ thuật đô thị thấp so với yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội. Tình trạng ùn tắc giao thông, úng ngập, đất công bị lấn chiếm, ô nhiễm môi trường, chưa bảo đảm an toàn thực phẩm, tăng dân số cơ học đang là những vấn đề bức xúc. Một số tệ nạn xã hội gia tăng.

Công tác xây dựng Đảng, nhất là xây dựng tổ chức cơ sở đảng chưa đáp ứng được yêu cầu, nhiệm vụ; quy hoạch, bố trí cán bộ còn lúng túng. Bộ máy quản lý công kênh, hoạt động kém hiệu lực. Một bộ phận cán bộ, đảng viên suy thoái đạo đức, phẩm chất cách mạng, quan liêu, tham nhũng; còn để xảy ra một số vụ việc nổi cộm, gây dư luận không tốt trong nhân dân.

3. Những yếu kém nêu trên có nguyên nhân khách quan, song chủ yếu là do những khuyết điểm chủ quan:

- *Đảng bộ và chính quyền thành phố Hà Nội* chưa thật chủ động, năng động nghiên cứu, triển khai các giải pháp kiên quyết, các khâu đột phá để phát huy tốt tiềm năng và lợi thế của Thủ đô. Thành phố chưa khai thác được tối đa sự giúp đỡ của các bộ, ban, ngành trung ương, các cơ quan khoa học, các chuyên gia... trên địa bàn; chưa chủ động hợp tác với các địa phương, trực tiếp là các tỉnh, thành lân cận.

- *Một số bộ, ban, ngành trung ương* chưa nhận thức sâu sắc, chưa thể hiện đầy đủ trách nhiệm trong việc xây dựng, phát triển Thủ đô. Việc phân công, phân cấp giữa Trung ương và địa phương chưa rõ ràng, còn chồng chéo nên chưa khai thác tốt các tiềm năng trên địa bàn.

- *Một số địa phương*, trước hết là các tỉnh lân cận Hà Nội chưa chủ động phối hợp với Hà Nội xây dựng và thực hiện

các chương trình hợp tác phát triển kinh tế, văn hoá, xã hội,... có hiệu quả.

II- PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ PHÁT TRIỂN THỦ ĐÔ HÀ NỘI TRONG THỜI KỲ 2001 - 2010

1. Bước vào thế kỷ XXI, Hà Nội có những thuận lợi cơ bản, đồng thời cũng đứng trước những khó khăn, thách thức gay gắt, đòi hỏi Đảng bộ, nhân dân Thủ đô phải nỗ lực phấn đấu cao độ.

Là trái tim của cả nước, đầu não chính trị - hành chính quốc gia, trung tâm lớn về văn hoá, khoa học, giáo dục, kinh tế và giao dịch quốc tế, Thủ đô Hà Nội có vinh dự lớn, đồng thời có trách nhiệm hết sức nặng nề.

Trong 10 năm tới, gắn với chuẩn bị kỷ niệm 1000 năm Thăng Long - Hà Nội, thành phố phải phát triển kinh tế - khoa học công nghệ - văn hoá - xã hội toàn diện, bền vững; bảo đảm xây dựng về cơ bản nền tảng vật chất - kỹ thuật và xã hội của Thủ đô xã hội chủ nghĩa giàu đẹp, văn minh, thanh lịch, hiện đại, đậm đà bản sắc ngàn năm văn hiến, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân; phấn đấu trở thành một trung tâm ngày càng có uy tín ở khu vực, xứng đáng với danh hiệu "Thủ đô Anh hùng".

2. Trong quá trình xây dựng, phát triển Thủ đô Hà Nội, cần quán triệt những quan điểm cơ bản sau đây:

Phát triển Thủ đô là trọng điểm trong chiến lược xây dựng và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá, chủ động hội nhập kinh

tế quốc tế là trách nhiệm, nghĩa vụ của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân. Cần phát huy đồng bộ sức mạnh tổng hợp của Hà Nội, của cả nước, của hợp tác quốc tế trong quá trình phát triển Thủ đô; khai thác nguồn lực trong nước là quyết định, tranh thủ nguồn lực bên ngoài là quan trọng.

- Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội Thủ đô phải được xây dựng và thực hiện trong mối quan hệ hữu cơ với xây dựng, triển khai chiến lược phát triển kinh tế - xã hội vùng và cả nước; tạo ra sự phân công, hợp tác có kế hoạch trong một cơ cấu thống nhất trên phạm vi cả nước.

Trong chỉ đạo, quán triệt phương châm: phát triển kinh tế - xã hội là nhiệm vụ trung tâm; xây dựng Đảng và bộ máy chính quyền là nhiệm vụ then chốt; quản lý đô thị là nhiệm vụ thường xuyên quan trọng. Kết hợp hài hoà các lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hoá, xã hội, an ninh, quốc phòng; phát triển lực lượng sản xuất gắn liền với xây dựng, củng cố quan hệ sản xuất định hướng xã hội chủ nghĩa; tăng trưởng kinh tế đi đôi với đảm bảo trật tự, văn minh và công bằng xã hội. Kết hợp giải quyết các vấn đề cấp bách với kiên trì thực hiện các mục tiêu cơ bản; xác định đúng trọng tâm, các khâu đột phá, có những bước đi, giải pháp năng động, sáng tạo, hiệu quả, đi tắt, đón đầu đẩy nhanh tốc độ phát triển Thủ đô và đóng góp kinh nghiệm, bài học cho Trung ương trong quá trình lãnh đạo phát triển đất nước.

3. Trong 10 năm (2001 - 2010), Thủ đô Hà Nội cần tập trung thực hiện các *nhiệm vụ chủ yếu*:

- *Phát triển kinh tế*: tiếp tục xây dựng, phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, nâng cao chất lượng, hiệu quả, sức cạnh tranh, khả năng hội nhập kinh tế khu vực,

quốc tế. Tăng cường vai trò chủ đạo của kinh tế nhà nước; củng cố, nâng cao hiệu quả hoạt động của các hợp tác xã sau chuyển đổi; khuyến khích phát triển mạnh các thành phần kinh tế. Tạo lập sự liên kết hiệu quả giữa các thành phần kinh tế trên địa bàn, giữa kinh tế Hà Nội với kinh tế vùng trọng điểm phía Bắc và cả nước. Bảo đảm kinh tế Thủ đô có nhịp độ tăng trưởng cao, ổn định, với cơ cấu kinh tế hợp lý. Trong 5 năm tới Hà Nội cần tiếp tục thực hiện tốt cơ cấu kinh tế *công nghiệp - dịch vụ - nông nghiệp*; đồng thời chuẩn bị những điều kiện và bước đi phù hợp để chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng *dịch vụ - công nghiệp - nông nghiệp* trong những năm tiếp theo.

+ *Tiếp tục phát triển công nghiệp có chọn lọc*, đột phá vào những ngành hàng, sản phẩm sử dụng công nghệ hiện đại, kỹ thuật tiên tiến, có hàm lượng chất xám cao; coi trọng sản xuất tư liệu sản xuất, sản xuất các mặt hàng xuất khẩu và thay thế hàng nhập khẩu, các ngành hàng có khả năng đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế của các tỉnh lân cận và cả nước. Trước mắt, ưu tiên một số sản phẩm chủ lực thuộc các ngành: điện - điện tử tin học; cơ - kim khí; dệt - may - da giày; chế biến thực phẩm; vật liệu mới.

Sắp xếp lại các cơ sở công nghiệp hiện có, cải tạo, chuyển hướng sản xuất và có kế hoạch di chuyển các cơ sở gây ô nhiễm, kỹ thuật giản đơn đến khu vực xa dân cư.

+ *Phát triển và nâng cao trình độ, chất lượng các ngành dịch vụ*: thông tin, du lịch, thương mại, tài chính - ngân hàng, chuyển giao công nghệ, đào tạo nhân lực, bảo hiểm, hàng không, bưu chính - viễn thông... Dịch vụ phải gắn bó, phục vụ hiệu quả yêu cầu phát triển công nghiệp, nông nghiệp

trên địa bàn và phát triển kinh tế vùng trọng điểm phía Bắc và kinh tế cả nước. Xây dựng Hà Nội thành trung tâm thị trường hàng hoá bán buôn, xuất - nhập khẩu, trung tâm tài chính - ngân hàng hàng đầu ở khu vực phía Bắc và có vai trò quan trọng của cả nước.

+ *Phát triển nông nghiệp và kinh tế ngoại thành* theo hướng *nông nghiệp đô thị, sinh thái*. Thủ đô Hà Nội phải đi đầu trong công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông nghiệp, nông thôn. Từng bước nâng cao chất lượng các sản phẩm nông nghiệp. Ưu tiên xây dựng vành đai xanh, rau sạch để phục vụ đời sống và bảo đảm môi trường; phát triển các nghề, làng nghề truyền thống; chú trọng công nghệ bảo quản, chế biến sau thu hoạch. Giải quyết tốt thị trường tiêu thụ nông sản.

Gắn đô thị hóa với xây dựng nông thôn mới theo hướng văn hoá, sinh thái; từng bước chuyển dịch cơ cấu kinh tế, cơ cấu lao động theo hướng tăng dần tỷ trọng công nghiệp, dịch vụ nông nghiệp; rút ngắn giữa nội thành và ngoại thành.

+ *Ưu tiên đầu tư phát triển giáo dục - đào tạo*; chăm lo đào tạo nguồn nhân lực có chất lượng cao. Phát triển các loại hình đào tạo, đào tạo lại đội ngũ khoa học, công nghệ, các nhà quản lý kinh doanh, quản lý xã hội, công nhân kỹ thuật. Triển khai có kết quả chiến lược đào tạo nghề phục vụ công nghiệp hoá, hiện đại hoá và xuất khẩu lao động; từng bước sắp xếp, chấn chỉnh hệ thống các trường học trên địa bàn; cơ cấu lại một cách hợp lý lực lượng lao động có trình độ đại học, cao đẳng - trung học chuyên nghiệp - thợ lành nghề. Hà Nội phải đi đầu trong đào tạo nhân tài và nguồn nhân lực chất lượng cao cho đất nước; phấn đấu trở thành một trung tâm đào tạo có uy tín ở khu vực.

+ *Phát triển mạnh khoa học, công nghệ*, ưu tiên phát triển công nghệ cao trong các lĩnh vực công nghệ thông tin, sinh học, cơ khí - tự động hóa, công nghệ sản xuất và sử dụng vật liệu mới. Tạo lập thị trường công nghệ, đẩy mạnh chuyển giao, ứng dụng công nghệ hiện đại vào sản xuất, kinh doanh và hoạt động quản lý. Xây dựng cơ chế thu hút nhân tài, khuyến khích lao động sáng tạo phục vụ Thủ đô, nâng cao tiềm lực khoa học, công nghệ của cả nước.

+ *Củng cố, phát huy tác dụng của quan hệ sản xuất; phát triển mạnh các thành phần kinh tế*, trong đó kinh tế nhà nước đóng vai trò chủ đạo, kinh tế tập thể cùng với kinh tế nhà nước ngày càng trở thành nền tảng. Thực hiện tốt chủ trương sắp xếp, củng cố, nâng cao hiệu quả hoạt động của các doanh nghiệp nhà nước; hỗ trợ các doanh nghiệp vừa và nhỏ, các hợp tác xã sau chuyển đổi theo luật về phương thức kinh doanh, ứng dụng công nghệ mới, mở rộng thị trường. Tiếp tục đổi mới quản lý, nâng cao quyền tự chủ của các doanh nghiệp trên cơ sở tuân thủ các quy định của pháp luật.

Động viên, phát huy mọi nguồn lực của nhân dân để mở rộng sản xuất, kinh doanh, phát triển các thành phần, các loại hình kinh tế, đảm bảo bình đẳng trước pháp luật.

- *Phát triển văn hoá, xây dựng con người mới xã hội chủ nghĩa*: xây dựng văn hoá Thủ đô giàu bản sắc văn hoá dân tộc và truyền thống Thăng Long - Hà Nội. Tập trung làm lành mạnh, trong sạch môi trường văn hoá, xã hội; xây dựng người Hà Nội văn minh, thanh lịch, hiện đại, tiêu biểu cho tinh thần yêu nước, yêu chủ nghĩa xã hội và phong cách lao động sáng tạo của con người Việt Nam.

Phát triển hệ thống thông tin đại chúng, sự nghiệp sáng tạo văn học, nghệ thuật. Hoàn thiện thiết chế văn hoá từ cơ sở; bảo tồn, tôn tạo các di tích lịch sử, văn hoá, cách mạng, khu phố cổ, đồng thời xây dựng các công trình văn hoá mới. Phát triển sự nghiệp y tế, quan tâm y tế chuyên sâu, đầu tư nâng cấp cơ sở vật chất và bảo đảm chất lượng hoạt động của các bệnh viện, đáp ứng nhu cầu khám chữa bệnh của nhân dân ở Thủ đô và các địa phương khác. Thực hiện tốt chương trình dân số - kế hoạch hóa gia đình; xây dựng nền thể dục - thể thao tiên tiến; giáo dục, bảo vệ trẻ em, chăm sóc người cao tuổi và gia đình chính sách; nâng cao chất lượng cuộc sống của nhân dân.

Kiên quyết ngăn chặn, đẩy lùi các tiêu cực và tệ nạn xã hội, đặc biệt là tệ nạn ma túy, mại dâm, tội phạm. Giải quyết có hiệu quả vấn đề lao động, việc làm.

- *Xây dựng cơ sở hạ tầng và quản lý đô thị*: căn cứ vào quy hoạch chung đến năm 2020, hoàn chỉnh quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội và quy mô dân số của thành phố cả nội và ngoại thành, các quy hoạch chuyên ngành, quy hoạch các quận, huyện, kết hợp đồng bộ giữa quy hoạch kiến trúc và quy hoạch xây dựng. Sớm nghiên cứu việc chỉnh trị sông Hồng và quy hoạch khai thác hai bên sông Hồng. Xây dựng mạng lưới đô thị vệ tinh xung quanh Thủ đô theo quy hoạch thống nhất.

Phát triển đồng bộ và từng bước hiện đại hoá hệ thống kết cấu hạ tầng đô thị. Xây dựng các đường vành đai; phát triển nhanh hệ thống vận tải hành khách công cộng thuận tiện; tổ chức điều tiết hợp lý các phương tiện giao thông; hạn chế, tiến tới không để các phương tiện giao thông thô sơ và xe hai bánh gắn máy đi trong nội thành để khắc phục ùn tắc và ảnh hưởng môi trường. Nghiên cứu, chuẩn bị đề án hiện đại hoá hệ thống

giao thông đô thị (bao gồm cả xây dựng các công trình ngầm, xe điện ngầm và đường sắt trên cao) không làm ảnh hưởng cảnh quan thành phố. Phát triển hệ thống cấp thoát nước và xử lý rác thải, mạng lưới vườn hoa, cây xanh; cải tạo, phát triển mạng lưới điện, bưu chính viễn thông. Cải tạo, đi ngầm mạng lưới điện và thông tin liên lạc hiện có. Triển khai xây dựng một số công trình trọng điểm của quốc gia và thành phố: Trung tâm Hội nghị quốc tế, trụ sở Quốc hội, Bảo tàng cách mạng, Trung tâm thể dục thể thao quốc gia... Xây dựng các khu đô thị mới đồng bộ, hiện đại, tiết kiệm đất, giữ được bản sắc kiến trúc dân tộc. Quan tâm xây dựng nhà ở cho người có thu nhập thấp, ký túc xá cho sinh viên.

Thực hiện tốt công tác quản lý dân cư trên địa bàn. Tăng cường giáo dục ý thức tôn trọng, chấp hành pháp luật, trật tự, kỷ cương đô thị. Chấn chỉnh và đổi mới công tác quản lý xây dựng, trật tự đô thị. Nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ quản lý đô thị. Thủ đô Hà Nội phải phấn đấu trở thành tấm gương của cả nước trong lĩnh vực xây dựng, quản lý đô thị.

- *Tăng cường an ninh - quốc phòng*: bảo đảm ổn định vững chắc an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội ở Thủ đô trong mọi tình huống. Kết hợp chặt chẽ chiến lược, các kế hoạch, phương án bảo vệ an ninh - quốc phòng và trật tự an toàn xã hội với các chương trình phát triển kinh tế - xã hội. Thực hiện tốt các biện pháp quản lý nhà nước về trật tự xã hội.

Thường xuyên củng cố, xây dựng lực lượng vũ trang, lực lượng công an Thủ đô trong sạch, vững mạnh, từng bước chính quy, tinh nhuệ, hiện đại. Phát huy hiệu quả thế trận quốc phòng toàn dân và phong trào quần chúng bảo vệ an ninh Tổ quốc. Triển khai các chương trình, kế hoạch

đấu tranh với các hoạt động phá hoại của các thế lực thù địch; đấu tranh phòng, chống tội phạm và tệ nạn xã hội.

- *Mở rộng hoạt động đối ngoại, chủ động hội nhập kinh tế khu vực, quốc tế*: xây dựng chiến lược đối ngoại của Thủ đô trên cơ sở vận dụng sáng tạo đường lối, chính sách đối ngoại của Đảng và Nhà nước, phục vụ chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của thành phố. Có các chương trình, kế hoạch cụ thể, đảm bảo chủ động hội nhập kinh tế quốc tế và khu vực có hiệu quả.

- *Củng cố, nâng cao chất lượng hoạt động của hệ thống chính trị*: kiện toàn bộ máy chính quyền từ thành phố đến cơ sở; thực hiện phân cấp quản lý; đẩy mạnh cải cách hành chính; từng bước xây dựng nền hành chính hiện đại.

Xây dựng và thực hiện có kết quả cơ chế phối hợp liên cấp, liên ngành; thực hiện chế độ trách nhiệm của người đứng đầu và cán bộ chủ chốt các cấp, ngành, đơn vị gắn với việc xây dựng, triển khai quy chế công vụ.

Phát huy dân chủ và sức mạnh đại đoàn kết toàn dân; đổi mới, nâng cao chất lượng hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân, coi trọng việc tổ chức các phong trào thi đua sâu rộng, thiết thực của quần chúng, xem đây là động lực của quá trình đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá Thủ đô.

Nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng bộ. Xây dựng trong toàn Đảng bộ ý chí thống nhất và quyết tâm thực hiện thành công sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá Thủ đô và đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Đấu tranh chống chủ nghĩa cá nhân, cơ hội, thực dụng cùng những biểu hiện suy thoái về tư tưởng, đạo đức, lối sống trong cán bộ, đảng viên. Kiện toàn đội ngũ cán bộ chủ chốt các cấp, các ngành, đặc biệt ở cơ sở.

Thủ đô Hà Nội phải tiêu biểu về chất lượng hoạt động của hệ thống chính trị, nơi rèn luyện và cung cấp những cán bộ có đức, tài cho Đảng và Nhà nước.

4. Để thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ nói trên, cần triển khai *đồng bộ các giải pháp, trong đó chú trọng một số giải pháp sau:*

- *Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực:* xây dựng, triển khai chiến lược đào tạo nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá; ưu tiên các nghề có trình độ và chất lượng cao phù hợp với định hướng phát triển các ngành chủ lực, các sản phẩm mũi nhọn; tăng cường nghiên cứu, ứng dụng và chuyển giao công nghệ hiện đại vào sản xuất kinh doanh.

- *Huy động và sử dụng tốt các nguồn vốn:* sớm hình thành thị trường vốn; cải thiện môi trường đầu tư; phát triển các loại hình dịch vụ hỗ trợ đầu tư. Đổi mới, nâng cao chất lượng hoạt động của ngành tài chính, ngân hàng; phát triển các công ty đầu tư tài chính. Tạo cơ chế để các doanh nghiệp tự bổ sung vốn để thu hút vốn trong dân, để tăng thu nhập và sức mua của công nhân, nông dân. Nâng cao chất lượng thực hiện các dự án sử dụng nguồn vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA). Tạo môi trường thuận lợi để thu hút mạnh vốn đầu tư trực tiếp của nước ngoài.

- *Đổi mới cơ cấu đầu tư,* bám sát, phục vụ tốt việc thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm; đầu tư mạnh cho khoa học - công nghệ, giáo dục - đào tạo và xây dựng con người, cho phát triển kết cấu hạ tầng kỹ thuật, các ngành hàng áp dụng công nghệ hiện đại, các ngành dịch vụ có trình độ, chất lượng cao, tạo bước chuyển biến mới trong xây dựng và quản lý đô thị, giải quyết tốt những vấn đề bức xúc và tệ nạn xã hội.

- *Tạo lập và mở rộng thị trường*: hỗ trợ đầu tư để hình thành đồng bộ các loại thị trường, ưu tiên thị trường tài chính - tiền tệ, chứng khoán, thị trường bất động sản, thị trường công nghệ, đặc biệt công nghệ thông tin, công nghệ sinh học. Coi trọng khai thác thị trường tại chỗ, nhất là thị trường nông thôn, thị trường các địa phương phía Bắc và cả nước, chủ động mở rộng thị trường khu vực, quốc tế.

- *Nâng cao năng lực, hiệu quả hoạt động quản lý nhà nước trên địa bàn*: đi đầu trong cải cách hành chính, trọng tâm là kiện toàn tổ chức bộ máy quản lý các cấp; làm trong sạch và nâng cao trình độ đội ngũ công chức; đơn giản hóa các thủ tục hành chính; ứng dụng tin học trong công tác quản lý. Kiên quyết đấu tranh chống tệ quan liêu, tham nhũng. Xây dựng, thực hiện các cơ chế, chính sách hợp lý, tạo môi trường pháp lý thuận lợi, an toàn phục vụ đời sống và sản xuất kinh doanh.

Đặc biệt quan tâm *kiện toàn, nâng cao hiệu quả hoạt động của bộ máy quản lý các cấp, của đội ngũ cán bộ, trước hết là cán bộ chủ chốt, cán bộ ở cơ sở; hoàn thiện hệ thống cơ chế, chính sách; gắn kết sức mạnh của Trung ương, của các địa phương với sức mạnh thành phố, lấy đây làm đòn bẩy để giải quyết tốt các nhiệm vụ kinh tế - xã hội*.

III- TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Xây dựng và bảo vệ Thủ đô Hà Nội là sự nghiệp chung của toàn Đảng, toàn dân. Các cơ quan Đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể, các địa phương trong cả nước có trách nhiệm cùng Đảng bộ, nhân dân Hà Nội hoàn thành sự nghiệp vẻ vang đó. Cần quán triệt sâu sắc nội dung của Nghị quyết; thường xuyên kiểm tra, sơ kết, tổng kết, rút kinh nghiệm để thực hiện tốt Nghị quyết.

Bộ Chính trị hằng năm có hội nghị bàn về công tác lãnh đạo Thủ đô Hà Nội.

Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành Pháp lệnh Thủ đô Hà Nội làm cơ sở pháp lý cho quá trình xây dựng, phát triển Thủ đô.

Chính phủ chỉ đạo các bộ, ngành cùng Hà Nội xây dựng một số cơ chế, chính sách đặc thù cho Hà Nội trên nguyên tắc bảo đảm quy hoạch và quan hệ phối hợp ngành - lãnh thổ và quan hệ giữa các địa phương trong cả nước:

- Phân công, phân cấp mạnh, cho phép Thủ đô được chủ động thực hiện một số chức năng, quyền hạn riêng về thu hút, sử dụng vốn; về quản lý dân cư, nhà đất; về đầu tư và xây dựng, phát triển phúc lợi công cộng và các hoạt động văn hoá - nghệ thuật... trên địa bàn.

- Có cơ chế về quan hệ giữa Trung ương với Hà Nội, giữa các địa phương trong cả nước với Hà Nội, xác định rõ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các cấp, các ngành trong việc triển khai các chương trình, kế hoạch phát triển kinh tế, văn hoá, xã hội, xây dựng, quản lý đô thị, đảm bảo an ninh - quốc phòng, mở rộng hoạt động đối ngoại, phát huy vai trò của Thủ đô đối với vùng trọng điểm kinh tế phía Bắc và đối với cả nước.

- Dành sự đầu tư đặc biệt về ngân sách và các nguồn tài chính, các phương tiện vật chất - kỹ thuật, tạo điều kiện để Hà Nội phát triển nhanh, toàn diện, vững chắc, tương xứng với vị thế và trọng trách của Thủ đô. Định kỳ nâng tỷ lệ phân bổ ngân sách hằng năm cho thành phố; cấp đủ vốn cho các chương trình, dự án lớn trên địa bàn; thành phố được sử dụng khoản thu ngân sách vượt kế hoạch hằng năm để đầu tư phát triển Thủ đô.

Các bộ, tổng cục, các cơ quan trực thuộc Chính phủ phối hợp với Hà Nội xây dựng kế hoạch và cơ chế, chính sách phát

triển Thủ đô; thường xuyên kiểm tra, giúp Hà Nội tháo gỡ những khó khăn, ách tắc; động viên cán bộ, công chức, các đơn vị trực thuộc tích cực tham gia xây dựng Thủ đô.

Các tỉnh, thành chủ động mở rộng các hình thức liên kết, hợp tác với Thủ đô phù hợp với nhu cầu và thế mạnh của mình, tạo nên sự thống nhất và sức mạnh về kinh tế, văn hoá, xã hội của cả nước.

Lãnh đạo thành phố Hà Nội có trách nhiệm chủ động phối hợp với các bộ, ban, ngành có liên quan nghiên cứu, đề xuất trình Chính phủ chiến lược phát triển kinh tế - xã hội, an ninh - quốc phòng của Thủ đô, các cơ chế, chính sách năng động, thích hợp để đẩy mạnh sự nghiệp phát triển, bảo vệ Thủ đô. Tổ chức chỉ đạo thực hiện có hiệu quả các chương trình, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội từng năm, các chương trình, dự án trọng điểm đã được Nhà nước phê duyệt. Mở rộng các hình thức cung cấp, trao đổi thông tin, liên doanh, liên kết, hợp tác với các địa phương trong cả nước, với các đối tác nước ngoài nhằm phát huy vị trí, vai trò của Thủ đô.

Hàng năm, thực hiện chế độ: Thường vụ Bộ Chính trị, Thường trực Chính phủ, các bộ, ban, ngành Trung ương làm việc với lãnh đạo Hà Nội một lần. Đưa công tác kiểm tra các hoạt động của Thủ đô thành nền nếp thường xuyên.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ
TỔNG BÍ THƯ
LÊ KHẢ PHIÊU

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

CHỈ THỊ CỦA BỘ CHÍNH TRỊ

Số 60-CT/TW, ngày 22 tháng 12 năm 2000

Về công tác của Tạp chí *Cộng sản* trong tình hình mới

Tạp chí *Cộng sản* đã có bề dày truyền thống 70 năm. Là cơ quan lý luận và chính trị của Trung ương Đảng, 70 năm qua, Tạp chí *Cộng sản* đã không ngừng phấn đấu, trưởng thành, đóng góp tích cực vào sự nghiệp cách mạng của nước ta. Tạp chí luôn quán triệt và thể hiện đúng đường lối, quan điểm của Đảng, tuyên truyền các nghị quyết của Đảng, góp phần nâng cao trình độ lý luận, chính trị của cán bộ, đảng viên, động viên phong trào hành động cách mạng của nhân dân.

Trong công cuộc đổi mới, Tạp chí *Cộng sản* đã có nhiều cố gắng trong công tác lý luận, đưa đường lối, quan điểm của Đảng vào cuộc sống, tham gia tổng kết thực tiễn, góp phần thúc đẩy sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước. Trong bối cảnh chủ nghĩa xã hội trên thế giới tạm thời lâm vào thoái trào, tình hình thế giới đã có nhiều biến động phức tạp, Tạp chí đã kiên định đấu tranh chống các quan điểm, tư tưởng sai trái và các luận điệu thù địch, bảo vệ chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và đường lối, quan điểm

của Đảng. Tuy vậy, Tạp chí *Cộng sản* cũng còn có một số nhược điểm cần khắc phục, nhất là trình độ lý luận và tính chiến đấu chưa cao; việc phân tích và tổng kết những vấn đề mới, phức tạp do thực tiễn cách mạng trong nước và thế giới đặt ra chưa kịp thời và sắc bén.

Nhiệm vụ cơ bản và quan trọng của Tạp chí *Cộng sản* trong thời gian tới là: trên cơ sở phân tích đúng tình hình thế giới và cục diện mới của đất nước, góp phần hướng dẫn về lý luận và hoạt động thực tiễn cho cán bộ, đảng viên trong việc thực hiện tốt hai nhiệm vụ chiến lược xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Cùng các cơ quan lý luận của Đảng đi tiên phong trong công tác lý luận, bảo vệ, vận dụng sáng tạo và phát triển chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, bảo vệ chủ nghĩa xã hội, làm nổi bật những cống hiến về lý luận và thực tiễn của Đảng ta vào kho tàng lý luận cách mạng của thế giới.

Phương châm chỉ đạo hoạt động của Tạp chí *Cộng sản* là không ngừng nâng cao tính cách mạng và tính khoa học của công tác lý luận, gắn lý luận với thực tiễn, giải đáp có sức thuyết phục những vấn đề thực tiễn đề ra.

Hiện nay, toàn Đảng ta đang tiến tới Đại hội lần thứ IX của Đảng. Đại hội có ý nghĩa lịch sử trọng đại, sẽ đưa ra những quyết sách nhằm phát huy sức mạnh toàn dân tộc, tiếp tục đổi mới, đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa, tạo bước phát triển mới của đất nước trong những năm đầu thế kỷ XXI. Tạp chí *Cộng sản* có nhiệm vụ, bằng công tác lý luận và thông qua công tác lý luận kết hợp với thực tiễn làm sáng tỏ những nội dung cơ bản trong Nghị quyết Đại hội IX.

Trước mắt, Tạp chí cần thực hiện tốt những nhiệm vụ cụ thể sau đây:

1. Góp phần cùng toàn Đảng tổng kết thực tiễn 5 năm thực hiện Nghị quyết Đại hội VIII, 10 năm thực hiện *Chiến lược ổn định và phát triển kinh tế - xã hội đến năm 2000* và 15 năm đổi mới. Làm sáng tỏ hơn tư tưởng Hồ Chí Minh và vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh vào thực tiễn; lý luận về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta, những vấn đề công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước, về kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, về xây dựng và phát triển nền văn hoá tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, về tăng cường sức mạnh bảo vệ Tổ quốc, về mở rộng quan hệ đối ngoại và chủ động hội nhập kinh tế quốc tế, về phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân; về tiếp tục cải cách và hoàn thiện Nhà nước, phát triển dân chủ, tăng cường pháp chế, về xây dựng, chỉnh đốn Đảng.

2. Bộ biên tập Tạp chí *Cộng sản* cần tổ chức tổng kết kinh nghiệm làm Tạp chí, rút ra những bài học bổ ích phục vụ thiết thực chặng đường mới. Cần đổi mới toàn diện các hoạt động của Tạp chí, then chốt là đổi mới công tác biên tập và xây dựng đội ngũ cán bộ đủ sức làm tròn nhiệm vụ được giao. Không ngừng mở rộng và gắn bó chặt chẽ, hiệu quả hơn mối quan hệ giữa Tạp chí *Cộng sản* với các cơ quan nghiên cứu khoa học, với các cấp, các ngành, các địa phương, với các cơ quan báo chí nhằm khai thác và phát huy sức mạnh tổng hợp của công tác nghiên cứu khoa học - thực tiễn, đưa công tác lý luận của Tạp chí phát triển lên một bước mới. Mở rộng hơn nữa đội ngũ cộng tác viên, bao gồm các cán bộ lãnh đạo và quản lý ở tất cả các ngành, các cấp, các nhà khoa học -

công nghệ, các trí thức trong và ngoài Đảng. Tăng cường công tác bạn đọc và phát hành làm cho tờ Tạp chí gắn bó chặt chẽ hơn nữa với bạn đọc trong và ngoài nước. Sớm phát hành *Tạp chí Cộng sản điện tử* trên mạng internet.

Để tạo điều kiện thuận lợi cho Tạp chí *Cộng sản* hoàn thành nhiệm vụ của mình trong giai đoạn mới, Bộ Chính trị chỉ đạo chặt chẽ hơn nữa Tạp chí theo quy chế làm việc của Trung ương. Ban Tư tưởng - Văn hoá Trung ương phối hợp với Tạp chí trong việc hoạch định chương trình biên tập trong từng thời kỳ, tuyên truyền thống nhất, đồng bộ, có hiệu quả. Ban Tổ chức Trung ương giúp Tạp chí trong việc lựa chọn, điều động cán bộ có năng lực nghiên cứu lý luận, thực tiễn và biên tập về Tạp chí. Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh và các cơ quan đào tạo khác giúp đào tạo, bồi dưỡng cán bộ khoa học và giới thiệu những cán bộ đủ tiêu chuẩn cho Tạp chí. Các ngành, các cơ quan cung cấp tư liệu và tạo điều kiện thuận lợi cho việc điều tra, nghiên cứu và biên tập của Tạp chí *Cộng sản*. Các đồng chí Ủy viên Bộ Chính trị, Ủy viên Trung ương Đảng, các cán bộ lãnh đạo chủ chốt các cơ quan, các ngành ở Trung ương và địa phương có trách nhiệm viết bài cho Tạp chí, thường xuyên góp ý kiến phê bình, xây dựng Tạp chí.

Các cấp uỷ đảng và cơ quan tuyên giáo các cấp cần tuyên truyền, phổ biến rộng rãi nội dung và hướng dẫn sử dụng có hiệu quả Tạp chí *Cộng sản* trong cán bộ, đảng viên và nhân dân. Các đảng bộ thuộc cơ sở, các chi bộ thuộc các bộ, ban, ngành, đoàn thể của Trung ương, các chi bộ thuộc lực lượng vũ trang, công an nhân dân; các chi bộ thuộc các tổng công ty 90, 91 được sử dụng đảng phí để mua Tạp chí *Cộng sản*.

Các báo *Nhân dân*, *Quân đội nhân dân*, Đài Tiếng nói Việt Nam, Đài Truyền hình Việt Nam cần giới thiệu mục lục và nội dung chủ yếu của mỗi số Tạp chí *Cộng sản*.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ

PHẠM THẾ DUYỆT

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

CHỈ THỊ CỦA BỘ CHÍNH TRỊ

Số 61-CT/TW, ngày 28 tháng 12 năm 2000

Về việc thực hiện phổ cập trung học cơ sở

Hơn 10 năm qua, thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VI, VII, VIII, ngành giáo dục đã cùng với các ngành, các cấp tích cực triển khai công tác xoá mù chữ và phổ cập giáo dục tiểu học. Đến nay, cả nước đã đạt chuẩn quốc gia về xoá mù chữ và phổ cập giáo dục tiểu học và đang củng cố, phát huy các kết quả này, tiếp tục phát triển mạnh giáo dục thường xuyên.

Bước vào thế kỷ XXI, chất lượng nguồn nhân lực giữ vai trò quyết định trong việc phát huy nội lực, phát triển đất nước, hợp tác và cạnh tranh trong hội nhập khu vực và quốc tế, điều đó đòi hỏi phải tiếp tục nâng cao học vấn của những người lao động. Vì vậy, việc thực hiện phổ cập giáo dục trung học cơ sở trong giai đoạn 2001 - 2010 có ý nghĩa chiến lược quan trọng nhằm góp phần phát triển và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước.

Mục tiêu của phổ cập trung học cơ sở là nâng cao mặt bằng dân trí một cách toàn diện, làm cho hầu hết công dân

đến 18 tuổi đều tốt nghiệp trung học cơ sở, kết hợp phân luồng sau cấp học này, tạo cơ sở cho việc tiếp tục đổi mới cơ cấu và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, đáp ứng yêu cầu của đất nước trong những thập kỷ đầu của thế kỷ XXI, phát huy cao độ tính độc lập, năng động, sáng tạo và bản lĩnh chính trị của thế hệ trẻ trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Để hoàn thành phổ cập giáo dục trung học cơ sở vào năm 2010 như Nghị quyết Trung ương 2 khoá VIII đã đề ra và thực hiện tốt mục tiêu nêu trên, các cấp ủy đảng, chính quyền, các ban, ngành, đoàn thể nhân dân từ Trung ương đến địa phương phải:

1. Nhanh chóng xây dựng và thực hiện kế hoạch phổ cập giáo dục trung học cơ sở gắn với việc đổi mới nội dung chương trình, phương pháp giáo dục theo hướng cập nhật những thành tựu mới nhất của khoa học - công nghệ, với yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của đất nước trong thời kỳ mở cửa, hội nhập, toàn cầu hoá, đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước.

2. củng cố và phát huy kết quả của công tác xoá mù chữ và phổ cập giáo dục tiểu học; tiếp tục công việc này ở những nơi còn chưa đạt chuẩn.

3. Có kế hoạch tiếp tục củng cố và xây dựng cơ sở vật chất, thiết bị trường học theo hướng tiêu chuẩn hoá và hiện đại hoá.

4. Có kế hoạch cụ thể củng cố và nâng cao năng lực và chất lượng đào tạo của các trường sư phạm, đặc biệt là đổi mới nội dung và phương pháp giảng dạy nhằm đảm bảo đủ về số lượng và chuẩn hoá về trình độ của đội ngũ giáo viên,

cán bộ quản lý giáo dục để thực hiện tốt nội dung chương trình phổ cập giáo dục trung học cơ sở. Mở rộng và hoàn thiện mạng lưới trường trung học cơ sở, trung tâm giáo dục thường xuyên, trung tâm giáo dục kỹ thuật tổng hợp, hướng nghiệp; tiếp tục xây dựng và hoàn thiện chế độ, chính sách đãi ngộ thoả đáng đối với giáo viên nói chung và giáo viên tham gia công tác phổ cập trung học cơ sở nói riêng.

5. Đẩy mạnh xã hội hoá hoạt động giáo dục, đặc biệt đối với việc phổ cập giáo dục trung học cơ sở. Các cấp uỷ đảng, uỷ ban nhân dân, hội đồng nhân dân phải có kế hoạch chỉ đạo ngay từ năm học này và thường xuyên kiểm tra, đôn đốc làm tốt công tác tuyên truyền, vận động học sinh, giáo viên, nhân dân thực hiện đúng tiến độ và có chất lượng phổ cập trung học cơ sở ở địa phương.

6. Những nơi đã hoàn thành phổ cập trung học cơ sở cần tiếp tục củng cố, nâng cao chất lượng, tổ chức phân luồng sau cấp học này và tùy điều kiện có thể tiến hành phổ cập bậc trung học (trung học phổ thông, trung học chuyên nghiệp và dạy nghề).

Chính phủ chỉ đạo việc thể chế hoá về mặt Nhà nước các giải pháp, chính sách được nêu trong Chỉ thị này và Nghị quyết của Quốc hội thông qua ngày 9-12-2000, xây dựng kế hoạch, bước đi, đảm bảo các điều kiện và chỉ đạo thực hiện thắng lợi mục tiêu phổ cập giáo dục trung học cơ sở.

Các ban cán sự đảng các bộ, ngành, các cấp uỷ đảng từ Trung ương đến địa phương phải quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo thường xuyên công tác phổ cập giáo dục trung học cơ sở; coi đây là một nhiệm vụ chiến lược quan trọng; các đoàn thể, các tổ chức chính trị - xã hội động viên nhân dân tích cực, chủ

động tham gia có hiệu quả vào các hoạt động phổ cập giáo dục trung học cơ sở.

Ban Khoa giáo Trung ương phối hợp với Ban Cán sự Đảng Bộ Giáo dục và Đào tạo làm đầu mối giúp Bộ Chính trị hướng dẫn và đôn đốc, kiểm tra thực hiện Chỉ thị này.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ

PHẠM THẾ DUYỆT

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

PHỤ LỤC

**PHÁT BIỂU
CỦA TỔNG BÍ THƯ LÊ KHẢ PHIÊU
TẠI HỘI NGHỊ ỦY BAN TRUNG ƯƠNG
MẶT TRẬN TỔ QUỐC VIỆT NAM LẦN THỨ HAI
(KHÓA V)**

Từ ngày 11 đến ngày 13 tháng 1 năm 2000

*Thưa đồng chí Phạm Thế Duyệt, Chủ tịch Đoàn Chủ tịch
Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam,*

Thưa các vị Ủy viên Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc,

Được mời tham gia cuộc hội nghị quan trọng của Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc lần này là một vinh dự đối với tôi.

Trước hết, tôi xin chuyển đến các vị lời chúc mừng đầu năm của Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam, chúc các vị một năm mới dồi dào sức khỏe, hoàn thành tốt đẹp trọng trách của mình trong sự nghiệp đại đoàn kết dân tộc mà các tầng lớp nhân dân trong đại gia đình các dân tộc Việt Nam đã ủy thác.

Tôi cũng xin các vị chuyển lời chúc mừng năm mới của Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam đến Ủy ban Mặt trận Tổ quốc các tỉnh, thành phố, quận, huyện và cơ sở.

Năm 1999 là một năm có nhiều thử thách đối với nhân dân ta. Bên ngoài thì ảnh hưởng hậu quả của cuộc khủng hoảng tài chính - tiền tệ năm 1997 còn đang tiếp tục khắc phục. Bên trong thì hai trận lũ lụt lớn liên tiếp ở miền Trung, gây thiệt hại rất nặng nề cả người và của. Hai trận lũ lụt ấy còn để lại hậu quả nghiêm trọng và lâu dài.

Nhưng nhờ khối đại đoàn kết toàn dân và sự động viên, cổ vũ của Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc, nhân dân ta, các ngành, các cấp, các địa phương, các đơn vị lực lượng vũ trang đã anh dũng vượt qua những khó khăn, thử thách, hoàn thành phần lớn các chỉ tiêu kế hoạch kinh tế - xã hội năm 1999.

Cuộc chống lũ của nhân dân ta vừa qua thực sự là một cao trào yêu nước thương nòi sâu rộng. Có được cao trào ấy là do dân làm chủ, dân làm nên, từ làng xóm, phố phường, từ cơ sở, trong khó khăn cũng như hoạn nạn và lại trở về giáo dục, cổ vũ tinh thần đoàn kết dân tộc trong nhân dân ta.

Qua cao trào yêu nước thương nòi đó, chúng ta càng hiểu, càng yêu quý, càng tự hào về tinh thần đại đoàn kết và ý chí quyết thắng của dân tộc ta trong gian lao thử thách. Một lần nữa, Hội nghị chúng ta, tự đáy lòng mình bày tỏ lòng kính trọng đối với đồng bào và chiến sĩ miền Trung ý chí chống lũ lụt đã phi thường thì trong những ngày này, vừa khôi phục sản xuất làm ăn, vừa xây dựng lại quê hương ý chí cũng phi thường như vậy. Xin bày tỏ lòng kính trọng đối với đồng bào, cán bộ và chiến sĩ cả nước đã vì miền Trung ruột thịt ủng hộ tiền của và đang vì miền Trung lao động, sản xuất, công tác với năng suất cao hơn để bù đắp cho miền Trung và để hoàn thành tốt nhiệm vụ của địa phương, đơn vị và ngành mình.

Thưa các vị,

Ngày hôm qua, mùng 10 tháng 1, tôi có nhận được một bức thư từ Thành phố Hồ Chí Minh gửi ra của ông Lưu Đình Tập, 83 tuổi. Trước ngày 30-4-1975, ông là cán bộ Bộ Lao động của chính quyền Sài Gòn cũ.

Tôi xin trích đọc để các vị cùng nghe:

"... Tôi là Lưu Đình Tập, trước kia làm việc ở Bộ Lao động chế độ cũ, nhà ở bên kênh Nhiêu Lộc.

Bà con từng sống trước kia bên con kênh khủng khiếp ấy cực khổ vô cùng. Người lớn đa số thất nghiệp hoặc làm tạp vụ như đập xích lô, xe ba gác; trẻ em thì thất học, hư hỏng, người nào cũng bị bệnh tai - mũi - họng kinh niên. Một số người nghiện ma túy, rượu chè.

Được giải toả về chung cư 43 Hồ Văn Huê khang trang, nơi ở rộng rãi, đời sống thay đổi. Số đông con em nhân dân lao động được đến trường. Có cháu đã vào đại học, tốt nghiệp kỹ sư. Trước kia không bao giờ dám mơ tới. Quan hệ giữa người với người tốt đẹp hơn. Có phòng đọc sách. Một gia đình có khó khăn thì cả xóm xúm vào giúp đỡ.

Qua cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng, quy chế làm chủ ở cơ sở, nhân dân tin tưởng ở chế độ.

Đồng bào mong Nhà nước được củng cố hơn nữa; chính trị ổn định, đất nước hoà bình, chính quyền và nhân dân một lòng..."

Thưa các vị,

Kể từ ngày 30-4-1975, 25 năm đã trôi qua, một thế hệ mới đã ra đời. Nhìn lại 25 năm, quả thật nhân dân ta đã phải trải qua không biết bao nhiêu biến động, khó khăn, thử thách, thậm chí có những thử thách hiểm nghèo tưởng chừng khó vượt qua.

Nhưng cho đến nay, với sự nghiệp đổi mới, nhân dân ta đã vượt qua những thử thách ấy, đạt được nhiều thành tựu. Mặc dù còn khó khăn, chưa thực hiện được như nguyện vọng to lớn của đồng bào, nhưng đã đạt được kết quả, đồng bào ta ai nấy cũng vui mừng. Đó là: đời sống tinh thần và vật chất của các tầng lớp nhân dân được nâng cao hơn trước, cuộc sống bình yên hơn, nhân dân đoàn kết, yêu quý nhau hơn, tin tưởng ở tương lai của đất nước và có niềm hy vọng về tương lai của chính mình.

Chúng ta đều hiểu rằng: những hiểm khích, chia rẽ, thù hận giữa những người con Hồng, cháu Lạc hơn một thế kỷ vừa qua và còn lưu lại cho đến hôm nay không phải do nhân dân ta, không phải từ trong nhân dân ta mà chính là do bàn tay của các kẻ thù xâm lược, các thế lực thù địch đối với đồng bào ta gây nên.

Truyền thống của dân tộc ta từ thuở dựng nước cho đến ngày nay là “bầu ơi thương lấy bí cùng”, là lời khuyên nhủ lẫn nhau, đừng mắc mưu kẻ thù: “dạn lòng ai dễ đừng xiêu, mưa mai có bạn, nắng chiều có nhau”.

Chủ tịch Hồ Chí Minh cũng nói: Bàn tay 5 ngón, có ngón ngắn ngón dài. Quả là như vậy, làm sao 5 ngón tay giống nhau hoàn toàn được. Nhưng nhờ 5 ngón tay ấy kết lại mà có sức mạnh của cả bàn tay.

Một người riêng rẽ không làm nên sự nghiệp. Cả dân tộc, người góp của, người góp công, người góp trí tuệ, người góp lời cổ vũ động viên, tất cả chung sức, tạo thành sức mạnh to lớn. Sự nghiệp của chúng ta từ thuở dựng nước đến nay là sự nghiệp của muôn dân. Dân tộc Việt Nam ta là như thế. Dân tộc Việt Nam vĩ đại là nhờ thế.

Đảng Cộng sản Việt Nam, chiến đấu hy sinh chỉ vì một mục đích: nền độc lập của Tổ quốc được bảo vệ vững chắc, dân tộc Việt Nam trường tồn, dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh.

Chung thủy với lý tưởng ấy, Đảng Cộng sản Việt Nam nguyện đoàn kết với mọi thành phần, mọi tầng lớp nhân dân, mọi người Việt Nam, không phân biệt quá khứ, giàu nghèo, tôn giáo, dân tộc đa số hay thiểu số, ở trong nước và đang ở nước ngoài, có lòng yêu nước thương nòi và đem tấm lòng ấy xây dựng giang sơn Việt Nam giàu mạnh, văn minh, công bằng, nghìn thu bền vững, sum họp thái bình.

Có thực hiện được điều đó hay không, một phần là nhờ công lao của Mặt trận và các thành viên của Mặt trận, những kỹ sư đã và đang tiếp tục xây đắp nên khối đại đoàn kết dân tộc của chúng ta.

Tôi nghĩ rằng: muốn đại đoàn kết dân tộc thì phải thực hiện cho được dân chủ, làm đúng lời dạy của Chủ tịch Hồ Chí Minh:

“Quyền hành và lực lượng đều ở nơi dân”¹.

“Tất cả cán bộ chính quyền, tất cả cán bộ Đoàn thể và tất cả hội viên của các tổ chức nhân dân... đều phải phụ trách dân vận”².

Mục đích cuối cùng và cao nhất của dân vận là phát huy quyền làm chủ của nhân dân. Dân của xã, phường, của quận, huyện, của tỉnh, thành phố được biết, được bàn công việc của xã, phường, quận, huyện, tỉnh, thành phố. Cán bộ, nhân viên

1, 2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.6, tr. 232, 233 (B.T).

nhà máy, xí nghiệp, nông trường, công trường, tổ chức hợp tác, cơ quan, đơn vị được thảo luận dân chủ những vấn đề liên quan đến lợi ích tập thể.

Với tinh thần đại đoàn kết và dân chủ ấy, Tết năm nay, làng phố quây quần, các khu dân cư vui vầy ấm cúng. Cán bộ đi sát nhân dân. Cả nước bàn việc năm 2000. Khó khăn còn rất nhiều. Nhưng với tinh thần đại đoàn kết, dân chủ sâu rộng ấy, chắc chắn chương trình công tác của Mặt trận, nghị quyết của Quốc hội và kế hoạch của Chính phủ năm 2000 sẽ được hoàn thành và có thể hoàn thành vượt mức.

Mùa xuân này là mùa xuân đại đoàn kết dân tộc. Mùa xuân cả nước một lòng vượt qua khó khăn, tất cả để năm 2000 giành thắng lợi to lớn và toàn diện.

Xin chúc các vị sức khoẻ và ngày càng thêm xuân.

Lê Khả Phiêu: *Tuyển tập (1999 - 2000)*,
Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2010,
t.2, tr. 224-229.

**PHÁT BIỂU
CỦA TỔNG BÍ THƯ LÊ KHẢ PHIÊU
TẠI ĐẠI HỘI LẦN THỨ IV
HỘI LIÊN HIỆP THANH NIÊN VIỆT NAM**
Ngày 15 tháng 1 năm 2000

Thưa các vị khách quốc tế,

Thưa các đồng chí và các bạn,

Cách đây nửa thế kỷ, trong những ngày này, Trần Văn Ôn đã cùng hàng vạn thanh niên, sinh viên, học sinh và đồng bào Sài Gòn đứng dậy, biểu tình chống sự can thiệp của đế quốc Mỹ vào miền Nam Việt Nam.

Cũng cách đây nửa thế kỷ, ở miền Bắc, tại Núi Hồng, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên, theo chỉ thị của Bác Hồ, đội Thanh niên xung phong đầu tiên được thành lập với 225 đội viên. Đội đã trực tiếp tham gia chiến dịch Biên giới và liên tục phát triển góp phần phục vụ thắng lợi chiến dịch Điện Biên Phủ chấn động địa cầu.

Hai sự kiện ấy đã mở đầu truyền thống anh hùng của thanh niên, học sinh và sinh viên nước ta.

Bốn mươi năm trước đó, Bác Hồ ra đi tìm đường cứu nước. Khi Bác trở về Quảng Châu, một lớp thanh niên yêu

nước đã đến với Bác. Bác tổ chức nên Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên (Việt Nam Thanh niên Cách mạng đồng chí Hội) và Đảng ta đã ra đời từ một thế hệ thanh niên của cao trào yêu nước và cao trào công nhân Việt Nam.

Nhìn những người đại biểu của thế hệ trẻ cả nước trong bộ đồng phục màu xanh và chiếc mũ tai bèo, tôi nghĩ rằng: Nếu Bác Hồ kính yêu với những lớp con cháu anh hùng làm theo lời Bác, Trần Văn Ôn và Phan Đình Giót, Võ Thị Sáu và Nguyễn Viết Xuân, Nguyễn Văn Trỗi và Cù Chính Lan, La Thị Tám và Đồng Phước Huyền, Ngô Mây và Võ Như Hưng, tất cả cũng cùng có mặt ở hội trường lịch sử này, thì Bác Hồ và các vị tiền bối cách mạng vô cùng vui sướng. Một thế hệ cường tráng, hiếu học, có kiến thức, đầy nghị lực, tự tin và sáng tạo, dám vượt khó khăn, cùng nhau đoàn kết, đang tiếp tục gánh vác sự nghiệp mà các thế hệ cha anh để lại.

Đảng, Nhà nước và nhân dân ta tự hào về các bạn, về thế hệ thanh niên, học sinh, sinh viên hôm nay. Với lực lượng xung kích ấy và những lực lượng xung kích kế tiếp, cha truyền con nối, nhất định chúng ta sẽ hoàn thành sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa, Tổ quốc Việt Nam sẽ được bảo vệ vững chắc, dân tộc Việt Nam trường tồn, chủ nghĩa xã hội được xây dựng thắng lợi.

Thưa các vị khách quốc tế,

Thay mặt Đảng, Nhà nước và nhân dân Việt Nam, tôi xin cảm ơn các vị đã đến chung vui với thanh niên và nhân dân Việt Nam trong ngày Hội của thanh niên chúng tôi.

Thanh niên Việt Nam mãi mãi ghi nhớ sự giúp đỡ tận tình và không mệt mỏi của thanh niên thế giới và Liên đoàn Thanh niên Dân chủ thế giới đối với thanh niên Việt Nam trong sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc, bảo vệ Tổ quốc và xây dựng đất nước hơn ba phần tư thế kỷ vừa qua. Thanh niên Việt Nam luôn luôn là người bạn thủy chung, trước sau như một đối với nhân dân và thanh niên thế giới, tiếp tục cùng đấu tranh vì hòa bình, độc lập dân tộc, công bằng, bình đẳng, ấm no, hạnh phúc và tương lai tốt đẹp của nhân loại.

Các đồng chí và các bạn,

Như chúng ta đã biết, Bộ Chính trị và Chính phủ đã quyết định: Năm 2000 là Năm Thanh niên. Đó là vinh dự rất cao quý và cũng là trách nhiệm nặng nề đối với thanh niên, học sinh, sinh viên nước ta.

Việc hoàn thành tốt hay không nhiệm vụ năm 2000 sẽ quyết định kết quả thực hiện kế hoạch 5 năm (1996 - 2000), chiến lược phát triển 10 năm (1991 - 2000) và công việc chuẩn bị toàn diện bước vào thế kỷ XXI của Tổ quốc chúng ta.

Có bạn sinh viên nói với tôi: Ý nghĩa lịch sử của năm 2000 tựa như một Điện Biên Phủ, một chiến dịch Hồ Chí Minh. Điện Biên Phủ kết thúc vẻ vang 9 năm kháng chiến chống Pháp, chiến dịch Hồ Chí Minh kết thúc rực rỡ 21 năm kháng chiến chống Mỹ, thì năm 2000 phải đánh dấu một mốc son chói lọi kết thúc lịch sử đấu tranh cực kỳ oanh liệt của dân tộc ta ở thế kỷ XX.

Ý tưởng ấy, hoài bão ấy, niềm tin ấy và quyết tâm ấy thật là quý báu.

Nếu thanh niên, học sinh, sinh viên cả nước ta thấy rằng suy nghĩ ấy là đúng đắn, phù hợp với nguyện vọng của mình, thì đề nghị hãy cùng nhau thi đua học tập, làm việc, lao động, công tác hơn mức bình thường, hơn mức năm 1999.

Năm 1964, trong khi cuộc kháng chiến đang bước vào giai đoạn quyết liệt, Bác Hồ đã kêu gọi mỗi người làm việc bằng hai. Nếu thanh niên ta, ai cũng cảm thấy có thể đưa năng suất và hiệu quả học tập, làm việc lên gấp rưỡi, gấp đôi như thế hệ thời chống Mỹ thì hãy bằng ý chí dũng cảm và trí tuệ khoa học bền bỉ thực hiện quyết tâm đó.

Đầu thế kỷ, khi Bác Hồ giáo dục lớp thanh niên đầu tiên lập nên Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên thì dân ta còn mất nước, thanh niên ta lúc ấy là những người nô lệ.

“Cha chạy ra Hòn Gai cuốc mỏ

Anh bỏ vào Đất Đỏ làm phu

Tấm thân đổi mấy đồng xu

Thịt xương bón gốc cao su mấy tầng”.

Ngày nay, Tổ quốc đã hoàn toàn độc lập và thống nhất, đang vững bước tiến lên chủ nghĩa xã hội. Nhân dân được sống trong môi trường hòa bình, thanh niên ta đã là người chủ của đất nước.

Kết thúc một thế kỷ đấu tranh oanh liệt là Năm Thanh niên. Vinh dự và hào hùng xiết bao!

Năm Thanh niên

Là năm học tập và truyền thụ lý tưởng yêu nước, nâng cao bản lĩnh chính trị và năng lực nghiệp vụ.

Là năm nâng cao chất lượng toàn diện về học tập và nghiên cứu. Thanh niên có nghề và tiến lên đuổi kịp trình độ hiện đại của thế giới.

Là năm tình nguyện, xông pha, đem sức trẻ và hoài bão cách mạng hoàn thành bất cứ nhiệm vụ khó khăn nào của Đảng, Nhà nước giao cho. Nền tảng, từ truyền thống thanh niên xung phong trước đây, Hội và Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh cùng nhau phối hợp tổ chức những hình thức thanh niên xung phong, những tổ xung kích trên lĩnh vực kinh tế - xã hội, để tạo ra việc làm cho thanh niên và để thanh niên làm việc cho mình và cho Tổ quốc.

Là năm các nhà khoa học trẻ, các nhà doanh nghiệp trẻ có nhiều sáng tạo mới, cống hiến mới góp phần giải quyết các vấn đề thực tiễn của nền kinh tế - xã hội nước ta.

Là năm thanh niên giữ nghiêm phép nước, rèn luyện sức khỏe, đời sống lành mạnh, sinh hoạt văn hóa đậm đà bản sắc dân tộc.

Trong phong trào thi đua yêu nước, thanh niên ta phải là những người đi đầu.

Với tinh thần ấy, tôi xin chúc thanh niên các tỉnh miền Trung vừa qua bị lũ lụt tàn phá, đi đầu, cùng với nhân dân, anh dũng khắc phục hậu quả lũ lụt, quyết hoàn thành bằng được nhiệm vụ năm 2000.

Chúc thanh niên Thành phố Hồ Chí Minh đi đầu, cùng nhân dân thành phố, thực hiện quyết tâm năm 2000 sẽ về đích trước.

Hà Nội là trái tim của Tổ quốc. Bởi thế, trong trái tim của mọi người Việt Nam, mọi thanh niên Việt Nam đều có

Hà Nội. Tôi chúc thanh niên Hà Nội xứng đáng với sự tin yêu của cả nước.

Chúc thanh niên Tây Bắc, Việt Bắc, đồng bằng sông Hồng, Bắc Trung Bộ, cực Nam Trung Bộ và Tây Nguyên, miền Đông và miền Tây Nam Bộ, đi đầu, cùng với nhân dân hoàn thành và hoàn thành vượt mức nhiệm vụ năm 2000 vì thắng lợi của địa phương và bù đắp cho miền Trung ruột thịt.

Thanh niên Việt Nam ta, kế tục và góp phần xây dựng truyền thống của dân tộc, xưa đã thế, nay vẫn thế, mãi mãi là rường cột của nước nhà, đưa nước ta tiến kịp sánh vai cùng các cường quốc trên thế giới như Bác Hồ hằng mong ước.

Nề chi gian lao, thanh niên ta hãy cùng nhau xông pha lên đường!

Tất cả để năm 2000 giành thắng lợi to lớn và toàn diện.

DIỄN VĂN
CỦA TỔNG BÍ THƯ LÊ KHẢ PHIÊU
TẠI LỄ KỶ NIỆM 70 NĂM
NGÀY THÀNH LẬP ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM
 Ngày 2 tháng 2 năm 2000

Thưa đồng bào và chiến sĩ cả nước,
Thưa các đồng chí lão thành cách mạng,
Thưa các đồng chí lãnh đạo Đảng, Nhà nước và Mặt trận
Tổ quốc,
Thưa các vị khách,

Hôm nay, cùng với đồng bào và chiến sĩ cả nước, chúng ta họp mặt để kỷ niệm 70 năm Ngày thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam, một sự kiện có ý nghĩa trọng đại trong quá trình tồn tại và phát triển của dân tộc. Kỷ niệm 70 năm Ngày thành lập Đảng lại diễn ra vào năm 2000, năm chuyển giao thế kỷ và thiên niên kỷ.

Trong buổi lễ trọng thể này, có đông đủ các thế hệ người Việt Nam yêu nước, các thế hệ đảng viên, từ thế hệ 1930 - 1931, 70 tuổi Đảng, xấp xỉ 100 tuổi đời, đến các thế hệ đảng viên đang xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, đã chung sức chiến đấu suốt ba phần tư thế kỷ. Chúng ta cùng nhau ôn lại chặng

đường mà dân tộc ta đã trải qua, suy nghĩ về chặng đường tới, làm rõ nguyện vọng muôn đời, con đường lựa chọn và tương lai mà dân tộc ta quyết đạt đến vì sự trường tồn của Tổ quốc và hạnh phúc đời đời của con cháu.

Thế kỷ XIX, chủ nghĩa tư bản đang trên đường phát triển mạnh, các nước tư bản phương Tây đua nhau xâm chiếm thuộc địa, tìm kiếm thị trường. Năm 1858, quân đội Pháp nổ súng tấn công Đà Nẵng, mở đầu cuộc xâm lược nước ta. Đà Nẵng đã đánh trả và đã thắng trận đầu, tiếp đó là Nam Kỳ, Huế, Hà Nội, các anh hùng, chí sĩ như Trương Công Định, Nguyễn Trung Trực, Hoàng Diệu, Nguyễn Tri Phương cùng nhân dân khắp nơi, tràn đầy nhiệt huyết, căm ghét xâm lăng đã anh dũng vùng lên chống giặc ròng rã 26 năm. Nhưng rồi sáu tỉnh Nam Kỳ bị mất, triều đình Huế ký hiệp ước đầu hàng năm 1884.

Không cam chịu mất nước, không cam chịu làm nô lệ, Phan Đình Phùng, Hoàng Hoa Thám, Nơ Trang Long và Cầm Bá Thước, Phan Bội Châu và Phan Châu Trinh, Nguyễn Thái Học và Phạm Hồng Thái... lớp lớp sĩ phu, hào kiệt không tiếc máu xương, không sợ cùm gông, quật khởi vùng dậy. Nhưng tất cả đều thất bại, công cuộc cứu nước lâm vào khủng hoảng. Bọn thực dân cùng với bọn quan lại bù nhìn đã dùng những thủ đoạn cai trị tàn bạo nhất. Chúng lừa bịp “nước mẹ sẽ đem văn minh khai sáng”, nhưng sự thật là để vơ vét nguyên liệu, mở cảng biển để nối liền kinh tế bóc lột thuộc địa với kinh tế bóc lột ở chính quốc. Bọn họ cất đê, đóng cống, như năm 1916, tạo ra một biển nước mênh mông, làm ngập cả một vùng suốt sáu tháng, buộc dân cày tuyệt vọng, muốn khỏi chết đói thì phải đi phu. Mất nước, mất đất, mất ruộng, mất mùa, nông thôn

nghèo mạt, dân cày phải sống trong cảnh lầm than rên xiết. Cảnh khốn khổ điêu linh ấy không khuất phục được nông dân ta cam chịu kiếp ngựa trâu, mà chỉ làm bùng lên ý chí căm uất bọn cướp nước và bán nước.

Chương trình khai thác thuộc địa mà thực dân Pháp tiến hành ở Việt Nam từ cuối thế kỷ XIX được đẩy mạnh sau Chiến tranh thế giới lần thứ nhất nhằm siết chặt ách thống trị của chúng, tưởng có thể bảo vệ và nuôi béo mãi mãi chế độ thực dân, nhưng khách quan lại tạo ra một lớp người nô lệ mới, đó là giai cấp công nhân Việt Nam, những người làm thuê mất nước, qua đấu tranh mà giác ngộ, sẵn sàng đảm đương sứ mệnh lịch sử.

Hai anh em ruột thịt, công nhân và nông dân, cùng với thanh niên, học sinh, viên chức, các kẻ sĩ, những trí thức tâm huyết, những người hữu sản vừa và nhỏ không chịu nổi nhục mất nước, đồng bào ta một cổ hai tròng, hai tầng áp bức, cố kết nhau lại trở thành những người đào mồ chôn vùi bọn chúng.

Sự thông thương giữa thuộc địa và chính quốc đã đưa đến Việt Nam những thủy thủ Pháp và thủy thủ bốn phương, chuyển về sách báo, truyền đơn và cả những con người giác ngộ làm hạt giống. Thủy thủ Pháp đấu tranh chống lại các chủ tàu, công nhân và bà con Sài Gòn đã tổ chức "*những bữa cháo cộng sản*" để nuôi họ. Tàu chở lính Pháp muốn rời bến sang đàn áp Quảng Châu công xã đang sôi sục cách mạng thì công nhân Ba Son đã tìm cách ghìm lại. Nhân dân Maroc, Xiri nổi dậy, ở bến tàu và trại lính vang lên các khẩu hiệu: Không được đưa lính An Nam đi đàn áp Maroc, Xiri! Và ở bên trong hàng vạn con người lao động

mất nước ấy đã có các công hội do Tôn Đức Thắng, người thợ anh hùng, sau khi kéo lá cờ phản chiến bảo vệ Cách mạng Tháng Mười trở về gây dựng.

Trước đó, với lòng yêu nước nồng nàn và mẫn cảm, một vốn kiến thức ban đầu và hai bàn tay lao động, mới 21 tuổi, Nguyễn Tất Thành (tức Nguyễn Ái Quốc) đã ra đi tìm đường cứu nước. Trải qua chiêm nghiệm về mấy trăm cuộc khởi nghĩa từ ngày mất nước, so sánh các cuộc cách mạng và các dòng tư tưởng khắp địa cầu, Cách mạng Tháng Mười, Luận cương về dân tộc và thuộc địa của Lênin, và đến đây Người đã tìm thấy ở chủ nghĩa Mác - Lênin con đường cứu nước. *Muốn giải phóng dân tộc, không có con đường nào khác con đường cách mạng vô sản. Chỉ có chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản mới giải phóng các dân tộc bị áp bức và những người lao động trên thế giới ra khỏi ách nô lệ.* Sự lựa chọn của Người là sự lựa chọn của giai cấp công nhân, của nhân dân ta đang bị dọa dẫm, sự lựa chọn của chính thời đại.

Người phê phán: chỉ coi trọng cuộc đấu tranh ở chính quốc, tức là muốn đánh chết rắn ở đằng đuôi. Nọc độc và sức sống của con rắn tư bản chủ nghĩa đang tập trung ở các thuộc địa hơn là ở chính quốc. Trong khi có nhiều quan điểm cho rằng cách mạng ở thuộc địa phải phụ thuộc vào cách mạng ở chính quốc thì Người chỉ ra: cách mạng ở các nước thuộc địa có thể giành thắng lợi trước cách mạng ở chính quốc, và tạo điều kiện cho cách mạng ở chính quốc phát triển, lấy sức ta mà giải phóng cho ta: Người chuẩn bị về chính trị, tổ chức, cán bộ và thiết lập mối liên hệ mật thiết giữa cách mạng thế giới với cách mạng Việt Nam. Và Người đã trở về nước đúng lúc.

Muốn cứu nước, muốn làm cách mạng thì phải có đảng cách mạng. Các nhóm cộng sản Việt Nam họp nhau lại dưới sự chủ trì của Người, xác định Chính cương và Sách lược vắn tắt, từ đó đi đến Cương lĩnh 1930 vạch ra đường lối đúng đắn cho cách mạng Việt Nam. Các nhóm cộng sản đã giúp nhau sửa chữa những hạn chế về nhận thức, đồng lòng đoàn kết và hợp nhất. Đảng Cộng sản Việt Nam đã ra đời như thế, trước đòi hỏi của lịch sử, của nhân dân, Tổ quốc và thời đại. Đó là sự kết hợp giữa chủ nghĩa Mác - Lênin với phong trào công nhân và phong trào yêu nước Việt Nam. Quy luật ấy đã quy định bản chất giai cấp công nhân của Đảng ta, đưa con nòi xuất thân từ nhân dân lao động, làm cho Đảng ta ngay từ đầu là một đảng cách mạng chân chính vì dân, vì nước. Quy luật ấy là ngọn nguồn của sự kết hợp nhuần nhuyễn giữa cách mạng và khoa học, giữa dân tộc và giai cấp, dân tộc và thời đại, chủ nghĩa yêu nước chân chính và chủ nghĩa quốc tế trong sáng, giữa nhiệm vụ trước mắt và nhiệm vụ lâu dài trong từng thời kỳ của cách mạng, là đường lối độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, đường lối nhất quán từ khi có Đảng cho tới khi hoàn thành mục tiêu cuối cùng. Đó là đỉnh cao trí tuệ, ngọn cờ bách chiến bách thắng của Đảng ta, dân tộc ta và của thời đại. Vì vậy, sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam đánh dấu một bước ngoặt quyết định chuyển mình lịch sử của đất nước ta trên con đường đấu tranh giải phóng dân tộc, giải phóng nhân dân, xây dựng cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc.

Nhờ ngọn cờ độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, thuận với lòng người, Đảng đã phát triển được tổ chức khắp nước,

sớm xây dựng nền tảng lực lượng là công nhân, nông dân và trí thức, đoàn kết các tầng lớp nhân dân trong Mặt trận dân tộc thống nhất, hình thành các tổ chức quần chúng và lực lượng chính trị, xây dựng lực lượng vũ trang, được nhân dân đùm bọc, che chở, kẻ thù nào cũng đánh thắng.

Vừa mới thành lập, Đảng đã phát động cao trào Xôviết Nghệ - Tĩnh cực kỳ oanh liệt. Mười lăm tuổi, chỉ với 5.000 đảng viên, Đảng đã lãnh đạo nhân dân vũ trang khởi nghĩa, giành chính quyền trên toàn quốc, lập nên Nhà nước dân chủ nhân dân đầu tiên ở Đông Nam Á. Đảng lãnh đạo nhân dân ta tiến hành các cuộc chiến tranh cứu nước và giữ nước ròng rã 30 năm, đánh thắng các kẻ thù xâm lược và làm nhiệm vụ quốc tế cao cả, cởi ách nô lệ, giải phóng giang sơn, thống nhất Tổ quốc, cả nước bước vào thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội.

Sự nghiệp 45 năm đó là cuộc cách mạng vĩ đại, góp phần làm tan rã hệ thống thuộc địa, làm phá sản chủ nghĩa thực dân cũ và thực dân mới, thúc đẩy phong trào độc lập dân tộc, hòa bình, dân chủ và tiến bộ xã hội trên thế giới. Giai cấp công nhân quốc tế, các dân tộc mới giải phóng và nhân loại yêu chuộng hòa bình yêu mến dân tộc ta xem đó là chiến công của thời đại, là lương tâm, phẩm giá, niềm tin của lớp lớp cần lao đang bị đọa đày, áp bức.

Sau thắng lợi lịch sử mùa xuân năm 1975, nhân dân ta tiếp tục nêu cao chủ nghĩa yêu nước, chủ nghĩa anh hùng cách mạng, vừa khôi phục kinh tế vừa khắc phục hậu quả nặng nề của chiến tranh xâm lược; kịp thời tổng kết rút ra được những bài học trong vận dụng quy luật xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Trong lúc nhiều nước xã hội chủ nghĩa lâm vào khủng hoảng trầm trọng, ở một số nước, đảng cộng sản và công nhân mất vai trò lãnh đạo..., các thế lực thù địch lợi dụng những sai lầm và khó khăn đó để đẩy mạnh cuộc phản kích quyết liệt nhằm xóa bỏ các nước xã hội chủ nghĩa còn lại. Tại Đại hội lần thứ VI, Đảng đã tự phê bình và đề ra đường lối đổi mới, đây lại là cột mốc lịch sử quan trọng trong sự nghiệp cách mạng của Đảng ta. Công cuộc đổi mới 15 năm qua đã mang lại những thành tựu to lớn, tuy chỉ là bước đầu nhưng rất quan trọng vì nó mở đường cho đất nước ta vượt qua cơn lốc lớn đã làm sụp đổ một loạt nước xã hội chủ nghĩa. Thắng lợi đó khẳng định con đường chúng ta đi là đúng đắn, những khó khăn, thách thức không làm chúng ta nao núng, không đi chệch con đường tiến lên chủ nghĩa xã hội mà Đảng - Bác Hồ và nhân dân ta đã lựa chọn.

Bài học quan trọng trong quá trình lãnh đạo của Đảng là sự kiên định; bám sát thực tiễn và sáng tạo để định ra đường lối chính trị đúng đắn, đồng thời rất coi trọng xây dựng và chỉnh đốn tổ chức, đào tạo, rèn luyện cán bộ; tự phê bình và phê bình, truyền thụ lý tưởng. Cuộc đấu tranh mất còn giữa nhân dân và các thế lực thù địch diễn biến rất nhanh chóng và phức tạp, đòi hỏi sự lãnh đạo của Đảng phải sắc bén, kịp thời, đủ bản lĩnh giải quyết đúng các tình huống nảy sinh, nhất là trong những bước ngoặt của cách mạng. Các bước ngoặt ấy là thử thách toàn diện, cực kỳ dữ dội về tính kiên định vững niềm tin hay dao động lý tưởng và chính trong điều kiện đó càng làm cho Đảng nhìn nhận rõ mình hơn, vừa thấy hết những ưu điểm, mà đặc biệt còn thấy sâu sắc những

khuyết điểm, nhược điểm và các vấn đề tồn tại. Đảng không chủ quan tự mãn với thành tích và cũng không né tránh khuyết điểm, dũng cảm khắc phục khuyết điểm, coi đó như tự biết rõ và cứu chữa căn bệnh hiểm nghèo đang uy hiếp mạng sống của bản thân.

Không có sự phê bình và tự phê bình chân thành và nghiêm khắc trong cuộc Hội nghị hợp nhất các nhóm cộng sản năm 1930, không ráo riết củng cố tổ chức sau khi cao trào Xôviết Nghệ - Tĩnh và Nam Kỳ khởi nghĩa thất bại, không có sự tự chỉ trích khi chuyển hướng phong trào dân chủ 1936 - 1939, những cuộc học tập nâng cao giác ngộ giai cấp và dân tộc trong kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ, Đảng ta khó lòng vượt qua và giành được thắng lợi lớn trong các bước ngoặt chiến lược, có lúc rất hiểm nghèo. Biến nhà tù thành trường học, tự phê bình và phê bình ngay trong tù, làm cho nhà tù thành nơi rèn luyện, đào tạo những thế hệ đảng viên trung thành và kiên định. Hàng trăm, hàng ngàn chi bộ phải thành lập đi thành lập lại chục lần, lớp đảng viên trước ngã xuống có lớp đảng viên sau thay thế, bí thư chi bộ đương nhiệm hy sinh thì có bí thư chi bộ mới lên thay. Cách mạng phát triển, đòi hỏi Đảng phải phát triển cả về chính trị, tư tưởng, tổ chức, trí tuệ, năng lực, phẩm chất và đạo đức để không lạc hậu với tình hình. Cho nên, 70 năm hoạt động của Đảng cũng là 70 năm xây dựng, chỉnh đốn Đảng. Xây dựng, chỉnh đốn Đảng là công cuộc có ý nghĩa sống còn đối với sự nghiệp cách mạng, sự tồn tại và phát triển của Đảng ta, luôn luôn được xác định là cơ bản, thường xuyên, then chốt và cấp bách.

Nguyễn Ái Quốc, với tầm nhìn thời đại, là người dự báo đúng chiều hướng của cuộc Chiến tranh thế giới lần thứ hai. Dưới sự chỉ dẫn của Người, Đảng ta đã sớm xây dựng và chuẩn bị lực lượng, nhận thức đúng đắn mối quan hệ giữa lực lượng và thời cơ. Khi thời cơ đến, tháng 8-1945, *dù có phải đốt cháy dãy Trường Sơn cũng phải giành cho được độc lập*. Khi đã nhân nhượng đến ranh giới cuối cùng mà kẻ thù vẫn lấn tới, gây ra chiến tranh xâm lược thì *thà hy sinh tất cả, chứ nhất định không chịu mất nước, nhất định không chịu làm nô lệ*, chủ động phát động chiến tranh nhân dân, toàn diện và lâu dài.

Ở những năm của thập kỷ 50 và 60, trong bối cảnh quốc tế phức tạp, Đảng ta đã đi đến một sự lựa chọn tuyệt vời, *vừa giữ gìn hòa bình vừa đẩy mạnh cách mạng*, vừa tiến hành cách mạng giải phóng miền Nam vừa tiến hành cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc. Sự lựa chọn đó đã đưa cách mạng nước ta đến ngày toàn thắng 30-4-1975. Khi đã có đủ điều kiện để giành lấy độc lập, thống nhất hoàn toàn, thu giang sơn về một mối thì nắm vững mục tiêu, giữ đúng nguyên tắc. Và đặc biệt, khi Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa ở Đông Âu tan rã, Đảng ta cùng với nhân dân kiên định, vững tin con đường đã lựa chọn: *Độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội*, đề ra trong Cương lĩnh năm 1991. Sự kiên định đó cũng là một trong những thành quả quan trọng nhất của công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng 70 năm qua; nó mang tính chất thời đại và là nguồn gốc vững chắc cho những thắng lợi tiếp theo.

Hiện nay, dân tộc ta cũng đứng trước một bước ngoặt chiến lược cực kỳ quan trọng. Vì vậy, nhân dân đòi hỏi cuộc

vận động xây dựng, chính đốn Đảng phải có kết quả để Đảng đủ sức gánh vác sứ mệnh lịch sử vì dân, vì nước đã định ra từ Cương lĩnh 1930 và Cương lĩnh 1991.

Thưa các đồng chí và các vị khách,

Nếu đến đầu thế kỷ XX, các nước đế quốc đã cơ bản làm xong việc chiếm đoạt thuộc địa, thì đến cuối thế kỷ này, sau những thắng lợi vẻ vang của phong trào giải phóng dân tộc, loài người đã chứng kiến sự tan rã hoàn toàn của hệ thống thuộc địa, sự phá sản của chủ nghĩa thực dân cũ và mới mà chủ nghĩa đế quốc đã lập nên dựa trên những thành tựu của khoa học - công nghệ và bằng bạo lực đầm máu man rợ, che giấu dưới trăm ngàn thứ bịp bợm.

Nhưng chủ nghĩa đế quốc vẫn tồn tại và đang tìm kế ngăn chặn sự suy sụp để duy trì cho được sự tồn tại của nó. Sau khi Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa Đông Âu tan rã, nó tiếp tục tìm mọi cách xóa bỏ hoàn toàn các nước xã hội chủ nghĩa còn lại, tiến công vào phong trào độc lập, dân chủ và tiến bộ xã hội. Vậy đứng trước sự tan rã của hệ thống thuộc địa, sự phá sản của chủ nghĩa thực dân cũ và mới đã từng nuôi sống nó, chủ nghĩa đế quốc đang tìm phương lược gì để thực hiện mục tiêu đầy tham vọng đó?

Chúng ta đều biết trong thời kỳ chủ nghĩa tư bản - chủ nghĩa đế quốc, trình độ khoa học - công nghệ phát triển cao, thì chính chủ nghĩa tư bản - chủ nghĩa đế quốc đã triệt để khai thác ưu thế khoa học và công nghệ đó để bóc lột thu những lợi nhuận khổng lồ, giàu lên nhanh chóng và phát triển, mở rộng thị trường thế giới đến mọi nơi theo ảnh

hưởng của họ. Trong lúc ấy, các nước mới giành được độc lập, trải qua những đêm dài nô lệ, đi sau đến muộn, chỉ là những nước nghèo và lạc hậu, đang cần đến vốn, mà số vốn còn lớn hơn tổng số gia tài của họ. Họ cần khoa học, công nghệ cao, kinh nghiệm quản lý, trí thức và đội ngũ công nhân lành nghề, những cái mà từ trước dưới ách thống trị của chủ nghĩa đế quốc, họ không thể nào có được. Ngay cả các nước đã phát triển và đang phát triển, sự chênh lệch về kinh tế cũng có thể đo bằng những con số chính xác. Bởi thế họ cần phải lợi dụng các yếu tố mới, các thủ đoạn mới của đối thủ mà biết rõ rằng đối thủ đó không tốt và không bình đẳng với mình.

Mục đích cũ của chủ nghĩa đế quốc vẫn nguyên vẹn, nhưng trong những điều kiện mới, trong khi không thể làm theo kiểu cách ở thế kỷ XIX, họ phải điều chỉnh, tìm phương sách mới để tồn tại và phát triển với đầy những thủ đoạn tinh vi, thâm độc.

Trong thế kỷ tới, khoa học - công nghệ sẽ có những bước phát triển nhảy vọt chưa dự lường hết. Loài người sung sướng đón nhận tin vui ấy như chào mừng ánh bình minh của thế kỷ. Mỗi bước phát triển của khoa học - công nghệ lại đem đến cho con người đời sống hạnh phúc và văn minh mới. Nhưng loài người cũng đầy lo âu, và tự chuẩn bị về chính trị cho mình khi ôn lại kinh nghiệm quá khứ. Từ khi lịch sử có giai cấp, mỗi bước văn minh lại kèm theo một bước chiến tranh và khủng hoảng. Trong lịch sử có giai cấp, khoa học - công nghệ càng phát triển thì quy mô, cường độ chiến tranh càng cao, tính chất của chiến tranh càng gay gắt và quyết liệt, khủng hoảng kinh tế càng dày hơn. Thế kỷ XIX đã thế và thế kỷ XX cũng thế.

Chiến tranh và khủng hoảng kinh tế không bắt nguồn từ bản tính con người; nghèo đói, dốt nát, lạc hậu, kỳ thị chủng tộc không phải là tội lỗi do con người và các dân tộc gây nên. Ngược lại, có nguyên nhân sâu xa và lâu đời từ áp bức giai cấp và áp bức dân tộc; khi chủ nghĩa đế quốc đi xâm chiếm thị trường, thúc đẩy tự do hóa thương mại, dịch vụ, đầu tư toàn cầu, nước giàu càng giàu thêm, khoảng cách giữa nước giàu và nước nghèo, người giàu và người nghèo càng cách xa hơn.

Không ai phủ nhận tầm quan trọng của những yếu tố mới do khoa học - công nghệ, sức sản xuất mới đem lại, nhưng đồng thời các chính khách, các học giả, nhiều nguyên thủ quốc gia lại nhận xét rằng: *Trong khi sản xuất thực phẩm cơ bản toàn thế giới đã ở mức trên 110% nhu cầu thì hàng năm 30 triệu người tiếp tục chết đói và trên 800 triệu người thiếu ăn. Trong số 6 tỷ dân của hành tinh chỉ có 500 triệu người sống sung túc, còn 5 tỷ rưỡi người vẫn sống trong thiếu thốn.*

Thế giới vẫn chưa yên ổn. Chiến tranh cục bộ, xung đột vũ trang và khủng hoảng kinh tế vẫn diễn ra và rình rập đâu đó, hòa bình có lâu dài không? Loài người còn băn khoăn về những biến động mới sau sự kiện Cômôvô.

Chính vì thế, độc lập dân tộc, chủ quyền, toàn vẹn của quốc gia, hòa bình và phát triển bình đẳng và hợp tác cùng có lợi vẫn là nguyện vọng cháy bỏng của các dân tộc, các quốc gia, nhất là các nước chậm phát triển, đang phát triển và cả một số nước đã phát triển.

Tuy vậy, giữa các nước lớn cũng đang cân giữ cái khung ổn định với nhau. Mỹ đang điều chỉnh sách lược để thực hiện những ý định toàn cầu với hình thức và nội dung mới.

Các nước đã phát triển khác đang tìm cách tăng cường thế lực để cạnh tranh đánh bại ý định thế giới một cực, thực hiện thế giới đa cực. Các nước xã hội chủ nghĩa còn lại đang điều chỉnh sách lược để tồn tại và phát triển. Các nước chậm phát triển và đang phát triển đang cần thời gian để xây dựng. Nguyên vọng bức thiết của nhân dân thế giới là hòa bình. Từ đó, trong khi tính chất cuộc đấu tranh dân tộc và giai cấp diễn ra hết sức gay gắt, quyết liệt, thì ở tầm vĩ mô, hình thái chung lại là hòa hoãn, vừa hợp tác, vừa đấu tranh để phát triển. Hình thức đấu tranh chủ yếu diễn ra có tính chất toàn cầu là kinh tế, chính trị, văn hóa, tư tưởng.

Nhưng, ở từng khu vực, ở mỗi nước, cuộc đấu tranh giữa các thế lực lại diễn ra dưới hình thức tổng hợp rất phức tạp, tùy lúc, tùy nơi nổi lên xung đột vũ trang là chính hay kinh tế, chính trị là chính.

Hình thái chung ấy, nếu không được phân tích chu đáo sẽ dẫn đến sự ngộ nhận, mơ hồ, xem hòa hoãn là bản chất, tuyệt đối hóa cạnh tranh và hợp tác kinh tế, nhấn mạnh cách mạng khoa học - công nghệ mà không thấy cách mạng xã hội.

Nhưng, nếu không thấy những đặc điểm mới so với cục diện thế giới trước đây thì lại không có chiến lược và sách lược phù hợp, không biết tập trung vào xây dựng kinh tế để vượt qua nghèo nàn, lạc hậu vừa bảo đảm có đủ sức mạnh tổng hợp vừa đề cao cảnh giác, sẵn sàng đối phó thắng lợi trước tình huống phức tạp.

Chúng ta tiếp tục sự nghiệp đổi mới, công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước theo con đường xã hội chủ nghĩa trong một bối cảnh như thế.

Thưa các đồng chí và các vị khách,

Thế kỷ XX là thế kỷ đấu tranh rất oanh liệt và chiến thắng rất vẻ vang của dân tộc ta. Đảng ta đã thực hiện được một phần sứ mệnh lịch sử của mình, thắng lợi ấy đã khẳng định hùng hồn sự đúng đắn của Cương lĩnh 1930 và Cương lĩnh 1991, của đường lối độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội.

Thế kỷ XXI là thế kỷ bảo vệ vững chắc Tổ quốc ta và xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội; tiếp tục thực hiện Cương lĩnh 1930 và 1991, sau khi đã giải phóng dân tộc thì tiến lên làm cách mạng xã hội, giải phóng con người. Để tiếp tục sứ mệnh lịch sử hàng trăm năm, chúng ta kiên định con đường đã lựa chọn, nắm vững chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh, bám sát thực tiễn của đất nước, sáng tạo, đổi mới, bổ sung, phát triển, hoàn thiện đường lối và cụ thể hóa trên từng bước đi cho tới đích cuối cùng.

Định hướng phát triển của chúng ta là chủ nghĩa xã hội. Không ngừng bồi dưỡng các nhân tố xã hội chủ nghĩa trong quá trình phát triển là mối quan tâm hàng đầu. Chúng ta tập trung vào xây dựng, lấy xây dựng kinh tế là trung tâm. Phấn đấu đến năm 2020, Tổ quốc Việt Nam thân yêu của chúng ta thoát khỏi nghèo nàn và lạc hậu, cơ bản trở thành một nước công nghiệp.

Công nghiệp hóa, hiện đại hóa, trước hết là công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp và nông thôn. Với một nền kinh tế phát triển cao dựa trên lực lượng sản xuất hiện đại và chế độ công hữu về các tư liệu sản xuất chủ yếu, phát huy mọi nguồn lực, mọi thành phần kinh tế, kinh tế nhà nước, hợp tác, hộ gia đình, trang trại, tư nhân, liên doanh với nước ngoài,

mà kinh tế nhà nước đóng vai trò chủ đạo, cùng với kinh tế hợp tác làm nền tảng, kết hợp chặt chẽ với nhau thành một thể thống nhất, hỗ trợ và thúc đẩy lẫn nhau, làm cho sức sản xuất được giải phóng luôn năng động, bảo đảm nền kinh tế tăng trưởng mạnh, cân đối và bền vững.

Đảng ta nhấn mạnh vai trò chủ đạo của kinh tế nhà nước và tập trung củng cố nó là hoàn toàn đúng đắn, để kinh tế nhà nước làm trung tâm liên kết, thúc đẩy các thành phần kinh tế cùng phát triển, giữ vững sự ổn định trong các tình huống phức tạp, từng bước củng cố nền kinh tế thị trường có sự quản lý của Nhà nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

Xóa đói, giảm nghèo là một sự nghiệp xã hội chủ nghĩa cao quý, phát huy truyền thống nhân ái, đùm bọc lẫn nhau, thúc đẩy tiến bộ đồng đều khắp cả nước. Cha ông ta đã để lại cho chúng ta nền văn minh sông Hồng vĩ đại với hàng ngàn kilômét đê điều. Noi gương cha ông, chúng ta kiên trì xây dựng và hoàn chỉnh hệ thống thủy lợi phòng chống lũ lụt, hạn hán, nhất là ở miền Trung và đồng bằng sông Cửu Long, để con người Việt Nam sinh sống và làm ăn bình yên ở những vùng thiên nhiên khắc nghiệt. Khai thác và giữ gìn biển, đảo, phát huy hết tiềm năng của đồng ruộng, đồi rừng, nâng niu và chăm sóc rừng, đồng thời bảo vệ toàn diện môi trường sống, đó là sự đảm bảo hạnh phúc lâu dài cho các thế hệ.

Tích cực phát huy nội lực, đồng thời tiếp tục mở rộng đa phương hóa, đa dạng hóa hợp tác kinh tế, buôn bán với tất cả các nước, thúc đẩy kinh tế đối ngoại phát triển, chủ động xâm nhập thị trường thế giới, thu hút vốn, khoa học - công nghệ hiện đại, học tập kinh nghiệm quản lý của các nước.

Chúng ta hiểu rằng thị trường với sự cạnh tranh quyết liệt cũng giống như chiến trường, và nói theo nghĩa đó kinh tế cũng là một mặt trận. Trên mặt trận đó, chúng ta phải đương đầu với nhiều đối thủ có nền kinh tế đã phát triển, và lực họ mạnh hơn ta. Điều ấy đòi hỏi mọi người dân, mọi doanh nghiệp phải hiểu để cùng với Nhà nước tập trung trí tuệ và phát huy sức mạnh tổng hợp của đất nước để giành thắng lợi trên mặt trận này. Chúng ta chúc các chiến sĩ đang chiến đấu trên mặt trận kinh tế, mặt trận trung tâm hiện nay, đem lòng yêu nước, khát khao vì dân giàu, nước mạnh, nhà nhà sung sướng, tích cực và bền bỉ học tập, nâng cao kiến thức để có nhiều sản phẩm mới, chất lượng cao, làm ăn có hiệu quả, giành thắng lợi từng chuyến buôn, từng mặt hàng, ở từng thời điểm, vừa cạnh tranh thành công, vừa giữ được độc lập chủ quyền. Hãy gạt đi những định kiến và những trói buộc phi lý gây trở ngại cho phát triển sản xuất kinh doanh. Nhà nước khuyến khích mọi người, mọi nhà, mọi tổ chức kinh tế, mọi doanh nghiệp, mọi sáng kiến, những nhân tố mới, dám nghĩ dám làm, không được ngăn trở, ai có tài năng, có trí tuệ, có vốn liếng thì hãy thi đua và mạnh dạn đứng ra làm giàu chính đáng, đem lợi ích cho mình và thiết thực đóng góp cho xã hội.

Sự kết hợp chặt chẽ kinh tế, xã hội, khoa học, giáo dục, văn hóa là để bổ sung cho nhau và cùng phát triển. Vấn đề trung tâm là con người, là sự nghiệp trồng người. Bồi dưỡng thể hệ cách mạng cho đời nay và đời sau là đòi hỏi cấp bách để phát huy nguồn lực trí tuệ và sức sáng tạo của con người Việt Nam, đặc biệt là thế hệ trẻ. Phải có những biện pháp

đặc biệt phát hiện và trọng dụng hiền tài, tất cả những tài năng và những sáng tạo phải được sử dụng và phát huy. Đảng, Nhà nước, nhân dân ta luôn luôn coi giáo dục - đào tạo, phát triển khoa học - công nghệ là quốc sách hàng đầu. Chúng ta phải bền bỉ và nghiêm túc thực hiện có hiệu quả quốc sách đó.

Nước ta có nền văn hiến lâu đời. Xây dựng và bảo vệ nền văn hóa đậm đà bản sắc dân tộc và không ngừng thu hút tinh hoa văn hóa nhân loại là một nhiệm vụ phải làm thường xuyên. Đất nước đòi hỏi phải có được những tác phẩm văn học, nghệ thuật làm lay động lòng người, ghi dấu không phai mờ những chặng đường hào hùng đã qua và hôm nay. Qua đó các thế hệ Việt Nam soi mình, tự thức tỉnh để sống cao đẹp, xứng đáng với sự nghiệp mới của dân tộc. Không gì thay thế được những tác phẩm ấy trong tương lai, cũng như không gì có thể thay thế được Trống Đồng, *Bình Ngô đại cáo* và *Truyện Kiều* khi nói về mấy ngàn năm văn hiến của đất nước. Kiên quyết chống mọi xu hướng vọng ngoại, lai căng, làm mất bản sắc dân tộc, cũng chính là bảo vệ và xây dựng Tổ quốc, bảo vệ và xây dựng con người Việt Nam, bản lĩnh và nhân cách Việt Nam.

Dân cường thì nước thịnh. Tính ưu việt của chủ nghĩa xã hội biểu hiện rõ nét trong sự nghiệp chăm sóc và bồi dưỡng sức khỏe cho con người Việt Nam. Cùng với phong trào toàn dân rèn luyện thân thể, chúng ta chào mừng những kỷ lục đã đạt được và chờ đón những kỷ lục mới của các nhà thể thao Việt Nam làm rạng rỡ cho Tổ quốc. Dân tộc ta, nòi giống ta phải là một dân tộc, một nòi giống cường tráng.

Tổ quốc đòi hỏi quân đội nhân dân tranh thủ thời gian có lợi hiện nay để xây dựng và học tập, nâng cao bản chất cách mạng, trình độ chính quy, hiện đại, sẵn sàng chiến đấu. Tranh thủ thời gian xây dựng, học tập là chủ động về chiến lược. Lo giữ nước từ lúc nước chưa nguy. Bộ đội Cụ Hồ - quân hùng - nước mạnh!

Công nghiệp hóa, hiện đại hóa để xây dựng chủ nghĩa xã hội thắng lợi và bảo vệ vững chắc Tổ quốc là một sự nghiệp vĩ đại, sự nghiệp của muôn dân, sự nghiệp của đại đoàn kết toàn dân, đại đoàn kết 54 dân tộc anh em trong cả nước. Từ thời đại các Vua Hùng đến thời đại Hồ Chí Minh, đặc điểm quý báu nhất của khối đại đoàn kết dân tộc của chúng ta là tỏa khắp non sông mà quy về một mối, dựa trên một nền, xoay quanh một trục. Hễ là người Việt Nam, ai cũng có lòng yêu nước, đều là con cháu Lạc Hồng. Kể từ ngày 30-4-1975 đến nay đã 25 năm, một thế hệ mới đã ra đời. Đảng Cộng sản Việt Nam, với trách nhiệm lịch sử của mình nguyện đoàn kết với tất cả mọi người Việt Nam, không phân biệt tầng lớp, giàu nghèo, lương giáo, dân tộc đa số hay thiểu số, đang ở trong nước hay hiện sống ở nước ngoài, dù nguồn gốc xuất xứ trước đây như thế nào, miễn có lòng yêu nước thương nòi và đem tấm lòng yêu nước thương nòi đó cùng nhau xây đắp non sông, vì nghĩa đồng bào, dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh, Tổ quốc trường tồn, giang sơn bền vững, gia đình đoàn tụ, sum họp thái bình. Đảng ta đánh giá cao vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam. Đại đoàn kết dân tộc là lâu dài, mãi mãi, ngày càng mở rộng, ngày càng gắn bó.

Suy cho cùng, chúng ta chiến đấu ròng rã ba phần tư thế kỷ là để đập tan bằng được chính quyền thống trị của đế quốc, phong kiến, giành chính quyền về tay nhân dân và giữ vững chính quyền ấy, để thực hiện quyền làm chủ của nhân dân, vâng lệnh nhân dân để lo cho dân và quản lý đất nước. Mọi chủ trương, chính sách lớn nhỏ cho đến việc xử trí hàng ngày, tuyệt đối phải vì lợi ích của dân, xuất phát từ nguyện vọng và yêu cầu của đời sống nhân dân. Cán bộ, đảng viên không phải là những kẻ quan liêu, hống hách đứng trên đầu nhân dân mà là công bộc của dân. Trước đây, khí phách yêu nước là sống đánh giặc, sẵn sàng xả thân khi Tổ quốc cần đến. Ngày nay, ý chí ấy là đêm ngày một nỗi lo cho dân và tìm thấy hạnh phúc thật sự ở tấm lòng đẹp đẽ đó.

Đương nhiên, cán bộ chính quyền phải giỏi hành chính và quản lý hành chính và phải biết làm công tác dân vận, đi sát và lắng nghe nhân dân. Căn cứ vào thực tiễn mà kiểm tra và điều chỉnh chủ trương, chính sách. Người dân đến với chính quyền không phải là đến cửa quan mà đến nơi tin cậy để được pháp luật bảo vệ, chăm lo quyền lợi, phát huy nghĩa vụ, được lắng nghe, được giải quyết nhanh gọn các yêu cầu chính đáng. Ăn của dứt lốt là một tội ác. Chỉ có gột rửa đầu óc “làm quan cách mạng”, lợi dụng đục khoét, những nhiễu, hách dịch, đã là của công thì tha hồ xài phí thì mới có thể tôn vinh nhân dân, mọi quyền hành, mọi lực lượng đều ở nơi dân. Vì vậy, xây dựng, chỉnh đốn Đảng là cốt để khẩn trương xây dựng, chỉnh đốn bộ máy nhà nước trong sạch và vững mạnh, đủ sức làm tròn nhiệm vụ ngày càng quan trọng trong thời kỳ mới.

Xây dựng cho được đời sống dân chủ từ làng xã, phố phường lên đến cả nước. Thực hành đúng quy chế dân chủ ở cơ sở,

dân được biết, được nói, được bàn, được kiểm tra, giám sát, được lựa chọn và bãi nhiệm đại biểu do mình bầu ra. Dân xã, phường ta bàn việc xã, phường ta. Dân cả nước bàn việc của nước. Được vậy thì sắc khí và sự hồ hởi sẽ khác hẳn, bộ máy nhà nước sẽ năng động. Trong Đảng phải thực hành dân chủ rộng rãi, có dân chủ trong Đảng thì mới có dân chủ ngoài xã hội.

Quốc gia có luật thì toàn Đảng, toàn dân, toàn quân phải sống theo luật. Muốn đất nước có kỷ cương thì phải giữ nghiêm phép nước. Có giữ nghiêm phép nước thì thể nước mới vững chãi. Cuộc sống hạnh phúc của nhân dân đòi hỏi lực lượng công an nhân dân chủ động bảo vệ sự bình yên, giữ vững ổn định chính trị và an toàn xã hội. Ngành tư pháp được nhân dân giao cho trọng trách cầm cân nảy mực, phải chính trực công minh, xử đúng luật, không để lọt kẻ có tội, không xử oan lương dân, tập trung giải quyết gọn đơn thư khiếu tố.

Thưa các đồng chí và các vị khách,

Dân tộc ta là dân tộc hòa hiếu, muốn tắt muôn đời chiến tranh. Chúng ta đã long trọng tuyên bố với thế giới: *Việt Nam muốn là bạn với tất cả các dân tộc, tất cả các quốc gia vì hòa bình, độc lập và phát triển.*

Con sông không vụ dài hay ngắn, quả núi không vụ cao hay thấp, miễn là nó có tên. Với cái lẽ bình thường ấy, chúng ta tôn trọng và quý mến mọi dân tộc, dù nhỏ hay lớn, giàu hay nghèo, mạnh hay yếu. Không có dân tộc nào là thượng đẳng, dân tộc nào là hạ đẳng. Các dân tộc đã chiến thắng thiên nhiên, chiến thắng kẻ xâm lược, tồn tại cho đến ngày nay đều vĩ đại. Chúng ta tôn trọng quyền lựa chọn của các dân tộc, tôn trọng độc lập chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ của

các quốc gia, không can thiệp vào công việc nội bộ của các nước. Mỗi nước có chế độ và cách thức xây dựng xã hội theo những đặc điểm, phương cách riêng, cho nên các nước cùng nhau song song tồn tại, chung sống hòa bình. Mọi vấn đề quốc tế hiện nay đều có thể giải quyết bằng thương lượng. Một dân tộc chân chính đồng nghĩa với một dân tộc độc lập tự chủ. Vì vậy, chúng ta đòi hỏi phải tôn trọng nền độc lập, toàn vẹn lãnh thổ, chế độ xã hội chủ nghĩa và đường lối độc lập tự chủ mà chúng ta đã lựa chọn.

Thế kỷ XIX đã lùi xa về quá khứ. Thế kỷ XX sắp đi qua. Chúng ta không chấp nhận sự bất bình đẳng giữa các dân tộc, không chấp nhận bá quyền chính trị, siêu cường duy nhất. Cộng đồng thế giới phải là một cộng đồng dân chủ, các quốc gia đều có quyền lợi và nghĩa vụ như nhau. Chúng ta phản đối sự áp đặt giá trị của dân tộc này lên dân tộc khác, phản đối chiến tranh xâm lược, mong muốn loại bỏ chiến tranh lẫn nguồn gốc của nó ra khỏi đời sống loài người.

Chúng ta chia sẻ niềm vui và nỗi lo đối với các nước chậm phát triển và đang phát triển đã từng cùng chung số phận nô lệ như chúng ta trước đây, đang đấu tranh chống sự can thiệp và áp đặt.

Thủy chung với tình bạn, Việt Nam không bao giờ quên công ơn của các đảng cộng sản và công nhân, giai cấp công nhân quốc tế, các dân tộc đã từng bị chủ nghĩa đế quốc áp bức, bóc lột và nhân loại yêu chuộng hòa bình, phong trào hòa bình thế giới, phong trào Không liên kết, các nhân sĩ, trí thức, các nhà hoạt động vì hòa bình và dân chủ, những con người vĩ đại như vợ chồng Luật sư Lôđôbai, Raymông Đienđơ,

Hăngri Máctanh, Môrixơn... đã từng cổ vũ, giúp đỡ Việt Nam đứng dậy và chiến thắng. Tình đoàn kết rộng lớn ấy đã là sức mạnh, sẽ mãi mãi là sức mạnh của chúng ta.

Thưa các đồng chí và các vị khách,

Giai cấp công nhân và Tổ quốc Việt Nam đã sinh ra Đảng ta, nhân dân đã nuôi nấng và bảo vệ Đảng trong những hoàn cảnh hiểm nghèo. Bao nhiêu lời nói biết ơn đối với công sinh thành ấy cũng không đủ. Qua 70 năm chiến đấu, Đảng đã lãnh đạo cách mạng Việt Nam đi từ thắng lợi này đến thắng lợi khác, song Đảng cũng vấp phải sai lầm và khuyết điểm. Nhờ nhân dân và vì nhân dân, Đảng sửa chữa được sai lầm và khuyết điểm. Đảng chân thành xin lỗi nhân dân. Nhưng không có lời xin lỗi nào nghiêm túc hơn là nhận cho rõ những khuyết điểm, trung thực tự phê bình, thẳng thắn phê bình và kiên quyết sửa chữa, trau dồi bản chất cách mạng làm cho Đảng thực sự trong sạch, vững mạnh, mãi mãi xứng đáng là đội tiên phong của giai cấp công nhân để làm tròn trách nhiệm trước dân tộc trong thế kỷ XXI.

Ban Chấp hành Trung ương Đảng xin hứa với nhân dân và Tổ quốc như thế và yêu cầu các đảng bộ, mọi đảng viên cũng đều như thế.

Đồng bào và chiến sĩ cả nước,

Trong giờ phút trang nghiêm tưởng nhớ biết bao anh hùng liệt sĩ đã hy sinh, chúng ta như đang nghe văng vẳng tiếng Trống Đồng ngàn xưa vọng lại. Tiếng Trống Đồng thiêng liêng ấy đã âm vang trong hào khí dựng nước và giữ nước. Toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta mãi mãi ghi nhớ và nguyện làm đúng những lời Bác Hồ và cha ông căn dặn: “*Các Vua Hùng*

đã có công dựng nước, Bác cháu ta phải cùng nhau giữ lấy nước". "Xây dựng đất nước ta đang hoàng hôn, to đẹp hơn". "Thái bình nên gắng sức, non nước vững ngàn thu".

Đất nước ta là đất nước Vạn Xuân. Độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội là mùa xuân của dân tộc. Đảng ta sinh ra trong mùa xuân, xông pha từ 70 năm nay, người trước ngã người sau tiến lên, tre già măng mọc, cha truyền con nối, luôn luôn dồi dào sức trẻ, dồi dào sức xuân. Độc lập dân tộc nhất định bền vững. Chủ nghĩa xã hội nhất định thành công. Đảng Cộng sản Việt Nam mãi mãi vì dân, vì nước, thủy chung với bè bạn.

Tổ quốc Việt Nam muôn năm!

Đảng Cộng sản Việt Nam quang vinh muôn năm!

Đoàn kết, đoàn kết, đại đoàn kết, thành công, thành công, đại thành công!

Chủ tịch Hồ Chí Minh vĩ đại sống mãi trong sự nghiệp cách mạng của Đảng ta và nhân dân ta!

Lê Khả Phiêu: *Tuyển tập (1999 - 2000)*,

Sđd, t.2, tr. 240-261.

THÔNG CÁO CHUNG VIỆT NAM - ITALIA

Rôma, ngày 29 tháng 5 năm 2000

Nhân chuyến thăm chính thức của Tổng Bí thư Lê Khả Phiêu tại Italia, hai bên đã ra thông cáo chung. Toàn văn như sau:

1. Nhận lời mời của Tổng thống Italia Căclô Adêliô Xiampi, Tổng Bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam Lê Khả Phiêu đã thăm chính thức Italia từ ngày 26 đến ngày 29-5-2000.

Tổng thống Căclô Adêliô Xiampi nồng nhiệt chào đón Tổng Bí thư Lê Khả Phiêu và Đoàn đại biểu cấp cao Việt Nam, khẳng định mối quan hệ hữu nghị và hợp tác truyền thống giữa hai quốc gia và nhân dân hai nước.

2. Tổng Bí thư Lê Khả Phiêu đã hội đàm với Tổng thống Căclô Adêliô Xiampi và với Thủ tướng Giulianô Amatô; hội kiến với Chủ tịch Thượng viện Nicôla Mansinô; tiếp xúc với đại diện các chính đảng và giới doanh nghiệp của Italia; thăm thủ đô Rôma, thành phố Milanô và vùng Lômbăcđia.

3. Các cuộc hội đàm và hội kiến đã diễn ra trong bầu không khí hữu nghị và cởi mở, trên tinh thần hiểu biết và tôn trọng lẫn nhau. Tổng thống Căclô Adêliô Xiampi, Thủ tướng Giulianô Amatô, Chủ tịch Thượng viện, các vị lãnh đạo các

chính đảng của Italia đánh giá cao những thành tựu quan trọng mà Việt Nam giành được kể từ khi kết thúc cuộc đấu tranh giành độc lập dân tộc, thống nhất đất nước cũng như quá trình đổi mới mà Đảng Cộng sản và Chính phủ Việt Nam đang tiến hành nhằm xây dựng và phát triển đất nước; đánh giá cao những chính sách của Việt Nam nhằm phát triển một cách bình đẳng tất cả các thành phần kinh tế, bao gồm kinh tế nhà nước, hợp tác xã, gia đình, tư nhân và kinh tế hỗn hợp với các đối tác nước ngoài, mở ra triển vọng hợp tác kinh tế mới giữa Việt Nam và Italia; đánh giá cao vai trò ngày càng tăng của Việt Nam trong cộng đồng quốc tế, những đóng góp tích cực của Việt Nam vì hòa bình, ổn định và hợp tác quốc tế, đặc biệt là thông qua sự tham gia ngày càng tăng của Việt Nam trong ASEAN.

Tổng Bí thư Lê Khả Phiêu đã cảm ơn tình đoàn kết, hữu nghị và sự ủng hộ quý báu mà Italia đã dành cho Việt Nam trong cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc trước đây cũng như sự giúp đỡ mà Chính phủ Italia dành cho Việt Nam trong việc khôi phục và phát triển đất nước; khẳng định Việt Nam đánh giá cao vai trò và những đóng góp tích cực của Italia đối với quá trình xây dựng và củng cố Liên minh châu Âu. Việt Nam ủng hộ định hướng của Italia về một chính sách đối ngoại nhằm góp phần kiến tạo một môi trường quốc tế hòa bình, ổn định, công bằng, quan tâm đến sự tôn trọng bản sắc mỗi quốc gia và phát triển phẩm giá con người trên tinh thần hợp tác và tương trợ lẫn nhau.

4. Hai bên nhất trí tăng cường và phát triển hơn nữa quan hệ hợp tác Việt Nam - Italia trong các lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hóa, khoa học - kỹ thuật, y tế, giáo dục và

đào tạo, nhằm đưa quan hệ hai nước lên một tầm cao mới tương xứng tiềm năng của mỗi nước, vì hòa bình, ổn định và phát triển trong khu vực và trên thế giới.

Nhằm mục đích này, hai bên nhất trí tiến hành hợp tác trong năm nay các ủy ban hỗn hợp được quy định trong các Hiệp định song phương trên các lĩnh vực kinh tế, khoa học và viện trợ phát triển và hợp Nhóm công tác về các xí nghiệp vừa và nhỏ. Hai bên sẽ cố gắng duy trì họp định kỳ các ủy ban hỗn hợp và Nhóm công tác này.

5. Nhân chuyến thăm chính thức này, các thành viên trong Đoàn cấp cao Việt Nam đã có nhiều cuộc tiếp xúc và làm việc với các đồng sự Italia ở cấp Bộ trưởng, Thứ trưởng, Chủ tịch Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc các doanh nghiệp lớn, nhằm tìm kiếm các biện pháp thúc đẩy quan hệ hữu nghị và hợp tác giữa hai nước. Đại diện của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và của Công ty Bảo lãnh Ngoại thương Italia (SACE) đã có các cuộc tiếp xúc để xem xét các biện pháp thích hợp nhằm phát triển các quan hệ kinh tế, thương mại giữa hai nước trong tương lai. Hai bên cũng đã trao đổi ý kiến về những dự án hợp tác lớn Việt Nam - Italia, nhất là trên các lĩnh vực năng lượng, giao thông vận tải, hàng không, dịch vụ tài chính và ngân hàng, nhằm thúc đẩy hơn nữa sự có mặt của công nghệ và đầu tư của Italia tại Việt Nam.

6. Hai bên ghi nhận đà phát triển mới trong lĩnh vực hợp tác viện trợ phát triển. Hai bên hài lòng nhận thấy kể từ sau khi ký Bản thỏa thuận Ghi nhớ năm 1997, bốn dự án đã được các cơ quan có thẩm quyền của Italia đồng ý tài trợ về nguyên tắc bằng tín dụng ưu đãi với tổng số vốn khoảng 27 tỷ lìa. Các dự án này bao gồm việc hỗ trợ hệ thống y tế quốc gia,

cảnh báo lũ, cung cấp và phân phối nước sạch cho Việt Nam. Hiện nay, hai bên đang tiến hành các thủ tục lựa chọn các doanh nghiệp tham gia thực hiện các dự án này.

Các cơ quan chức năng có thẩm quyền của Italia đang tiếp tục xem xét các dự án tiếp theo được tài trợ bằng nguồn tín dụng ưu đãi. Trong số các dự án thuộc lĩnh vực này, hai bên nhấn mạnh tầm quan trọng của việc xây dựng tại Hà Nội một viện điều trị bệnh tim cho trẻ em. Hai bên sẽ cố gắng bảo đảm các điều kiện cần thiết để dự án này nhanh chóng được thông qua trên cơ sở tôn trọng các yêu cầu của mỗi bên. Nhằm mục đích này, phía Italia sẵn sàng cử một nhóm công tác sang Hà Nội trong thời gian sớm nhất.

7. Hai bên ghi nhận sự hợp tác phát triển tốt đẹp trong lĩnh vực khoa học. Phía Việt Nam bày tỏ cảm ơn đối với những công việc quan trọng mà Quỹ Lerixi thuộc Trường đại học Bách khoa Milanô đang tiến hành với sự giúp đỡ của Chính phủ Italia cùng với sự phối hợp của các cơ quan văn hóa có thẩm quyền của Việt Nam và của UNESCO nhằm trùng tu lại khu bảo tồn văn hóa Mỹ Sơn, một bộ phận quan trọng của di sản văn hóa Việt Nam. Phía Italia tuyên bố sẵn sàng xem xét khả năng tài trợ cho việc trùng tu lại một trong các tháp của khu bảo tồn.

Hai bên quan tâm xem xét khả năng xây dựng một kế hoạch phát triển khu vực Đà Nẵng - Mỹ Sơn - Hội An mà Chính phủ Việt Nam dự định xây dựng thành một trọng điểm phát triển kinh tế của đất nước. Trong khuôn khổ đó, phía Italia sẽ xem xét khả năng đóng góp vào việc xây dựng kế hoạch trên. Phía Italia dự kiến tài trợ một khoản tài chính mới giúp Trường đại học Quốc gia Hà Nội và

Trường đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh tổ chức các lớp dạy tiếng Italia và khẳng định tiếp tục cử giảng viên tiếng Italia sang giảng dạy tại Trường đại học Quốc gia Hà Nội. Phía Việt Nam bày tỏ hài lòng về quyết định trên của phía Italia vì quyết định đó phù hợp nguyện vọng của hai trường.

8. Hai bên khẳng định ủng hộ vai trò của Liên hợp quốc trong tất cả các lĩnh vực hoạt động được ghi trong Hiến chương của tổ chức này. Hai bên tiếp tục phát triển hợp tác trong khuôn khổ của Liên hợp quốc cũng như trong khuôn khổ song phương thông qua các đại diện của mình trong các thể chế đa phương khác nhau. Italia và Việt Nam nhất trí rằng mọi cải cách của Liên hợp quốc đều phải xuất phát từ các nguyên tắc cơ bản về tính hiệu quả, tính dân chủ, tính đại diện và tính công khai.

9. Hai bên chia sẻ những nhận thức chung về các vấn đề khu vực cùng quan tâm. Hai bên cho rằng giữ gìn và củng cố hòa bình, ổn định ở khu vực cũng như trên thế giới, xây dựng một trật tự thế giới công bằng là phù hợp nguyện vọng và lợi ích căn bản của mọi quốc gia và mọi dân tộc trên thế giới. Hai bên cho rằng mọi tranh chấp hoặc xung đột phải được giải quyết thông qua thương lượng hòa bình trên cơ sở tôn trọng độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ của mọi quốc gia, quyền tự quyết của các dân tộc, tôn trọng luật pháp quốc tế và Hiến chương Liên hợp quốc. Hai bên ủng hộ mọi nỗ lực nhằm bảo đảm quyền phát triển của mọi quốc gia và dân tộc, đặc biệt là các quốc gia và dân tộc có kinh tế chậm phát triển và bảo vệ không gian sinh tồn của con người.

Hai bên thỏa thuận tiếp tục tăng cường hợp tác song phương về chính trị thông qua việc tham khảo thường

xuyên ý kiến của nhau ở cấp chính phủ cũng như giữa các quan chức cấp cao.

10. Hai bên đánh giá cao kết quả rất tốt đẹp của chuyến thăm hữu nghị chính thức Italia của Tổng Bí thư Đảng Cộng sản Việt Nam Lê Khả Phiêu, coi đây là một sự kiện trọng đại mở ra một thời kỳ phát triển mới cho quan hệ hữu nghị và hợp tác giữa hai Nhà nước và nhân dân hai nước Việt Nam và Italia.

Tổng Bí thư Lê Khả Phiêu đã chân thành cảm ơn Tổng thống Căclô Adêliô Xiampi, các vị đứng đầu Chính phủ, Thượng viện, các chính đảng và nhân dân Italia về sự đón tiếp trọng thị và hữu nghị đã dành cho Tổng Bí thư và Đoàn đại biểu cấp cao Việt Nam trong suốt chuyến thăm Italia.

Tổng Bí thư Lê Khả Phiêu đã mời Tổng thống Căclô Adêliô Xiampi và Thủ tướng Giulianô Amatô thăm Việt Nam. Tổng thống Căclô Adêliô Xiampi và Thủ tướng Giulianô Amatô đã nhận lời.

Báo *Nhân dân*, số 16394,
ngày 30-5-2000.

DIỄN VĂN
CỦA CHỦ TỊCH NƯỚC TRẦN ĐỨC LƯƠNG
TẠI LỄ KỶ NIỆM 55 NĂM
CÁCH MẠNG THÁNG TÁM VÀ QUỐC KHÁNH 2-9

*Thưa đồng bào, đồng chí và chiến sĩ cả nước,
 Thưa các đồng chí lãnh đạo Đảng, Nhà nước,
 Mặt trận Tổ quốc, các bậc lão thành cách mạng,
 Thưa các vị khách quý,*

Hôm nay nhân dân Việt Nam tổ chức trọng thể lễ kỷ niệm 55 năm Cách mạng Tháng Tám và Quốc khánh 2-9. Chúng ta vô cùng xúc động nhớ lại khí thế sôi sục cách mạng của cả nước trong những ngày Tổng khởi nghĩa Tháng Tám và ngày 2-9-1945, tại Quảng trường Ba Đình lịch sử này, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã long trọng đọc *Tuyên ngôn độc lập* khai sinh nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa nay là nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Dưới sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng Cộng sản Việt Nam do Chủ tịch Hồ Chí Minh sáng lập và lãnh đạo, nhân dân Việt Nam đã nhất tề vùng lên, xóa bỏ gông xiềng nô lệ, giành độc lập tự do, vươn lên làm chủ vận mệnh của mình. Cách mạng Tháng Tám đã đập tan ách thống trị thực dân tàn bạo,

xóa bỏ chế độ phong kiến lỗi thời, lập nên chế độ cộng hòa dân chủ nhân dân, Nhà nước công nông đầu tiên ở Đông Nam châu Á.

Để bảo vệ nền độc lập, tự do của Tổ quốc, trong 55 năm qua, có đến 30 năm nhân dân Việt Nam phải tiến hành hai cuộc kháng chiến trường kỳ và giành thắng lợi vẻ vang. Đó là những chiến thắng vĩ đại của dân tộc ta trong thế kỷ XX chống lại các thế lực đế quốc thực dân xâm lược hung bạo có vũ khí tối tân, có sức mạnh vật chất hơn ta nhiều lần. Nhân dân Việt Nam có vinh dự góp phần quan trọng cùng các dân tộc bị áp bức trên thế giới làm sụp đổ hệ thống thuộc địa chủ nghĩa thực dân cũ và đấu tranh chống lại các thủ đoạn áp bức, bóc lột của chủ nghĩa thực dân mới trên thế giới.

Từ sau ngày 30-4-1975, nhân dân Việt Nam thực hiện nhiệm vụ xây dựng bảo vệ Tổ quốc trên phạm vi cả nước đã được hoàn toàn thống nhất. Trong bối cảnh đó có nhiều khó khăn to lớn, Đảng, Nhà nước và nhân dân ta tiếp tục tỏ rõ bản lĩnh kiên cường, vững vàng, sáng tạo, ra sức hàn gắn vết thương chiến tranh vượt qua mọi thử thách, tạo được những tiền đề quan trọng cho sự nghiệp đổi mới toàn diện trong giai đoạn tiếp theo.

Sự nghiệp đổi mới do Đảng Cộng sản Việt Nam phát động từ Đại hội VI (1986) và Cương lĩnh 1991 đã đưa đất nước ta ra khỏi khủng hoảng kinh tế - xã hội, mở ra thời kỳ phát triển mới rất đáng tự hào. Nền kinh tế có tốc độ tăng trưởng tương đối nhanh và phát triển toàn diện; đời sống vật chất tinh thần của nhân dân được cải thiện rõ rệt, bộ mặt đất nước đang đổi thay từng ngày. Những thành tựu có ý nghĩa rất quan trọng trong sự nghiệp đổi mới đã tạo dựng được

những điều kiện và cơ sở vật chất kỹ thuật cần thiết, đưa đất nước tiến vào thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, từng bước đi lên chủ nghĩa xã hội.

Thưa đồng bào, đồng chí,

55 năm qua, cách mạng nước ta đã trải qua nhiều thời kỳ có bối cảnh quốc tế và trong nước khác nhau, nhiệm vụ cụ thể và sách lược cách mạng trong từng thời kỳ có sự vận dụng linh hoạt, song mục tiêu chiến lược của sự nghiệp cách mạng của nước ta là nhất quán. Đó là: độc lập cho dân tộc thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ cho đất nước; tự do, dân chủ ấm no hạnh phúc cho nhân dân; công bằng văn minh, đoàn kết, nhân ái cho xã hội; Việt Nam muốn làm bạn của tất cả các nước, các dân tộc trên thế giới vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội. Đó chính là con đường độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội.

Tiếp tục sự nghiệp đổi mới đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước thực hiện thắng lợi mục tiêu “dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh”, bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa là nhiệm vụ chiến lược của Đảng, Nhà nước và nhân dân ta trong thế kỷ XXI sắp tới.

Phát triển kinh tế luôn là nhiệm vụ trung tâm. Chúng ta phải chiến thắng bằng được tình trạng nghèo nàn lạc hậu. Dân tộc ta có vị trí xứng đáng trong cộng đồng quốc tế, nếu trong quá trình phát triển chúng ta phát huy cao độ nội lực tổng hợp của đất nước, trước hết là trí tuệ và năng lực con người, coi việc phát triển sự nghiệp giáo dục đào tạo, khoa học và công nghệ là quốc sách hàng đầu, giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc, tiếp thu có chọn lọc tinh hoa văn hóa nhân loại.

Đất nước muốn phát triển, đòi hỏi chính trị phải ổn định, xã hội phải lành mạnh, quốc phòng, an ninh phải vững chắc, mọi người sống và làm việc theo pháp luật.

Bản chất chế độ ta và yêu cầu mới của sự phát triển đất nước, đòi hỏi phải tiếp tục xây dựng và hoàn thiện nhà nước xã hội chủ nghĩa, công cụ chủ yếu để thực hiện quyền làm chủ của nhân dân dưới sự lãnh đạo của Đảng. Phải kiên quyết đấu tranh đẩy lùi tệ quan liêu và nạn tham nhũng, chống lãng phí, thực hành tiết kiệm, tiến hành ráo riết cuộc cải cách hành chính ở tất cả các cấp. Đảng ta coi xây dựng, chỉnh đốn Đảng gắn liền với kiện toàn hệ thống chính trị là nhiệm vụ then chốt để đủ sức lãnh đạo toàn dân thực hiện thắng lợi các mục tiêu chiến lược của cách mạng trong thời kỳ mới.

*Thưa đồng bào, đồng chí và chiến sĩ cả nước,
Thưa các vị khách quý,*

Trong ngày lễ trọng thể hôm nay, chúng ta vô cùng xúc động tưởng nhớ Chủ tịch Hồ Chí Minh, vị lãnh tụ thiên tài, anh hùng dân tộc, danh nhân văn hóa thế giới; tưởng nhớ các vị lãnh đạo tiền bối của Đảng, của dân tộc, tưởng nhớ hàng triệu đồng bào, chiến sĩ đã anh dũng hy sinh cho độc lập, tự do của Tổ quốc; chúng ta bày tỏ lòng biết ơn sâu sắc đến các Bà mẹ Việt Nam Anh hùng, các đồng chí lão thành cách mạng, các đồng chí thương binh, bệnh binh, gia đình liệt sĩ và các gia đình có công với nước, các cựu chiến binh đã cống hiến quên mình cho sự nghiệp cách mạng vẻ vang của dân tộc.

Thắng lợi của sự nghiệp cách mạng 55 năm qua là thắng lợi của khối đại đoàn kết toàn dân mà nòng cốt là liên minh công nông và trí thức dưới sự lãnh đạo của Đảng. Nêu cao

truyền thống tốt đẹp đó, đồng bào ta dù trong nước hay ở nước ngoài, vì đất nước phồn vinh, dân tộc phú cường, giang sơn bền vững, hãy phát huy truyền thống yêu nước, ý chí tự cường và lòng tự hào dân tộc, đem sức mạnh vô địch của khối đại đoàn kết toàn dân tiến vào thế kỷ XXI.

Những thành tựu vĩ đại của dân tộc ta hơn nửa thế kỷ qua, còn là thắng lợi của tình hữu nghị và đoàn kết quốc tế. Tại buổi lễ trọng thể này, chúng ta bày tỏ lòng biết ơn chân thành đến Chính phủ và nhân dân các nước xã hội chủ nghĩa trước đây và hiện nay, các nước bạn bè truyền thống, các nước láng giềng, biết ơn các phong trào quốc tế đoàn kết với nhân dân Việt Nam và bầu bạn khắp năm châu đã hết lòng ủng hộ và giúp đỡ nhân dân ta trong sự nghiệp đấu tranh giành độc lập dân tộc và tái thiết đất nước. Chúng ta cảm ơn các tổ chức quốc tế đang dành cho nhân dân Việt Nam sự giúp đỡ quan trọng trong sự nghiệp đổi mới, xây dựng và phát triển đất nước hiện nay.

Thưa đồng bào, đồng chí,

Kết thúc thế kỷ XX, nhìn lại chặng đường 55 năm đầy biến động và thử thách, nhân dân ta rất đỗi tự hào về những thắng lợi và thành tựu vẻ vang của dân tộc. Đất nước ta từ một nước thuộc địa nửa phong kiến đã trở thành một quốc gia độc lập, tự do, có vị thế và uy tín trên trường quốc tế. Ngày nay, cộng đồng thế giới biết đến Việt Nam không chỉ là một dân tộc dũng cảm, có tinh thần độc lập, tự chủ, ý chí kiên cường, bất khuất chống giặc ngoại xâm mà còn là một dân tộc có bản lĩnh vững vàng, có ý chí vươn lên mạnh mẽ trong xây dựng cuộc sống mới ấm no, hạnh phúc, xây dựng đất nước phát triển phồn vinh.

Thế nước đang lên, nhân dân ta tự tin bước vào thế kỷ mới. Con đường của dân tộc đang đi là đúng đắn. Tương lai đất nước là tốt đẹp. Cả nước một lòng, chúng ta nhất định thắng lợi.

Tinh thần Cách mạng Tháng Tám và Quốc khánh 2-9 muôn năm!

Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam muôn năm!

Đảng Cộng sản Việt Nam quang vinh muôn năm!

Chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh bất diệt!

Chủ tịch Hồ Chí Minh vĩ đại sống mãi trong sự nghiệp của chúng ta!

Báo *Nhân dân*, số 16490,
ngày 3-9-2000.

PHÁT BIỂU
CỦA TỔNG BÍ THƯ LÊ KHẢ PHIÊU
TẠI ĐẠI HỘI ĐẢNG BỘ QUÂN ĐỘI LẦN THỨ VII
Ngày 3 tháng 12 năm 2000

Thưa các đồng chí Cố vấn,
Thưa các đồng chí đại biểu,
Thưa Đại hội,

Quân đội ta từ ngày thành lập cho đến nay, luôn luôn đặt dưới sự lãnh đạo trực tiếp, tuyệt đối về mọi mặt của Đảng. Sự lãnh đạo tuyệt đối, trực tiếp về mọi mặt của Đảng đối với quân đội ta là nhân tố quyết định bảo đảm quân đội làm tròn sứ mệnh trước Tổ quốc và nhân dân.

Đến dự với Đại hội chúng ta hôm nay có các đồng chí Cố vấn Đỗ Mười, Lê Đức Anh, Võ Văn Kiệt, đồng chí Chủ tịch nước Trần Đức Lương, đồng chí Thủ tướng Phan Văn Khải, một số đồng chí Ủy viên Bộ Chính trị, Ủy viên Trung ương Đảng, đồng chí Đại tướng Võ Nguyên Giáp, Đại tướng Văn Tiến Dũng, Đại tướng Chu Huy Mân, Đại tướng Nguyễn Quyết, Thượng tướng Song Hào và các vị tướng lĩnh đã từng lãnh đạo, chỉ huy quân đội ta trong các thời kỳ lịch sử. Điều đó chứng tỏ sự quan tâm của Đảng đối với quân đội và cũng

là sự xác định trách nhiệm nặng nề của quân đội đối với Đảng, nhân dân và Tổ quốc.

Dưới sự lãnh đạo của Đảng, từ nhân dân mà ra, được sự đùm bọc, nuôi dưỡng, cổ vũ tận tình không sao kể xiết, quân đội và Đảng bộ Quân đội đã thực hiện lời Bác Hồ dạy: “Trung với Đảng, hiếu với dân, sẵn sàng chiến đấu hy sinh vì độc lập, tự do của Tổ quốc, vì chủ nghĩa xã hội. Nhiệm vụ nào cũng hoàn thành, khó khăn nào cũng vượt qua, kẻ thù nào cũng đánh thắng”¹. Quân đội ta đã rèn luyện bản chất giai cấp công nhân, vì nhân dân, vì giai cấp, trở thành một đội quân chiến đấu, đội quân công tác, đội quân sản xuất, vừa làm tròn nhiệm vụ quân sự, vừa làm tròn nhiệm vụ chính trị, vừa làm tròn nghĩa vụ dân tộc, vừa làm tròn nghĩa vụ quốc tế.

Trong lịch sử dân tộc ta, hình ảnh người chiến sĩ yêu nước thương dân nhất, là hình ảnh “Bộ đội Cụ Hồ”. Trong lịch sử thế giới, một trong những hình ảnh người chiến sĩ vũ trang cách mạng đẹp đẽ và cao cả nhất, kính yêu, tôn trọng nhân dân bạn cũng như nhân dân mình là hình ảnh Bộ đội Cụ Hồ.

Nói riêng trong 15 năm đổi mới, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc (1986 - 2000), trải qua những biến động cực kỳ phức tạp, Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa Đông Âu tan rã, bị bao vây cấm vận, hạn hán, bão lụt, đời sống cực kỳ khó khăn, vừa giữ nước, vừa làm nhiệm vụ giúp bạn, quân đội ta đã tuyệt đối trung thành với lý tưởng độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, kiên định ý chí, giữ vững lòng tin không lay chuyển ở sự lãnh đạo của Đảng và sức mạnh của nhân dân. Chúng ta đã phân tích đúng tình hình, nhận thức đúng những yêu cầu và nhiệm vụ mới, đề ra các giải pháp đúng và toàn diện, kết hợp giữa xây

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.14, tr.435 (B.T).

dựng Tổ quốc và bảo vệ Tổ quốc, củng cố nền quốc phòng toàn dân, kết hợp quốc phòng với an ninh, kết hợp quốc phòng với kinh tế, kết hợp bảo vệ đất đai, bầu trời, biển đảo và thêm lục địa với bảo vệ bản sắc văn hoá dân tộc, kết hợp huấn luyện với sẵn sàng chiến đấu, kết hợp làm nhiệm vụ với học tập và đào tạo thể hệ cán bộ mới, giúp dân chống bão, chống hạn, chống mù chữ, xoá đói giảm nghèo. Quân đội ta đã phối hợp với các lực lượng đánh bại các âm mưu phá hoại của những thế lực thù địch, góp phần giữ vững ổn định chính trị, bảo vệ môi trường hoà bình để nhân dân yên tâm thực hiện sự nghiệp đổi mới, xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Đảng, Nhà nước, nhân dân, bạn bè đã khen ngợi và càng yêu mến, tin tưởng quân đội ta. Đó là phần thưởng quý báu nhất đối với chúng ta, đối với Đảng bộ Quân đội.

Thưa các đồng chí,

Mất nước thì phải giành lại nước. Giành lại được đất nước thì lòng dạ đêm ngày phải lo giữ lấy đất nước. Đó là chân lý, là lẽ sống mấy ngàn năm của dân tộc ta.

Ngày nay, nước ta đang xây dựng chủ nghĩa xã hội, chống lại áp bức, bóc lột, thống trị, chống lại mọi âm mưu gây chiến tranh xâm lược, vũ trang bạo loạn, mưu toan thay đổi chế độ chính trị xã hội chủ nghĩa mà hơn 70 năm qua nhân dân ta đã cùng Đảng hy sinh chiến đấu mới đạt được. Vì thế, Tổ quốc ta là *một trọng điểm* mà các thế lực thù địch không ngừng tìm cách kiềm chế, phá hoại, chuyển hoá và lật đổ.

Cuộc đấu tranh để công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước là cuộc đấu tranh giữa hai con đường: công nghiệp hoá, hiện đại hoá tư bản chủ nghĩa và công nghiệp hoá, hiện đại hoá xã hội chủ nghĩa. Cuộc đấu tranh ấy diễn ra hằng ngày, trên tất cả các lĩnh vực, ở mọi địa phương.

Nhân loại đã bước vào thế kỷ XXI. Những năm đầu của thập kỷ này, thời cơ, thuận lợi rất lớn, nhưng những nguy cơ, những yếu tố phức tạp, khó lường cũng không nhỏ.

Vì vậy, quân đội ta phải có tầm nhìn chính trị sắc bén, dựa trên những quan điểm, đường lối cách mạng của Đảng để vừa biết tận dụng thời cơ, tranh thủ thuận lợi cho xây dựng lực lượng, vừa cảnh giác sẵn sàng chiến đấu cao, không bị bất ngờ trong mọi tình huống.

Trong nước, ta vẫn giữ vững được ổn định chính trị. Ta quyết tâm giữ bằng được môi trường ổn định ấy. Đó chính là thời cơ tốt nhất để tranh thủ xây dựng chủ nghĩa xã hội và xây dựng Quân đội nhân dân, cả ba thứ quân.

Phải có quyết tâm cao nhất, ý chí cao nhất tận dụng thời gian để học tập, rèn luyện, truyền thụ lý tưởng, bản lĩnh, kinh nghiệm chiến đấu. Ít năm nữa, cán bộ chỉ huy cấp sư đoàn sẽ còn rất ít đồng chí đã trải qua kháng chiến chống Mỹ.

Trong xây dựng thì cơ bản nhất, xuyên suốt nhất là xây dựng bản chất cách mạng, bản chất giai cấp công nhân, bản lĩnh chính trị. Cần suy nghĩ, đánh giá sâu hơn kết quả cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng, nghiêm khắc nhận rõ các khuyết điểm, yếu kém còn tồn tại để tiếp tục xây dựng Đảng bộ.

Xây dựng cán bộ là trung tâm. Khắc phục các khuyết điểm về công tác cán bộ mà các đồng chí đã kiểm điểm. Coi trọng củng cố cơ quan cấp chiến lược. Cán bộ cơ quan cấp chiến lược và các cấp phải cố gắng học tập, rèn luyện hơn nữa. Trong khi trang bị vũ khí hiện đại còn hạn chế thì càng phải lo xây dựng con người. Chống tự mãn, chống lười học, chống học tập một cách hình thức... Vừa qua quân đội ta có nhiều tiến bộ, nhưng phải nghiêm khắc kiểm điểm vấn đề

này. Những vụ đã xảy ra tuy chỉ là một bộ phận nhưng đừng thấy rằng cá biệt mà coi thường, chỉ nói hay, nói tốt một chiều, giấu khuyết điểm, giấu cấp trên.

Chiến sĩ hiện nay được lựa chọn, có trình độ văn hoá cao hơn trước nhiều. Phải hết sức coi trọng giáo dục chiến sĩ, cả chính trị, quân sự, văn hoá, kiến thức khoa học để khi anh em trở về có thể góp phần xây dựng địa phương.

Phải chú ý quản lý cán bộ, đảng viên, chiến sĩ, quản lý đơn vị và trang bị vũ khí. Do quản lý không chặt chẽ nên dễ xảy ra những sự việc vi phạm bản chất, vi phạm luật pháp, vi phạm điều lệnh. Đừng lấy cớ là cá biệt. Phải thấy tính chất nghiêm trọng về bản chất cách mạng và ảnh hưởng rất xấu của nó trong nhân dân.

Củng cố quan hệ quân dân, quan hệ với chính quyền, các đoàn thể địa phương.

Ở những tỉnh và vùng biên giới giáp với các nước bạn, quân đội phải cùng với đảng bộ, chính quyền củng cố tình đoàn kết hữu nghị với nhân dân bạn. Nhất thiết không được để quân đội, cả ba thứ quân, bộ đội biên phòng, cảnh sát biển tham gia bao che các vụ buôn lậu và các hành động trái pháp luật khác,...

Thưa các đồng chí,

Những chiến công và sự trưởng thành của quân đội qua 15 năm thực hiện công cuộc đổi mới là rất đáng tự hào. Nhưng nghiêm túc nhìn lại nhiệm kỳ vừa qua, quân đội cũng như Đảng bộ Quân đội còn có những khuyết điểm, nhược điểm. Trong Đại hội này, tôi đề nghị các đồng chí đại biểu thảo luận làm rõ những nhận định, đánh giá của Đảng uỷ Quân sự Trung ương. Khẳng định những kết quả, thành tựu

đạt được là rất quan trọng, nhưng điều quan trọng hơn là phải nghiêm túc nhìn thẳng vào sự thật xem những yếu kém, khuyết điểm có tác động trực tiếp đến chất lượng tổng hợp và sức chiến đấu của quân đội là những vấn đề gì?

Trước sự suy thoái của một bộ phận cán bộ, đảng viên trong Đảng thì mức độ suy thoái và bản lĩnh chính trị của quân đội, nhất là đội ngũ cán bộ, cấp uỷ, chủ trì các cấp như thế nào? Ta khẳng định quân đội không có suy thoái về chính trị, nhưng đối chiếu với yêu cầu nhiệm vụ mới, khi tình hình có những diễn biến phức tạp, quyết liệt hơn thì bản lĩnh, sự nhạy bén, sắc sảo về chính trị đã đạt tới độ vững chắc, tin cậy chưa?

Chất lượng huấn luyện, tinh thần cảnh giác, công tác tổ chức chỉ huy và trình độ sẵn sàng chiến đấu, tính tổ chức kỷ luật, chấp hành điều lệnh, pháp luật của Nhà nước, quan hệ với dân đã tốt cả chưa?

Công tác bảo đảm trang bị kỹ thuật, hậu cần, đời sống cho các nhiệm vụ; vai trò tham mưu của Đảng bộ Quân đội; Bộ Quốc phòng trong xây dựng nền quốc phòng toàn dân, chống “diễn biến hoà bình”, bạo loạn lật đổ; năng lực lãnh đạo toàn diện và sức chiến đấu của các tổ chức đảng; vai trò của đội ngũ cán bộ, đảng viên, nhất là cấp chiến dịch, chiến lược... là những vấn đề cần được thảo luận sâu sắc, nhằm giúp Đảng bộ Quân đội phát huy ưu điểm, sửa chữa khuyết điểm và có phương hướng lãnh đạo đúng đắn.

Tôi nêu lên một số vấn đề để các đồng chí suy nghĩ, phát huy dân chủ, trí tuệ, trách nhiệm đóng góp ý kiến xây dựng nghị quyết nhiệm kỳ tới để Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quân lần thứ VII thể hiện tính khoa học và cách mạng.

Đồng thời mỗi đại biểu chúng ta cần phát huy dân chủ, trách nhiệm trước Đảng, trước dân, đóng góp nhiều ý kiến

vào các Dự thảo văn kiện của Trung ương và bầu đoàn đại biểu tiêu biểu cho bản lĩnh, trí tuệ của Đảng bộ Quân đội đi dự Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ IX.

Thưa các đồng chí,

Trực tiếp theo dõi một số đại hội các cấp trong quân đội và qua các báo cáo, tôi vui mừng nhận thấy: Đảng bộ Quân đội thể hiện sự vững vàng kiên định chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, có niềm tin vững chắc vào lý tưởng độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, tin tưởng tuyệt đối vào sự lãnh đạo của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Bộ Chính trị, vào sự quản lý, điều hành của Nhà nước và đóng góp nhiều ý kiến sâu sắc vào Dự thảo các văn kiện của Trung ương trình Đại hội lần thứ IX của Đảng.

Tôi nhiệt liệt hoan nghênh và cảm ơn các đồng chí.

Thưa các đồng chí,

Đại hội Đảng bộ Quân đội lần thứ VII họp vào những ngày đầu năm mới, đầu thế kỷ mới và thiên niên kỷ mới.

Trong thế kỷ XX và nhiệm kỳ vừa qua, quân đội và Đảng bộ Quân đội đã làm tròn nhiệm vụ mà Tổ quốc và nhân dân giao phó. Trong nhiệm kỳ mới, chúng ta phải cố gắng gấp nhiều lần để hoàn thành nhiệm vụ tốt hơn, khắc phục bằng được các khuyết điểm mà Đảng uỷ Quân sự Trung ương và Đại hội đã kiểm điểm.

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
- <i>Lời giới thiệu tập 59</i>	V
- Công văn của Thường vụ Bộ Chính trị, số 373-CV/TW, ngày 6 tháng 1 năm 2000, hướng dẫn cấp ủy, tổ chức đảng trực thuộc Trung ương triển khai tiếp xuống các cấp ủy trực thuộc kiểm điểm tự phê bình và phê bình theo Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2)	1
- Chỉ thị của Bộ Chính trị, số 51-CT/TW, ngày 21 tháng 1 năm 2000, về kết nạp đảng viên nhân dịp kỷ niệm 70 năm Ngày thành lập Đảng	3
- Quyết định của Bộ Chính trị, số 74-QĐ/TW, ngày 11 tháng 2 năm 2000, về việc thành lập Ban Chỉ đạo Trung ương kiểm tra thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở	6
- Chỉ thị của Bộ Chính trị, số 53-CT/TW, ngày 21 tháng 3 năm 2000, về một số công việc cấp bách của các cơ quan tư pháp cần thực hiện trong năm 2000	8
- Thông báo của Thường vụ Bộ Chính trị, số 281-TB/TW, ngày 23 tháng 3 năm 2000, về việc thực hiện một số chế độ, chính sách đối với cán bộ chủ chốt chính quyền cấp tỉnh sau bầu cử hội đồng nhân dân nhiệm kỳ 1999 - 2004	14

-
- Thông báo kết luận của đồng chí Tổng Bí thư Lê Khả Phiêu, số 286-TB/TW, ngày 5 tháng 4 năm 2000, trong chuyến thăm và làm việc với Thành ủy Hải Phòng 18
 - Thông báo ý kiến của Bộ Chính trị, số 288-TB/TW, ngày 6 tháng 4 năm 2000, về việc nghiên cứu sửa đổi, bổ sung một số điều của Hiến pháp năm 1992 24
 - Phát biểu của Tổng Bí thư Lê Khả Phiêu khai mạc Hội nghị lần thứ chín Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa VIII, ngày 10 tháng 4 năm 2000 26
 - Báo cáo của Bộ Chính trị tại Hội nghị lần thứ chín Ban Chấp hành Trung ương khóa VIII, số 42-BC/TW, ngày 18 tháng 4 năm 2000, kết quả bước đầu việc kiểm điểm tự phê bình và phê bình theo Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2) của các cấp ủy, tổ chức đảng trực thuộc Trung ương 30
 - Bản trình bày của Bộ Chính trị tại Hội nghị lần thứ chín Ban Chấp hành Trung ương khóa VIII, ngày 19 tháng 4 năm 2000, về báo cáo bổ sung, sửa đổi Điều lệ Đảng và định hướng chuẩn bị nhân sự Ban Chấp hành Trung ương khóa IX 48
 - Thông báo ý kiến của Bộ Chính trị, số 290-TB/TW, ngày 13 tháng 4 năm 2000, về dự án Pháp lệnh người cao tuổi và dự án Pháp lệnh nhập, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú, di lại của người nước ngoài tại Việt Nam (sửa đổi) 55
 - Thông báo ý kiến của Bộ Chính trị, số 291-TB/TW, ngày 13 tháng 4 năm 2000, về dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của *Bộ luật tổ tụng hình sự* 57

- Thông báo ý kiến của Bộ Chính trị, số 292-TB/TW, ngày 13 tháng 4 năm 2000, về một số vấn đề trong dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của <i>Luật dầu khí</i>	59
- Thông báo ý kiến của Bộ Chính trị, số 293-TB/TW, ngày 13 tháng 4 năm 2000, về dự án <i>Luật khoa học và công nghệ</i>	61
- Thông báo ý kiến của Bộ Chính trị, số 294-TB/TW, ngày 13 tháng 4 năm 2000, về dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của <i>Luật đầu tư nước ngoài tại Việt Nam</i>	63
- Thông báo kết luận của Bộ Chính trị, số 295-TB/TW, ngày 13 tháng 4 năm 2000, về xây dựng Quảng trường Hồ Chí Minh và tượng đài Bác Hồ tại tỉnh Nghệ An	66
- Thông báo ý kiến của Bộ Chính trị, số 296-TB/TW, ngày 5 tháng 5 năm 2000, về dự án <i>Luật khoa học và công nghệ</i> , dự án <i>Luật hôn nhân và gia đình</i> (sửa đổi)	68
- Thông báo ý kiến của Bộ Chính trị, số 300-TB/TW, ngày 5 tháng 5 năm 2000, về báo cáo công tác hội nhập kinh tế quốc tế	70
- Chỉ thị của Bộ Chính trị, số 54-CT/TW, ngày 22 tháng 5 năm 2000, về Đại hội đảng bộ các cấp, tiến tới Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX của Đảng	72
- Thông báo ý kiến của Thường vụ Bộ Chính trị, số 302-TB/TW, ngày 12 tháng 6 năm 2000, về chủ trương đối với các ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam	84

- Quy định của Bộ Chính trị, số 76-QĐ/TW, ngày 15 tháng 6 năm 2000, về việc đảng viên đang công tác ở các cơ quan, doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp thường xuyên giữ mối liên hệ với chi ủy, đảng ủy cơ sở và gương mẫu thực hiện nghĩa vụ công dân nơi cư trú 88
- Quyết định của Bộ Chính trị, số 77-QĐ/TW, ngày 22 tháng 6 năm 2000, về việc ban hành Quy chế bầu cử trong Đảng 92
- Thông báo kết luận của Bộ Chính trị, số 304-TB/TW, ngày 22 tháng 6 năm 2000, tiếp tục đẩy mạnh việc thực hiện Chỉ thị 30-CT/TW về xây dựng và thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở 114
- Thông báo kết luận của Bộ Chính trị, số 305-TB/TW, ngày 26 tháng 6 năm 2000, về tình hình thực hiện kế hoạch kinh tế - xã hội sáu tháng đầu năm 2000 và những giải pháp lớn 118
- Chỉ thị của Bộ Chính trị, số 55-CT/TW, ngày 28 tháng 6 năm 2000, về tăng cường sự lãnh đạo của các cấp ủy đảng ở cơ sở đối với công tác bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em 121
- Báo cáo của Tiểu ban Trung ương 6 (2) tại Hội nghị lần thứ mười Ban Chấp hành Trung ương khóa VIII, ngày 30 tháng 6 năm 2000, về tiếp tục triển khai thực hiện kiểm điểm tự phê bình và phê bình theo Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2) của các cấp ủy, tổ chức đảng 127

- Phát biểu của Tổng Bí thư Lê Khả Phiêu bế mạc Hội nghị lần thứ mười Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa VIII, ngày 4 tháng 7 năm 2000	142
- Quyết định của Bộ Chính trị, số 78-QĐ/TW, ngày 24 tháng 7 năm 2000, về việc thành lập Ban Chỉ đạo Trung ương thực hiện Thông báo 304 của Bộ Chính trị về thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở	157
- Thông tri của Thường vụ Bộ Chính trị, số 07-TT/TW, ngày 11 tháng 8 năm 2000, về việc xuất bản sách viết về hoạt động cách mạng của các đồng chí lãnh đạo chủ chốt của Đảng và Nhà nước	160
- Thông báo ý kiến của Thường vụ Bộ Chính trị, số 310-TB/TW, ngày 14 tháng 8 năm 2000, về tổ chức Đại hội Liên hiệp các hội văn học - nghệ thuật Việt Nam lần thứ VI	163
- Thông báo kết luận của Thường vụ Bộ Chính trị, số 311-TB/TW, ngày 14 tháng 8 năm 2000, về kế hoạch đào tạo cán bộ chuyên trách làm công tác tư tưởng - văn hóa	166
- Quyết định của Ban Chấp hành Trung ương, số 79-QĐ/TW, ngày 15 tháng 8 năm 2000, về việc phân bổ đại biểu các đảng bộ trực thuộc Trung ương dự Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX của Đảng	168
- Quyết định của Bộ Chính trị, số 80-QĐ/TW, ngày 16 tháng 8 năm 2000, về phân bổ số lượng đại biểu được bầu cử và được chỉ định ở các đảng bộ trực thuộc Trung ương	172

- Chỉ thị của Bộ Chính trị, số 56-CT/TW, ngày 18 tháng 8 năm 2000, về việc tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác của Hội Luật gia Việt Nam 176
- Thông báo ý kiến của Thường vụ Bộ Chính trị, số 314-TB/TW, ngày 25 tháng 8 năm 2000, về việc giải quyết các vụ khiếu tố phức tạp, tồn đọng tại các địa phương 180
- Thông báo ý kiến của Thường vụ Bộ Chính trị, số 315-TB/TW, ngày 29 tháng 8 năm 2000, về chủ trương tổ chức lại hai Đại học Quốc gia 182
- Thông báo ý kiến của Bộ Chính trị, số 319-TB/TW, ngày 25 tháng 9 năm 2000, về dự án *Pháp lệnh Thủ đô Hà Nội* 187
- Thông báo ý kiến của Bộ Chính trị, số 320-TB/TW, ngày 25 tháng 9 năm 2000, về dự án *Luật biên giới quốc gia* 189
- Thông báo ý kiến của Bộ Chính trị, số 321-TB/TW, ngày 25 tháng 9 năm 2000, về dự án *Luật kinh doanh bảo hiểm* 191
- Thông báo kết luận của Bộ Chính trị, số 322-TB/TW, ngày 26 tháng 9 năm 2000, về việc kiện toàn tổ chức, bộ máy các ban đảng ở địa phương, Trung ương và các đảng bộ khối cơ quan Trung ương 192
- Thông báo kết luận của Bộ Chính trị, số 323-TB/TW, ngày 2 tháng 10 năm 2000, về đẩy mạnh ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin trong thời kỳ công nghiệp hoá, hiện đại hoá 194

-
- Quyết định của Bộ Chính trị, số 81-QĐ/TW, ngày 2 tháng 10 năm 2000, về việc tặng thưởng thành phố Hà Nội danh hiệu vinh dự Nhà nước 197
 - Chỉ thị của Bộ Chính trị, số 57-CT/TW, ngày 10 tháng 10 năm 2000, về củng cố, hoàn thiện và phát triển hệ thống Quỹ tín dụng nhân dân 198
 - Chỉ thị của Bộ Chính trị, số 58-CT/TW, ngày 17 tháng 10 năm 2000, về đẩy mạnh ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin phục vụ sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá 203
 - Thông báo ý kiến của Bộ Chính trị, số 325-TB/TW, ngày 23 tháng 10 năm 2000, về dự án *Luật phòng chống ma túy* 216
 - Quyết định của Bộ Chính trị, số 82-QĐ/TW, ngày 26 tháng 10 năm 2000, về việc tập trung tài liệu lập Phong lưu trữ Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX Đảng Cộng sản Việt Nam 217
 - Thông báo kết luận của Bộ Chính trị, số 328-TB/TW, ngày 2 tháng 11 năm 2000, về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2001 219
 - Thông báo kết luận của Bộ Chính trị, số 329-TB/TW, ngày 6 tháng 11 năm 2000, về Thủ đô Hà Nội 225
 - Thông báo kết luận của Thường vụ Bộ Chính trị, số 330-TB/TW, ngày 10 tháng 11 năm 2000, về việc ký Hiệp định hợp tác khoa học và công nghệ giữa Chính phủ Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ Hợp chúng quốc Hoa Kỳ 230
 - Chỉ thị của Bộ Chính trị, số 59-CT/TW, ngày 15 tháng 12 năm 2000, về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với hoạt động của Hội Nông dân Việt Nam trong thời kỳ công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông nghiệp, nông thôn 232

- Nghị quyết của Bộ Chính trị, số 15-NQ/TW, ngày 15 tháng 12 năm 2000, về phương hướng, nhiệm vụ phát triển Thủ đô Hà Nội trong thời kỳ 2001 - 2010 237
- Chỉ thị của Bộ Chính trị, số 60-CT/TW, ngày 22 tháng 12 năm 2000, về công tác của Tạp chí *Cộng sản* trong tình hình mới 252
- Chỉ thị của Bộ Chính trị, số 61-CT/TW, ngày 28 tháng 12 năm 2000, về việc thực hiện phổ cập trung học cơ sở 257

PHỤ LỤC

- 261
- Phát biểu của Tổng Bí thư Lê Khả Phiêu tại Hội nghị Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam lần thứ hai (khóa V), từ ngày 11 đến ngày 13 tháng 1 năm 2000 263
- Phát biểu của Tổng Bí thư Lê Khả Phiêu tại Đại hội lần thứ IV Hội Liên hiệp Thanh niên Việt Nam, ngày 15 tháng 1 năm 2000 269
- Diễn văn của Tổng Bí thư Lê Khả Phiêu tại Lễ kỷ niệm 70 năm Ngày thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam, ngày 2 tháng 2 năm 2000 275
- Thông cáo chung Việt Nam - Italia (Rôma, ngày 29 tháng 5 năm 2000) 298
- Diễn văn của Chủ tịch nước Trần Đức Lương tại Lễ kỷ niệm 55 năm Cách mạng Tháng Tám và Quốc khánh 2-9 304
- Phát biểu của Tổng Bí thư Lê Khả Phiêu tại Đại hội Đảng bộ quân đội lần thứ VII, ngày 3 tháng 12 năm 2000 310

Chịu trách nhiệm xuất bản
Q. GIÁM ĐỐC - TỔNG BIÊN TẬP
TS. HOÀNG PHONG HÀ

Chịu trách nhiệm nội dung
ỦY VIÊN HỘI ĐỒNG BIÊN TẬP - XUẤT BẢN
TS. LƯU TRẦN LUÂN

Biên tập nội dung: ThS. PHẠM THỊ THỊNH
NGUYỄN THỊ HƯƠNG
ThS. VŨ QUANG HUY
Trình bày bìa: PHÙNG MINH TRANG
Chế bản vi tính: ĐÀO BÍCH
Sửa bản in: PHÒNG BIÊN TẬP KỸ THUẬT
Đọc sách mẫu: NGUYỄN HƯƠNG - QUANG HUY

Mã số: $\frac{3KV(060)"2000"}{CTQG-2015}$

In 5.000 cuốn, khổ 15x22 cm, tại
Số đăng ký xuất bản:
Quyết định xuất bản số:
In xong và nộp lưu chiểu tháng... năm 2015.
Mã số ISBN: